

VVTKLAA

Nguyễn Xuân Khoan & Nguyễn Xuân Hương

Văn Học Việt Nam
Tân Khảo Luận
(Từ Thế kỷ XI - XXI)

Phân tích Triết lý Nhân + Trí = Hùng

qua 18 tác giả & tác phẩm

(2015)

Tủ sách Nghiên Cứu Việt Học
Nhà xuất bản Lạc Việt - Úc Châu

Lời Nói Đầu

Sau cuộc nội chiến giữa 2 miền Nam - Bắc 1954 & 1975, lòng người tan tác, suy sụp đến độ khó có thể tưởng tượng được, khi:

-Miền Bắc sau nhiều năm bị chế độ Cộng sản chuyên chính sắt máu 'trồng người', đã phá nát truyền thống văn hiến dân tộc **"Đông Bào"** cao đẹp, biến nhiều người thành một thứ cỏ dại độc hại, khi hầu hết bình thân gây hại cho Quốc Gia & Dân Tộc, vô cảm trước mọi đau thương của người khác, bàng quan với việc nhà cầm quyền buôn dân bán nước?!

-Miền Nam tuy có được 20 năm giáo dục đào tạo theo chiều hướng Dân Chủ & Tự Do, nhưng do không quan tâm chấn chỉnh cập thời hóa các nội dung giáo dục & đào tạo, vẫn chỉ dùng những sách giáo khoa được viết dưới thời kỳ bị Pháp đô hộ, triều Nguyễn hủ bại nô lệ, coi Văn học Truyền thống là 'Bình Dân', nên đã làm mất đi những tinh hoa trong nền Văn Hóa truyền thống cao đẹp đề cao Nhân + Trí = Hùng của Việt tộc?!

Sau nhiệm vụ tham gia soạn thảo Chương trình môn Việt Văn lớp 12 của Bộ Giáo dục VNCH trước năm 1975 và nhiều suy tư nghiền ngẫm từ năm 1975 đến 2015, nơi đây chúng tôi xin mạo muội viết khảo luận với ý hướng mới, khác với một số sai lầm tai hại cũ, về 18 chủ đề **"Nhân - Trí - Hùng"** của các tác giả và tác phẩm từng được chọn giảng dạy, phổ biến một cách chữa thỏa đáng, khi không đặt đúng trọng tâm vấn đề quan thiết với thời cuộc & thời đại, khiến người dạy lâm vào chỗ bế tắc, người học bị nhồi sọ lạc lõng theo đường lối giáo dục thiếu cận lỗi thời một chiều, trở thành đống ký, chia rẽ cực kỳ ác hại!

Chỉ khi nào mỗi chúng ta đều hiểu rõ và hãnh diện về 'bốn ngàn năm văn hiến Nhân - Trí - Hùng' của mình, và thấy cần được thể hiện ra sao, lúc đó mỗi người trong chúng ta sẽ trở thành người chiến sĩ văn hóa & giáo dục đỉnh cao - ngang bằng với những người dân quê Việt xưa nay vẫn từng sống rất tự chủ, tự cường, tự hào uyên bác trong suối nguồn cổ tích & ca dao.

Xin thưa, đây chỉ là những tư duy của một cá nhân nặng lòng với nền Giáo dục Dân tộc, từng được giao trách nhiệm nghiên cứu soạn thảo, nên chắc chắn không khỏi có những khiếm khuyết, cần được các bậc thức giả xem xét, nhận định, góp ý... hầu có thể cùng nhau góp sức kiện toàn, hình thành một nền Văn học có nội dung giáo dục hữu ích, kịp thời cập thời hóa, giúp người học thu nhận những tư duy sáng suốt, hiện đại, khách quan, hầu có thể ứng dụng để phục hồi & phát triển các giá trị Nhân + Trí = Hùng của tiền nhân từ nhiều ngàn năm trước.

Trân trọng,

Nguyễn Xuân Khoan & Nguyễn Xuân Hưởng

Tựa

Một tư liệu cho biết, sở dĩ Nam Hàn có thể mau chóng chuyển mình từ một quốc gia lạc hậu bị tàn phá sau chiến tranh, thành một quốc gia tân tiến chỉ sau mười năm, là nhờ một vị Tổng thống đã can đảm loại bỏ hết sách giáo khoa hủ lậu cố hữu, thay bằng sách giáo khoa theo Nhật, từ lớp 1 trở lên?

Điều này có thật hay không, cũng mang một ý nghĩa quan trọng:

'Một nền giáo dục tốt có thể giúp cả quốc gia lẫn dân tộc nhanh chóng chuyển mình, trở nên cường thịnh'.

Nhìn lại các sách giáo khoa của Việt Nam từ trước đến nay, hầu hết chỉ là những phó bản sao y lâu đời các ý tưởng từ Trung Quốc thời Nho học, sao chép luộm thuộm sai chủ đích từ Pháp - Anh - Mỹ... thời Tây học, và trở nên lụn bại hơn bao giờ hết dưới thời Cộng sản ngự trị, khi coi các sách của chủ nghĩa chuyên chính vô sản ác hại lỗi thời từ Liên Xô, Trung Cộng là kinh điển mới?!

Nói đây, chúng tôi chỉ xin được nêu một số quan điểm & nhận định mới - khác các lối mòn suy nghĩ xưa cũ trong sử sách vong bản, qua 3 yếu tố 'Nhân - Trí - Hùng' của truyền thống Việt Nam từ khi lập quốc, về một số tác giả và tác phẩm cũ mới, mở rộng tầm nhìn khi đặt cạnh so sánh với một số nhân sinh quan Đông Tây Cổ Kim, hầu giúp người giảng dạy, các nhà soạn sách và bạn đọc có thêm tư duy hiện đại hóa đúng đắn chính đáng về nền Văn học cổ truyền Việt Nam, khi nhân loại đã bước sang Thế kỷ XXI cần có những cập nhật hóa về văn chương tư tưởng mới, nhưng vẫn có thể duy trì & phát triển các tư duy cao đẹp truyền thống, hầu có thể ứng dụng tốt trong cuộc sống hiện đại, lúc dân tộc trong và ngoài nước phải hòa mình & đối đầu với các nền văn hóa & tư tưởng khác bấy nay vẫn ngự trị trên diễn đàn văn hóa tư tưởng nhân loại, hợp thời hay lỗi thời cũng như tốt xấu khó phân biệt, dễ bị tha hóa & vong bản lúc giao lưu.

Hy vọng với những lý giải mới, xây dựng trên các căn bản cổ học truyền thống Việt, dẫn chứng lập luận trên các nền tảng tư tưởng triết học Đông Tây, Cổ Kim, sẽ giúp người đọc có thể so sánh nhận ra những nét uyên áo của một nền Văn học Việt, từng bị giới học phiệt bao đời miệt thị là 'Văn học Bình Dân', hầu cùng nhau nghiên cứu thâm sâu, phục hưng nền **'Văn học Bác Học Cổ truyền Việt'** - thời gian mấy ngàn năm qua đã bị giới học phiệt thu lại, vọng ngoại, vong bản vùi dập không thương tiếc do kiến thức hạn hẹp trong những khuôn khổ tư duy 'duy ngã độc tôn', qua các chủ trương Duy Nho, Duy Tâm - Duy Lý - Duy Linh - Duy Vật... không chấp nhận các phản biện giúp Phát triển & Canh tân & Thăng hoa.

Tiền bán Thế kỷ XX, Tự Lực Văn Đoàn một thời đã thành công vẻ vang, khi chủ trương từ bỏ hình thức văn chương dùng nhiều chữ Hán chịu ảnh hưởng

nặng nề Trung Quốc của Nam Phong tạp chí, thực hiện lối viết giản đơn tinh tế theo ngôn ngữ Việt.

Tiền bán Thế kỷ XXI, chúng ta cần từ bỏ tiếp theo những nội dung bị Hán hóa, Tây hóa, Cộng sản hóa; trở về nguồn tái tạo làm mới truyền thống văn hóa cổ truyền uyên bác, mấy ngàn năm qua bị giới học phiệt thấp kém vong bản, miệt thị là "bình dân", vùi dập tàn phá tan hoang?!

Melbourne 18-5-2016

Nguyễn Xuân Khoan & Nguyễn Xuân Hương

Văn hiến Nhân Trí Hùng

Tùy theo hoàn cảnh phong thổ địa lý địa thế, mỗi dân tộc phải tìm cách thích ứng với thiên nhiên địa phương để sinh tồn, nên cần có những tư tưởng và hành động kết hợp thích nghi mới có thể tồn tại, phát triển tốt đẹp.

Triết gia Đức Friedrich Hegel (1770 -1810) cho rằng mỗi dân tộc đều có một hệ thống tư tưởng giúp tự tồn - trong đó không ít hệ tư tưởng đạt tới trình độ triết học, khi có những tư duy cao về những ý nghĩa lớn của cuộc sống nhân sinh.

Tại Đông phương bấy nay, Triết học mới chỉ biết đến những tư duy đáng kể của một số nước lớn đông dân, mà chưa biết đến những nước ở giữa các nước lớn, tuy nhỏ nhưng vẫn có thể tồn tại là nhờ từng có một hệ thống tư tưởng triết học uyên thâm, tác động thâm sâu đến các hành động, giúp đủ khả năng đối kháng & phát triển.

Trường hợp Việt Nam là một điển hình cụ thể, khi tuy nằm lọt giữa hai nước khổng lồ nhất thế giới, sở hữu hai nền văn hóa được coi như hàng đầu của nhân loại là Trung Hoa và Ấn Độ; bị hai nền văn hóa này xâm lược bao ngàn năm, nhưng không bị đồng hóa, lại vẫn có thể duy trì được sự độc lập tư duy khi phát huy một nền văn hiến lâu đời, thuộc hàng cổ xưa nhất của nhân loại. Đó là nền **Văn hiến Nhân - Trí - Hùng**, cách nay gần 5.000 năm, mang những ý nghĩa triết học uyên thâm khác biệt với những tư duy Đông Tây - Cổ Kim, vô cùng độc đáo, nên dù bị giới học phiệt vong bản tìm cách vùi dập chôn lấp bao năm trong các dòng văn hóa & văn tự ngoại lai, nhưng vẫn tiềm tàng nơi đại đa số dân chúng dưới hình thức truyền khẩu, bất cần văn tự, từng bị miệt thị là 'bình dân' - chỉ vì quá uyên bác, ẩn dấu bên trong các nội dung chuyện kể, câu hát, lời ru "**tâm thường**" là những triết lý cao siêu "**phi thường**", khiến kẻ kiến thức hời hợt - tư duy bình thường khó có thể hiểu biết tới?!

Đây cũng là một phương pháp bảo tồn tư duy uyên bác của kẻ yếu, khi bị những sức mạnh văn hóa tư tưởng ngoại lai hàng đầu xâm lăng đồng hóa?

Thực vậy, qua ngôn từ và hành động của các nhân vật truyện cổ lưu truyền từ ngàn xưa, phổ biến nơi dân gian, sau này mới được ghi lại trong một số sử sách, thì từ gần 5.000 năm trước đây, khởi đầu từ Lạc Long Quân và Âu Cơ, tại Việt Nam đã có một nền văn hóa cao đẹp được mặc khải, bảo tồn, phát huy, lưu truyền qua những Thần thoại & Cổ tích & Ca dao; hình thành một nền tảng văn hiến tinh hoa siêu việt riêng biệt, bao gồm những tư tưởng, tâm lý, tình cảm... uyên áo hoàn chỉnh, một khi được nghiên cứu phục hồi hệ thống hóa theo các phương pháp khoa học, và các nền tảng tư duy Triết học Đông - Tây, Cổ - Kim khác nhau, mới phần nào tránh khỏi lối tư duy khẳng định một chiều sai lạc do thiên cận, cổ hủ.

Dân tộc Do Thái tỏ ra thông minh lỗi lạc hơn một số dân tộc khác, một phần là nhờ đến Thế kỷ X, nhà vua Solomon biết sưu tầm tư liệu nhấn mạnh đến sự **khôn ngoan khác nhau** của các Quốc phụ trong sử sách.

Đó cũng là mục đích cao cả của Triết học, khi quan niệm cần yêu mến & tìm kiếm & bảo trọng & triển khai & phát huy những nguyên tắc đạo đức sáng suốt, công bằng, khác biệt, thể hiện những ***tình cảm đồng loại cao đẹp*** nhất ***theo các ý hướng khác nhau*** của mọi dân tộc.

Bấy nay các nhà văn hóa Việt Nam có thể do chưa am hiểu được những triết lý uẩn áo ẩn tàng trong Cổ tích Việt, vẫn chưa coi trọng các Thần thoại trong cổ tích Việt Nam, nên mới chỉ sao chép lại một cách thiếu thận trọng. Cũng do chưa am hiểu hết những ý nghĩa uẩn áo quan trọng của các Thần thoại & Cổ tích & Ca dao, nên các biên khảo mới chỉ dừng ở chỗ sưu tầm, hầu hết chưa đặt nặng vấn đề nghiên cứu lý giải luận bàn về những nội dung uyên bác của các Thần thoại & Cổ tích & Ca dao Việt Nam, diễn dịch & quy nạp so sánh với các tư duy cao đẳng của các nền văn hóa lầy lùnh khác?!

Theo triết học - sự "tư duy về các tư duy" - thì Thần Thoại là di sản trí tưởng tượng của một dân tộc, là cội nguồn văn hóa của mỗi quốc gia.

Vì Thần thoại là những giải đáp cho các vấn đề lớn mang tính triết học trong buổi sơ khai của dân tộc mỗi nước trước thiên nhiên. Do chịu ảnh hưởng của địa lý phong thổ, các Thần thoại mỗi nơi mỗi khác.

Thần thoại cung cấp cho mỗi dân tộc những nền tảng tinh thần, hình thành một hệ tư tưởng. Hệ tư tưởng này nếu cao sẽ là Triết học, thấp hơn là tôn giáo tức Thần học, dưới nữa là các tín ngưỡng mang tính mê tín, dị đoan.

Bằng những câu chuyện lý thú, nửa ảo nửa thực, thần thoại & cổ tích qua những nhân vật nửa thần thánh & nửa con người, đã tạo nên những tư tưởng, tình cảm, tâm lý tốt đẹp, có thể giúp ai nấy dễ dàng phân biệt được sự đúng sai, thiện ác, tốt xấu... mà không cần đến những giáo điều phức tạp, nhiều khi không còn thích hợp & thỏa đáng với những điều kiện & hoàn cảnh thời gian và không gian dâu bể biến đổi thay?

Thần thoại & Cổ tích thường mang những chủ đề lớn chịu ảnh hưởng không gian địa lý văn hóa phong thổ trong đời sống mỗi dân tộc, giúp mỗi người nhận ra chính mình trong nhiều tình huống, hầu có thể ứng phó thỏa đáng.

Nói khác đi, Thần thoại là sự tư duy nhằm giải thích đời sống tự nhiên buổi đầu của con người, bằng cách nêu những quan hệ giữa con người với thiên nhiên và với con người, nhưng nâng cao phẩm hạnh khi gán cho những gì siêu phàm mà con người có thể tưởng tượng ra.

Do vậy Thần thoại cũng phản ánh các bước phát triển tư duy, ghi dấu các mức độ ý thức của tập thể xã hội trong quá trình phát triển của Quốc gia & Dân tộc. Những Quốc gia & Dân tộc hùng mạnh, thường có những Thần thoại & Cổ tích siêu tuyệt đề cao những tấm gương của các vị anh hùng & liệt nữ... phản ánh các ước vọng cao cả nhằm đáp ứng nhu cầu thăng hoa & phát triển.

Thần thoại Việt rất độc đáo khi mang tính nhị nguyên phối hợp Tiên và Rồng, thể hiện đã sớm phân tích dung hòa được hai tính âm dương của Lòng Nhân + Trí Sáng, phát huy tích cực, thăng hoa tốt đẹp, tổng hợp thành = Tính Hùng. Trong khi các Thần thoại của nhiều cường quốc trên thế giới mang tính nhất nguyên, chỉ có một vật tổ mang tính âm hoặc dương, với đặc tính Dũng. So với các thần thoại của Hy Lạp, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản... nếu để tâm tìm hiểu nghiên cứu thần thoại Việt, sẽ thấy thần thoại & cổ tích Việt ngắn gọn vô cùng cô đọng, vượt qua hình thức thô sơ 'chuyện trò đối thoại' của các kinh sách - đạt tới hình thức uyên thâm 'truyện kể', nhưng vẫn có thể chứa đựng những nội dung phong phú & uyên bác mà chẳng phải quá 'bái thiên', 'bái địa', chỉ triển khai quan điểm 'bái nhân' với tư duy coi trọng 'Địa linh & Nhân Kiệt' qua từng chữ, từng câu chuyện tài.

Tóm lại, nếu Thần thoại Trung Quốc mang tính hoang tưởng, thần thoại Hy Lạp mang tính hoang đường... khi phải lấy không gian 'trên trời' làm bối cảnh, thì thần thoại Việt Nam rất gần với Con Người khi bối cảnh là 'dưới đất' với những Địa Linh & Nhân Kiệt.

Chính nền tảng tư duy theo triết lý sống **Nhân + Trí = Hùng** rất Nhân Bản, được Người Việt phát triển tài tình qua các Thần thoại & Cổ tích & Ca dao truyền khẩu, hình thành một nền Văn Hiến cao đẹp nhưng lại vẫn có thể hàng ngày kể - ru - hát - hò... tự giáo dục lẫn nhau một cách hồn nhiên & đơn giản, bằng những câu chuyện kể, những lời ru & câu hát từ chiếc võng kéo kẹt trong nhà đến cánh đồng xanh tươi bát ngát ngoài trời, giúp từ trẻ đến già đều có thể cùng nhau thường xuyên học hỏi ôn cố tri tân... trở thành phương pháp giáo dục đào tạo hữu hiệu phổ biến, mà chẳng phải cần đến nhà trường, cũng chẳng cần đến sách vở và người dạy qua đào tạo chuyên môn theo các nội dung đạo lý một chiều, đóng khung hạn hẹp cả về thời gian lẫn không gian, không ít đã trở thành hủ lậu, lỗi thời?

Điều này cũng thể hiện rõ nét trong tín ngưỡng dân gian thờ Địa Linh & Nhân Kiệt của Người Việt, khi không cần đến kinh sách, tu sĩ; mà mọi người vẫn có thể tự khấn vái liên hệ trực tiếp với gia tiên & thánh thần qua những buổi lễ giỗ thờ phượng tử trong nhà thờ gia đình đến đình đền ngoài làng xóm, quốc gia...

Quan niệm "Nhân + Trí = Hùng" tại Việt Nam đã sớm hình thành triết lý 'Bái Nhân' thờ phượng 'Địa Linh & Nhân Kiệt', tạo địa vị 'đứng' ngang bằng của Người giữa Trời và Đất - tức bình đẳng trong thể Tam Tài 'Thiên, Địa, Nhân'.

Thơ Nguyễn Công Trứ khẳng định Vũ trụ quan và Nhân sinh quan này:

*'Đã mang tiếng **đứng trong Trời Đất***

'Phải có danh gì với núi sông

'Trong lúc trần ai, ai dễ biết

*'Rồi ra sẽ rõ mặt **Anh Hùng**.*

Tôn giáo có nội dung triết lý "trọng nhân" cao đẹp 'Bái Nhân' của dân tộc Việt khởi từ thời Hùng Vương, qua việc tôn thờ bốn vị Anh Hùng & Liệt Nữ được coi là Tứ bất Tử trong lòng dân tộc, là Phù Đổng Thiên Vương - Tản Viên Sơn Thần - Chủ Đổng Tử - và Bà Chúa Liễu Hạnh về sau này, thể hiện sự quật khởi của phái nữ sau bao năm nữ giới bị các tôn giáo & tư tưởng ngoại lai tìm cách áp chế rất khốc liệt trong giới cai trị và học thức thu lại - hết làm 'bầy tôi', 'bồi tây' đến 'tay sai hèn hạ cho cộng sản'?!
Rất nhiều các ngôi đình chùa làng ở Việt Nam thờ những người có công với dân làng, nhiều địa danh mang dấu ấn nữ giới... trong đó có nhiều vị nữ thần dù trải qua nhiều ngàn năm bị quan niệm 'trọng nam - khinh nữ' của Nho Giáo khống chế. Như Bà Hóm, Bà Đen... trong Nam, Bà Đanh, Bà Đá... ngoài Bắc.

Riêng trong mỗi dòng họ, mỗi gia đình đều có những ban thờ thờ phượng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, anh chị em đã khuất... để tưởng nhớ tri ân, không hề có sự phân biệt Nam - Nữ như các tôn giáo khác?

Việc 'Bái Nhân' không phân biệt Nam Nữ tại Việt Nam từ trong gia đình đến ngoài xã hội & quốc gia, thể hiện tính triết học cao với ***tư duy bình đẳng Nam Nữ*** ung dung tự tại tốt đẹp, khi đã có thể sớm thoát ly sự sợ hãi tuân phục các Thiên thần, nhờ óc hoài nghi, tính phê phán lành mạnh, năng lực tư duy tìm tòi phân biện... cao.

Triết gia Hegel nhận định: 'Con đường đi từ thế giới quan thần thoại đến triết học, là con đường đi từ "lý tính hoang tưởng" đến "lý tính tư duy"; từ 'hình thức diễn đạt thông qua biểu tượng đến hình thức diễn đạt bằng khái niệm'.
Nếu thần thoại là sự đối thoại giữa con người với tự nhiên, và với cả các thế lực siêu nhiên do con người tưởng tượng ra, thì triết học cố gắng tìm hiểu vấn đề quan hệ giữa con người với tự nhiên và với chính mình.

Thần thoại Sơn Tinh & Thủy Tinh mang tư duy chống Trời qua việc chống thiên tai bão lụt của Tản Viên sơn thần. Thần thoại Chủ Đổng Tử thể hiện tư duy rất mới so với đương thời về nhiều phương diện khác nhau như con trai có thể không nghe theo lời cha khi thấy chưa đúng, con gái tự trách nhiệm với bản thân trong hôn nhân... nhất là khi Chủ Đổng Tử có thể đề sòng dữ vượt biển cả đi tới những chân trời mới để phát triển giao thương, trao đổi kiến thức & hàng hóa phục vụ nhu cầu phát triển nhân sinh. Bà Chúa Liễu tuy là phụ nữ nhưng vẫn có thể trừ gian diệt bạo...

Như vậy các thần thoại & cổ tích Việt đạt tới trình độ tư duy triết học rất sớm, khi có nội dung thể hiện nhân sinh quan thực tế, theo đuổi những chuẩn mực giá trị hữu hình, đề cao những bài học trọn vẹn về đạo đức học, nhân văn học thực dụng hữu ích... được lý trí luận giải sâu sắc uyên bác qua hình thức ngôn ngữ truyền khẩu chuyển tải đơn giản, dễ hiểu - dễ nhớ?

Chúng tôi dùng các từ ngữ riêng biệt mang tính biểu tượng trong sách, với các dụng ý:

-**'Lòng Nhân'** của Mẹ Âu Cơ phát sinh từ hai chữ **'Đồng Bào'** do cùng một **'Dạ Con'** mang đức tính thương yêu đùm bọc, che chở, bao dung **"đồng lòng - một dạ"**; khác hẳn với **Đức Nhân** phát sinh từ 'Tâm' do **Tim** - Nhân Tâm - mang đức tính bác ái trải qua giáo dục đào tạo của mỗi người theo các đạo lý khác nhau, như Nhân Ái - Bác Ái - Kiên Ái... nên cũng khác nhau. Qua ca dao, Người Việt quan niệm 'nhân tâm' có thể đổi thay như các câu 'nhân tâm bất chắc', 'nhân tâm tùy thích'... còn 'lòng dạ' thì bất biến qua các câu 'đồng lòng một dạ', 'một lòng, một dạ'...

Ý này thể hiện qua lời ca của bản Quốc Ca VNCH:

"Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống"

Ý này cũng được nhạc sĩ Y Vân diễn tả qua bài hát mang âm điệu hát ru:

"Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào"...

Sự kiện người Việt tùy theo tuổi tác xưng hô một cách tự nhiên theo thứ bậc Ông Bà, Chú Bác, Cô Cậu, Anh Em, Con Cháu... thể hiện 'tình đồng bào' thân thương bất kể quen hay lạ, xa cũng như gần.

-**'Trí sáng'** của Lạc Long Quân thể hiện qua sự kiện **'Tri Hành đồng nhất'** (không 'hợp nhất', "tiên hậu", "dị nan" như quan niệm Nho Gia) ngay từ lúc bắt đầu dẫn thân lập quốc, khi đi **chung cùng** các con xuống các vùng đất ven biển mở mang bờ cõi, hình thành truyền thống giáo dục & đào tạo Việt 'Tri - Hành đồng nhất' ('4 cùng': cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng chiến đấu qua trò chơi Rồng Rắn, như Hai Bà Trưng, vua Quang Trung... thân chinh xông pha trận tiền - khác '3 cùng' của Việt Cộng là khi chiến đấu thì Hồ Chí Minh trốn chui nhủi ở hang Pác Bó?!).

'Trí sáng sẽ giúp Hành suốt' còn thể hiện khả năng ứng phó hữu hiệu qua các chiến thắng của nhiều trận chiến:

'Nực cười châu chấu đá xe

'Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng.'

Cũng như lời hát của bản Quốc Ca VNCH:

'Cùng xông pha khói tên...

-**'Tinh Hùng'** được các Vua Hùng tôn trọng coi như khuôn vàng thước ngọc trong việc giáo dục đào tạo hồn nhiên qua các cổ tích, ca dao, nhất là đồng dao, phổ biến truyền khẩu bằng các truyện kể, lời ru, câu hát, tiếng hò; cũng như các hèm diễn lại các sự tích giúp dân, giúp nước hào hùng... duy trì, phát triển suốt mấy ngàn năm, đã hình thành tâm thức Việt qua tín ngưỡng thờ 'Địa Linh & Nhân Kiệt' **bái nhân tôn sùng các vị Anh hùng & Liệt nữ, coi những người có công với Quốc gia, Xã hội ngang hàng với các thần thánh**; hàng năm tế lễ diễn lại các 'hèm' tức những vở kịch ngoài trời do đồng đảo quần chúng tham gia, nguyện ước noi theo, nhắc lại những công việc vị thần thành hoàng đã làm cho dân, cho nước. Hèm nổi tiếng và lâu đời nhất là hèm ở làng

Giống, Bắc Ninh, diễn lại việc Phù Đổng Thiên Vương đánh giặc giúp nước, tác động & phát huy anh hùng tính của tuổi trẻ Việt, như thơ Nguyễn Công Trứ:

'Đã hẳn rằng ai nhục, ai vinh

*'Mấy kẻ biết **anh hùng** khi vị ngộ.*

Lòng Nhân của Bà Âu Cơ

Lòng Nhân này khác hẳn các Đức Nhân của các triết gia:

Chủ nghĩa Kiêm Ái của Mặc Tử (khoảng 470 - 396 trước Công nguyên) cho rằng: 'Nhân là ý chí của Trời, gồm yêu tất cả mọi người, làm lợi cho mọi người như nhau, không phân biệt trên dưới, thân sơ, quý tiện'.

Theo sách Luận Ngữ: 'Con người có phẩm chất cương nghị, chất phác, chân thật là gần đức Nhân'. Ý kiến này rất đáng để giới học phiệt chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho Giáo bấy nay gọi Văn học cổ truyền Việt Nam là 'văn học bình dân' phải suy nghĩ lại chẳng?!

Bàn về chữ Nhân, triết gia Chu Hối Am (1130 - 1200) của Trung Quốc lấy ý từ Trình Tử, nói cái đại yếu của Đạo Nhân là:

'Nhân là cái tính của sự sinh - Ái là cái tình của Đạo Nhân - Hiếu Đễ là cái dụng của Đạo Nhân - Công là cái thể của Đạo Nhân'.

Tuy nhiên, người học thức tức Kẻ Sĩ của Nho Giáo (được coi là phải gồm đủ Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí - Tín) vẫn quan niệm hạn hẹp: 'Quân tử Hòa nhi bất Đồng'.

Tác phẩm Nho Giáo II, học giả Trần Trọng Kim nhận định:

'Chữ Nhân là yếu điểm của Khổng học'.

(trích sđd dòng 9 trang 163)

Trong khi trước đó nhiều ngàn năm, Bà Âu Cơ đã biết khuyên con cháu về ý nghĩa một chữ Nhân rộng lớn của tình 'Đồng Bào' phát sinh từ bào thai Mẹ Trăm Con tức 'Lòng Mẹ' - phải được coi như một sáng tạo độc đáo duy nhất trong triết lý sống của nhân loại, thể hiện bằng một thứ tình cảm đùm bọc bao dung do ai nấy coi nhau như cùng máu mủ thân thương, mang tính cụ thể, chất phác, chân thật, mà mãi sau này y khoa Tây phương mới có thể biết đến: "*Các con tất cả cùng từ một bọc trứng trong lòng mẹ sinh ra, phải biết yêu thương đùm bọc nhau*".

'Khôn ngoan đấu đá người ngoài

*'Gà **cùng** một Mẹ chỗ hoài đá nhau.*

Các ý nghĩa trên được 'vật thể hóa' một cách tuyệt vời, qua hình ảnh đĩa bánh 'Mẹ Trăm Con' làm lễ vật tế Tổ hàng năm - dùng thực phẩm để diễn đạt & phổ biến đạo lý.

Từ tình '**đồng bào chung cùng**' đã nhanh chóng phát triển thành tình '**thân thương đồng hưởng**' mang thêm đức 'Nghĩa' bao la khi chung sống trên cùng một lãnh thổ.

Khổng Tử nhận định: 'Người muốn đạt được đức Nhân + Nghĩa, phải là người có Trí và Dũng'. Trí giúp nhìn xa trông rộng thấy lẽ thiệt hơn trong đời sống cộng đồng - Dũng giúp tự chế khi gặp những va chạm lớn nhỏ, biến lớn thành nhỏ, biến nhỏ thành không':

*'Bầu ơi **thương** lấy bí **cùng***

*'Tuy rằng khác giống, nhưng **chung** một giàn.*

'Nhiều điều phủ lấy giá gương

*'Người **chung** một nước phải **thương** nhau **cùng**.*

Thời đại nào cũng xảy ra những cuộc tương tranh khốc liệt: Lớn thì giữa các nước, giữa các triều đại, chế độ, tôn giáo, chủ nghĩa... nhỏ thì giữa các đảng phái, đoàn thể, phe nhóm... Muốn đánh giá hậu quả các cuộc tương tranh này, không gì bằng cách xem xét kết quả của việc đấu đá đã đem đến những lợi hại **riêng & chung** nào cho cá nhân, đoàn thể, xã hội, quốc gia, dân tộc, nhân loại?

Do vậy, đây là một triết lý sống cao đẹp, thể hiện nhân sinh quan minh triết vĩ đại, qua việc dùng Bánh Dày & Bánh Chung làm lễ vật biểu tượng cho Tam Tài, thờ cúng Tổ Tiên của Người Việt cùng Trời Đất trong ngày đầu năm, bao hàm cùng lúc được cả 'Thiên + Địa + Nhân':

**Thiên: Bánh Dày hình tròn màu trắng làm bằng bột nếp, hình dung Mặt Trời, tượng trưng cho ngôi chí tôn, ban phát ánh sáng & sự sống cho trần gian. Tuy nhiên Ông Trời trong tâm linh Người Việt xa xưa không hề có tính xa cách, khủng bố với những thiên đường hay địa ngục như ở Bắc phương, Tây Phương, Đông phương, Nam phương... mà thân cận gần gũi, mang tính thân thiết, gắn bó trong cuộc sống, để có thể tin tưởng tâm tình lúc buồn cũng như khi vui:

- 'Trời có mắt'.

- 'Trời không có mắt'.

- 'Trời sinh, Trời dưỡng'.

- 'Trời đánh, Thánh vật'.

- 'Trời cho hỏn lo làm'.

- 'Trời chẳng đóng cửa nhà ai'.

- 'Trời nào có phụ ai đâu,

'Hay làm thì giàu, có chí thì nên'.

****Địa:** Bánh Chung hình vuông, mang màu xanh của lá, bao bọc bởi các lớp lá gói, vỏ bánh, nhân bánh khác nhau, chẳng khác gì hình ảnh các tầng thạch quyển, hỏa quyển, trọng quyển... của trái đất.

Vỏ bánh chung và nhân bánh là sự kết hợp hài hòa thi vị của nhiều loại thực vật và động vật khi được tôi luyện qua sức nóng của nước và lửa, thể hiện lẽ tương sinh hữu ích của thủy & hỏa, qua quẻ Ký Tế khi biết đặt Thủy trên Hỏa - Âm trên Dương - mà không có sự tương khắc nào; mang ý nghĩa của lời khuyên phải chấp nhận tao luyện biến hóa khi hợp với nguyên lý hòa hợp, hòa đồng, mới có thể tạo sự kết hợp hữu dụng.

****Nhân:** là con người khi dùng hai thứ lễ vật Bánh Dày và Bánh Chung thể hiện tư duy cụ thể & trí tuệ hóa tài tình bài học về thể Tam tài 'Thiên & Địa & Nhân', mỗi mỗi đều cần sự kết hợp hài hòa thành một khối, hầu tương xứng với vị thế của mình trong Trời - Đất.

Nói khác đi, nếu Bánh Dày và Bánh Chung là một sự kết hợp hài hòa của các sản phẩm do Thiên Địa tạo ra, làm nên những thi vị tuyệt hảo, thì Con Người một khi biết kết hợp sáng tạo ra nó, cũng phải coi đó như một bài học luận lý hữu ích về sự hài hòa trong cuộc sống của chính mình với mọi người.

Đây chính là những lời lẽ đáng để người trên truyền bá cho kẻ dưới vào mỗi dịp đầu năm, khi bóc chiếc Bánh Chung có con cháu xúm xít vây quanh?

Trong cuộc sống đời thường, Người Việt đã thể hiện 'Văn Hiến Đồng Bào' một cách vô cùng hồn nhiên, khi nơi xóm làng, phố phường khắp cả nước, ai nấy chỉ căn cứ vào tuổi tác của nhau để từ đó phân biệt cao thấp, xưng hô theo thứ tự là ông bà, chú bác, cô dì, anh chị, cháu con... với nhau, hồn nhiên hình thành một trật tự xã hội thân thương.

Từ tấm bé, trẻ em Việt Nam đã được đồng dao chỉ dạy về tình đồng hương này:

*-Dứa chuột là em ruột dứa gang,
'Dứa gang cùng làng dứa hấu
'Dứa hấu là cậu bí ngô
'Bí ngô là cô đỡ nành
'Đỡ nành là anh dứa chuột.*

hoặc:

*-Kỳ đà là cha cắc ké
'Cắc ké là mẹ kỳ nhông
'Kỳ nhông là ông kỳ đà
'Kỳ đà là cha cắc ké.*

Với người nước ngoài, tình 'đồng hương chung & cùng' khi cùng sống chung trên một mảnh đất, cũng được định vị một cách thú vị, có nhiều ý nghĩa lịch sử buồn vui lẫn lộn:

-Anh Ba: rất ý nghĩa khi dùng để gọi người Hoa từ Thế kỷ XVII, mang ý tôn trọng qua vị thế tuy cao, nhưng vẫn dưới 'anh cả' (miền bắc), 'anh hai' (miền nam)? Nên biết người Hoa chạy sang Việt Nam nhiều nhất thời nhà Thanh đánh đổ nhà Minh, thời đó có những nhân vật như tướng Tập Đình, Lý Tài giúp vua Quang Trung, Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích giúp chúa Nguyễn khai khẩn vùng đất Hà Tiên... được trọng nể, coi như khách (Khách Chứ). Ở Nam Định, Hải Phòng có Phố Khách. Theo Gia Định báo, chữ Ba Tàu là do thời đó có nhiều người Hoa 'Phản Thanh - Phục Minh' bất khuất, dùng đường biển chạy qua Miền Nam Việt Nam lánh nạn, từ các "tàu" biển lên mang theo nhiều sản vật lạ, được gọi chung là Trà Tàu, Cơm Tàu, Tiếng Tàu, Mực Tàu, Người Tàu...

-Anh Tư: rất thú vị khi có thể dùng để gọi người Hoa Kỳ và một số người ở các nước Tây phương như Đức, Anh..., vì họ là các nước tư bản trên thế giới.

-Anh Năm: rất dụng tâm khi có thể dùng để gọi người Pháp, nhằm nhớ lại câu chuyện buổi đầu 2 ông quan 5 Pháp là H. Rivière và F. Garnier, khi tấn công thành Hà Nội, đã bị tử trận tại Ô Cầu Giấy.

-Anh Bảy: đã từ lâu dùng để gọi người Ấn Độ, có vị thế không cao?

-Anh Tám: rất thỏa đáng khi dùng để gọi bọn Việt Cộng xuất thân từ cuộc Cách mạng tháng 8-1945. Không rõ do đâu mà có thành ngữ 'Bỏ đi tám', 'Tám chuyện hoài'... rất thích hợp cách ứng xử đối phó với các 'đồng chí & chuột Tháng Tám' (sic!) chuyên đục khoét tài sản quốc gia & dân tộc, mãi quốc cầu vinh?

-Anh Mười: rất chính xác khi dùng để chỉ chung người Cộng sản Nga Hoa, do họ xuất xứ từ cuộc Cách mạng tháng 10. Nay sinh sống ở nước ngoài, dịch ra tiếng Anh thì là 'Number Ten' - loại mặt hạng trong xã hội loài người, vì chỉ mang đến những chết chóc, trấn áp kinh hoàng?!

Phật Giáo trước đây được mọi người thân thương, phần nào cũng là do các vị tu hành chỉ nhận mình là sư cụ, sư ông, sư bác, sư bà, sư cô, chú tiểu... tùy theo tuổi tác, hơn là những địa vị mang vẻ thiếu tính 'sắc - không' của Phật Giáo trong tu hành, như Đại đức, Thượng tọa, Tăng thống...?

Do truyền thống này, mà sau 1975 khi lưu vong tại các nước trên thế giới, các hội đồng hương trở thành những kết hợp phổ biến do dễ hài hòa, được cổ vũ, hưởng ứng, xuất hiện khắp nơi có sự hiện diện của cộng đồng tỵ nạn Việt Nam.

Lòng Nhân của bà Âu Cơ đã tạo nên những kỳ tích trong lịch sử nhân loại:

-Về Chính trị: Bà Âu Cơ là người phụ nữ đầu tiên nắm quyền lãnh đạo một dân tộc, chẳng khác gì một vị vua thời quân chủ, một vị nữ tổng thống thời dân chủ. Những thành quả của các con cháu bà qua nhiều đời vua Hùng hàng

ngàn năm tồn tại nhờ biết hiếu để hòa thuận, cho thấy bà Âu Cơ là một chính trị gia 'tề gia & trị quốc' tài năng, khi có thể khai triển phát huy duy trì một triều đại chiếm kỷ lục về ổn định lâu dài nhất thế giới?

Điểm sáng chói lọi nhất, là bà Âu Cơ đã nêu cao chủ thuyết 'anh hùng' trong tư duy bảo vệ & phát triển Quốc gia & Dân tộc, khi coi trọng những người biết quên mình hy sinh cho mọi người, hình thành tôn giáo thờ 'Địa linh & Nhân kiệt' tạo ra một sức mạnh chống xâm lăng tiềm tàng, từ tư tưởng đến hành động qua phong tục & tập quán trình diễn các vở kịch lịch sử ngoài trời, là các 'hèm' tái diễn hàng năm các sự tích đề cao tạo sự ngưỡng mộ & noi gương các vị anh hùng & liệt nữ - giúp Dân tộc Việt trải mấy ngàn năm bị nạn xâm lược của các cường quốc văn hóa & quân sự hàng đầu thế giới, nhưng vẫn có thể tồn tại, phát triển vững bền?

Lòng Nhân trong triết lý chính trị không chỉ hạn hẹp trong tình cảm giữa người cầm quyền và dân chúng, mà còn đề cao tính tương thân tương ái giữa người dân trong cuộc sống 'chung & cùng' - kết nối đồng bào với đồng hương, dung hợp các khác biệt một cách hài hòa nhuần nhuyễn.

-Về Giáo dục: Bà Âu Cơ là một nhà giáo dục lớn, có công khai phá một nền giáo dục truyền thống lâu đời của người Việt, tồn tại từ bà Âu Cơ đến nay, khi đã không cần văn tự, sách vở - chỉ dùng văn chương truyền khẩu bằng chuyện kể, câu hát, điệu hò... để lưu truyền những bài học cao đẹp về luân lý, tâm lý, ngôn ngữ, toán học, khoa học... mà chúng tôi phân tích được phần nào trong sách 'Khởi thảo Kinh Thi Việt Nam' đã xuất bản năm 2014.

Chủ thuyết giáo dục mang nội dung trân trọng đề cao 'đồng bào - đồng hương' của bà Âu Cơ đã thành công trong việc xếp đặt quy củ trật tự từ trong gia đình đến ngoài xã hội... giúp Quốc gia & Dân tộc hiếu thảo hòa thuận, biết đặt mẫu số chung Quốc gia & Dân tộc lên trên tôn giáo, đảng phái... khác với các chủ thuyết chính trị và tôn giáo đông tây khi chủ trương 'Duy Ngã Độc Tôn', gây chia rẽ - đối đầu - đấu đá quyết liệt?!

...

Trí Sáng của Lạc Long Quân

Quan niệm về Trí Sáng của Lạc Long Quân cũng khác biệt với các tư tưởng gia đông tây cổ kim, qua hành động 'chung & cùng' các con đi mở nước ở các vùng đồng bằng ven biển.

Khổng Tử trong sách Luận Ngữ, quan niệm Trí là 'Tri thức, hiểu biết sáng suốt theo đạo lý, xét đoán sự việc và phân biệt phải trái, để trau dồi đạo đức và hành động hợp với Thiên lý'. Nếu không có trí sáng suốt thì chẳng những không giúp được mình, mà còn làm hại đến bản thân mình.

Khổng Tử nhận định Trí không phải ngẫu nhiên mà có, nó chỉ được hình thành khi người ta trải qua quá trình học tập, tu dưỡng - tức một quy củ giáo dục & đào tạo chân chính hữu dụng, hữu ích.

Cũng trong Luận Ngữ, Khổng Tử còn có nhận xét: 'Người Trí ưa nước và ưa hoạt động' (Trí giả nhạo thủy, Trí giả động).

[Ở đây chúng tôi muốn phân biệt hai loại giáo dục & đào tạo 'tốt' và 'xấu', cụ thể như chủ trương 'trồng người' của Cộng sản - coi con người phải phát triển theo bản năng sinh vật như cây cỏ, làm mất nhân phẩm, nhân tính... đã và đang khiến nhân loại rơi vào cảnh thảm sát đẫm máu về chính kiến, do tôn giáo hoặc các chế độ độc tài, chuyên chính... đào tạo bất chính gây ra?!]

Đến Thế kỷ XV, triết gia Vương Dương Minh (1472 - 1528) của Trung Quốc mới có thể xướng lên học thuyết 'Tri Hành hợp nhất', quan niệm 'Tri chỉ sự minh giác của Tâm - Hành là sự phát động của Tâm'. Nên cả hai đều phải song song với nhau.

Trước đó, các triết gia Trung Quốc đã tranh luận về hai việc Tri - Hành khác hẳn nhau, như 'Biết rồi hãy làm' - 'Làm rồi sẽ biết' - 'Biết khó, làm dễ' - 'Biết dễ, làm khó'...

Điều này vô cùng quan hệ, cụ thể như chế độ Cộng sản, về lý thuyết một thời có thể hay, nhưng khi thực hành mới thấy đó là những lý thuyết không tưởng vô cùng ác hại, nhằm lợi dụng quyền hành quá lớn của một đảng để trấn lột mọi người - biến Riêng thành Chung, rồi từ Chung thành Riêng như thể chế Liên Xô, Trung Cộng, Việt Cộng, Cuba, Bắc Hàn...?!

Trong khi đó từ mấy ngàn năm trước tại Việt Nam, Lạc Long Quân đã cùng các người con đi xuống vùng biển để kiến quốc, theo cách "4 cùng" cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng xông pha chiến đấu, nhất là sáng suốt nhận thức được việc chiếm giữ mở mang biển & đảo là quan trọng trong việc lập quốc. Trò chơi Rồng Rắn là hình ảnh chuyển đi của Lạc Long Quân cùng các con xuống các vùng biển đảo mở mang bờ cõi, được dân gian diễn tả lại, dùng làm bài học sâu sắc qua một trò chơi rất phổ biến trong dân gian, về nguyên tắc phối hợp bảo vệ & chiến đấu trong các tập thể khi hoạt động:

-Người cầm đầu lãnh đạo dẫn dắt, phải được tôn trọng và tuyệt đối tuân theo nếu thấy xứng đáng, vì mất người chỉ huy chẳng khác gì 'rắn mất đầu', ắt bị thất bại nhanh chóng như chế độ VNCH năm 1975 khi bị CSVN 'xin khúc đầu' qua việc đòi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức?! Nên khi Thầy thuốc hỏi 'xin khúc đầu' được trả lời 'cùng xương cùng xương' - tức không thể chấp nhận, do dù có phương thuốc nào cũng chẳng thể tồn tại để cứu chữa?

-Người trong một tập thể tùy theo khả năng được sắp xếp vị trí thích hợp theo thứ tự trước sau, phải tuyệt đối bám chặt nhau - tức đoàn kết thật chặt chẽ để bảo toàn lực lượng - Câu trả lời 'cùng máu cùng mẹ', thể hiện đây chính là nguồn sinh lực huyết mạch quý giá của đoàn thể, không thể để cho bị thương tổn, chảy máu chất đỏ & chất xám.

-Người cuối cùng dù là không quan yếu, nhưng vẫn được tất cả bảo vệ. Câu trả lời Thầy thuốc 'Tha hồ thầy đuổi' cho thấy sự kết hợp bảo vệ nhau rất chặt chẽ diễn ra trong suốt cuộc chơi.

Có thể đây chính là 'hèm' mang nội dung giáo dục hoàn hảo - tức những vở kịch ngoài trời diễn tả lại sự tích của các vị nhân thần khi lãnh đạo đối phó địch, chủ đích trong tín ngưỡng thờ 'Địa linh & Nhân kiệt' tại các đình làng - cổ xưa, rất phổ biến trong tập quán văn hóa Việt?

Trò chơi chúng tỏ truyền thống Việt từ thời Lạc Long Quân lưu lại đã hiểu lẽ 'Tri Hành đồng nhất' - với 4 cùng, giúp Quốc gia & Dân tộc sớm có được một tinh thần trên dưới sát cánh cùng nhau chiến đấu kiên cường, tình cảm thương yêu đoàn kết chặt chẽ, mới có thể bảo vệ một lãnh thổ trù phú là những vùng đồng bằng phì nhiêu ven biển, và cả một bờ biển cùng các hải đảo phong phú hải sản trải dài, vô cùng quý giá cho mai hậu.

Sự việc mãi đến Thế kỷ XXI, Trung Cộng mới bắt đầu biết đến sự quan trọng của các hải đảo, vẽ bản đồ lưỡi bò liếm Biển Đông, đánh chiếm bất hợp pháp một số đảo ở Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam... cho thấy Lạc Long Quân đã Tri và Hành sáng suốt, xứng đáng là vị 'Minh Quân' đầu tiên của Việt Nam, sớm giúp Người Việt sở hữu một lãnh thổ có bờ biển bao bọc với nhiều hải sản phong phú - nền tảng kinh tế thuận lợi giúp Quốc gia & Dân tộc hùng cường, tồn tại bao đời; mặc dù bị các cường quốc Đông Tây xâm lăng chiếm cứ nhiều lần.

Trong cuốn Lịch Sử Việt Nam của Đào Duy Anh, trang 38 ghi nhận:

'Xem những hình thuyền chạm trên thân trống đồng Ngọc Lũ, người ta lại thấy rõ ràng đó là thuyền đi biển có cột buồm và bánh lái mũi. Những điểm ấy khiến chúng ta thấy rằng những người đúc trống đồng ấy - Người Lạc Việt - tất đã từng vượt biển'.

Trong 4 vị Tú Bất Tử, Chủ Đồng Tử là người từng vượt biển đem về những kiến thức và hàng hóa mới lạ, phát triển ngoại thương, giúp một vùng nghèo nàn trở thành trù phú, thịnh vượng. Sau Chủ Đồng Tử cả ngàn năm, vua Salomon ở Do Thái được ca ngợi là người khôn ngoan cực kỳ, cũng một phần là nhờ ở việc sớm biết 'bảo trợ cho các chuyến tàu buôn tới Tây Phi, Ấn Độ... mở mang ngoại thương'. Christophe Colomb (1450 - 1506) nhờ các chuyến hải hành, tìm ra Mỹ Châu, được nhân loại ca ngợi....

Đức Trí của Lạc Long Quân còn được thể hiện trên nhiều phương diện kiến quốc khác nhau, giúp hình thành một sức mạnh tiềm tàng trong việc lập quốc, vệ quốc:

-Về Chính trị: Là nhân vật đầu tiên của thế giới có ý thức cao về bình đẳng nam nữ, khi sớm nhận ra khả năng 'tề gia + trị quốc' của phụ nữ, nên trao lại quyền trị quốc cho vợ là bà Âu Cơ. Và đã thành công một cách vẻ vang. Đời nhà Trần, vua tôi coi nhau như anh em, thân thiết 'tứ cùng' sau giờ thiết triều cũng như khi lâm trận, đã làm nên sức mạnh vô địch một thời, mới có thể liên tiếp 3 lần đánh thắng quân Nguyên Mông từng bá chủ hoàn cầu một phương rộng lớn từ đông sang tây?

-Về Kinh tế: Là nhân vật sớm nhận ra giá trị kinh tế lớn lao lâu dài của các vùng biển đảo, cùng các con dân thân thiết, khai thác; lưu lại cho hậu thế một giang sơn gấm vóc, được liệt vào một trong những lãnh thổ tuy trên lục địa mà vẫn có thể có nhiều bờ biển nhất thế giới. Phải đến Thế kỷ XXI, khi nhân loại lâm cảnh nhân mãn, các nhà cầm quyền mới biết đến giá trị của biển đảo trong kinh tế, giao thương - sức mạnh phát triển quốc gia trong hoàn cảnh nhân sinh mới, mà Singapore, Hồng Kông tiêu biểu?

Tính Hùng của các Vua Hùng

Việt Nam có vị trí địa thế nằm lọt thỏm giữa 2 nước khổng lồ là Ấn Độ và Trung Quốc, từng bị Pháp đặt cho địa danh Indochine.

Tuy lãnh thổ chỉ bằng một tỉnh nhỏ của 2 nước lớn Trung Quốc và Ấn Độ, nhưng nhờ triết lý sống 'Hùng' mà trải mấy ngàn năm bị xâm lăng cả về quân sự lẫn văn hóa, dân tộc Việt vẫn không hề bị đồng hóa, mặc dù giới học thức thư lại bị tha hóa rất nặng nề..

Cụ thể, Phật Giáo từ Ấn Độ có nhân sinh quan 'Bi - Trí - Dũng', Nho Giáo từ Trung Quốc có nhân sinh quan 'Nhân - Trí - Dũng', tức sự đào tạo nhân cách chỉ dừng lại ở chỗ Dũng cảm, tự thắng mình, như câu:

'Phú quý bất năng Dâm.

'Bần tiện bất năng Di.

'Uy vũ bất năng Khuất.

thì Ông Lạc Long Quân và Bà Âu Cơ đã biết dạy các con cháu chắt chít chí của mình phải dùng chữ Hùng làm nhân sinh quan, khi bắt đời đời phải đặt Vương hiệu lấy chữ Hùng làm trọng tâm, trải suốt 2.000 năm thịnh trị.

Hùng hơn Dũng gấp bội, vì không chỉ dừng lại ở mức dũng cảm 'thắng mình', mà còn phải kiên tâm bền chí tao luyện tài đức & chí khí hơn người, mới có thể hành động tạo được sự mến phục của người tốt đồng thời thắng kẻ xấu một cách quang minh chính đại, giúp đời, làm nên những sự nghiệp hữu ích cho nhân quần & xã hội - theo tiêu chuẩn vì Dân & vì Nước - tức **'thắng lợi'**, khác với **'thắng hại'** của Cộng sản trên thế giới nói chung, tại Việt Nam sau các năm 1954 tại miền Bắc và năm 1975 tại miền Nam nói riêng?!

Trong khi đó Trung Quốc quan niệm vua cần 'Minh' tức là sáng suốt, qua câu:

'Minh quân - Lương tế tao hùng dị,

'Tài tử - Giai nhân tế ngộ nan.

Lịch sử cho thấy không ít các nhà vua, các nhà lãnh đạo luôn tự cho mình là 'Minh' nhưng hầu hết lại đưa ra những chính sách thiếu sáng suốt sai lầm tai hại không biết đâu mà kể?!

Cụ thể nhơn tiền như nhân vật tự nhận là Hồ Chí Minh tại Việt Nam, đã không chỉ gây nhiều hậu quả xấu xa dài lâu, mà còn làm nhiều điều tai quái hại dân,

hại nước vô vàn; khi từng đích thân nhận sai lầm phải tạ lỗi sau vụ cải cách ruộng đất, nhưng không hề hối lỗi mà vẫn mù quáng tiếp tục tác hại?!

Thế nên luận công tội không lấy chữ 'Dũng' như sách Sử Ký của Tư Mã Thiên, mà cần lấy chữ 'Hùng' để xét hậu quả của sự nghiệp, xem đã giúp ích hoặc làm hại Dân & Nước ra sao, sẽ dễ thấy rõ ai là Anh Hùng, ai là Gian Hùng? Nếu nhân loại thường luận anh hùng theo các chiến công hiển hách nơi chiến trường, thì người Việt từ xưa đã biết luận anh hùng trên những việc công ích để đánh giá, noi gương.

Đó chính là tín ngưỡng thờ 'Địa Linh & Nhân Kiệt' mà 4 vị Thánh Tứ Bất Tử của Người Việt chỉ có Phù Đổng Thiên Vương có công về quân sự (Binh), còn Tản Viên Sơn Thần có công về chống lũ lụt để phát triển canh nông (Nông) ; Chủ Đổng Tử có công về thương mại, y học (Công Thương); Bà Chúa Liễu Hạnh có công về giáo dục nhân luân (Sĩ).

Nhờ đặc tính Hùng trở thành tâm thức lâu đời của Người Việt, mà liên tiếp mấy ngàn năm qua đã xuất hiện không biết bao nhiêu vị anh hùng & liệt nữ hữu danh cũng như vô danh, giúp Quốc gia & Dân tộc vệ quốc và kiến quốc - Việt Nam mới có thể tồn tại, phát triển vững bền trước các cuộc xâm lăng văn hóa, chính trị, quân sự, kinh tế, thương mại...

Nhận Định

Nhân sinh quan Nhân - Trí - Hùng từ thời Hùng Vương được lưu truyền qua cổ tích, ca dao đã trở thành một nền tảng văn hiến rất cổ xưa của Người Việt, được bao đời noi theo, sản sinh các bậc Anh Hùng & Liệt Nữ do biết ơn Dân, vì Nước lập nhiều công trạng giúp Dân Nước qua nhiều phương diện khác nhau từ vật chất đến tinh thần; được 'Tổ Quốc Ghi Công' qua tín ngưỡng tôn thờ 'Địa Linh & Nhân Kiệt' nơi các đình đền chốn làng xã, đến thị trấn lớn nhỏ khắp nước.

Văn hiến Nhân - Trí - Hùng theo ý nghĩa hành động 'ta vì mọi người', đã được thể hiện xuyên suốt trong văn hóa Việt Nam qua nhiều khía cạnh khác nhau, hun đúc thành một tinh thần đoàn kết, ý chí bất khuất, giúp dân tộc duy trì được lòng tự hào và nền độc lập bao đời, dù đất nước triền miên phải đối mặt với những cuộc xâm lăng về lãnh thổ, văn hoá...

Sau 1975, do đất nước bị 'nhất thống' dưới một bạo quyền, nên đã không thể nào 'thống nhất' Quốc gia & Dân tộc về một mối.

Từ trong nước ra đến hải ngoại, lòng người vẫn hoang mang không thể đoàn kết sau bao năm chiến tranh, do vẫn không có được một nhân vật 'anh hùng' đúng nghĩa theo truyền thống, hầu xứng đáng để mọi người không phân biệt tôn giáo, đảng phái đồng lòng ủng hộ, đề cao; khi bọn lãnh đạo Việt Cộng để lộ bộ mặt 'gian hùng' bán nước, buôn dân!!!

Do vậy sách này có ước vọng lý giải về nhân sinh quan thực hiện 'Nhân - Trí - Hùng' của một số Người và Việc trong lịch sử và văn học Việt Nam từ trước đến nay, hầu ai nấy đều có thể tái nghiên cứu, tái tìm hiểu, tái đánh giá chọn lựa, noi theo... một cách hữu ích nhất.

Tín ngưỡng 'Bái Nhân' của Người Việt, qua tôn giáo tôn thờ 'Địa linh & Nhân kiệt' ngoài xã hội, tôn thờ 'Tổ tiên & Ông Bà' trong gia đình - nhằm đề cao các vị Hiền nhân & Anh Hùng & Liệt Nữ có công giúp dân & giúp nước & giúp gia đình, khiến chúng ta liên tưởng đến tư tưởng đề cao vai trò 'Người Hùng' trong xã hội của Triết gia Đức Friedrich Nietzsche (1844 - 1900).

Trong một loạt sách về các châm ngôn & suy tư mang tên 'Con Người, Tất cả Chỉ Là Con Người' xuất bản năm 1879, Nietzsche chỉ ra khác biệt giữa 2 nền luân lý 'Chủ nhân' - 'Nô lệ'; phê phán chủ trương giáo dục của các chủ thuyết chính trị, tôn giáo... là loại luân lý 'đàn lũ động vật', làm ngu muội, gây thiệt hại cho tiềm năng phi thường của con người.

Tư tưởng và hành động 'Anh Hùng' của Lạc Long Quân & Âu Cơ tiếp nối qua các Vua Hùng và các vị hiền nhân & anh hùng & liệt nữ trên nhiều phương diện ích quốc & lợi dân khác nhau, cho thấy rất gần với tư tưởng 'Superman' của Nietzsche, khi cả hai cùng **"Phong Thần cho nguồn sinh lực và trí sáng tạo của Con Người; loại bỏ mọi hy vọng và ảo tưởng về một thế giới khác không có thật"**.

VVTKLAB

Nhân - Trí- Hùng

Lý Thường Kiệt

(1019 - 1105)

Lý Thường Kiệt là một tấm gương sáng và kinh nghiệm đấu tranh vệ quốc quý giá cho dân tộc Việt đến tận thời hiện đại là đầu Thế kỷ XXI, rất đáng để chúng ta tìm hiểu & nghiên cứu về Con Người 'Nhân - Trí - Hùng' vượt bậc của ông, rút ra những bài học hữu ích trong việc quang phục quê hương của Người Việt nổi hải ngoại hiện nay.

Lý Thường Kiệt tên thật là Ngô Tuấn, sinh ra ở phường Thái Hòa, thành Thăng Long, do lập nhiều công trạng lớn mà được vua cho đổi họ Ngô thành họ Lý của nhà vua.

Thuở nhỏ ông là một thiếu niên tuấn tú, say mê học tập cả văn lẫn võ, thông hiểu binh thư. Vào lúc đó, nhà Tống cai trị Trung Quốc, nhưng bị hai nước phía bắc là Liêu, Hạ uy hiếp, nên chủ trương thôn tính Đại Việt ở phía Nam trước, nhằm tăng cường sức mạnh đối phó với phía bắc. Nhà Tống tích cực chuẩn bị lực lượng quân sự, thu phục người thiểu số vùng biên giới Hoa Việt, lôi kéo Chiêm Thành chống Đại Việt. Ba châu miền nam Trung Quốc là Ung -

Khâm - Liêm (tức vùng Quảng Đông, Quảng Tây hiện nay) trở thành nơi tập trung quân lực và lương thực, chuẩn bị cho cuộc Nam chinh.

Nhận thấy tình hình nguy cấp cần người có khả năng đối phó, ông đã hy sinh tự cung hình để được sớm thân cận nhà vua, thể hiện tài năng cứu quốc xuất chúng.

Năm 1042, Lý Thường Kiệt tham gia soạn thảo bộ Hình Thư, là bộ luật Hình sự đầu tiên của Việt Nam.

Năm 1054, vua Lý Thánh Tông nối ngôi, phong Lý Thường Kiệt làm Hiệu úy Thái bảo. Do phong cách làm việc cung cần, trung tín, không để xảy ra sai sót điều gì, ông đã được vua Lý Thánh Tông trao cho Tiết Việt - thay vua đi kinh lý.

Năm 1059, ông cùng vua Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành, bắt sống vua Chiêm là Chế Củ hài tội âm mưu giúp Nhà Tống bên Tàu xâm lấn Việt Nam. Chế Củ cả sợ dâng 3 châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh (tức vùng Quảng Bình và phía bắc Quảng Trị ngày nay).

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông băng hà, vua Lý Nhân Tông mới 7 tuổi nối ngôi. Nhà Tống coi đây là thời cơ tốt để xâm lăng đánh chiếm Đại Việt, chuẩn bị quân sĩ lương thảo 3 châu Ung - Khâm - Liêm trong 3 năm, rồi mới tiến đánh.

Trước nguy cơ ngoại xâm, Lý Thường Kiệt giúp Thái hậu Ý Lan hóa giải bất hòa với Thái sư Lý Đạo Thành, triệu Thái sư bị Thái hậu biếm tử Nghệ An về lo việc nội chính, để ông cùng tướng Tôn Đản điều binh vệ quốc.

Ông là vị tướng Việt Nam duy nhất không '*chống xâm lăng*' mà '*đánh xâm lăng*', khi chủ trương binh pháp 'Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân qua chặn mũi nhọn của giặc ngay trên đất địch'. Đây chính là chủ trương của Hoa Kỳ '*đánh xâm lăng từ xa*' nơi hải ngoại bấy nay, giúp dân nước này an cư - lạc nghiệp ngay cả trong thế chiến, một chủ trương vệ quốc độc đáo hàng đầu thế giới nhiều năm qua, giúp nước Mỹ trải qua nhiều cuộc chiến long trời lở đất quốc tế, mà quốc gia vẫn có thể ổn định phát triển, khi hậu phương có thể hậu thuẫn chiến trường một cách hữu hiệu.

Năm 1075, Ông trao cho tướng Tôn Đản trách nhiệm đem quân qua Tàu vây hãm thành Ung Châu, khiến quân của 2 thành Khâm Châu, Liêm Châu phải lo đi cứu. Lúc đó Lý Thường Kiệt mới cử đại binh theo đường biển đánh úp Khâm, Liêm, rồi giúp Tôn Đản phá Ung Châu. Chỉ trong năm 1076 quân Việt đánh tan quân nhà Tống ngay trên đất Tống, ca khúc khải hoàn.

Biết nhà Tống sẽ nhanh chóng tìm cách phục thù, nên Lý Thường Kiệt không khinh địch, ngủ yên trên chiến thắng, lập tức chuẩn bị ứng phó:

-Cử do thám theo dõi động tĩnh quan binh nhà Tống.

-Bố trí cọc chông theo thủy trận trên sông Cầu, tạo một chiến tuyến dài từ chân núi Tam Đảo đến sông Lục Đầu, do chính Lý Thường Kiệt chỉ huy.

Năm 1077, Đại tướng nhà Tống là Quách Quỳ, dùng cầu phao chọc thủng chiến tuyến ở bến đò Như Nguyệt, đưa được một cánh quân tiến vào Thăng Long, nhưng lập tức bị quân Việt bố trí phục kích bao vây, phản công đánh tan.

Để khích động lòng quân sĩ đồng thời cảnh cáo quân giặc, Lý Thường Kiệt làm một bài thơ tứ tuyệt, đang đêm cho phát thanh ngâm vang từ đền Trương Hống & Trương Hát (bộ tướng anh hùng của tiền triều) ngay chiến tuyến bên bờ nam sông Minh Nguyệt, nghe như lời thần thánh phán:

*'Nam quốc sơn hà, Nam đế cư
'Tiệt nhiên định phận tại thiên thu
'Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
'Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.'*

XKZ lược dịch:

*'Nước Nam của Vua Nam
'Sách Trời định rõ ràng
'Kẻ nào đến xâm phạm
'Ắt bị ta đánh tan.'*

Giặc nghe cảm thấy lo sợ dững khí của bài thơ mà bất an, trong khi quân sĩ Đại Việt nghe lại cảm thấy phấn khích nức lòng quyết tâm đánh giặc vệ quốc. Lúc hai bên lâm chiến, quân Việt giết đến 6 phần 10 địch quân, khiến quân Tống đại bại.

Không muốn đẩy kẻ thù vào bước đường cùng, thêm hao binh tổn tướng, Lý Thường Kiệt mở đường cho kẻ thù rút binh.

Tháng 3-1077 quân Tống rút chạy hỗn loạn, giẫm đạp lên nhau. Sử gia Lý Đào của Trung Quốc ghi nhận nhà Tống đã thiệt hại 190.000 lượng vàng, 300.000 quân, nên từ đó nhà Tống không còn dám nghĩ đến chuyện động binh với Đại Việt nữa.

Năm 1101, Lý Thường Kiệt được triều đình tin cẩn, giao phó mọi việc đối nội và đối ngoại, nhưng ông không vì thế mà chuyên quyền, nghiêm cẩn trong mọi việc, được ai nấy kính nể.

Năm 1103, tuy đã ngoài 80 tuổi, Lý Thường Kiệt vẫn cầm quân dẹp Lý Giác ở Diễn Châu làm phản. Lý Giác thua trốn sang Chiêm Thành, bị Lý Thường Kiệt đuổi bắt tận nơi.

Năm 1105, Lý Thường Kiệt mất, được dân phường Thái Hòa, Thăng Long, lập đền thờ, được vua phong làm Phúc thần, cầu đảo nhiều phen linh ứng. Đền thờ chính của ông ở xã Ngọ Xá, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Qua những dòng tóm tắt trên, chúng ta thấy Lý Thường Kiệt là một nhân vật chẳng những văn võ toàn tài, mà còn là một bậc Nhân - Trí - Hùng tiên phong hàng đầu trong sử sách Việt Nam:

****Lòng Nhân** của Lý Thường Kiệt thể hiện cụ thể cao độ tình 'đồng bào' do Bà Âu Cơ mặc khải xương xuất:

Trải gần 1.000 lịch sử, Lý Thường Kiệt thấy rõ tham vọng bành trướng của Trung Quốc qua nhiều lần đem quân xâm lăng Việt Nam, từ thời Hai bà Trưng. Nhất là vào lúc đó bên Trung Quốc có tướng Tống Địch Thanh, nổi danh cùng 4 người em kết nghĩa, mang quân đi đánh các nước nhỏ xung quanh, được ca tụng qua các tập truyện Ngũ Hồ Bình Liêu, Ngũ Hồ Bình Tây... nên biết ắt sẽ tiến xuống Bình Nam.

Kể từ khi Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long, khiến đe dọa của Bắc phương càng gần kề hơn, nên Lý Thường Kiệt đã phải chọn con đường tiến thân vì Quốc gia & Dân tộc ngàn nhất, là tự cung hình để sớm được gần vua, thể hiện tài năng.

Vì nếu qua con đường thi cử, hoạn lộ, sẽ lâu, mà còn thường bị đình thần chèn ép rất khó xuất đầu lộ diện gần vua trong triều đình. Do vậy việc hy sinh bản thân tự cung hình để có thể sớm được nhà vua biết đến mà dẫn thân giúp nước của Lý Thường Kiệt đã thể hiện tinh thần quên mình vì đại nghĩa 'đồng bào' cao độ, coi nhẹ chữ Hiếu sinh con nối giới cổ hủ theo Nho Giáo, ít có tự cổ chí kim, rất đáng ngưỡng mộ?

****Trí Sáng** của Lý Thường Kiệt không chỉ là tài thao lược chiến trận trên chiến trường, khi biết tiến & lui đúng cách, chiến & hòa đúng lúc, khiến chiến thắng oanh liệt mà ít hao binh tổn tướng.

Việc đưa chiến trường qua đất địch giúp dân lành trong nước được yên ổn khi có nạn binh đao, duy trì được tiềm lực của Quốc gia & Dân tộc là mưu lược của bậc đại trí duy nhất trong sử Việt nói riêng, ít thấy trong thế giới sử nói chung.

Trí Sáng của Lý Thường Kiệt còn thể hiện qua bài thơ đọc vang trong đêm, bộc lộ hào khí chính nghĩa và quyết tâm, khiến không chỉ quân sĩ của mình nức lòng chiến đấu, mà còn khiến quân địch nghe thấy cũng phải sờn lòng. Như thế Lý Thường Kiệt còn là một người rất tài giỏi về văn chương Tâm lý chiến.

****Tính Hùng** của Lý Thường Kiệt là đã thể hiện tinh thần cao đẹp 'ta vì mọi người', khi ông không chỉ 'nghĩ tốt' mà còn 'làm tốt', thể hiện qua những chiến công vì nước vì dân trong can qua; giúp dân & nước bị thiệt hại ít nhất trong chiến tranh vệ quốc từ xưa đến nay.

Đáng ghi nhận là lúc sinh thời Lý Thường Kiệt rất ghét mê tín dị đoan, nhưng lại khuyến khích việc thờ phụng những người có công với Quốc gia & Dân tộc, xin triều đình tôn họ làm Phúc thần, phát triển tín ngưỡng thờ 'Địa Linh & Nhân Kiệt', đề cao anh hùng tính rất mực trong dân gian.

Nhận Định

Bài học từ Lý Thường Kiệt là sự dẫn thân thể hiện lòng hy sinh vì Quốc gia & Dân tộc cao độ, không còn nghĩ gì đến bản thân, dòng họ như giáo lý Nho Giáo cổ hủ đầy tính ích kỷ, coi Gia đình hơn Quốc gia & Dân tộc, khi kết việc

không con trai nối dõi là 'đại bất hiếu' - Thử hỏi một khi Quốc gia & Dân tộc không còn thì Gia đình sẽ còn bị huỷ hoại tan nát như thế nào?

Khi được vua tin dùng, Lý Thường Kiệt không vì thế mà cậy quyền, gây hiềm khích; ngược lại đã 'vì mọi người' giúp Thái sư Lý Đạo Thành đang bị Thái hậu Ý Lan truất hết quyền hành, trở lại hợp tác chung lo đại sự phục vụ Quốc gia & Dân tộc. Sự việc tựa chuyện Văn quan Lạn Tương Như nhường nhện Võ tướng Liêm Pha bên Trung Quốc, nhưng đáng khen hơn ở đây là Võ tướng Lý Thường Kiệt lại biết tôn quý hỗ trợ Văn quan Lý Đạo Thành.

Quan trọng hơn nữa là việc Lý Thường Kiệt tuy lo việc chiến tranh mà vẫn có thể giúp 'đồng bào' bình an, khi chủ trương tiến binh sang đất địch phân thắng bại, giảm sự thiệt hại cho Quốc gia & Dân tộc.

Khi đưa lính Mỹ qua Việt Nam giúp VNCH chống Cộng sản, Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ 1964 - 1968 là ông Lyndon B. Johnson cho rằng muốn chống Cộng tại Việt Nam lúc đó, hơn là việc để Cộng sản bành trướng, phải chống họ ngay trên đất Mỹ mai sau.

Do vậy 'luận anh hùng' với Lý Thường Kiệt, không chỉ kể 'được - thua', mà cần xem xét 'được' còn có thể mang lại cho 'đồng bào' những ích lợi to lớn và lâu dài ra sao, như lời dạy tâm huyết của Mẹ Âu Cơ, hầu đánh giá một cuộc chiến là 'thắng lợi' hay 'thắng hại'.

Đây cũng là tiêu chuẩn để chúng ta dùng đánh giá sự 'lợi' hay 'hại' của cả hai bên Bắc và Nam trong cuộc chiến Quốc - Cộng cuối Thế kỷ XX vừa qua, cũng như mọi cuộc chiến cổ kim, đông tây?

Nhìn lại năm 1975, Miền Nam Việt Nam đã chấp nhận hòa giải & hòa hợp theo Hiệp định Paris, nhưng thiện chí này đã bị bọn Cộng sản đang khống chế Miền Bắc lật lọng, dùng bạo lực 'nhất thống' sơn hà - 'nhất thống' không hề là 'thống nhất'?!

Quân Cán Chính Miền Nam buông súng không thực sự là một sự đầu hàng do thất trận, mà do tướng Dương Văn Minh bị thất thế vì cả tin vào những thỏa ước quốc tế?!

Đáng kính trọng là việc Quân Cán Chính Miền Nam sau khi thoát vòng tù cải tạo, thay vì tìm cách tổ chức đấu tranh chống bạo quyền ngay trong nước, đã chọn con đường bỏ nước ra đi, tìm lại cuộc sống an lành nơi xứ người để xây dựng lại một nền tảng nhân sự mới cho tương lai Quốc gia & Dân tộc ở ngoài nước, rất hữu dụng khi đất nước sạch bóng bọn bạo tàn.

Nhờ vậy mà đất nước tránh được một cuộc nội chiến tương tàn kéo dài thêm, nòi da xáo thịt tai hại cho tiềm lực dân tộc; đồng thời bảo tồn được một nguồn vốn chất xám quý giá của Miền Nam - giúp phát triển ở hải ngoại, tạo một

tầng lớp học vấn cao & kỹ thuật giỏi hữu dụng; rất cần thiết cho tương lai tái thiết Quốc gia & Dân tộc.

Nếu suy luận theo phương pháp Diễn dịch & Quy nạp của khoa luận lý Triết học, sẽ thấy rằng:

'Ý thức cao đẹp của Quân Cán Chính Miền Nam sau 1975 là kết quả của nền giáo dục nhân bản từ 1954 đến 1975, tuy ngắn ngủi nhưng cũng đủ để hình thành một thế hệ tài đức, có khả năng phát triển đồng đều, thăng hoa trên nhiều phương diện, từ giáo dục đến thương mại, khoa học, kỹ thuật... tạo dựng nên các cộng đồng Người Việt mạnh ngay trên lãnh thổ những cường quốc thế giới - các nơi đòi hỏi trình độ cạnh tranh sinh tồn và phát triển rất cao.

Đây phải được coi như chiến tích vẻ vang nhất của Miền Nam trong cuộc chiến Chống Cộng, bảo vệ Chính Nghĩa Quốc Gia, giúp Dân tộc bảo toàn được một phần đáng kể các thành phần nhân tài - qua nguồn vốn gene truyền thống quý giá? Dòng Văn Học Chiến Sĩ của các cựu chiến binh và cao trào phục hồi âm nhạc Miền Nam thành công của các ca nhạc sĩ ở hải ngoại, cùng với những phát triển thương mại, bảo tồn & phát huy các món ăn cổ truyền dân tộc... là một vài trong các minh chứng cụ thể?

Đây cũng là một hình thức đưa cuộc đấu tranh bảo tồn & phát huy chính nghĩa ra nước ngoài rất thành công, nếu so sánh sự phát triển giữa Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn Hải Ngoại và nội tình nước Việt Nam sau bao năm thống trị của bọn bạo quyền Việt Cộng.

Do vậy, điều quan trọng của công việc quang phục quê hương, là Người Việt hải ngoại cần biết xóa bỏ các khác biệt nhỏ nhen tai hại về tôn giáo, đảng phái, địa phương... sớm thể hiện tình 'đồng bào' & 'đồng hương' theo truyền thống từ ngàn xưa qua lý tưởng 'đồng bào & đồng hương' của Mẹ Âu Cơ, hầu có thể chung lưng đấu cật, tùy theo khả năng tham gia đấu tranh tự cường nơi đất ngụ cư - tạo sức mạnh hỗ trợ người trong nước một cách hữu hiệu trong cuộc chiến sinh tử với kẻ thù quốc tế cộng sản đã nằm sâu trong lãnh thổ quốc gia, bách hại dân tộc.

Người Việt Hải Ngoại là thành phần may mắn nhất trong cuộc nội chiến vừa qua, nên cần có ý thức cao về tình cảm ái quốc, sáng suốt chọn lựa hình thức tham gia đại cuộc quang phục quê hương.

Chính giới cao niên hiện nay mới là thành phần nòng cốt trong cuộc chiến mới, khi có thể tái hiện Hội nghị Diên Hồng qua internet, kết hợp chung lưng tạo sức mạnh vô song. Vì các vị cao niên có các điều kiện ưu việt hơn ai hết:

-Hiểu rõ những âm mưu lừa dối và những tác hại của Cộng sản tại Việt Nam bao năm qua.

-Có nhiều thời gian và điều kiện tài chánh để hoạt động, khi hưu trí.

-Có thể tác động trực tiếp vào các thể hệ tiếp nối qua hàng ngũ con cháu, xây dựng & hình thành một nền tảng kế thừa vững mạnh - nếu sớm quan tâm việc giáo dục đào tạo theo những chiều hướng mới mẻ, từ bỏ những quan niệm từng gây chia rẽ làm mất nước, thích hợp với không gian và thời đại mới.

-Những chuyến về thăm quê hương hàng năm của hàng chục ngàn vị cao niên, nếu biết kết hợp đưa ra những lý lẽ nêu cao chính nghĩa vì dân & vì nước, báo động hiểm họa Bắc thuộc... một cách ôn hòa, sẽ tránh khỏi các cấm đoán của bạo quyền, có những tác động lớn lao về lâu về dài, hậu thuẫn tạo thêm tiềm năng đấu tranh ngay trong nước rất lớn mạnh.

Nói một cách khác, các nhà đấu tranh cho chính nghĩa Quốc gia, có thể đưa cuộc chiến tranh quang phục quê hương ra hải ngoại, qua công việc tái xây dựng những nền tảng cần thiết, như sau:

****Về Giáo dục:**

Hơn nửa Thế kỷ qua, kể từ năm 1954 khi VC chiếm cứ được một nửa lãnh thổ quốc gia, tức miền Bắc Việt và Bắc Trung Việt, chúng đã phổ biến một nền giáo dục 'trồng người' qua câu nói của Hồ Chí Minh 'Vì lợi ích 10 năm trồng cây - Vì lợi ích trăm năm trồng người'.

Lối giáo dục 'coi người như cây cỏ' của VC bao năm qua, đã tạo nên những thể hệ con người trở nên vô cảm - vô luân, hình thành một xã hội trong đó kẻ cầm quyền trở thành tham tàn bất nhân gian ác cực kỳ - người bị trị bị trấn lột áp bức kinh hoàng, hình thành một tầng lớp 'Dân Oan' trên khắp đất nước. Do vậy Người Việt Hải Ngoại giúp con cháu được hấp thụ các nền giáo dục văn minh & hiện đại của các cường quốc hàng đầu thế giới tại các nước ngụ cư, cần giúp chúng có ý thức tuy hội nhập nhưng vẫn bảo tồn & phát huy truyền thống văn hóa Quốc gia & Dân tộc.

Điều này cho thấy vai trò của Giáo Chức phụ trách các lớp dạy Việt ngữ ở hải ngoại mang nặng trách nhiệm phục quốc hơn ai hết?

Lý do, giáo chức hải ngoại đã và đang có hoàn cảnh hoạt động quý giá, qua môi trường của các trường dạy Việt Ngữ hàng tuần, được các nước sở tại giúp nhiều điều kiện sinh hoạt công khai và hợp pháp thường xuyên.

Tuy nhiên, thời gian qua các chương trình giảng dạy quá thiên về vấn đề ngôn ngữ, coi nhẹ các nội dung quan trọng là giáo dục truyền thống Văn Hóa Dân Tộc, giáo dục trách nhiệm với Quốc Gia khi hưng vong...

Do vậy mà những nhà Giáo Dục tâm huyết ở hải ngoại cần nhanh chóng thực hiện:

-Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu cao đẹp có giá trị dài lâu về văn hóa truyền thống, soạn thảo các tư liệu giảng dạy về các đề tài tinh hoa Văn Hiến, Văn Hóa, Văn Học Việt Nam. Cụ thể như thực phẩm tiêu biểu cho Văn Hóa Ấm

Thức truyền thống Việt Nam là Bánh Dày & Bánh Chung, Bánh Mẹ & Trăm Con, Bánh Phu Thê... chứ không phải là Phở, Chả Giò, Canh Chua?!

-Tái tạo hàng ngũ giáo chức bằng phương pháp giảng huấn hiện đại, nêu các nội dung triết học, tâm lý học, chính trị học, xã hội học được Tây phương phát huy & đề cao trong các tác phẩm cổ văn Việt Nam... cung cấp các tài liệu vật thể, hình ảnh, âm nhạc... giúp công việc giảng dạy hấp dẫn, hứng thú hơn.

****Về Chính trị:**

-Khuyến khích hàng ngũ giáo chức, sinh viên... theo học thêm hoặc dự thính các ngành Chính trị học, Xã hội học, Tâm lý học... để hoàn chỉnh kiến thức cần và đủ cho thời kỳ đấu tranh quang phục quê hương.

-Khuyến khích con cháu học các ngành học hữu ích cho việc đấu tranh, như Chính trị học, Triết học, Xã hội học, Tâm lý học... thay vì chỉ lo học làm bác sĩ, luật sư...

-Các tổ chức Cộng đồng, các đoàn thể Chính trị, các hội đoàn Ái hữu, các hội Cao Niên... nên có những sinh hoạt mang tính bảo tồn & phát huy truyền thống cao đẹp của văn hóa Quốc gia & Dân tộc, qua những so sánh với quốc tế...

****Về Kinh tế:**

Truyền thống Văn hóa Việt từ xa xưa đã coi trọng những công việc giúp nước về Kinh tế, Giao thương... qua việc tôn thờ 2 trong 4 vị Thánh Tứ Bất Tử là Tản Viên và Chủ Đồng Tử.

Do vậy, những người thành công trong các ngành Kinh tế, Thương mại, Công Kỹ nghệ ở hải ngoại... rất cần được tôn trọng đề cao, hỗ trợ. Đây chính là một mục tiêu luôn được ngày xưa nêu cao 'Dân giàu - Nước mạnh', nay là 'Người tỵ nạn giàu - Cộng đồng tỵ nạn mạnh - Trách nhiệm quang phục quê hương vô cùng vẻ vang, hầu đáp đền những gì để mất '?

Những mục tiêu trên cần và đủ cho việc hình thành một mặt trận đấu tranh quang phục quê hương, thiết yếu cho vấn đề tái thiết đất nước khi chế độ Cộng sản bạo tàn sụp đổ? Vì nếu không có sẵn một kế hoạch tái thiết với nhân lực chuyên môn đầy đủ, đất nước sẽ rơi vào chỗ hụt hẫng sau bao năm nhân lực, vật lực bị Việt Cộng ngu xuẩn phá nát tan hoang?!

Đây chính là sự diễn dịch & quy nạp từ kinh nghiệm đánh Tống của Lý Thường Kiệt, mà Người Việt Tỵ Nạn có thể áp dụng một cách hữu hiệu và hiện đại hóa vào việc tích cực chuẩn bị cho công cuộc giải phóng & tái thiết quê hương trong tương lai, ngay lúc còn ở hải ngoại khi hội đủ 3 yếu tố Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa để phục hồi phát triển tiềm năng tinh hoa dân tộc?

Dân tộc Do Thái sau nhiều ngàn năm mất nước, phải lưu vong tan tác trên khắp thế giới, nay đã có thể trở về đất cũ lập quốc, trở nên hùng mạnh, là nhờ

giới học thức bao đời của họ đã biết tôn trọng bảo tồn phát huy tinh thần trách nhiệm luân lý của mỗi người với dân tộc và mình ngay khi còn phải lưu vong tứ xứ, biểu hiện trong 3 tác phẩm cổ điển Torah, Talmud, Cabalah... tuy là sách kinh điển nhưng vẫn không được tôn là 'kinh' vì không muốn sự phát triển bị lệ thuộc, trói buộc - Đây chính là chỗ thông minh hơn người của dân tộc Do Thái, rất giống với dân tộc Việt Nam.

Ngày 24-5-2016, Tổng thống Hoa Kỳ Barak Obama khi nói chuyện trước 2000 giới trẻ tại hội trường Hà Nội, đã làm nức lòng người khi nhắc đến bài thơ trên của Lý Thường Kiệt với lời bình là từ xa xưa Người Việt đã tự chủ, tự cường... nên nay ắt sẽ không để cho nước nào bắt nạt?!

Sự kiện này đã có những tác động sâu rộng vào lòng yêu nước của mọi người, khi bọn Việt Cộng đang dâng đất & nước (gồm cả đất đai và hải đảo) cho Trung Cộng???

VVTKLAC

Nhân Trí Dũng **Trần Quốc Tuấn** (1232 - 1300)

Hùng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn là một tấm gương sáng về bốn phận và trách nhiệm của người cầm quân từ cấp thấp đến cấp cao, khi luôn trau dồi khả năng, biết đặt quyền lợi Quốc gia & Dân tộc lên trên hết, một lòng vì nước vì dân, yêu quân như yêu con mà bao dung, chỉ bảo. Tư tưởng và hành động của Trần Quốc Tuấn xứng đáng được phân tích & tổng hợp dùng làm những bài học Tâm lý chiến về nhân luân trong các quân trường, nhà trường thời bình cũng như thời loạn.

Trần Quốc Tuấn là con An Sinh vương Trần Liễu, tương truyền mẹ ông nằm mộng thấy một đồng tử áo xanh chui vào bụng, có mang rồi sinh ra ông. Quốc Tuấn lớn lên thông minh, dung mạo được thầy tướng cho rằng 'Có tài kinh bang tế thế'.

Quốc Tuấn được thân phụ mời nhiều bậc thầy giỏi văn võ về dạy, nên chẳng bao lâu đã trở thành một người văn võ toàn tài, không chỉ thông hiểu kinh sử lẫn binh pháp, mà còn tự rút ra được những ưu khuyết điểm, hình thành những bài học thích hợp trong các hoàn cảnh khác nhau cho bản thân, khi lo việc nước, viết thành văn sách lưu truyền cho hậu thế.

Năm 1257, khi mới 25 tuổi, ông đã được lãnh ấn tiên phong đến vùng biên giới Quý Hóa (Lào Cai hiện nay) đối đầu với quân Mông Cổ.

Sau đó Quốc Tuấn đã giúp vua Trần 3 lần đánh thắng quân Mông Cổ - một cường quốc từng đánh chiếm, đô hộ nhiều nước từ Đông sang Tây, chỉ thua duy nhất một nước Việt Nam, dưới tài điều binh khiển tướng của Trần Quốc Tuấn - tức Hưng Đạo Vương.

Ở đây chúng ta chỉ nghiên cứu về tài năng của Trần Quốc Tuấn trên 3 yếu tố Nhân - Trí - Hùng, hầu có thể rút ra những bài học hữu ích trong việc giáo dục, đào tạo, hun đúc nhân tài:

****Lòng Nhân:**

Lòng Nhân của Trần Quốc Tuấn là biết vận dụng yếu tố Nhân Hòa bằng tình 'đồng bào' một cách sâu rộng, thể hiện nổi bật qua việc biết vận dụng quần chúng Quân & Dân tham dự 2 hội nghị Bình Than và Diên Hồng, hiệp lực cùng nhau dẫn thân tham gia chiến trận, cả gián tiếp lẫn trực tiếp một cách khôn khéo, tạo ra hiệu ứng lớn lao khi quân & dân phấn khởi cùng nhau hết lòng & hết sức chiến đấu, đánh thắng quân Mông Cổ là đội quân dững mãnh từng xâm lăng khuất phục được nhiều nước trên thế giới, từ đông sang tây đương thời:

-Trực tiếp: Tháng 11-1282, ông khuyên vua triệu tập các tướng lãnh họp Hội nghị Bình Than bàn kế đánh giặc. Ông đã hiến kế được ai nấy tin tưởng, Vua Trần Nhân Tông làm lễ trao ấn kiếm Tiết chế toàn quyền điều quân khiển tướng cho ông.

-Gián tiếp: Tháng 12-1284, khi quân Mông Cổ cử Thái tử Thoát Hoan đem 500.000 quân sang đánh phục thù, Trần Quốc Tuấn lại cố vấn vua Trần mở Hội nghị Diên Hồng, mời các bô lão trong nước về dự yến tiệc, bàn việc chống xâm lăng.

Nhờ hai hội nghị này mà quân dân hạ quyết tâm giúp triều đình chống xâm lăng. Đây là một công cuộc vận động tâm lý chiến không tiền khoáng hậu trong sử Việt, tạo được tinh thần Quân & Dân đồng tâm nhất trí chống xâm lăng, đưa đến kết quả vẻ vang không chỉ trong Sử Việt, mà còn cả trong Thế giới Sử.

****Trí Sáng:**

Trần Quốc Tuấn dụng binh trên nguyên tắc 4 cùng: cùng ăn - cùng ở - cùng làm - cùng chiến đấu, khi luôn biết cách sát cánh cùng quân binh, viết Hịch Tướng Sĩ thân thiết tác động lòng quân, viết sách Binh Thư chỉ dẫn chiến thuật bài binh bố trận một cách sáng suốt hữu hiệu, từ cách dụng người đến cách dụng binh.

Thành công vẻ vang của Trần Quốc Tuấn còn là trí óc sáng suốt vận dụng tốt 2 yếu tố Thiên thời và Địa lợi trong mỗi tình thế, mỗi trận đánh.

Trong Hịch Tướng Sĩ, Trần Quốc Tuấn đã vận dụng tâm trí qua ngòi bút của mình, nêu ra những thảm cảnh thua trận mất nước, khiến lòng quân như thấy

trước được hậu quả của việc thua trận ra sao, mà quyết tâm đánh giặc; hình thành một áng văn tâm lý chiến bất hủ, rất đáng để mọi thời đại dùng trong việc động viên tinh thần binh sĩ trước nạn ngoại xâm.

Sau năm 1975, sau khi ai nấy phải chứng kiến thảm cảnh bại trận của quân dân Miền Nam, mới thấm thía những điều vạch ra trong Hịch Tướng Sĩ của Hưng Đạo Vương?!

Ngoài ra, trong sách Binh Thư Yếu Lược của mình, Trần Quốc Tuấn nói về thuật dùng người một cách khác thường:

'Việc binh không phải là việc lành. Tài lợi cũng dùng, tài hại cũng dùng. Người võ thì hay giết, người dũng thì hay ác, người trí thì hay dối trá, người mưu thì hay tàn nhẫn. Việc binh không thể bỏ sót người võ, người dũng, người trí, người mưu; tức là không bỏ sót người hay giết, người độc ác, người dối trá, người tàn nhẫn.

'Cho nên khéo chế ngự thì dùng lấy tài năng mà bỏ điều hung ác, thu điều ích mà ngăn điều tổn. Thế thì thiên hạ không ai là không tài. Quân thù cũng có thể dùng được, quân giặc cũng có thể vỗ về, trộm cướp cũng có thể dụng, cho đến kẻ dám khinh nhờn pháp luật, bỏ đi theo địch, cũng đều có thể sai khiến được.

...

'Người làm tướng phải có lòng dạ, phải có tai mắt, phải có nanh vuốt. Không có lòng dạ thì như người đi đêm không có đuốc, không có tai mắt thì như người ở trong xó tối, không có nanh vuốt thì như người đói ăn phải vật độc, không trường hợp nào là không chết.

'Cho nên người tướng giỏi phải có người nghe rộng biết nhiều để làm lòng dạ, người xét sâu kín đáo để làm tai mắt, người dũng cảm giỏi đánh để làm nanh vuốt.

'Kể ra dùng người ngu mà thắng người trí là nghịch; dùng người trí mà thắng người ngu là thuận; dùng người trí mà thắng người trí là cớ.

'Cớ có 3 đường: 1/ Cớ về việc - 2/ Cớ về thế - 3/ Cớ về tình.

'Cớ về việc, khi đã xảy ra mà không có thể ứng phó thì không phải là hiền.

'Cớ về tình, bịnh mà không gắng làm được thì không phải là dũng.

'Người tướng giỏi tất nhân cớ mà giữ phần thắng.

Do biết cơ trí dùng người đủ loại, tùy người giao việc, biết mình biết người... mà Hưng Đạo Vương đã bình tĩnh đối phó quân Mông Cổ, đạt thắng lợi vẻ vang.

Trần Hưng Đạo còn là người cơ trí trong việc hưu binh, khi trong 26 năm hưu chiến (1258 - 1284) sau lần đánh thắng quân Mông Cổ thứ nhất, ông đã thể hiện kế sách tạm giảng hòa để chuẩn bị cho cuộc chiến sắp tới, bằng những mưu lược không chỉ luyện quân, mà còn tác động tâm lý chiến mạnh mẽ hữu hiệu vào lòng quân dân, qua 2 hội nghị Bình Than (1282 cho vương hầu, quan

lại, tướng soái), Diên Hồng (1285 cho các bô lão, đại biểu uy tín của dân), tạo quyết tâm 'Sát Thát' (giết quân Mông Cổ xâm lăng).

****Tính Hùng:**

Đặc tính Anh Hùng của Trần Quốc Tuấn không chỉ dừng lại ở chỗ giúp nước chiến thắng giặc ngoại xâm, mà còn biết ứng dụng Nhân và Trí một cách tuyệt vời để chiến thắng một kẻ thù hùng mạnh nhất thế giới đương thời là quân Mông Cổ.

Nhờ chiến thắng quân Mông Cổ, mà Hưng Đạo Vương được liệt vào hàng 10 vị tướng tài danh nhất của nhân loại.

Hơn hết, Trần Quốc Tuấn vì dân & nước mà quên thù nhà, giúp Quốc gia & Dân tộc thoát khỏi nạn ngoại xâm. Đây chính là tính 'hùng' khi tận tụy hy sinh cho đại nghĩa, quên bản thân và gia đình của mình.

Điều này hiếm thấy trong sử sách, vì ngay như Trương Lương bên Tàu cũng ích kỷ khi 'công thành' thân mới chịu 'thoái'. Nguyễn Trãi cũng chỉ vì không biết 'thoái' mà liên lụy thân tộc khi bị chu di tam tộc?!

Nhận Định

Bài học từ Trần Quốc Tuấn là muốn làm Anh Hùng cần phải tự tao luyện 2 đức Nhân và Trí, biết ứng dụng 2 yếu tố này một cách hữu hiệu trong những hoàn cảnh khó khăn hung hiểm.

Trên đời có 2 loại Anh Hùng:

**Anh hùng tạo thời thế.*

**Thời thế tạo Anh Hùng.*

thì Trần Quốc Tuấn đã từ một thời thế khó khăn nhất, tạo ra một thời thế thuận lợi nhất cho mình hành động.

Như vậy với Trần Quốc Tuấn, 3 yếu tố Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa đều đã được ông vận dụng, và là người đã biết đưa yếu tố Nhân hòa lên hàng đầu trong hành động vệ quốc qua 2 hội nghị Dân Quân là Bình Than và Diên Hồng, để đạt thắng lợi không tiền khoáng hậu.

Từ Trần Quốc Tuấn cho thấy, nếu 2 yếu tố Thiên thời và Địa lợi là khách quan, thì yếu tố Nhân hòa bao hàm cả 2 phương diện Khách quan và Chủ quan, do phải dùng Chủ quan tài đức mới có thể thuyết phục thiên hạ Khách quan vốn dĩ rất bàng quan?

Ngày nay, ai cũng biết và kêu gọi mở Hội nghị Diên Hồng để kết hợp cứu quốc, nhưng thiếu một nhân vật đủ tài đức khiến ai nấy tin phục, hợp tác?

Phải chăng do vậy Trần Quốc Tuấn mới được tôn làm 'Đức Thánh Trần', vượt lên trên các vị anh hùng & liệt nữ được phong thần tại Việt Nam bấy nay?

[Đúng về phương diện đạo lý, nơi đây chúng tôi xin được mở một ngoặc đơn, là sự tôn Hưng Đạo làm bậc 'Thánh nhân Việt' còn xứng đáng hơn nữa, khi ngài đã làm một việc cho thấy quan niệm 'Tam Cương' của vị thánh Khổng Tử

Trung Quốc không còn đúng, khi Trần Quốc Tuấn không nghe lời cha trăn trối là phải giết vua trả thù, hết lòng giúp 3 đời vua Trần một cách tận tụy, cư an - tư nguy; khiến Quốc gia & Dân tộc thoát khỏi ách ngoại xâm, phát triển hưng thịnh.]

Ba nhân tố Nhân - Trí - Hùng ở Trần Quốc Tuấn, so với Nguyễn Trãi cao hơn nhiều bậc, khi Nguyễn Trãi bị chu di tam tộc vô cùng bi thảm?!

Trong sách Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thời Sĩ, trang 249 ghi nhận:

'Thông luận bàn rằng: Hưng Đạo cũng như Quách Tử Nghi đời Đường, mà cảnh ngộ lại khó hơn, là người họ nhà vua, giữ binh quyền, bị tiếng nghề vặc, có tài văn võ, mà không dám cậy tài; anh hùng lừng danh hai nước, mà không dám khoe công; thế lực có thể lật núi lấp sông mà lúc nào cũng kính cẩn như có vua trước mặt. Xem đến việc làm của ông, thì theo đại nghĩa chứ không theo lời cha, chỉ biết có nước chứ không biết đến nhà, bỏ cái sắt nhọn đầu gậy để đi hộ giá, rút guồng mà kể tội con, sự trung thành ấy tỏ như mặt trời. Ví với Quách Tử Nghi còn hơn một bậc.

Qua nhận định trên, chúng ta thấy Trần Hưng Đạo được tôn là bậc Thánh Nhân của Quốc gia & Dân tộc, là do ông biết quên bản thân, quên gia đình... chỉ nghĩ đến lợi ích của Quốc gia & Dân tộc, hết lòng vì dân vì nước, mới được Quốc gia & Dân tộc tôn kính, thờ phượng tri ân.

Bấy nay, hầu hết những người giúp nước thường vì bản thân mà chỉ nghĩ đến 'lợi danh' hơn là 'công danh', nên mới bị người trên coi rẻ, kẻ dưới xem thường, sử sách không vinh danh?!

Một khi dẫn thân lo đại sự, thì cần biết coi nhẹ các tiểu sự thuộc bản thân, gia đình, đảng phái, tôn giáo... khuyến khích mọi người đồng tâm lo cho mẫu số chung là Quốc gia & Dân tộc, hiểu rõ tôn giáo, đảng phái... chỉ là những tử số, nên không thể nào coi trọng ngang bằng với mẫu số chung.

Sách 'Almanach - Những nền Văn minh Thế giới' nhận định:

'Trần Hưng Đạo có công cống hiến rất lớn cho nền nghệ thuật quân sự Việt Nam, đặt cơ sở cho việc hình thành Binh pháp Việt Nam, để lại cho đời sau các sách Binh Thư quý giá. Ông không những là một vị Thống soái lỗi lạc, mà còn là một nhà tư tưởng lớn. Ông có quan điểm biện chứng về quân sự, biết điều kiện khách quan và chủ quan, nhận thấy những mâu thuẫn trong chiến tranh và biết cách giải quyết các mâu thuẫn'.

VVTKLAD

Nhân - Trí - Hùng **Nguyễn Bình Khiêm** (1491 - 1585)

Nguyễn Bình Khiêm là một tấm gương sáng về ý thức Quốc gia & Dân tộc, khi coi sự đối đầu giữa các thế lực trong một quốc gia là hiểm họa chung, cần phải tìm mọi cách hóa giải, không được về hùa bất cứ phe nào, gây chia rẽ tưởng tàn. Nguyễn Bình Khiêm đã dùng khả năng lý số khuyên bảo cả 3 họ Mạc - Trịnh - Nguyễn biết ngả tiến lui mà giảm đối đầu tưởng tranh, đưa khoa Lý Số học lên hàng danh môn chính phái, rất đáng được nghiên cứu một cách chính đáng, giảng dạy quảng bá như một khoa học nhân luân trong Đạo đức Siêu hình học.

Nguyễn Bình Khiêm tự Hanh Phủ, hiệu Bạch Vân Cư Sĩ, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương.

Ông vốn người rất thông minh, lại được cha mẹ là những bậc túc nho, xuất thân từ các gia đình danh gia vọng tộc (Mẹ là con gái Hộ bộ Thượng thư Nhữ Văn Lân - Cha là Thái học sinh Nguyễn Văn Định), theo học các vị danh sư như Bảng nhãn Lương Đắc Bằng... nhưng gặp thời thế suy đồi thời Lê Mạc, ông am hiểu lý số nên không ra thi, mở trường dạy học ở nhà.

Năm 1534, thời Mạc Đăng Doanh, khi đã 45 tuổi ông mới nghe lời khuyên của thân hữu đi thi, đậu Trạng nguyên, được vua Mạc trọng dụng, làm quan đến chức Lại bộ Tả thị lang.

Ông làm quan được 8 năm, từng dâng sớ xin trị tội 18 lộng thần nhưng không được vua nghe, nên cáo lão về trí sĩ. Vua Mạc kính trọng, khẩn khoản mời ông giữ chức Công bộ Thượng thư, song ông lại xin trí sĩ ngay, từ đó vui sống ẩn dật, dùng khoa lý số giúp đời về nhân luân một cách chính đáng, cho tới lúc mất khi đã 95 tuổi.

Đền thờ Nguyễn Bình Khiêm là một ngôi đền nhỏ, nằm khiêm tốn như tên ông gần bên bờ sông Tuyết, u tịch dưới các hàng cây um tùm, có hàng chữ 'Quốc Công Từ' ghi tước 'Trình Quốc Công' nhà Mạc đã phong trước khi ông mất.

Trong đền có bức hoành phi ghi 4 chữ lớn:

'Như Nhật Trung Thiên'

(như Mặt Trời giữa Trời - là sự đánh giá của người sau về ông).

Cũng trên bờ Tuyết Giang này, Nguyễn Bình Khiêm đã dựng quán Trung Tân, có bài bia danh tiếng, nội dung không chủ trương trung với một cá nhân nào dù đó là một ông vua, mà chỉ trung với lẽ phải, với điều thiện, với chính nghĩa là nghĩa vụ mỗi người cần thực hiện... như "Nhật Trung Thiên".

Tiếp đó là bức hoành phi thứ hai ghi:

'An Nam Lý Học'

là chữ của sứ giả nhà Thanh tên Chu Xán về sau ghi nhận, chép trong tập 'Sứ Giao Ngâm' phổ biến bên Trung Quốc, mà học giả Lê Quý Đôn đọc thấy, về ghi lại.

Trong đền có câu ghi:

'Lý học thâm nguyên Trình tiên giác'

(tức Trạng Trình hiểu sâu sắc lý học, biết trước các việc).

Hiện nay trong kho lưu trữ sách của Viện Hán Nôm Hà Nội, có lưu trữ 4 bản Sấm Ký khác nhau của Nguyễn Bình Khiêm mang các danh hiệu:

- Trình Quốc Công Sấm Ký, số hiệu AB354.
- Trình Tiên Sinh Quốc Ngũ, số hiệu AB 444.
- Trình Quốc Công Sở Chế, số hiệu VH 2261.
- Trình Quốc Công Ký, số hiệu VNv 102.

Nội dung Sấm Ký là hàng trăm câu thơ khó hiểu, chỉ khi sự việc trên thực tế xảy ra mới có thể biết.

Như câu:

'Bát Kê chết ở giữa trời'

ứng vào việc Toàn quyền Pháp Pasquier chết vì tai nạn máy bay trên trời...

Một điều đáng chú ý là ngay từ nhiều năm trước, Nguyễn Bình Khiêm đã dùng 2 chữ 'Việt Nam' để chỉ nước Nam, là chữ vua Quang Trung sau này dùng chính thức đầu tiên khi thống nhất đất nước.

Bàn về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Bình Khiêm - một nhân vật có rất nhiều huyền thoại về lý số - chúng ta có thể rút ra được nhiều bài học quý giá khác nhau:

Vấn đề Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa

Là một người am hiểu về lý số thâm sâu, Nguyễn Bình Khiêm đã bỏ không ứng thi mấy khoa thi đời Lê, đến đời Mạc mới ra ứng thí vì thấy đất nước thanh bình.

Theo sách Đại Việt Sử ký (quyển 15 trang 27) ghi: 'Nhà Mạc xuống lệnh cấm các xứ trong ngoài dân chúng không được cầm giáo mác, dao nhọn, binh khí đi đường, ai trái lệnh bị bắt. Từ đó kẻ buôn bán hành nhân đều đi lại tay không. Đêm không trộm cướp. Người ta đuổi trâu bò ra đồng chẳng cần lừa về, một tháng kiểm điểm một lần, có khi chúng đẻ con ra thêm thì chẳng biết là súc vật nhà nào nữa. Trong 10 năm liền đi đường không lượm đồ rơi. Cửa ngoài không cần đóng kín'.

Theo sách Lê Triều Hưng Quốc Công Nghiệp, cũng kể lại cảnh tượng thiên hạ thái bình, dân gian vui sướng của những năm Mạc Đăng Doanh trên ngôi:

"Trúng mùa luôn, thóc rẻ gạo hơn, thuế nhẹ, dịch ít, ai nấy no đủ thư thái, lại

thêm tư pháp nghiêm minh, quan lại thanh cần, trộm cướp mất tằm, đêm không nghe tiếng chó cắn, đi đường không ai thềm nhặt của rơi".

Điều này chứng tỏ Mạc Đăng Dung không hẳn là kẻ xấu xa như các sử thần đệ tử Nho Giáo ghi chép, nên mới được Nguyễn Bình Khiêm tin tưởng? Một truyền thuyết kể rằng mẹ của Nguyễn Bình Khiêm rất giỏi về khoa tướng pháp, khi thấy Mạc Đăng Dung đã than là gặp quá trễ một người có tướng đế vương để lấy làm chông...

Nhưng khi ra làm quan đối diện với thực tế, thấy 2 yếu tố Thiên thời và Nhân hòa có nhiều bất lợi, Nguyễn Bình Khiêm đã từ quan về ở ẩn, dùng tài lý số của mình khuyên nhà Mạc lên phía bắc nương thân, răn họ Trịnh không thoán đoạt ngôi vua, giúp Nguyễn Hoàng trốn vào miền nam lập nghiệp. Cả 3 dòng họ này đều tin tưởng tuân theo lời khuyên của Nguyễn Bình Khiêm, nên Quốc gia & Dân tộc đương thời mới phần nào giảm bớt nội chiến tương tàn. Khi nghiên cứu về vấn đề lý số, qua Nguyễn Bình Khiêm, chúng ta có thể chia làm 3 bậc cao thấp rất khác và cách biệt xa nhau, lợi hại cũng vì thế mà khác hẳn nhau:

****Bậc Thấp:**

Là những kẻ xem Tướng - Số mà chúng ta thường thấy ngoài đời xưa nay, khả năng chỉ biết căn cứ vào sách vở để nói về những điều bất biến của lá số, của hình tướng... mà không biết đến phần ảo diệu biến hóa trong mỗi lá số của các chính tinh, phụ tinh khi chúng có những tương tác với tướng người và nghề nghiệp của mỗi người khác biệt kỳ diệu ra sao... Về Hình tướng còn có thể được Tinh tướng, Thần tướng giúp biến đổi mạnh mẽ như thế nào tùy theo tuổi tác? Xem tướng số mà không biết 'khuyến thiện trừ gian' sẽ tạo ra những nghiệp chướng oan trái cho mình và cho người?!

Lối xem lý số này rất ác hại cho người xem lẫn kẻ đi xem, nên hầu hết các 'thầy lý số' thương mại thường có gia cảnh lụn bại dần, dù một thời có thể ăn nên làm ra?!

****Bậc Trung:**

Là những người hiểu lẽ biến dịch phi thường của lý số, tướng số... giúp kẻ "tốt" gặp hạn họa biết cách né tránh, chịu đựng trong một thời gian, giảm bớt tai ương. Còn nếu thấy kẻ "xấu" thì biết lựa lời răn đe khó thành công, mà bản thân còn có thể bị tai ương?

Cụ thể, không chỉ nhìn vào lá số, mà còn nhìn vào tướng mạo, gia thế, gia cảnh, nhất là nghề nghiệp của đương sự đang ở vào thời gian và không gian nào của cuộc đời, để cố vấn hữu hiệu cách vượt qua các đại tiểu hạn.

Người xem lý số bậc trung thường hết lòng giúp những gia đình mâu thuẫn, cá nhân thất thế... biết cách chịu đựng trong các năm hạn họa, để không chỉ tai qua nạn khỏi, mà còn có thể phục hồi chính đáng, nhanh chóng. Vì xưa nay nếu can đảm vượt qua được cơn **bĩ cực** một cách quang minh chính đại, ngay

sau đó sẽ được hưởng một thời kỳ **thái lai** rất rực rỡ huy hoàng - không chỉ lợi ích cho bản thân, mà còn có thể trở thành người hữu ích cho xã hội, quốc gia. Tưởng cũng nên biết các năm hạn tốt hay xấu thường từ 3 đến 5 năm, nên các nước Tây phương đặt ra các nhiệm kỳ 4 hoặc 5 năm cho các vị nguyên thủ lãnh đạo, vô hình chung đã thích hợp với khoa Tử vi Đông phương - khi hết thời hạn tốt thì cũng hết hạn cầm quyền, tránh ảnh hưởng xấu của cá nhân cho quốc gia & dân tộc?

****Bậc Cao:**

Là những người có khả năng xem tướng số cho cả một dòng họ quyền thế, một triều đại, có thể cố vấn chỉ dẫn những đường lối sáng suốt, không chỉ tránh tai họa, mà còn có thể đạt tới những lợi ích nhiều năm, nhiều đời. Nguyễn Bình Khiêm chính là người đạt trình độ xem lý số ở bậc cao nhất, vì đã giúp 3 triều đại Mạc - Trịnh - Nguyễn tương tranh đương thời, biết nhận ra 3 yếu tố Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa, để có thể cùng nhau tồn tại: Nhà Mạc hùng cứ phía bắc - Nhà Nguyễn hùng cứ phía nam - Nhà Trịnh phò Vua Lê nhiều đời hùng cứ trung ương.

Sử sách ghi lại: *'Tôn thất nhà Mạc sau khi bị Trịnh Tùng (phò Lê) đánh bại ở Thăng Long, đã chạy lên vùng Phúồng Nhồn (Bắc Giang) rồi tới Cao Bằng cố thủ được thêm mấy đời, là do đã theo chỉ dẫn của Nguyễn Bình Khiêm. Việc họ Trịnh không dám đoạt quyền vua Lê, là theo lời Nguyễn Bình Khiêm dạy 'Thờ Bụt mỗi được ăn oản'. Nguyễn Hoàng vấn kế Nguyễn Bình Khiêm được bảo 'Hoàng sơn nhất đá, khả dĩ dung thân', xin Chúa Trịnh cho vào trấn thủ đất Thuận - Quảng. Phả ký nhà Nguyễn đã đổi 2 chữ 'khả dĩ' thành 'vạn đại'.*

Nếu ngày nay nhờ các tư liệu về tướng số phổ biến khá nhiều trên internet, hoặc trong các sách lý số, ai nấy chịu tìm hiểu để biết mình & biết người, kịp thời khuyên bảo nhau tiến thủ hợp lý, ắt khoa lý số sẽ không chỉ dừng lại ở chỗ mê tín dị đoan nhảm nhí, hại nhiều hơn lợi; mà còn có thể trở thành một bộ môn khoa học giáo dục nhân luân mới mẻ hữu ích?

Tháng 5-1995, bản thân chúng tôi có xuất bản sách Tâm Dịch Lý Học, ký bút hiệu Thiên Cơ Dật Sĩ, sau khi nghiệm chính bản thân thấy đây là một khoa Luận lý học về Nhân sinh, giúp người ta trong lúc hoạn nạn có thể tìm ra 8 cách đối phó khác nhau, sau khi lấy một quẻ Dịch.

Cụ thể sau 6 lần gieo quẻ bằng 3 đồng tiền, nếu trong đó một quẻ có 3 âm hay 3 dương tức là quẻ ứng, vì sẽ biến hóa từ hiện tại qua tương lai ra sao, hầu có thể đối phó hữu hiệu.

Đến nay là tháng 10-2015, tức sau 20 năm viết sách này, dùng sách này giúp bản thân và một số thân nhân & bằng hữu ứng phó tốt vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, đã nghiệm thêm ra một số điều mới mẻ:

Theo bản đồ 64 quẻ dịch nơi trang 7 của sách, chia thành 8 nội quái (tức quẻ ở dưới thuộc người xem bói dịch) và 8 ngoại quái (tức quẻ ở trên thuộc đối

phương), thay vì chỉ giải quẻ theo sự biến của quẻ mới như cách xem quẻ dịch trước đây, thì nên xem cả 8 quẻ khác nhau theo sự kết hợp giữa các nội quái và ngoại quái, để tìm xem giải pháp nào ứng phó thích hợp nhất.

Thí dụ khi gieo quẻ thấy Nội quái là Thủy, Ngoại quái là Phong, kết thành quẻ Cấu, nhưng Ngoại quái linh ứng với 3 âm biến thành Dương nên thành quẻ Thiên, hình thành quẻ Tụng, tức sự việc sẽ phải đi tới tòa án.

Quẻ Tụng cho thấy đối thủ cho mình là 'Trời' nên thường xuẩn động, không hiểu rằng Trời có lúc sáng lúc tối, nên chỉ cần kéo dài vài năm, ắt sẽ bị biến đổi, đang 'thông' sẽ thành 'cùng'.

Trong 8 quẻ đối phó lần lượt từ trên xuống dưới có các quẻ Thuần Càn, Ly, Đờng Nhân, Vô Vọng, Cấu, Tụng, Độn, Bí, thì thấy quẻ Đờng Nhân là cách ứng phó tốt nhất, do quẻ khuyên nên bình tĩnh bàn bạc cách ứng phó cùng nhiều người, nên thực hiện. Kết quả không lâu đối thủ bị mất đi các yếu tố thuận lợi, nhận ra thế yếu, sẽ phải chấp nhận nhượng bộ.

Vấn đề Nhân - Trí - Hùng

Nghiên cứu cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Bình Khiêm, chúng ta thấy ông đã vượt qua được cái học từ chương theo sách vở của mình, để từ kẻ 'học thức' trở thành người 'trí thức', khi biết dùng sở học đạt đến những cảnh giới cao đẹp hữu ích của **"Lòng Nhân - Đức Trí - Tính Hùng"** theo truyền thống Tiên Rồng Việt Nam.

****Lòng Nhân:**

Mỗi người đều có thể tùy theo khả năng, sở trường của mình để thi thố lòng Nhân với mọi người, từ phạm vi nhỏ là gia đình, xã hội, đến phạm vi lớn Quốc gia & Dân tộc, Nhân loại.

Theo học giả Dương Quảng Hàm trong sách Quốc Văn Trích Diễm, vào năm Quảng Thiệu (1516 - 1522) đời vua Lê Chiêu Tông có việc biến loạn; Trịnh Tuy, Mạc Đăng Dung đều muốn tranh quyền, đánh nhau mấy năm. Nguyễn Bình Khiêm tuy đang ở ẩn, tính số Thái Ất đoán biết nhà Lê lại khôi phục được, ông làm một bài thơ để cảnh báo cả hai nhà Trịnh, Mạc, giúp tình hình êm đẹp:

*'Non sông nào phai buổi bình thời
'Thù đánh nhau chi khéo nực cười
'Cá vực chim rừng ai khiến đuổi
'Núi xướng sông huyết thảm đầy nơi
'Ngựa phi ắt có hồi quay cổ
'Thú dữ nên phòng lúc cắn người
'Ngán ngấm việc đời chi nói nữa
'Bên đằm say hát, nhớn nhỏ chơi.*

Nguyễn Bình Khiêm còn hiểu lý lẽ Nhân Hòa, tìm cách dung hòa các thế lực tương tranh giữa Mạc - Trịnh - Nguyễn, qua những lời khuyên dựa theo lý số:

*-Hoành Sơn nhất đại,
'Khả dĩ dung thân.*

...

****Trí Sáng:**

Nguyễn Trãi tuy tài giỏi, nhưng lại bị coi là người bất trí, khi không biết lẽ tiến thủ, hệ lụy đến cả dòng họ, bị chu di tam tộc?!

Nguyễn Bình Khiêm rất thận trọng khi dấn thân, nhưng không vì thế mà kém khí phách. Lúc dâng sớ xin trị tội 18 lộng thần không được, ông liền cáo quan, tuy tránh họa cho bản thân, nhưng không vì thế mà tỏ ra tiêu cực, vẫn tìm cách cố vấn cả 3 triều đại Mạc - Trịnh - Nguyễn đang tương tranh, biết tôn trọng vua Lê, giữ kỷ cương quốc gia.

Cái Nhàn của Nguyễn Bình Khiêm là cái Nhàn của một bậc trí giả, tuy thoát tục nhưng vẫn gắn bó với thiên nhiên và xã hội đương thời trong cuộc sống, nên đạt được cảnh giới ung dung tự tại:

*'Một mai, một cuốc, một cần câu
'Thỏ thần dù ai vui thú nào
'Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
'Người khôn, người đến chốn lao xao
'Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
'Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao
'Rủo đến gốc cây ta sẽ nhấp
'Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

****Tinh Hùng:**

Nếu Hùng là sự lập thân lấy việc giúp đời làm trọng, thì Nguyễn Bình Khiêm tuy chẳng một lần cầm quân đánh giặc, nhưng chính ông đã căn cứ vào khoa lý số, chỉ cần dùng những lời khuyên tận tình đạt lý của mình thuyết phục giới chức quyền hàng đầu, cũng khiến Nhà Mạc bỏ lên phía Bắc lập nghiệp, Nhà Trịnh không dám phệ triều Lê, Nhà Nguyễn tránh vào phía Nam khẩn hoang giúp nước mở mang bờ cõi.

Nếu không có những lời khuyên của Nguyễn Bình Khiêm, nước Việt thời đó hẳn sẽ còn tao loạn khủng khiếp nhiều hơn thế nữa.

Do vậy anh hùng có nhiều cách giúp đời khác hẳn nhau, nên không cứ phải cầm quân giết giặc mới là anh hùng?

Nhận Định

Nguyễn Bình Khiêm là một tấm gương sáng về nhiều phương diện có thể giúp dân, giúp nước khác nhau.

Lý thú nhất là việc ông đã có thể biến khoa lý số thành một phương tiện giúp Quốc gia & Dân tộc tránh bớt can qua, giảm bớt tai họa.
Ngày nay chúng ta cũng nên nghiên cứu lý số theo chiều hướng giúp mọi người am hiểu về lẽ tiến thủ, sự hưng thịnh nhất thời, để có thể từ đó dẫn thân tiến lui duy trì hưng thịnh lâu dài... giúp đời một cách hữu ích.
Nếu khoa Chính trị học có thêm một bộ môn về lý số và tướng pháp, giúp các nhà lãnh đạo lớn nhỏ có thể biết mình & biết người mà tìm người & chọn người & dùng người theo tướng pháp - như Hồ Chí Minh dùng những nhân vật có hình tướng cổ quái như Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng... - cũng như nhận ra thời thế qua tướng số các nguyên thủ... âu cũng là một điều lợi ích không nhỏ?

Tuy không hiểu về lý số theo kiểu Đông phương, nhưng Âu Mỹ Úc quy định thời gian cầm quyền theo các thời hạn 3, 4, 5 năm, là phù hợp với các niên hạn thịnh suy của mỗi nguyên thủ mà khoa tử vi quy định?

Thiền nghĩ, chúng ta cũng nên biết đôi chút các quan niệm khác nhau về 'số mệnh' khi bàn về Lý Số và Nguyễn Bình Khiêm:

Nho giáo quan niệm:

'Nhất ẩm, nhất trác giai do tiền định'

(cho rằng một ngụm nước uống, một miếng ăn cũng đều do Trời định từ trước).

Nhưng Mặc Tử lại cho rằng:

'Số mệnh của mỗi người chúng ta không do Trời định, mà do chính chúng ta quyết định'.

Vì:

'Mọi họa phúc, thành bại của con người đều là kết quả do hành vi của con người gây nên; là tại sức người chưa đủ, lực người chưa mạnh, tuyệt nhiên không phải do số mệnh như Nho gia quan niệm'.

Quan niệm của Mặc Tử gần đây được một triết gia Ấn Độ là Sarvepalli Radhakrishnan đồng ý, khi cho rằng ***có thể dĩ vãng ấu thử là do Trời định, nhưng hiện tại và tương lai khi đã trưởng thành có ý thức là phải do chính mỗi người quyết định.*** Sarvepalli lấy ví dụ mỗi chúng ta lúc chơi bài, được chia cho những lá bài ngoài ý muốn, nhưng khi đánh bài thì chính chúng ta phải tự quyết định để thắng hay bại.

Hiểu như vậy, việc đoán tướng số mang trách nhiệm thông báo cho người xem tùy số mệnh mà vẫn có thể tự lựa chọn cách ứng biến & đối phó & hành động sao cho tốt nhất, như Dịch học quy định mỗi quẻ có tới 8 cách để biến hóa? Muốn vậy cần tránh xa điều ác, hướng về điều thiện? Mỗi khi gặp chuyện xấu, nên hiểu đó là vận hạn không tốt chỉ thử thách trong vài năm, nếu bình tĩnh

chịu đựng ứng phó tốt sẽ vượt qua. Hết cơn bĩ cực, ắt sẽ đến hồi thái lai, như Dịch học xác quyết:

'Số khá bĩ rồi thời lại thái,

'Cổ thường Đông hết, hân sang Xuân.

Nên nhớ là trong cơn bĩ cực mà giữ được sự công chính, lúc thái lai sẽ thoải mái thăng hoa, không bị những điều bất chính gây khó khăn?

Bản thân chúng tôi hơn một lần nhờ am hiểu khoa Lý Số, mà biết nhân các năm hạn, chấp nhận mọi thua thiệt, sau đó qua khỏi, ổn định, phát triển tốt đẹp tử tế, không thẹn với lòng.

Chúng tôi cũng dùng khoa Lý Số giúp một số thân hữu biết an phận thủ thường trong vận hạn, tránh phiền lòng vì các thị phi, ổn định trong gian nguy, vượt khó khăn ngay cả trong bệnh hoạn, tái tạo cuộc sống vui tươi khi qua cơn bĩ cực tới hồi thái lai.

VVTKLAE

Nhân - Trí - Hùng

Nguyễn Công Trứ

(1178 - 1800)

Không gian và thời gian sinh sống của Nguyễn Công Trứ sau thời loạn ly Mạc - Trịnh - Nguyễn phân tranh, rồi Tây sơn - Gia Long tướng tranh... với những hạn thù sâu đậm, không khác gì sau thời Quốc - Cộng ác chiến 1954 - 1975, nên rất đáng để chúng ta tìm hiểu, nghiên cứu, rút ra những kinh nghiệm và bài học cho hiện nay và mai hậu.

Nguyễn Công Trứ tự và Tồn Chất, hiệu Hi Văn, quán làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Cha là Nguyễn Công Tấn đậu cử nhân dưới thời vua Lê. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh đưa Tây Sơn ra Bắc diệt Lê chiếm Thăng Long năm 1787, Nguyễn Công Tấn phò Lê thất bại, bỏ về quê ở ẩn cho đến khi mất năm 1800.

Chính vì Người Cha khảng khái một lòng với vua Lê, không chịu luồn lụy các nhà vua triều đại khác, mà Nguyễn Công Trứ đã phải chịu nhiều vùi dập thời hàn vi, kỳ thị thăng trầm thời hiển đạt - chẳng khác gì con của các Quân Cán Chính VNCH sau 1954 ở Bắc Việt và sau 1975 ở Nam Việt, bị VC cấm làm các công việc chuyên môn, cấm thi vào các trường đại học...

Cuộc đời Nguyễn Công Trứ do vậy cũng ba đào theo cha, nổi chìm theo thời thế, thăng trầm nhiều phen, có thể chia làm 3 thời kỳ khác nhau:

****Thời Hàn vi:**

Nguyễn Công Trứ sinh ra giữa thời tao loạn, năm 11 tuổi thân phụ mất sau nhiều năm ở ẩn, nên gia thế lâm cảnh sa sút. Tuy vậy Nguyễn Công Trứ vẫn

nuôi chí lập công danh giúp đời, gắng sức đèn sách trau dồi cả văn học lẫn võ lược, trở thành một người văn võ toàn tài khi hiển đạt, lập được nhiều công trạng trên nhiều phương diện, hiển hách khác thường.

Năm 1802, khi vua Gia Long tuần du tới Nghệ An, Nguyễn Công Trứ dâng 'Thái Bình Thập Sách', tuy ngoài miệng vua Gia Long ban khen, dặn bảo triều thần chú ý; nhưng trong lòng lại ty hiềm. Tả Quân Lê Văn Duyệt dặn quan trường lấy đậu, nhưng càng bị lưu ý đập vùi nặng nề hơn, nên hơn 10 năm sau vào năm 1813 ông mới đậu Tú Tài, đến năm 1819 mới đậu Giải Nguyên khi đã 42 tuổi.

Trong thời kỳ hàn vi tuy thống khổ, nhưng Nguyễn Công Trứ vẫn tỏ ra là người an bần lạc đạo, qua bài Hàn Nho Phong Vị Phú và những bài thơ than nghèo, có những câu như:

'Ngày 3 bữa vỗ bụng rau bình bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no.

'Đêm 5 canh an giấc ngáy khò khò, đời thái bình cửa thường bỏ ngõ.

...

'Áo vải thô nặng trĩch, lạnh làm mền, nức làm gối, 4 mùa thay đổi bấy nhiêu.

'Khăn lau giắt đở lòm, trái làm chiếu, vận làm quần, 1 bộ ăn chơi quá thú.

Khiến người nay lại nhớ cảnh dân Miền Nam sau 1975:

'Ngày 2 bữa vỗ bụng bo bo bình bịch, người Miền Nam ăn chẳng cầu no!

'Đêm 5 canh dân lành lo lắng lo lắng lo, sau 75 cửa không dám ngõ!

Chính trong thời gian này, Nguyễn Công Trứ chứng kiến tận mắt thảm cảnh quân Tây Sơn ra Bắc, bị Nguyễn Hữu Chỉnh và bọn tay chân đắc thế làm càn - chẳng khác gì quân Cộng sản Bắc Việt khi chiếm miền nam bày ra đủ trò bia ôm, cà phê ôm, cắt tóc ôm... - được Nguyễn Du đương thời mô tả:

'Tướng Tây Sơn mấy gã say sưa

'Thâu đêm hát xướng còn chưa thỏa lòng

'Say châu hát, ôm bông nghiêng ngả

'Vất bạc tiền buông thả, xá gì ai.

(Dịch thoát bài Thăng Long Cầm Giá của Nguyễn Du)

Thời thế Miền Bắc lúc đó cũng chia ra 4 phe như thời sau 1975 ở Miền Nam:

-Phe đưa Tây Sơn ra Bắc Hà (tựa Mặt trận GPMN) như Nguyễn Hữu Chỉnh, tuy đắc một thời nhưng nhanh chóng bị vỗ công đào thải giết hại.

-Phe theo Tây Sơn tại Bắc Hà (tựa bọn thành phần thứ 3 ở Miền Nam như Hồ Ngọc Nhuận, Lm Chân Tín, Lm Nguyễn Ngọc Lan, Ht Trí Quang...) có Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích...

-Trung thành với nhà Lê (tựa Người Việt Quốc Gia) có Phạm Thái, Nguyễn Công Tấn (thân phụ Nguyễn Công Trứ)...

-Phe đón gió mới (tựa bọn trở cờ bị dân gọi là Ông Ba Mươi rất hung dữ) như Đặng Trần Thường...

Nếu nhân vật Phạm Thái thời trước tiêu biểu cho thành phần bất đắc chí, thì Gia đình Nguyễn Công Trứ tiêu biểu cho thành phần tri chí, quyết vươn lên trong nghịch cảnh, rất đáng khâm phục.

****Thời Hiên đạt:**

Chia làm 2 thời kỳ:

1/Thời kỳ hoạt động ngoài Bắc:

Năm 1820 Nguyễn Công Trứ ra làm quan bắt đầu bằng chức Hành tẩu Sứ quán thời Minh Mạng nguyên niên. Hai năm sau bổ Tri huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương.

Năm 1826 làm Hiệp trấn tỉnh Thanh Hóa, tham dự tiêu trừ giặc Lê Duy Lương ở Nông Cống.

Năm 1827 đánh giặc Phan bá Vành, bắt được Phan Bá Vành cùng 765 đồng đảng.

Năm 1828 xin đi dinh điền ở 2 tỉnh Nam Định, Ninh Bình, khẩn hoang vùng ven biển, mộ được 2350, người mở ra các huyện Tiền Hải của tỉnh Thái Bình, huyện Giao Thủy, và 2 tổng thuộc huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, huyện Kim Sơn thuộc tỉnh Ninh Bình. Chỉ vì nhận thấy Phí Quý Trại là người có khả năng khẩn hoang, tự giao cho chức Huyện thừa Tiền Hải, bị triều đình cho là làm mất thể diện giới khoa bảng, nên bị giáng xuống 7 cấp.

Năm 1833 được phục chức cử làm Tham tán quân vụ, theo Tổng đốc Lê Văn Đức đánh giặc Nùng Văn Vân ở Tuyên Quang, vây hãm đốt chết Nùng Văn Vân trong rừng.

Năm 1835 thăng Binh bộ Thượng thư, làm Tổng đốc Hải An, nhưng chỉ 1 năm sau vì để 1 trọng phạm bỏ trốn, bị giáng 4 cấp.

Năm 1840 được thăng Đô sát viên Tả đô Ngự sử, chủ khảo Trường Thi Hà Nội.

2/ Thời kỳ hoạt động trong Nam:

Năm 1841 vua Minh Mạng mất, vua Thiệu Trị nối ngôi. Nguyễn Công Trứ từ Bắc vào triều, thấy Trấn Tây Miền Nam chưa dẹp được giặc, liền xin đi đánh giặc, được cử làm Tán lý Cơ vụ, cùng tướng Trương Minh Giảng đánh thắng nhiều trận, vinh thăng Tham tán Đại thần. Nhưng sau do một lần thất trận phải tạm lui về An Giang thế thủ nhằm bảo tồn lực lượng, mà bị giáng xuống làm Tuần phủ An Giang. Trong khi giữ chức này đã chém được tướng Phiên Tăng của giặc Lâm Sâm, nên phục chức Binh bộ Thị Lang.

Năm 1843 bị quan đồng liêu là Nguyễn Công Nhân ám hại vụ cáo buôn đồ gian, bị cách hết chức tước, đày làm lính ở tỉnh Quảng Ngãi. Lúc này Nguyễn Công Trứ đã 65 tuổi, nhưng vẫn bình thản bận đồ lính trình diện, không chút mặc cảm.

Năm 1845 được minh oan, triệu hồi làm Chủ sự Hình bộ.

Năm 1846 làm Án sát tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1847 thăng Phủ doãn Thừa Thiên khi 70 tuổi. Ông xin về trí sĩ, nhưng vua Thiệu Trị giữ lại.

Năm 1848, vua Tự Đức nổi ngôi, ông lại xin hưu trí mới được chấp nhận, ban hàm Phủ doãn Thừa Thiên.

****Thời Hưu trí:**

Sau gần 30 năm trăng trằm cực kỳ nhiều phen nơi quan trường, Nguyễn Công Trứ thối thía 2 chữ Công Danh và 2 chữ Lợi Danh tuy khác biệt nhưng rất khó phân biệt, ông nói rõ trong thơ:

Thời hàn vi ông quyết lập danh, nhưng là thứ 'công danh' vì nước, vì dân, tạo thể đứng trong Tam tài 'Thiên - Địa - Nhân':

*'Có Trung Hiếu nên **đứng trong Trời Đất,**
'Không **công danh** thì nát với cỏ cây.*

Nhưng sau 30 năm nơi quan trường, ông thấy hầu hết chỉ vì 'lợi danh', nên chán nản:

*'Chen chúc **lợi danh** đà chán ngắt,
'Cúc tùng, phong nguyệt mỗi vui sao.
'Chốn phồn hoa trót bước chân vào,
'Sực nghĩ lại, giật mình bao xiết kể!*

Năm 1852, đời vua Tự Đức thứ 5, dân huyện Tiền Hải nhớ ơn ông, xây dựng sinh từ đón ông như vị thần sống, bị kẻ xấu mật tấu khiến nhà vua đòi về xét hỏi, sau thấy thật tình nên mới bỏ qua.

Năm 1858, khi đã 81 tuổi, nghe tin Pháp đánh thành Đà Nẵng, ông xin ra trận, nhưng vua Tự Đức không cho. Cuối năm vào ngày 14 tháng 11 âm lịch ông mất tại quê Uy Viễn.

Sự kiện này rất đáng để chúng ta ngày nay suy ngẫm, khi Âu Mỹ thường dùng mức tuổi 65 để cho hưu trí, khiến nhiều vị cao niên Việt đã tự cho mình là không còn đủ tài sức để hoạt động. Trong khi đây mới chính là lúc các vị cao niên vừa hết trách nhiệm với gia đình khi con cháu khôn lớn, có thể giành hết thời gian và tiền bạc hưu trí của mình vào những việc công ích trong cộng đồng, đoàn thể... giúp việc quang phục quê hương thuận tiện hơn bao giờ hết?

Vào thời kỳ Hưu Trí, Nguyễn Công Trứ sau bao năm thăng trầm, dấn thân vì nước vì dân hết sức mình, đã nhận ra cả 3 đạo lý của Tam Giáo là Nho - Lão - Phật đều không thích hợp với thực tế cuộc sống quá nhiều hệ lụy:

'Được mất dưỡng người thái thượng

'Khen chê phối phối ngọn đông phong

'Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng

'Không Phật, Không Tiên, Không vũong tục.

Đây quả là một nhân sinh quan thể hiện sự minh mẫn, khi đòi hỏi nhân quan phải vô cùng sáng suốt mới có thể nhận ra 3 yếu tố 'Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa' hầu ứng phó kịp thời hữu hiệu, không rơi vào chỗ thất thổ mà nguy hại đến bản thân; tránh khỏi những hoàn cảnh tư duy một chiều từng khiến nhiều danh nhân lâm cảnh bĩ, thế cùng, ân hận một đời?!

Tìm hiểu Nhân - Trí - Hùng tử Nguyễn Công Trứ:

Bối cảnh lịch sử của Nguyễn Công Trứ có không gian và thời gian tương tự với thời kỳ Hậu bán Thế kỷ XX của Miền Nam Việt Nam, nên rất đáng để chúng ta diễn dịch & quy nạp, rút ra những bài học về nhân sinh quan của một mẫu người anh hùng lập thân hào hùng giữa thời tao loạn cực kỳ.

****Lòng Nhân:**

Lòng Nhân của Nguyễn Công Trứ phải xét trên 2 khía cạnh 'Yêu Minh' và 'Yêu Người', mới có thể rút ra những bài học bổ ích cho đạo Lập Thân:

-*Yêu Minh* là phải trau dồi bản thân trở thành người tài đức, được thiên hạ coi trọng -, sau đó phải biết khiêm cung để không bị mọi người ghen ghét.

Trong các bài thơ và phú viết trong Cảnh Nghèo, Nguyễn Công Trứ có cái nhìn lạc quan khi thi vị hóa nghịch cảnh, không vì nghịch cảnh tàn nhẫn mà nản chí, trái lại còn coi nghịch cảnh như một thử thách khắc khe của các bậc anh hùng:

'Trong lúc trần ai, ai dễ biết?

'Rồi ra sẽ rõ mặt anh hùng.

Nguyễn Công Trứ luôn tự an ủi, khi tin vào thế Tam tài 'Thiên - Địa - Nhân' đòi hỏi bản thân phải vươn lên cao qua sự tao luyện khắc khe, thử thách gian truân:

'Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt,

'Anh hùng khi gặp cũng khoanh tay.

'Còn Trời, còn Đất, còn non nước,

'Có lẽ Ta đâu mãi thế này.

Đây quả là một nhân sinh quan '**Nhân + Trí = Hùng**' mà hầu hết giới trẻ cần bắt chước áp dụng, trong các hoàn cảnh khó khăn, dù ở trong nước cũng như nơi hải ngoại, khi Dân tộc bị Cộng sản trấn áp tù đày cực kỳ tàn ác?

-*Yêu Người* là Nguyễn Công Trứ lập thân không chỉ tao luyện tài đức giúp đời trong 40 năm hàn vi, mà còn cả trong 30 năm hiển đạt, khi thấy quan lại trong triều đình vì lợi danh mà ganh ghét hãm hại nhau; không vì những việc công ích, mà lo cho dân nước theo đường hướng 'công danh'! Do vậy ông 2 lần xin đi khẩn hoang giúp dân một cách cụ thể hữu hiệu, tuy phải đối mặt với những cản phá từ Nhân tai đến Thiên tai, nhưng vẫn kiên trì lập nên nhiều vùng đất trù phú mới, giúp dân nghèo có đất chảng những dung thân mà còn trở nên dư giả.

Người dân kể lại Nguyễn Công Trứ đã thân hành cuốc đất, cùng dân khẩn hoang mấy chục ngàn mẫu đất ở Kim Sơn, Tiền Hải, Hoàn Sơn, Ninh Nhất, Giao Thủy, Nam Trực... lo liệu chu đáo lâu dài việc định cư, di dân, cho dân vay tiền mua hạt giống, nông cụ... đến khi thấy ổn định mới thôi.

Để ghi ơn ông, dân huyện Tiền Hải đã lập đền thờ ngay khi ông còn sống. Điều này cho thấy Nguyễn Công Trứ đã dùng cảm vì dân, rời chốn công đường yên lành, tự nguyện đi khai hoang nơi những vùng đất hoang dã, thành lập những vùng 'kinh tế mới' phồn vinh.

Hai chữ 'kinh tế mới' khiến chúng ta không khỏi nghĩ đến những vùng đất cằn cỗi mà VC đẩy quân cán chính VNCH đi đày sau 1975. Nhưng thay vì làm như Nguyễn Công Trứ đã làm, gia đình các quân cán chính VNCH đã không thể làm được, do vẫn bị VC thường xuyên theo dõi, kiểm chế, trấn áp... thay vì thực tâm giúp đỡ phát triển?!

****Trí Sáng:**

Trí Sáng của Nguyễn Công Trứ là biết phân biệt sự khác nhau giữa Công Danh và Lợi Danh:

-*Công Danh* là cái tiếng tốt do những việc công ích đem lại.

-*Lợi Danh* là cái tiếng xấu do những việc vì tư lợi tạo ra.

Do vậy Nguyễn Công Trứ luôn đề cao Công Danh, chán ghét Lợi Danh:

-*Có trung hiếu nên đứng trong Trời Đất,
'Không **Công Danh** thì nát với cỏ cây.*

-*Chẳng **Lợi Danh** gì lại hóa hay,
'Chẳng ai phiền lụy, chẳng ai rầy.*

-*Chen chúc **Lợi Danh** đà chán ngắt,
'Cúc tùng phong nguyệt mỗi vui sao.*

Ngày nay hầu hết chúng ta không phân biệt được đâu là Công Danh - đâu là Lợi Danh, nên trong cuộc sống rất dễ bị chìm đắm vào chốn Lợi Danh, xa con đường Công Danh, mà lâm vào những bi kịch từ trong gia đình đến ngoài xã hội - đoàn thể, không sao có thể ngóc đầu lên, với tới được tầm vóc anh hùng quốc gia & dân tộc?!

Tài Trí của Nguyễn Công Trứ đã đạt tới Đức Trí của người Trí Thức, khi biết tự tạo cho mình một học thức sâu rộng, khai sáng các kiến thức khác nhau từ trong sách vở đến ngoài cuộc sống, hầu khi lập nghiệp có thể ứng dụng cả về văn lẫn võ và kinh tế... một cách cực kỳ hữu dụng cho nước, cho dân.

Là người có học, đọc được nhiều loại sách của nhiều môn phái đạo lý tôn giáo khác nhau (tam giáo), Nguyễn Công Trứ tùy theo nhu cầu của từng giai đoạn trong đời sống của mình, áp dụng một cách sáng suốt, không câu nệ mà bị lệ thuộc như loại học thức một sách thông thường.

Đây chính là sự thức thời của người học thức, khi có thể vượt lên trên sở học, trở thành người trí thức uyên bác, giúp đời trên nhiều phương diện.

****Tính Hùng:**

Nguyễn Công Trứ đã có công lớn trong việc phục sinh tính Anh Hùng của truyền thống Việt Nam, có từ đời các Vua Hùng thời lập quốc.

Suốt 2.000 năm đầu của nước Việt, các vua Việt đều lấy chữ Hùng làm vương hiệu, chứng tỏ các vua Việt đã sớm có ý thức cao siêu về Vũ Trụ Quan 'Thiên - Địa - Nhân' để hình thành thế bình đẳng trong Tam Tài.

Nhờ vậy mà tín ngưỡng truyền thống Việt thờ Địa Linh & Nhân Kiệt tuy vẫn có Bái Thiên, Bái Địa, nhưng thiên về Bái Nhân một cách sáng suốt, không hề có sự tôn sùng thái quá, quy lụy làm mất nhân tính cao đẹp của Con Người - loài duy nhất được trời sinh đứng thẳng trên 2 chân của mình.

Cụ thể, Người Việt xưa coi Trời như một vị thần linh thân cận, khi vui buồn đều kêu 'Trời' để bày tỏ tình cảm một cách mật thiết:

Khi thấy đúng thì khen:

'Trời có mắt.'

Khi thấy sai thì thẳng thắn chê:

'Trời không có mắt.'

Ai nấy đều có thể tự dựng ra bàn thờ Trời ở nhà để trực tiếp liên hệ. Cụ thể là 'bàn Thiên' trước mỗi nhà ở Miền Nam, chỉ cần đứng thẳng khi khẩn vái. Miền Bắc gần Trung Quốc, bị tha hóa nên chỉ còn lưu lại nơi các đình đền qua việc trực tiếp khẩn vái liên hệ với Trời Đất Thánh Thần, không cần nhờ tới các tu sĩ và kinh sách như các phong tục tín ngưỡng thờ phượng trên thế giới cổ kim, đông tây.

Nguyễn Công Trứ đã nói đến "**thế Đứng**" của người **Anh Hùng** trong Tam tài 'Thiên - Địa - Nhân':

'Đã mang tiếng **'đứng' trong Trời Đất**
'Phải có Danh gì với Núi Sông
'Trong lúc Trần Ai, ai dễ biết
'Rồi ra mới rõ mặt **Anh Hùng**.

Nguyễn Công Trứ nêu hình ảnh của bậc Anh Hùng trong bài thơ 'Chí khí Anh Hùng':

*'Vòng **Trời Đất**, dọc ngang, ngang dọc
'Nợ tang bồng vay trả, trả vay
'Chí làm trai nam, bắc, đông, tây
'Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể.*

*'Nhân sinh tự cổ thùy vô tử
'Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh
'Đã hấn rằng ai nhục, ai vinh?
'Mấy kẻ biết **Anh Hùng** khi vị ngộ.*

*'Cũng có lúc mưa dầm, sóng vỗ
'Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong
'Chí những toan xẻ núi, lấp sông
'Làm nên tiếng phi thường đâu đấy tỏ.*

*'Đường mây rộng, thênh thang cử bộ
'Nợ tang bồng trang trắng, võ tay reo
'Thảnh thơi thỏ túi, rượu bầu.*

Thiển nghĩ, truyền thống Anh Hùng lâu đời của Người Việt từ xa xưa, không chỉ là những việc vệ quốc nơi chiến trận, mà còn là những việc 'cư an & tư nguy' như phương châm trường Sĩ quan bộ binh Thủ Đức của VNCH, giúp dân thời chiến cũng như thời bình.

Cụ thể trong 4 vị Tứ Bất Tử được tôn thờ trong tín ngưỡng thờ Địa Linh & Nhân Kiệt Việt Nam, chỉ có Thánh Gióng là người đánh giặc, còn Tản Viên, Chủ Đồng Tử và Liễu Hạnh có công giúp an dân, phát triển thịnh vượng về kinh tế, thương mại, đạo đức xã hội.

Các vị Thần Thành Hoàng được các làng thờ phụng nơi đình chung, phần nhiều cũng là những người có công giúp dân làng sinh sống hạnh phúc, hoặc yên bình trong các thiên tai bão lụt hạn hán, hoặc qua khỏi tai họa về bệnh tật...

Cụ thể việc dân huyện Kim Sơn lập đền thờ Nguyễn Công Trứ ghi công giúp dân khẩn hoang, lập các khu trù mật, phát triển cuộc sống thịnh vượng nơi hoang dã.

Nhận Định

Trước năm 1975, các sách viết về văn học Việt Nam, thường chỉ chú trọng & đề cao Nguyễn Công Trứ về Nhân - Trí - Hùng qua văn học và võ công một cách điển hình cho quan điểm Nho Giáo khá xa rời thực tế, không không chú ý tới những việc phát triển kinh tế thực tiễn ích quốc lợi dân cao giá nhất mà Nguyễn Công Trứ đã làm?

Phải sau cuộc chiến tương tàn khốc liệt giữa 2 miền Nam - Bắc Việt Nam, chúng ta mới có thể thấy từ những tư tưởng & hành động của Nguyễn Công Trứ suốt cả trong 3 thời kỳ Hàn vi - Hiền đạt - Hưu trí, so sánh với thời kỳ lịch sử Việt Nam sau 1954 và 1975, quy nạp & diễn dịch ra những bài học mới vô cùng hữu ích về tư tưởng và hành động trong việc giáo dục & đào tạo nơi nhà trường cũng như trong cuộc sống thực tế hiện đại?

Cụ thể, Tính Hùng chủ yếu của Nguyễn Công Trứ là sự tự tin cực kỳ mãnh liệt vào tài đức của bản thân mình, phải tự vượt khó tạo công đức - hầu có thể cùng Trời Đất quân bình trong thế Tam tài 'Thiên - Địa - Nhân', không chịu khuất phục trước những bất lợi thường được những kẻ yếu hèn đổ cho nguyên do 'Định Mệnh':

*'Còn **Trời**, còn **Đất**, còn non nước*

*'Có lẽ **Ta** đâu mãi thế này.*

Nói một cách khác, tính Hùng của Việt Nam là phải làm những việc công ích giúp đời, để được tôn kính, thờ phượng cùng Trời Đất vậy?

So với các danh nhân Tây phương, Nguyễn Công Trứ có nhân sinh quan rất gần với triết gia Hy Lạp Abdera Democritus (460 - 350 trước Công nguyên), khi triết gia này quan niệm: *'Sự điềm tĩnh của trí tuệ và lòng dũng cảm chịu đựng gian khổ, phải là ưu tiên hàng đầu cho mọi tình huống của đời sống. Nhất là phải can trường khi chống lại với cái ác và những cám dỗ.'*

Nguyễn Công Trứ cũng có các đức tính của triết gia Aristotle (384 - 322 trước Công nguyên) ở điểm cả hai đều có *'sự phối hợp độc đáo của sự thâm cứu các trường phái triết học để từ bỏ những giáo điều không thích hợp, cùng khả năng quan sát ứng dụng sắc bén.'*

VVTKLAF

Nhân - Trí - Dũng

Cao Bá Quát

(? - 1854)

Cuộc đời Cao Bá Quát là một điển hình để chúng ta nghiên cứu về hai lễ Chính - Tà của các triều đại trong lịch sử, hầu có thể có những đánh giá mỗi mẽ đứng đắn về các sự kiện và nhân vật lịch sử, trả lại cho Người và Việc sự công bình về những gì họ đã làm & đã xảy ra & từng bị phê phán oan uổng, do một hệ thống nguyên tắc đánh giá chỉ của một phía & một chiều hủ lậu bất công bấy nay?

Đó cũng là nhiệm vụ cao cả và trong sáng của việc không chỉ ghi chép văn & sử, mà còn là viết sao cho xứng đáng với trọng trách muôn đời của người cầm bút viết sách giáo khoa?

Trước đây, Nho Giáo của Trung Quốc đã quy định việc đánh giá Người và Việc hạn hẹp trong hai lễ Chính - Tà theo hai chiều hướng Vương Đạo và Bá Đạo một cách bất công chỉ tùy thuộc vào sự thắng bại nhất thời, kiểu **'Được là Vua - Thua là Giặc'?! mà bất kể đến hậu quả là 'thắng lợi' hay 'thắng hại'?! Phải đến Hậu bán Thế kỷ XX, văn hào Kim Dung mới mượn một số chính sử cũ để ghép nhiều câu chuyện ngoại sử, đánh đổ quan niệm Chính - Tà của Nho Giáo hàng ngũ trị bất công và bất biến cả ngàn năm qua, đưa ra hình ảnh 'Ngụy Quân Tử', được Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Huy phân tích trong cuốn 'Những ẩn số chính trị trong tác phẩm Kim Dung'.**

Một nhà văn Trung Quốc nay phân định rõ hơn về 4 loại nhân vật lịch sử:

'Quân tử trung chi Quân tử'

'Quân tử trung chi Tiểu nhân'

'Tiểu nhân trung chi Quân tử'

'Tiểu nhân trung chi Tiểu nhân.'

Ở Đông phương, Triết gia Trung Quốc là Mạnh Tử (372 - 289 trước Công Nguyên) từ xưa cũng đã từng quan niệm:

'Chính quyền phải phục vụ người dân, đem lại sự thịnh vượng cho người dân. Người dân được phép nổi dậy chống những nhà cai trị tồi.'

Ở Tây phương, Thomas More (1478 - 1535) ở Anh Quốc là một hình ảnh của Cao bá Quát, và đã được kính trọng rất mực:

Trong tác phẩm Utopia (Không Tưởng), More mô tả một hòn đảo trong tưởng tượng, nơi có sự khôn ngoan giúp dân chúng hạnh phúc, hình thành một cộng đồng có những định chế lý tưởng, giúp cuộc sống thịnh vượng trong yên bình, biết ghê tởm chiến tranh và sự đàn áp bất kỳ vì lý do nào.

Khi phải lựa chọn giữa sự trung thành với nhà vua độc tài và những đòi hỏi về ý thức của mình, More quyết định chống lại mọi uy hiếp của quyền lực từ nhà vua, chấp nhận bị hành quyết một cách bình thản!

Toàn thế Âu Châu đương thời, đã hốt hoảng bất bình khi biết More đã bị hành quyết.

Lúc bị giam giữ trong tháp tù ở London chờ ngày bị xử tử hình, More đã viết thiên 'Đối thoại giữa Tiệp Nghi và Khổ cực', để rời qua đời như một người công chính can đảm.

Hoa Kỳ sở dĩ nhanh chóng trở thành hùng mạnh, là nhờ có những tư tưởng gia như Henry David Thoreau (1817 - 1862) nêu cao 'Quyền làm cách mạng chống lại những nhà cầm quyền xấu'.

Từ những quan điểm trên, chúng ta cần có cách đánh giá mới khách quan và đứng đắn, trung thực hơn về các nhân vật lịch sử, văn hóa... Việt Nam, bấy lâu nay bị giới học phiệt Việt theo Nho Giáo viết sách kết tội bất công.

Cao Bá Quát sinh vào đầu thế kỷ XIX, nghĩa là ra đời và lớn lên cùng triều đình nhà Nguyễn do vua Gia Long thành lập năm 1802, trải qua các triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Trước đây các sử gia, kể cả sử gia gần nhất là Trần Trọng Kim, đều sống dưới triều Nguyễn, nên đã bị áp lực mà không dám viết về những điều không tốt của triều đại này, khiến tất cả những ai đối kháng đều bị coi là giặc, qua câu tục ngữ lâu đời '*Được là vua - Thua là giặc*'?!

Nếu nhìn một cách trung thực, sẽ thấy vua Gia Long vì muốn đối phó với triều Tây Sơn, đã hết cầu viện Thái Lan đến Pháp, trực tiếp giúp Pháp tạo ảnh hưởng lớn, náy lòng tham, đưa đến việc Việt Nam bị Pháp xâm lăng cai trị, đặt ách nô lệ cả trăm năm, gây chia rẽ đối đầu, bị Cộng sản lợi dụng tình thế cướp chính quyền, thực hiện bạo quyền, sinh lầm than... cho đến nay vẫn còn bị nhiều hệ lụy tai ác, chưa biết bao giờ mới có thể khôi phục được nguyên khí Quốc gia & Dân tộc?!

Cao Bá Quát tự là Mẫn Hiên, hiệu Chu Thần, quán làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Dòng dõi khoa hoạn & công thần nhiều đời dưới triều vua Lê & chúa Trịnh, không chịu hợp tác với triều Nguyễn, nên khi Cao Bá Quát thi cử lập thân tuy rất tài giỏi, nhưng vẫn bị trừ dập nặng nề - chẳng khác gì con cháu các Quân Cán Chính VNCH bị Việt Cộng cấm học đại học?!

Năm Minh Mệnh 12 (1831), Cao Bá Quát thi đậu Á Nguyên kỳ thi Hương ở Hà Nội, nhưng khi bài thi đưa về Bộ xét duyệt lại, bị đánh xuống cuối bảng. Các năm sau vào kinh thi Hội bị đánh rớt liên tiếp nhiều lần, nên chán nản đi vân du đây đó, để lại nhiều sự tích lý thú về văn chương đối kháng, được truyền tụng.

Năm Thiệu Trị thứ nhất 1841, nhờ quan tỉnh Bắc Ninh tiến cử, ông được vào kinh lãnh chức Hành Tẩu bộ Lễ. Trong thời gian này ông nổi tiếng văn chương trác tuyệt, được xưng tụng:

'Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán,

'Thi đáo Tùng, Tuy bất Thịnh Đường.

Nhưng Cao Bá Quát chê thơ thi xã Mạc Vân của Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương:

*'Ngán thay cái mũi vô duyên,
'Câu thơ thi xã, con thuyền Nghệ An.*

Tự ví bản thân:

*'Trói chân kỳ ký tra vào rọ,
Rút ruột tang bồng trả nợ cơm.*

Được cử làm Sơ khảo trường thi Thừa Thiên, thấy nhiều bài văn hay bị phạm húy, ông dùng muôi đèn sửa bị phát hiện, bị cách chức phối ra Đà Nẵng. Năm 1843, ông theo phái bộ Đào Trí Phú qua Tân Gia Ba. Vào dịp này ông thấy sự tiến bộ của xứ người, nhận ra sự hủ lậu của nước mình, làm thơ bộc lộ tâm tình:

*'Tân Ba tử vượt con tàu,
'Mối hay vũ trụ một bầu bao la.
'Giật mình khi ở xó nhà,
'Văn chuông, chữ nghĩa khéo là trò chơi.
'Không đi khắp bốn phương trời,
'Vùi đầu án sách uống đời làm trai!*

Trở về, ông được phục chức, làm quan ở Huế cho đến năm 1854. Ông từng sửa văn của vua Tự Đức, thể hiện quan điểm tân tiến, sớm nhận ra sai lầm của Nho Giáo; khi vua Tự Đức viết 2 vế đối:

*'Thần khả báo Quân ân
'Tử năng thừa Phụ nghiệp.*

Ông sửa lại:

*"Quân ân Thần khả báo
'Phụ nghiệp Tử năng thừa.*

Vì Cao Bá Quát cho rằng vua có ân đức, kẻ làm quan mới phải báo đền. Cha có sự nghiệp tốt, kẻ làm con mới phải kế thừa; còn nếu vua hại dân, cha phạm pháp... mà kế thừa sẽ là điều nguy hại. Cụ thể như với các chế độ Cộng sản, Phát xít, Độc Tài... mà vẫn tìm cách phục vụ kế thừa... thì không gì tai hại cho bằng?!

Về hình thức, câu đối của vua Tự Đức khi viết treo lên, còn phạm thượng khi đặt Thần trên Quân, Tử trên Phụ...

Nhà vua thua chữ, tức giận mà không làm gì được, nên để tâm ghét bỏ.

Năm 1854, ông bị đày làm Giáo thụ phủ Quốc Oai, tỉnh Tây Sơn, Bắc Việt, có làm 2 vế đối treo nơi trường học:

*'Trường trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái,
'Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngộm, nửa đười ươi.'*

Bất bình với triều đình thối nát bị Pháp bắt nạt, nên Cao Bá Quát nhận làm quân sư cho Nguyễn Kim Thanh, kéo cờ khởi binh, phò Lê Duy Cự làm minh chủ, trên cờ ghi:

*'Bình Dương, Bờ Bản vô Nghiêu Thuấn,
'Mục Dã, Minh Điền hữu Võ Thang.'*

Lúc khởi binh vào tháng 5-1854 có nhiều châu cháu phá hại mùa màng, nên bị gọi là Giặc Châu Chấu. Đến tháng 10-1854, nghĩa quân đại bại, Cao Bá Quát bị bắt, đưa ra pháp trường xử trảm.

Khi bị đem xét xử, ông tức cảnh:

*'Một chiếc cùm lim, chân có đế,
'Hai vòng xích sắt, bước thì vung.'*

Trước khi bị hành hình, Cao bá Quát còn đọc lớn 2 câu:

*'Ba hồi trống dục, mồ cha kiếp,
'Một lưởi gươm đũa, bỏ mẹ đời.'*

Cao Bá Quát để lại 9 bài hát nói bằng chữ nôm, một bài Tài tử đa cùng phú, nhiều vế đối... tuy mang vẻ buồn chán, nhưng bài nào cũng thể hiện tài hoa xuất chúng, nội dung tình cảm & tư tưởng đối kháng vì bất bình với thời thế.

Nhận Định

3 yếu tố Nhân - Trí - Hùng nơi Cao Bá Quát:

****Lòng Nhân** thể hiện qua ý tưởng ghi trên lá cờ khởi nghĩa, biểu lộ 'tấm lòng' quan tâm đến Quốc Gia & Dân Tộc, giữa khi nhiều người khác cúi đầu chấp nhận sự nô lệ và yếu hèn của Triều đình Nhà Nguyễn trước sự đô hộ của Pháp:

*'Bình Dương, Bờ Bản vô Nghiêu Thuấn
'Mục Dã, Minh Điền hữu Võ Thang.'*

****Trí Sáng** thể hiện không chỉ qua tài thơ văn (Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán) mà còn tỏ ra thức thời sau khi đi Tân Gia Ba trở về, từ bỏ bút nghiên dựng cờ khởi binh, với ý hướng xây dựng một triều đại thịnh vượng như dưới thời 2 vua Võ Thang bên Tàu. Rất tiếc do đầu óc mê muội của người đương thời, không ủng hộ, nên họ Cao mới thất bại?!

****Tinh Hùng** thể hiện qua việc dù thấy khởi binh chống lại triều đình rất khó thành công, nhưng vẫn làm vì thấy đúng. Khi thất bại chấp nhận cái chết với thái độ ung dung, nơi pháp trường thốt ra những lời lẽ ngang tàng không hề khiếm sợ. Cao Bá Quát là hình ảnh của Kẻ Sĩ anh hùng bất khuất trước bạo quyền, dám làm và dám chịu; rất đáng để ngưỡng mộ, noi theo?

Nay nếu muốn đánh giá một cách công bằng về những nhân vật như Cao Bá Quát... chúng ta cần tìm hiểu về triều đại đương thời tốt xấu ra sao? có những di hại tai họa như thế nào với đương thời, với hậu thế?

Trong Sử Việt, còn có một số nhân vật trước đó cũng bị lịch sử phê phán nặng nề một cách không công bằng là Hồ Quý Ly (1400 - 1401) thời Hậu Trần, và Mạc Đăng Dung (1528 - 1529) thời Hậu Lê; khi không xem xét tình hình triều chính suy đồi, mới có thể đưa đẩy đến chỗ bất phục của các người tài giỏi? Với Hậu bán Thế kỷ XX, khi Việt Nam có 2 chế độ khác hẳn nhau ở 2 miền Bắc và Nam, chúng ta cũng nên phân tích & tìm hiểu sự tồn vong ra sao của mỗi chế độ, họ đã làm nên điều gì lợi hay hại cho Quốc gia & Dân tộc, để đánh giá một cách đứng đắn, tương xứng với những gì đã diễn ra?

Trong giáo dục đào tạo, công việc giảng dạy văn học bấy nay chỉ chú trọng đến sự thưởng ngoạn văn chương, mà ít chú ý đến sự nuôi dưỡng & hun đúc tâm hồn yêu dân & giúp nước - hình thành tâm thức ái quốc chân chính cao đẹp, mà trọng tâm là sự can đảm dấn thân cho chính nghĩa Quốc gia & Dân tộc, hy sinh vì nước & vì dân, trở nên các bậc Anh hùng & Liệt Nữ?!

Hậu quả của lối giảng dạy này của cả 2 miền Bắc và Nam trong nhiều năm qua là đã sản sinh ra những con người ích kỷ hẹp hòi do chỉ biết suy nghĩ một chiều theo lợi ích hạn hẹp của đảng phái, tín ngưỡng... không có tư duy phản biện, cúi đầu vô cảm trước các sai trái và khổ đau, vô ý thức trước những hiểm họa đã và đang diễn ra chung quanh?!

Muốn phát triển hùng mạnh, nước Việt rất cần đến những con người biết bất bình và can đảm hành động vì chính nghĩa Quốc gia & Dân tộc như Cao Bá Quát? Đồng thời cũng rất cần một quần chúng sáng suốt hầu có thể cổ vũ & ủng hộ những nhân vật biết đấu tranh cho tự do dân chủ - thể hiện bất bình với những kẻ hại dân & hại nước?

Mãi tới gần đây, Tân Triết học mới có được nhận định mới mẻ, công bằng: *'Triết học Cổ đại và Trung đại đã bị các tư tưởng gia truyền thống của các nước sử dụng như "nhân tố căn bản" để bao biện cho các hành vi xấu xa, sai trái được coi như là đã được Thượng Đế mặc khải, nhằm phục vụ hạnh phúc chung của nhân loại!'*

Từ Platon đến Hegel, từ Hobbes đến Alexandrov của Stalin, đã dựng lên cả một bức tường thành nguy hiểm khổng lồ, nhằm biện hộ cho các hành động chính trị tàn bạo, kiểu 'cứu cánh biện minh cho phương tiện'?!

Đã có không biết bao nhiêu tu sĩ của tôn giáo, tư tưởng gia của chế độ... đưa ra những biện luận bào chữa cho các hành vi xấu xa của các bạo quyền, bạo chúa?!

Nếu coi '**Triết học như là những tìm kiếm sự khôn ngoan, những nguyên tắc đạo đức**' thì chúng ta nên lấy hạnh phúc của người dân làm nền tảng để đánh giá mọi giá trị của các hành vi chính trị, tôn giáo?

Nếu chấp nhận ý thức mới như kể trên, chúng ta sẽ đánh giá đúng các hành vi chính trị của những người như Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung, Cao Bá Quát... đã vì dân, vì nước ra sao, đúng đến đâu, sai chỗ nào... không thể phủ nhận hoàn toàn theo tư duy một chiều của kẻ học một sách, theo một thầy?

VVTKLAG

Văn học Bút Chiến

Phan Văn Trị - Tôn Thọ Tường

Chỉ đến nay khi email phổ biến, cho phép mọi người đều có thể tự do bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề chung trên diễn đàn công cộng, người ta mới giật mình hoảng sợ khi thấy kiến thức chung của nhiều người có học quá thấp kém qua những phát biểu trên email của một số cơ quan truyền thông đại chúng. Lỗi này là do trước đây khi giảng văn về Phan Văn Trị và Tôn Thọ Tường, sách giáo khoa đã không phân tích mục đích và nguyên tắc tranh luận, phân biệt tranh luận về tư tưởng tốt xấu rất khác với tranh biện phải trái nói tòa án...?!

Bút chiến đòi hỏi một trình độ học thức rất cao thâm, cần đến những kiến thức phong phú sâu rộng về nhiều phương diện khác nhau. Hơn thế nữa, còn phải có sự nhận thức khách quan trước vấn đề, không thể chủ quan, định kiến. Nói khác đi, phải tránh trường hợp như các thầy bói rờ voi, ai cũng tự cho mình đúng, người khác sai; mà không hiểu rằng 'ai cũng đúng - nhưng chỉ đúng trong phạm vi hiểu biết hạn hẹp của không gian & thời gian mình sinh sống mà thôi'.

Thực tế, một vấn đề lớn cũng tựa một pho tượng lớn, mỗi vị trí đứng của mỗi người trong không gian bao la & thời gian hạn hẹp, chỉ có thể giúp nhìn rõ được một phần của pho tượng trong hoàn cảnh sinh sống học hỏi ngắn ngủi nhỏ bé của mình. Cụ thể người đứng phía trước chỉ có thể nhìn thấy mắt mũi, mà không thể thấy phía sau gáy và hai phía hai bên trái và phải của pho tượng ra sao?

Trang Tử (340 - 280 trước Công nguyên) cho rằng "*kẻ Tiểu Trí có nhận thức bị giới hạn trong tính tương đối của sự vật và sự việc, nên làm chết cứng các bề ngoài thường xuyên biến đổi của người, vật và việc; rơi vào cục đọan này đến cục đọan khác, đi đến chỗ tranh biện cãi nhau. Còn ở bậc Đại Trí là sự cảm nhận được chân lý tuyệt đối vượt qua các giới hạn của không gian và thời*

gian, thoát khỏi mọi ràng buộc của thế giới hữu hình cũng như vô hình. Bậc Đại Trí là người vô kỹ, vô công, vô danh - tức vượt ra khỏi những thiên kiến của nhận thức thông thường, quên mình và quên cả những ràng buộc của đời sống bình thường, vượt qua mọi sự phân biệt đạt đến sự đồng nhất uyên thâm".

Do vậy mà tranh luận không hề là việc tranh cãi tôi đúng hay anh đúng, mà là phương pháp giúp nhau có thể cùng nhìn ra các khía cạnh khác nhau của vấn đề, hầu từ đó hiểu rộng & biết nhiều hơn về vấn đề được nêu.

Học giả Soubert nhận định:

'Mục đích của tranh luận không phải là chiến thắng, mà là canh tân kiến thức'.

Học giả Lazare Sadi Carnot nhận định:

'Khi tranh luận biến thành cãi lộn, thì bạn phải làm thinh: Đó không phải là bạn thua cuộc.

Triết gia Socrates:

'Phê phán dân chủ một cách dân chủ, khác với phê phán dân chủ tử lập trường phản dân chủ.

'Trước khi tranh luận, hãy nhận biết chính mình như một thực thể xã hội, đạo đức; hơn nữa không phải với tính cách là một cá nhân, mà trước hết phải là một con người nói chung.

Như vậy văn học tranh luận có những đòi hỏi rất cao, nên bấy nay tại Việt Nam hầu như chỉ có được những cuộc 'tranh biện' - nói nôm na là 'tranh cãi', chưa có cuộc 'tranh luận' nào trong văn học Việt Nam, khi ai nấy còn tự cho mình là đúng, tệ nhất là việc moi móc đòi tư đối thủ miệt thị bôi bẩn để tranh thắng một cách thấp kém, bị luật pháp nghiêm cấm.

Cuộc 'tranh biện' giữa Tôn Thọ Tường và Phan Văn Trị là một trường hợp cụ thể, giúp chúng ta nghiên cứu, rút ra bài học về 'tranh luận'.

Tôn Thọ Tường

(1825 - 1877)

Ông người làng Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định, thân phụ là Tôn Thọ Đức đỗ Cử nhân, làm quan đến chức Tuần phủ Bình Thuận - Khánh Hòa, mất năm 1840.

Tôn Thọ Tường từ nhỏ đã nổi tiếng thơ hay, học giỏi, nhưng ham chơi, nên thi Hương rớt, phải ra Huế xin lập ấm thừa hưởng công trạng tổ tiên đã theo giúp vua Gia Long, để được tập ấm.

Nhưng triều đình chỉ ban cho một chức võ quan, nên ông không hài lòng, bỏ về không thi cử gì nữa. Một lần làm bài cho một thí sinh ở trường thi Gia Định

lấy tiền, bị bắt giải về kinh. Vua Tự Đức tiếc tài, tha cho về. Ông chiêu tập văn hữu lập thi đàn ở chùa Cây Mai, Chợ Lớn, lấy tên là Bạch Mai Thi Xã.

Năm 1862, khi quân Pháp đánh chiếm 3 tỉnh Miền Đông, Tôn Thọ Tường ra làm việc với Pháp, được bổ làm Tri phủ Tân Bình.

Năm 1863, theo phái bộ Phan Thanh Giản qua Pháp xin chuộc đất.

Năm 1871 thăng Đốc Phủ Sứ, cử dạy Hán Văn ở trường Hậu Bồi.

Năm 1873 theo phái đoàn Pháp sang Trung Quốc công cán.

Năm 1876 theo Lãnh sự Pháp Kergaradec ra vùng Thượng du Bắc Việt kinh lý, bị nhuộm bệnh, về đến Hà Nội thì mất.

Việc Tôn Thọ Tường theo Pháp làm quan, bị giới sĩ phu yêu nước đương thời trong nam lên án nặng nề, cụ thể như Phan Văn Trị trực tiếp làm thơ họa lại những bài thơ tự biện minh của Tôn Thọ Tường, đả kích họ Tôn kịch liệt.

Phan Văn Trị

(?)

Ông người làng Hưng Thạnh, huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long, đậu Cử nhân năm 1849 (Tự Đức II), không ra làm quan vì thấy Pháp xâm lăng đặt ách cai trị nô lệ bất công.

Ông là bạn của các danh sĩ Miền Nam yêu nước đương thời, như Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa...

Khi người Pháp đến thống trị, Phan Văn Trị đứng về phe bất hợp tác, sống ẩn dật ở Phong Điền, Cần Thơ, dạy học rồi mất tại đó.

Cuộc Bút Chiến

Cuộc Bút Chiến qua thơ giữa Tôn Thọ Tường và Phan Văn Trị mang tính tranh biện về tư tưởng và hành động của bản thân mình, hơn là tranh luận về tư tưởng và hành động vì dân vì nước.

Tôn Thọ Tường tiêu biểu cho phe hợp tác với Pháp trong ý hướng có thể giúp Pháp am hiểu dân tình để giảm bớt tai hại cho người dân. Tuy vậy, do được hưởng nhiều bổng lộc trong khi dân nước bị Pháp cai trị trấn áp bóc lột, nên mang nặng mặc cảm có lỗi, phải tìm cách biện hộ bằng việc làm những bài thơ viện dẫn các nhân vật đồng cảnh, nhưng không thuyết phục.

Phan Văn Trị tiêu biểu cho phe bất hợp tác với Pháp, thể hiện sự chống đối tiêu cực, thiếu sự tích cực nhằm thuyết phục, hầu có thể hỗ trợ các phong trào chống Pháp đương thời ở Miền Nam như Trương Định, Thủ khoa Huân...

Trọng tâm của cuộc bút chiến bằng thơ là 10 bài thơ bát cú đường luật Tự Thuật của Tôn Thọ Tường, nói về sức mạnh của Pháp, để cho rằng mọi sự chống đối là đại dột, phao phí xương máu một cách vô ích. Phan Văn Trị đã căn cứ vào từng ý qua từng câu tự biện hộ của Tôn Thọ Tường để phản biện:

Tôn Thọ Tường tự biện hộ:
'Miệng cọp hàm rồng chúa dễ chọc
'Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay.

Phan Văn Trị phản biện:
'Đừng mượn oai hùm rung nhất khí,
'Lòng ta sắt đá há lung lay.

Tôn Thọ Tường tự biện hộ:
'Ai về nhẩn nhủ Chu Công Cẩn
'Dù mất lòng anh, được bụng chồng.

Phan Văn Trị phản biện:
'Anh hỏi Tôn Quyền anh có biết,
'Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.

...

Nay nhìn lại cuộc tranh biện chỉ với hai lẽ 'chính - tà', 'đúng - sai' một cách chủ quan của cuộc tranh cãi trên, thay vì bàn sâu rộng về sự 'tốt - xấu', 'phải - trái'... một cách khách quan với những ảnh hưởng gần xa, chúng ta thấy cả hai bên đều chưa đạt tới trình độ tranh luận, khi quá thiên về 'chính - tà', 'đúng - sai' mang tính chủ quan, chẳng khác gì mấy ông thầy bói rờ voi, khẳng khái cho mình là đúng, người khác sai, mà không hiểu rằng với những hiểu biết hạn hẹp của mỗi người, tranh luận phải là phương pháp tìm kiếm sự thật bằng cách mở mang kiến thức qua việc tôn trọng nhau và thận trọng 'nói cho nhau nghe & nghe nhau nói'.

Nếu công nhận Quốc gia & Dân tộc là mẫu số chung để các tôn giáo, đảng phái, cá nhân... phục vụ, thì những gì làm tốt cho Quốc gia & Dân tộc là 'phải', là 'tốt' đều được tôn trọng, ghi công - những gì gây tai hại cho Quốc gia & Dân tộc là 'trái', là 'xấu' đều phải bị lên án, kết tội?

Nhận Định

Nhìn chung, chúng ta thấy cả Tôn Thọ Tường và Phan Văn Trị đều có lòng muốn giúp dân (**Lòng Nhân**), phơi bày sự ứng dụng kiến thức của mình (**Trí Sáng**), mong trở thành người hữu ích cho Quốc gia & Dân tộc khi đất nước hữu sự (**Tính Hùng**).

Nhưng qua cuộc tranh biện bằng thơ, cả hai bộc lộ sự chủ quan khi chỉ 'biết mình, tự cho mình là đúng' mà không chịu 'biết người, cho người là sai' để cùng nhau thuận thảo bàn về những hậu quả 'tốt - xấu', hướng về mẫu số chung 'Quốc gia & Dân tộc', quên những khác biệt do các tử số đương thời, gây chia rẽ vì quan điểm phe phái khác nhau tạo ra?

Trong thời đại internet phổ biến hiện nay, có nhiều tranh cãi về Người và Việc diễn ra hàng ngày trên các trang mạng của báo chí nội ngoại.

Những tranh cãi này hầu hết cho thấy:

-Người tham dự đa số trình độ chưa đủ để hiểu vấn đề, nên những phát biểu thường mang tính chủ quan thấp kém, rất đáng buồn?!

-Các cơ quan đăng tải cũng thiếu trách nhiệm khi cho đăng tải cả những phát biểu hèn kém, làm mất uy tín của cơ quan?!

Điều quan trọng hiện nay, là các tổ chức, các cơ quan truyền thông, các lãnh đạo tôn giáo, các chỉ huy tổ chức chính trị, các cá nhân có trình độ kiến thức cao... cần đóng góp ý kiến xây dựng cho các vấn đề được nêu, hầu hướng dẫn dư luận quần chúng hướng thượng, hình thành những tư tưởng & tình cảm cao đẹp có khả năng biến thành những hành động hữu ích cho việc quang phục quê hương.

Các nước Cộng sản, kể cả Cộng sản Việt Nam, rất chú ý đến việc phát biểu trên các trang mạng, tổ chức các đội ngũ đồng đảo để phá hoại bằng nhiều cách khác nhau, gây nhiều hậu quả ác hại cho phe Quốc Gia... nhưng đến nay phe Quốc Gia vẫn chưa có ý thức cao trong trận bút chiến phân cao thấp chiếm lòng người qua internet - một hành động dễ dàng thể hiện lòng yêu nước hữu hiệu trong tầm tay của nhiều người?!

Một buổi hội họp khó khăn lắm mới có thể quy tụ vài chục người, nhưng nếu phát biểu ý kiến trên các trang mạng, sẽ có ngay hàng ngàn người đọc xa gần khắp năm châu đón nhận, suy nghĩ?

Trên internet, đọc You Tube có tựa 'Phòng vấn Cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu' sẽ thấy sự ấu trĩ và bị phá hoại của các cuộc đối thoại chân chính, đứng đắn.

Cụ thể 2 câu hỏi đầu tiên đều hỏi về vụ mấy chục tấn vàng của VNCH. Đây là một vấn đề không nhỏ, từng được hỏi và đã có giải đáp cụ thể từ lâu khi ông Nguyễn Văn Hào công khai kể công là đã giữ lại được số vàng cho bọn VC. Chúng tỏ cả 2 người hỏi không có hiểu biết tối thiểu về những gì mình hỏi, khi buổi chất vấn cần đặt ra những nghi vấn chưa được giải đáp, như cần hỏi về những ý kiến về chiến lược của cuộc chiến đấu phục quốc trong tương lai? Người thứ 2 lặp lại y chang câu hỏi của người thứ nhất về vụ mấy chục tấn vàng, chúng tỏ hoặc không nghe, hoặc được thuê đến phá đám với một câu hỏi duy nhất?!

Lý do nào đã khiến giới học thức Việt Nam tuy có lòng với Quốc gia & Dân tộc, nhưng lại có thể bàng quan với những phương tiện quảng bá tư tưởng & tình cảm ái quốc phổ thông, có sức cảm hóa đại chúng rất lớn mà ít tốn công nhất?!

Có thể đó là do lối cảm quan 'duy ngã độc tôn' từ ảnh hưởng của các lối tư duy một chiều, từng bị triết gia Jean Paul Sartre cho là cách tư duy của đứa bé lên 3 tuổi coi trường mà không biết mắc cở, do nó mới chỉ có được cái nhìn

một chiều từ nó đến người khác, mà chưa có được cái nhìn khác chiều từ những người khác vào nó?!

Cũng có thể do lối tư duy bàng quang, vô cảm trước thời cuộc... là hậu quả ác hại của đường lối giáo dục 'duy ngã độc tôn' tự cho là 'biết rồi, khổ lắm, nói mãi' phổ biến bấy nay?!

Xin được trích dẫn một số góp ý hữu ích của một vài tư tưởng gia trên thế giới, giúp có thể khách quan và tư duy chín chắn hơn khi đối thoại - phê bình:

Triết gia Socrates (470 - 399 trước Công nguyên): *'Tôi là kẻ ngu dốt, giá trị duy nhất của tôi là nhận thức được sự ngu dốt của mình'*.

Triết gia Montaigne (1533 - 1592): *'Không loại bỏ những ý kiến của người khác về cùng một đề mục'*.

Triết gia Baruch De Spinoza (1632 - 1677): *Đối thoại và Phê bình dựa trên nguyên tắc 'Không khen ngợi cũng chẳng trách cứ, mà là hiểu biết'*.

Triết gia Josiah Royce (1855 - 1916): *'Trong khi phê bình lẫn nhau, chắc chắn họ cũng ảnh hưởng đến nhau, hoặc bằng cách gây ra những ý tưởng mâu thuẫn, hay bằng cách thừa nhận một số quan điểm nào đó của nhau'*.

Royce từng bày tỏ nỗi buồn về việc bắt buộc phải công kích triết học của James mà chính ông cảm thấy hàm ơn trên thực tế về tất cả những gì mình đã viết được.

Triết gia P.W. Bridgman (1882 - 1961): *'Về mặt lý tưởng, giáo dục phải cung cấp cho cá nhân kỹ thuật phê bình, và sửa đổi từng khuynh hướng riêng tư'*.

VVTKLAH

Nhân - Trí - Hùng

Nguyễn Khuyến

(1835 - 1909)

Nguyễn Khuyến là hình ảnh kẻ sĩ thức thời, khi biết mình không đủ sức xoay chuyển thời cuộc đã chọn con đường về ở ẩn, nhưng vẫn quan tâm đến thời thế khi làm những bài thơ tự trách mình để răn đời, hoặc biểu lộ tình cảm yêu nước thương nòi những lúc bất tòng tâm. Thái độ của Nguyễn Khuyến tuy

không bằng các nhà ái quốc tích cực dẫn thân đường thời, nhưng còn đáng trọng hơn những kẻ cam tâm làm tôi đòi cho giặc? Thiển nghĩ đây là thái độ không kém phần quan trọng trong việc phát triển Quốc Gia, vì một khi thấy chế độ sai trái hoặc thấy mình không thể đối kháng xây dựng... thanh thần rút lui, sẽ khiến các chế độ, đảng phái không còn được sự ủng hộ mà phải chấp nhận thay đổi hoặc lụn tàn? Cụ thể, nếu như tất cả các đảng viên Cộng sản khi nhận thấy sự sai trái, nếu không thể đứng lên phản đối, chỉ cần tử chức rút lui đồng loạt... thử hỏi bạo quyền làm sao có thể tồn tại?!

Nguyễn Khuyến người làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, giòng dõi khoa bảng, nên từ nhỏ đã thông tuệ, 12 tuổi thuộc kinh sử, 15 tuổi đỗ đầu kỳ thi sát hạch của tỉnh.

Do thân phụ mất, ông phải cư tang, cửa nhà sa sút, thi mấy khoa không đỗ, phải dạy học độ nhật.

Năm 1864 thi đỗ Giải nguyên.

Năm 1871 mới đỗ đầu thi Hội và thi Đình, thành danh 'Tam Nguyên'.

Khi làm Bố chánh Quảng Nam & Quảng Ngãi ông tỏ tài thao lược trong nhiều lần dẹp phi, nhưng thấy thời thế bất như ý, dâng sớ xin về hưu, vua Tự Đức không cho.

Năm 1882, Nguyễn Khuyến được phái ra Hà Nội thương thuyết với Pháp về vấn đề giao thương, rồi giữ chức Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên.

Năm 1883, Pháp đánh chiếm thành Hà Nội. Năm sau vua Tự Đức băng hà, triều đình phải ký Hòa ước Patenôtre công nhận Pháp bảo hộ cả Bắc và Trung Kỳ, nên năm 1885 Nguyễn Khuyến lấy cớ đau mắt xin về hưu, vì thấy cảnh mất nước vào tay Pháp, mà không thể làm gì được khi triều đình quá yếu kém.

Nguyễn Khuyến để lại một gia tài thơ nôm phong phú với nhiều thể loại khác nhau, có hình thức dung dị với lời lẽ dân giả; có nội dung thiên về thời sự phản ảnh những suy tư của kẻ sĩ nặng lòng vì dân nước, nhưng lực bất tòng tâm, phải bó tay trước một thời thế bất như ý, lúc đất nước bị Pháp đô hộ.

Quan niệm về Nhân - Trí - Hùng:

****Lòng Nhân:**

Lòng Nhân của Nguyễn Khuyến đã thể hiện qua các việc làm vì nước vì dân khi làm quan - qua các bài thơ cảm tác khi thấy mình bất lực trước thời cuộc. Trong cuộc sống hưu trí nơi thôn dã, Nguyễn Khuyến bày tỏ sự quan tâm đến cuộc sống của dân quê, chia sẻ lúc buồn cũng như khi vui:

*-Trong nhà rộn rịp gói bánh chưng,
'Ngoài ngõ bi bô rủ chung thịch.*

*-'Mấy năm làm ruộng vẫn chân thua,
'Chiêm mất đặng chiêm, mùa mất mùa.*

Không chỉ quan tâm cuộc sống của người dân, tình cảm yêu nước của Nguyễn Khuyến còn thể hiện yêu thương cả khung cảnh sống nơi thôn dã, nên đã làm nhiều bài thơ tả cảnh mùa thu, với những hình ảnh u buồn như thời cuộc đang diễn ra:

*-'Năm gian nhà cỏ thấp le te,
'Ngõ tối đêm khuya đóm lập lòe.*

Nguyễn Khuyến gửi tình ý cả vào những bài thơ tả không gian mùa hè nóng nực - một không gian tựa tựa như hoàn cảnh đất nước dầu sôi, lửa bỏng đương thời:

*-'Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
'Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ!*

****Trí Sáng:**

Trí sáng của Nguyễn Khuyến là 'biết mình - biết người' khi thấy sức mạnh của quân đội Pháp, đã hiểu mình không thể chống lại, nên không chỉ lui về ở ẩn:

*-'Cờ đủng dĩ cuộc không còn nước,
'Bạc chữa trâu canh đã chạy làng!*

mà còn tự lấy bản thân của mình ra để nêu rõ sự lỗi thời, nhằm cảnh báo người đương thời:

*-'Sách vở ích gì cho buổi ấy,
'Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.*

Nguyễn Khuyến không nặng lời chỉ trích những người theo Pháp, chỉ nhẹ nhàng châm biếm vì không muốn làm chia rẽ gây thêm tác hại, tuy rất buồn về sự vô tư của người dân trước cảnh nô lệ:

*-'Khen ai khéo vẽ trò vui thế?
'Vui thế bao nhiêu, nhục bấy nhiêu!*

Trong sách 'Việt Nam Văn Học Sử giản ước tân biên', học giả Phạm Thế Ngũ vào Hậu bán Thế kỷ XX, đã có nhận định về Nguyễn Khuyến:

'Lời ông khảng khái, đôi khi ngông và cục, ông ngang nhiên xưng ông xứng tỏ, có lúc muốn làm cả ông Trời để to tiếng với thiên hạ. Giọng thường ồm ồm, tự ti mà ra tự cao. Tóm lại, người ta ít thấy ở ông cái duyên dáng hồn nhiên đáng yêu của một nhà thơ; mà thường chỉ thấy khí cục của ông tam nguyên "đỗ đầu

người kể đã ba phen" của một ông già đứng đầu một thế hệ khoa cử nói với người dưới với một giọng ngạo và miã, tất cả dường như đều do những bất bình dồn ép lại bởi thời thế đen tối và cảnh ngộ bất như ý'.

(sđd quyển III, các trang 52, 53)

Nếu tìm hiểu sâu rộng về tâm lý giới học thức Việt, sẽ thấy có một sự tôn trọng bất biến giữa người học cao và học thấp, cũng như người đỗ cao và đỗ thấp.

Do vậy Nguyễn Khuyến mới nhận trách nhiệm dẫn dắt khuyên bảo, dùng thơ để chuyển đạt các thông điệp mang tính 'thời thế'?

Điều này trước đó có thể thấy ở Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, cụ thể là những lời khuyên trực tiếp giới lãnh đạo họ Mạc, họ Trịnh, họ Nguyễn qua mấy bài thơ mang nặng tính khuyên răn bớt tương tranh, như:

*'Ngựa phi ắt có hồi quay cổ,
'Thú dữ nên phòng lúc cắn người.*

Tới Thế kỷ XXI, nhìn vào thời cuộc diễn ra bấy nay, chúng ta vẫn thấy tinh thần 'trọng học vấn' phổ biến, khi những bác sĩ, luật sư, giáo sư, kỹ sư... luôn được các tổ chức, đoàn thể... tôn vinh, giao cho những trọng trách lãnh đạo? VC hiểu rõ điều này, nên ngay khi cướp được chính quyền năm 1945, Hồ Chí Minh đã ra lệnh thủ tiêu ngay những trí thức có ảnh hưởng hàng đầu đương thời như Phạm Quỳnh, Khái Hưng...

Mới nhất, vào tháng 7-2015, bọn nằm vùng VC tấn công Tiến sĩ Trần Huy Bích ở Nam Cali một cách rất ti tiện bẩn thỉu, chỉ vì ông nhận làm Chủ tịch Hội Giáo Chức Hải Ngoại - một chức vụ bấy nay cứ tưởng là vô thưởng vô phạt khi trong tay một cựu giáo chức bình thường chỉ có thể làm những việc tầm thường. Nhưng nếu một khi nằm trong tay một người tài đức, có ý chí cao, ắt có thể tái tạo một nền tảng giáo dục dân tộc mang tính văn hóa cao, trở thành một mũi nhọn chính trị đào tạo tâm thức ái quốc, giúp hình thành một thế hệ mới có ý thức cao về tư tưởng và hành động yêu nước thức thời hữu ích? Hiểu như vậy, chúng ta mới có thể phần nào hiểu sự khổ tâm của Tam nguyên Yên Đổ khi phải xăng giọng nhiều phen, lúc cảnh tình lớp đàn em trước cảnh đất nước bị nạn ngoại xâm làm cho tan hoang tận gốc rễ văn hóa? Với Người Việt trong Tiền bán Thế kỷ XXI ở trong nước cũng như ở hải ngoại, bấy nay không thể kết hợp chung sức đấu tranh, là do chưa có được một nhân vật trí thức tài cao & đức trọng đứng ra lãnh đạo, nêu cao chính nghĩa và đường lối đấu tranh hữu hiệu thích hợp?

Biết rõ yếu điểm này, nên bọn nằm vùng luôn tìm cách bôi bẩn, chụp mũ giới học thức cao, nhằm vô hiệu hóa?!

****Tín Hùng:**

Nếu cho rằng 'Tích Hùng' theo truyền thống 'Nhân - Trí - Dũng' của Việt Nam không chỉ đơn giản là việc cầm binh khí giết giặc giúp nước như Phù Đổng, mà còn là những đương đầu cam go với những khó khăn trong việc giúp dân nước thanh bình thịnh trị, như Tản Viên trị thủy, Chủ Đồng Tử phát triển doanh thương, Nguyễn Công Trứ khẩn hoang, Nguyễn Bình Khiêm dùng thuật lý số giảm nạn nội chiến tương tàn... thì Nguyễn Khuyến cũng là một bậc anh hùng, khi biết quên mình từ quan lúc thấy không thể chống lại sức mạnh quân sự của Pháp, lui về ở ẩn, nhưng vẫn không ngừng dùng ảnh hưởng của mình để tham gia thế sự bằng những bài thơ nói về thời thế, hầu có thể khuyên răn hàng ngũ học thức của mình biết hai lẽ 'xuất & xử' sao cho không hổ thẹn trong một thời cuộc đa đoan, cực kỳ nan giải?!

Nguyễn Khuyến không phê phán công việc của giới học thức đương thời, mà chỉ châm biếm các hành động sai trái, làm mất tư cách con người của họ. Cụ thể như những bài thơ viết về người bạn Dương Khuê còn làm quan đương triều, thể hiện tình cảm thân thương sâu nặng, không đổi thay:

"Bác Dưởng thôi đã thôi rồi,

'Nước mây man mác, ngậm ngùi lòng ta.

...

'Kính yêu tử trước đến sau.

Nhận Định

Thơ Nguyễn Khuyến thể hiện tinh thần yêu nước của một bậc hiền nhân quân tử:

Không tham quyền cố vị, khi thấy mình bất lực thì rút lui, nhưng không vì thế ghét bỏ người khác, mà chỉ khuyên răn nhằm chấn chỉnh phong cách sống quân tử của kẻ thất thế. Điều này khiến chúng ta không khỏi nghĩ đến thái độ cúi mặt khi ra đường của người Nhật sau năm 1945 lúc thất trận. Chính nhờ tinh thần biết liêm sỉ này, nước Nhật đã sớm khôi phục được sức mạnh của mình, mà chẳng cần đến súng đạn như trước. Cho nên Nguyễn Khuyến trong bài Di Chúc của mình, đã hướng về thế Tam tài Thiên - Địa - Nhân mà than thân:

'Ồn vua chúa chút đèn công,

*'Cúi trông thẹn **Đất**, ngửa trông thẹn **Trời***

Hiểu như vậy chúng ta mới có thể phần nào thông cảm với nỗi bực dọc trong thơ Nguyễn Khuyến?

Ngày nay, trước sự phổ biến qua việc đóng góp ý kiến trên các trang mạng của các cơ quan truyền thông trong và ngoài nước, trong đó có rất ít những tư tưởng xây dựng chỉ đạo bằng hình thức phê phán, chúng ta mới thấy hơn bao giờ hết rất cần có những bài thơ châm biếm thế sự như thơ Nguyễn Khuyến giúp chỉnh nhân cách?

Một khi có trào thơ phúng thế kiểu Nguyễn Khuyến trên các trang mạng, ắt sẽ tạo được một sức mạnh đả phá VC và những kẻ xấu một cách hữu ích, góp phần không nhỏ cho việc cổ võ chính nghĩa quang phục quê hương.

Tâm trạng từ quan ẩn dật vui với thiên nhiên Mùa Thu của Nguyễn Khuyến gần với nhân sinh quan của triết gia Hy Lạp Heraclitus (540 - 480 trước Công nguyên), khi cả hai đều chán ghét những vấn đề chính trị, những tranh cãi về thời cuộc khó xoay chuyển, rời bỏ phần hoa đi tìm an ủi và cảm hứng sống thoát tục trong vẻ đẹp của thiên nhiên.

Nếu những nhân vật chính trị học thức thời Quốc - Cộng được giáo dục đào tạo hiểu biết lý lẽ tới & lui khi thấy thời cuộc diễn tiến theo chiều hướng bất như ý, không giúp kẻ xấu, thử hỏi làm sao các chế độ bất chính yếu kém có thể tồn tại?

Những nhân vật hiểu lẽ tiến lui như Tướng Trần Độ... trong nước, Bác sĩ Trần Xuân Ninh nơi Hải Ngoại... tuy phải chịu nhiều nguy hiểm khó khăn trong cuộc sống đời thường, nhưng đời sống tinh thần về sau của họ được an nhiên tự tại. Nếu ai cũng như họ, không cần đối kháng cũng khiến các tổ chức, các chế độ bất chính bị sụp đổ do không còn người có khả năng hỗ trợ?

VVTKLAI

Nhân - Trí - Dũng

Trần Tế Xương

(1870 - 1907)

*Thời đại nào cũng rất cần những nhà thơ biếm thế, biết dùng những lời thơ cười cợt làm lợi khí phá tan phần nào những trái tai gai mắt của các chủ thuyết một chiều, các việc và người lỗ lã làm những chuyện xấu xa mà không hay biết, vẫn nhón nhón tự đắc. Thơ của Trần Tế Xương không chỉ châm biếm thói hư tật xấu của buổi giao thời giúp răn người đương thời lẫn mai hậu, mà còn khởi nguồn cho một **dòng thơ phúng thế** mang nhãn hiệu 'tú' tiếp nối như Tiền bán Thế kỷ XX có Tú Mỡ, Hậu bán Thế kỷ XX Miền Nam Tự Do có Tú Nạc, Tú Gân, Tú Kếu... Miền Bắc Cộng sản có Bút Tre (bút hiệu của một vị tú tài)... nhưng đến nay vẫn chưa có vị 'tú' nào đạt được những giá trị như Tú Xương.*

Trần Tế Xương quán làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, sinh trưởng trong một gia đình nho học, cha là Trần Kế Nhuận làm chức quan nhỏ sớm về hưu, nên gia đình không mấy khá giả.

Năm 1885 khi 15 tuổi ông đã đi thi, tới năm 1894 mới đậu tú tài nhưng hạng cuối bảng, rồi liên tiếp trượt cử nhân nhiều khoa sau, khiến ông rơi vào hoàn cảnh bất đắc chí, ăn chơi phóng túng, nghèo càng nghèo thêm.

Hiện đã sưu tầm được khoảng 180 bài thơ văn của Trần Tế Xương, nhưng trong đó có một số bài không do ông làm, do nội dung không đúng với việc xảy ra trong thời điểm ông sống. Cụ thể như:

-Những bài thơ châm biếm cải cách thi cử, vì sự kiện này chỉ áp dụng từ khoa thi Hương 1909, sau khi ông qua đời đã 2 năm.

-Những bài thơ châm biếm các nghị viên, vì chỉ sau khi ông mất một năm, vào năm 1908 Bắc Kỳ mới lập Tư vấn Nghị viện, do nghị định của Toàn quyền Beau ký ngày 4-5-1907, họp phiên đầu tiên ngày 3-11-1908.

Tuy nhiên những sự kiện trên lại cho thấy ông cũng như nữ sĩ Hồ Xuân Hương, tuy không thành lập tao đàn hay thi xã, nhưng lại có thể làm dấy lên một trào thơ mạnh mẽ, có giá trị văn chương lớn.

Với Trần Tế Xương, mỗi bài thơ của ông, giá trị như một bản tin thời sự ngắn có kèm theo hí họa (trong thơ có họa), khiến không chỉ người đương thời, mà cả hậu thế chúng ta qua đó cũng có thể nhờ đọc mà thấy được cảnh trở trêu của buổi giao thời?

Trong cái đám hỗn quan & hỗn dân đó, Trần Tế Xương là người biết tự giác, nhìn ra cái xấu của mình và của nhiều người khác, để châm biếm một cách chua cay, trở thành một nhà thơ hiện thực xã hội sắc bén.

Nếu các nhà phóng sự văn xuôi về sau như Tam Lang, Trọng Lang, Vũ Trọng Phụng phải viết thành những thiên phóng sự dài mới có thể tạo được những ấn tượng trong tâm trí người đọc, thì Trần Tế Xương chỉ cần mấy câu thơ ngắn cũng có thể ghi lại nhiều hình ảnh về thời cuộc một cách linh động rất tài tình, dở cười dở khóc, khiến người đọc phải suy nghĩ.

Đây chính là lối châm biếm của truyền thống ca dao Việt Nam, khi luôn nói về cái xấu một cách ngộ nghĩnh, trong chủ trương giáo dục thực tế vô cùng hữu hiệu 'Không Xấu là Tốt'. Trong khi các tôn giáo thường chủ trương nêu cái tốt theo quan niệm của riêng mình, thường rất khó noi theo? Vì tránh cái xấu thường dễ hơn làm cái tốt theo quan điểm từ nước khác đưa đến, nhiều khi trái với cả phong tục, tập quán?

Qua các bài thơ châm biếm '**Cười Người**' của Trần Tế Xương, chúng ta có thể thấy những lỗ bịch của nhiều giới người đương thời, từ các quan lại Tây Ta đến các nhà tu hành... Những hình ảnh này trở thành điển hình không chỉ cho xã hội đương thời, mà còn đúng cả với xã hội thời sau 1975, khi Cộng sản tại Việt Nam cũng có những người và việc tương tự:

*-Sở khảo khoa này bác Cử Nhu,
'Thật là vừa dốt lại vừa ngu!*

-Nghe văn mà gôm cho văn mãi,

'Cờ biển vua ban cũng lạ đời!

*-'Vua, quan, sĩ, thú người trong nước,
'Sao được cho ra cái giống người.*

*-'Sĩ khí rụt rè gà phải cáo,
'Văn chướng liều linh đấm ăn xôi.*

*-'Nhà kia lỗi đạo con khinh bố,
'Mụ nọ canh chua vợ chửi chồng!*

*-'Hà Nam danh giá nhất ông cò,
'Trông thấy ai ai chẳng dám ho.*

...

Đọc các bài thơ châm biếm **'Cười Minh'** của Trần Tế Xương, chúng ta sẽ cảm thương tâm trạng của một người học thức lớn lên trong buổi giao thời giữa Đông Tây, Cũ Mới, lâm cảnh cùng túng mà không tìm ra lối thoát. Đây cũng là hoàn cảnh của giới học thức Miền Nam VNCH bị Việt Cộng trấn áp sau năm 1975:

*-'Một tuồng rách rưới con như bố,
'Ba chữ nghêu ngao vợ chán chồng!*

*-'Khách hỏi nhà ông đến,
'Nhà ông đã bán rồi!*

*-'Mở miệng nói ra gàn bát sách,
'Mềm môi chén mãi tít cung thang.*

Nhận Định

****Lòng Nhân** của Trần Tế Xương thể hiện qua những nụ cười chua chát thương mình, thương đời - khi mình và đời chung cùng cảnh ngộ của buổi giao thời nhiều nhớ nhãng - khiến cái cười có hòa cả nước mắt, làm cho người đọc không khỏi trạnh lòng. Nhờ thơ tự trào và trào phúng của Trần Tế Xương mà hậu thế có thể cảm nhận những trái tai gai mắt của buổi giao thời, khi đất nước bị Pháp đô hộ - cũng như khi bị Cộng sản trấn áp. Lẽ ra đây phải là những bài học được giảng dạy theo chiều hướng cảnh giác lòng người trước nạn ngoại xâm, như bài Hịch Tướng Sĩ của Hưng Đạo Đại Vương?

****Trí Sáng** của Trần Tế Xương được thể hiện trong thơ phú của ông, khi giúp người đọc qua đó thấy những lỗ bịch tiêu biểu cho buổi giao thời khoảng các

năm từ 1800 đến 1910, qua các nhân vật Tây Ta. Hậu bán Thế kỷ XX và Tiền bán Thế kỷ XXI thiếu một nhà thơ như Trần Tế Xương, khi đương thời rầy đây những người và việc cần sự răn đe thức tỉnh của thi ca.

****Tinh Hùng** của Trần Tế Xương bộc lộ qua những lời thơ can đảm, vì đạo đức nhân luân dám nói thẳng, nói thật về những điều xấu xa, đốp chát vào mặt những nhân vật quyền hành như Ông Cò, Ông Cũ, Ông Nghị.... giúp chấn chỉnh xã hội không chỉ đương thời mà còn cả về mai hậu? Trần Tế Xương hơn hẳn những kẻ 'ngậm miệng ăn tiền' xấu xa bỉ ổi, vô cảm trước khổ đau của xã hội?!

Tiền bán Thế kỷ XX, xuất hiện nhà thơ trào phúng Tú Mỡ - dùng bút hiệu bắt chước Tú Xương - nhưng vẫn chưa thể bằng Tú Xương, do chưa có cái nhìn khoáng đạt vào xã hội để hướng đến một đại cục?

Nếu những hình ảnh Trần Tế Xương ghi lại thời Pháp thuộc bi hài một, thì những hình ảnh dân gian thời Cộng sản Việt Nam còn bi hài gấp mười lần, nhưng rất tiếc không có nhà thơ nào của Hậu bán Thế kỷ XX làm được như Trần Tế Xương của Hậu bán Thế kỷ XIX. Riêng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện tuy cũng có một số bài châm biếm nhưng quá nặng về chỉ trích, phê phán? Những câu chuyện Tiểu Lâm Đò do Độc Cô Thần sưu tầm, những bài thơ của Bút Tre và dòng thơ Bút Tre... là những minh chứng cụ thể về một thời quan chức dốt nát bại hoại, dân chúng lầm than cực kỳ do Cộng sản gây ra, nhưng vẫn chưa thể khiến người đọc tán thưởng thú vị như khi đọc thơ Trần Tế Xương?

Nếu Trần Tế Xương vì nghèo mà lâm cảnh bại hoại, chỉ đáng buồn một; thì chính những người Việt Tỵ Nạn nơi hải ngoại, có cuộc sống sung túc về vật chất, phong phú về tinh thần... mà cũng bại hoại khi vô cảm trước những chia rẽ bôi bẩn chụp mũ nhau rất hèn hạ. Điều đáng buồn là những lời lẽ bôi bẩn vô căn cứ lại được không ít các cơ quan truyền thông đăng tải phổ biến, mà không một chút xét suy, giúp bọn hạ cấp phương tiện hoạt động tác hại nặng nề đến chính kiến Quốc gia & chính nghĩa Dân tộc?!

Rất đáng tiếc là đến nay vẫn chưa có một Trần Tế Xương hiện đại, để vạch mặt chỉ tên những đứa lưu manh nội ngoại thời Cộng sản?!

Trần Tế Xương đã trào phúng thành công, là do biết sử dụng phương pháp Quy Nạp - tức quá trình đi từ quan sát trực tiếp từng giới người bại hoại trong xã hội đương thời, phân loại rồi khái quát một cách dung dị, gây cười hồn nhiên nhưng sắc nét.

Thực tế, tính hài hước là sự tương phản, càng tương phản càng hài hước.

Muốn diễn tả sự tương phản hài hước cần đến sự hóm hình sắc sảo.

Hài hước ngoài việc tạo niềm vui, còn góp phần không nhỏ vào công việc cải hóa xã hội trên phương diện đạo đức.

Trong sách Sử Ký của Tư Mã Thiên, phần Hoạt Kê Liệt Truyện, có chép lời của Thái Sử Công:

'Đạo Trời lồng lộng, lớn biết bao nhiêu! Nhưng nếu lời nói bông đùa mà hợp với chánh đạo cũng đủ hóa giải được nhiều điều.'

Tư Mã Thiên ghi chuyện trên ngụ ý những lời bông đùa một khi mang tính giáo dục, tác dụng sắc bén đến nhân luân, cũng có thể liệt vào các sách của Lục Kinh.

Triết học Tây phương quan niệm giáo dục là giúp người học vừa biết về các chân lý, vừa phải biết phân biệt chúng với những đối thủ của chân lý, như sự vô nghĩa, sự sai lạc.

Phương pháp dạy chân lý không chỉ đơn thuần là sự thuyết phục bằng lý trí, mà còn là những sự châm biếm, khôi hài về những gì trái chân lý - điều này được coi là rất hữu hiệu với đại chúng, đem lại những tác dụng dây chuyền sâu rộng.

Mở đầu sách 'Cái cười của Thánh Nhân', học giả Nguyễn Duy Cần viết:

'Trào lộng là một sự bổ ích, là lợi khí để phá tan một phần nào cái không khí căng thẳng, ngọt ngào; cái khô khan của những chủ thuyết một chiều; cái máy móc của tâm hồn do văn minh cổ khí điều khiển, uốn nắn... đang muốn biến loài người thành những bộ máy vô hồn, không dám nói những gì mình nghĩ, không dám làm những gì mình muốn... mà chỉ tỏ bằng cái mũi của kẻ khác, nhìn bằng cặp mắt của kẻ khác, nghe bằng lỗ tai của kẻ khác...'

Nơi trang 41 của sách nêu nhận định:

'Văn học trào lộng ít thấy nói đến những cái gì vinh quang cao quý, mà chỉ nói đến những cái thấp hèn nhỏ bé nhất của cuộc đời; và nếu có nói đến những gì cao xa vĩ đại là để nói đến những gì mà tự nó không có gì cao xa vĩ đại cả.'

'Đọc một câu văn trào lộng, ta có cảm tưởng đầu tiên gặp một đối thủ, một kẻ thù thân yêu bởi họ dám nói nghịch lại với ta. Nhưng rồi người thù ấy biến thành người bạn; người bạn ấy lại trở thành một người thầy!'

Trang 44 đi tới kết luận:

'Vai trò trào lộng trong văn chương là nhẹ nhàng, nhân hậu, dùng phép nghịch luận để đánh thức con người, chỉ cho họ nhỏ rằng sự vật nào cũng có hai mặt và hoạt động hai chiều.'

VVTKLAK

Nhân - Trí - Dũng

Phạm Quỳnh và Nam Phong

(1917 - 1934)

Phạm Quỳnh và các nhà văn trong nhóm Nam Phong tạp chí điển hình cho những Kẻ Sĩ thức thời, sớm nhận thức những điều hay dở trong hai nền học vấn Đông Tây, Cổ Kim, tìm cách 'ôn cố tri tân' dung hòa, nên kịp thời bảo tồn được một số giá trị về văn chương tư tưởng đương thời - hình thành **dòng văn học đấu tranh chính trị bằng văn hóa**. Đáng tiếc là nhóm này đã thiếu sự hiểu biết đáng kể về nền văn chương tư tưởng cổ truyền Việt Nam, qua Truyện Cổ, Ca Dao, Tục Ngữ, Tiểu Lâm... tuy đề cao Văn học Chữ Nôm - nhất là Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Phạm Quỳnh (1892 - 1945) bút hiệu Thượng Chi, nguyên quán làng Lương Ngọc, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Cha mẹ mất sớm, được bà nội nuôi ăn học, 12 tuổi học trường Trung học Bảo Hộ, 16 tuổi tốt nghiệp làm việc ở Viện Bác Cổ, suốt 10 năm nghiền ngẫm kho sách cổ kim, trở thành người có vốn kiến thức uyên bác về cả đông phương lẫn tây phương.

Năm 1917, một tham sự người Pháp là Louis Marty được Phủ Toàn Quyền giao việc thành lập một tờ báo để tuyên truyền cho việc bảo hộ, đã chọn Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác phụ trách.

Trả lời cuộc phỏng vấn của Đào Hùng, Phạm Quỳnh cho biết chủ ý khi nhận làm báo Nam Phong là:

'Muốn lợi dụng làm một cơ quan bồi bổ quốc văn, xây dựng cho nước nhà trong buổi giao thời Âu Á giao thoa, một nền học thuật mới mẻ để thay thế cho Hán học suy tàn.'

Tuy nhiên, Phạm Quỳnh vẫn bị ràng buộc vào cái sở học vong bản & vọng ngoại do ngoại nhân chủ đạo của mình, khi cho rằng:

*'Ôi! Bảo tồn quốc túy đó chính là cái chủ nghĩa của anh em chúng tôi, nhưng từ trước đến nay chúng tôi khổ vì chưa biết rõ **quốc túy** ở đâu mà bảo tồn.'*

Rồi đi tới nhận định:

'Quốc túy chính là cái đạo tu thân xử thế của các bậc hiền nhân quân tử nước nhà, quốc túy chính là cái cách căng trì cẩn thủ, sửa mình, ở đời, làm sao cho khỏi thẹn với người trước, làm sao cho thực hành được cái lý tưởng đạo đức của các bậc thánh hiền trong nước vậy.'

Phân tích quan điểm trên của Phạm Quỳnh về 'Quốc Túy' - tức là những tinh túy của tinh hoa dân tộc, thì thấy như sau:

-Việt Nam chỉ tôn vinh các vị '**hiền nhân**', tức những bậc 'anh hùng & liệt nữ' giúp dân & nước qua nhiều phương diện khác nhau, chứ không chỉ là việc dũng cảm nơi chiến trường. Còn '**quân tử**' của Trung Quốc là mẫu người Nho

Giáo đề cao, mang đặc tính 'Quân tử hòa nhi bất đồng' xa rời văn hiến 'Đông Bào' của Mẹ Âu Cơ truyền dạy, thấm nhuần trong truyền thống tinh thần dân tộc?

-Đạo 'Tu Thân & Xử Thế' của các vị Hiền Nhân Việt Nam, khác biệt với các giáo lý của các tôn giáo trên thế giới: Trong khi các vị giáo chủ luôn nêu ra những điều tốt theo quan điểm của mình, bắt mọi người phải tuyệt đối tuân thủ, lệ thuộc - như Tam Cương, Ngũ Thường, Tam Tông, Tứ Đức của Khổng Giáo... thì đạo lý của Người Việt quan niệm 'không làm điều xấu' cũng đủ tốt. Nếu người Quân Tử Trung Quốc lấy cây Trúc làm biểu tượng, thì bậc Hiền Nhân Việt Nam lấy cây Sen làm biểu tượng. Nhìn vào môi trường sống và đặc tính phát triển của hai loại cây này rất khác biệt ra sao, sẽ hiểu được hai lẽ sống khác nhau của Hiền Nhân và Quân Tử như thế nào?

Cụ thể Hiền Nhân vì Người dẫn thân vào cuộc sống xã hội, quên Mình, làm theo những lẽ phải & điều tốt do chính mình nhận định, không theo một giáo điều nào - Quân Tử vì Mình hơn vì Người, tự trói buộc trong tháp ngà giáo điều, xa cách xã hội, làm theo những giáo điều giúp có thể hưởng lợi từ hệ thống giáo lý này - Cụ thể, Nho sĩ học và triết để tuân thủ các giáo điều của Nho giáo để thi đỗ, làm quan, vinh thân phì gia... Cộng sản Trung Quốc vào Thế kỷ XXI đã nhận ra sự độc tài khéo léo của Nho Giáo, nên đã lợi dụng thành lập những Viện Khổng Học tại nhiều nước trên thế giới, để gián tiếp hoạt động tuyên truyền cho sự chuyên chính của chế độ?!

Đạo lý thờ 'Địa Linh & Nhân Kiệt' của Người Việt, khi thờ phụng các vị Thần Thành Hoàng là những người có công đức với dân làng, thể hiện tính phục vụ đại chúng của Hiền Nhân - khác với tính phục vụ triều đại và giai cấp của Quân Tử; cũng như sự phục vụ Đảng và lãnh tụ của cán bộ Cộng sản?

Chính Phạm Quỳnh cũng thừa nhận như trên, khi cho rằng:

'Sửa mình, ở đời, là làm sao cho khỏi thẹn với người trước, là làm sao cho thực hành được cái lý tưởng đạo đức của các bậc thánh hiền trong nước'.

Như vậy chứng tỏ Phạm Quỳnh là người 'rờ voi' có thể rờ được 2 chân voi phía sau khác nhau là 2 cái học của Đông và Tây; nhưng lại không thể nhìn lại chỗ đứng của mình là cái học cổ truyền Nhân - Trí - Hùng của các vị hiền nhân Việt là 2 chân trước Nhân Trí và đầu voi Hùng có nền tảng vững vàng như thế nào, mới có thể giúp cho voi tồn tại dù trải mấy ngàn năm binh biến?

Cái nguy hại của Phạm Quỳnh cũng như không ít các học giả bấy nay, là chỉ thấy 2 ngã đường 'Bảo Thủ' và 'Tiến Hóa' để tiến hoặc lui, mà không thể kết hợp cả hai làm phương tiện so sánh tư duy, hầu duy trì và phát huy truyền thống tư tưởng dân tộc là coi trọng Nhân & Trí & Hùng, giúp củng cố vị thế Con Người bình hòa trong Tam Tài Thiên & Địa & Nhân?

Tại Việt Nam, các học giả bấy nay đã bị cái học hết làm 'bày tôi' đến 'bồi tây' rất vong bản khiến cho u mê, coi nhẹ các giá trị truyền thống cổ truyền, nên

mấy ngàn năm qua đã đưa đất nước lâm vào cảnh không chỉ nô lệ về chính trị, mà còn lệ thuộc cả về văn hóa rất bi đát?!

Vì 'Quốc Túc' của văn hóa Việt ngay từ đầu đã đạt tới trình độ 'Văn Hiến' qua 3 chủ trương giáo dục đào tạo Nhân - Trí - Hùng:

****Lòng Nhân là tình 'Đồng Bào'**

Tình 'Đồng Bào' phát sinh từ tấm lòng, liên kết bằng huyết thống, khai triển mở rộng ra thành tình 'Đồng Hương', mang tính bao dung, khác xa các chủ trương hạn hẹp ác hại mang tính kỳ thị có thể đi đến sát phạt đẫm máu của các loại tình cảm phát sinh từ trái tim bị lý trí chỉ đạo như 'đồng chí' của Cộng Sản, 'đồng môn' của Nho Giáo, 'đồng đạo' của các tôn giáo?

****Trí Sáng là tư duy 'Tri & Hành đồng nhất'**

Lạc Long Quân thân chinh dắt nửa số con xuống vùng biển mở mang cõi bờ, theo chủ trương '4 cùng' cùng ăn - cùng ở - cùng làm - cùng chiến đấu, hình thành một vùng đất nước ven biển trù phú, giúp Việt Nam là một trong số các quốc gia lục địa có nhiều bờ biển nhất trên thế giới - điều kiện phát triển kinh tế giao thương vô cùng thuận lợi, mà mãi đến cuối Thế kỷ XX Trung Cộng mới hiểu biết để bắt đầu xâm lấn... cho thấy vị Quốc Tổ của chúng ta từ xa xưa đã sáng suốt nhìn ra vấn đề, trực tiếp dẫn thân cùng các con đi khai hoang vùng biển ngay khi lập quốc, sau này được Nguyễn Công Trứ... noi theo. Các vị Anh Hùng Dân Tộc hầu hết đều là những người tự dẫn thân hành động, làm nên sự nghiệp vì dân vì nước, được dân chúng ngưỡng mộ, hình thành tín ngưỡng tôn thờ Địa Linh & Nhân Kiệt, tức những người có công giúp Quốc Gia & Dân Tộc phát triển vững bền. Khi đất nước lâm nguy, thời nào cũng có các bậc hiền nhân tài trí như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... đứng lên cứu quốc.

****Hùng là các hành động vị quốc dẫn thân**

Cho đến nay, không ít người đã không thể hiểu được câu 'Tổ Quốc Ghi Công' mà nhiều nơi ghi là 'Tổ Quốc Ghi Ơn'?!

Tổ Quốc là biểu tượng thiêng liêng chung của cả một dân tộc, để lấy đó là mục tiêu mẫu số chung phục vụ, hầu trả ơn đã cứu mang bao đời. Muốn đền ơn Tổ Quốc, ai nấy đều phải tìm cách lập công.

Chính bốn phận & trách nhiệm lập công để đền ơn qua các hành động **bảo vệ - phát triển** Tổ Quốc này, mà có thể được 'ghi công', chứ không phải là 'ghi ơn'?

Nếu công lao nhỏ sẽ được làng xóm ghi công thờ phượng nơi đình làng, để noi theo.

Nếu công lao lớn sẽ được dân tộc ghi công lập đền thờ, hàng năm diễn 'hèm' tức sự tích công đức giúp dân nước - hình thành tín ngưỡng dân tộc thờ 'Địa Linh & Nhân Kiệt'.

Công đức giúp nước theo truyền thống Việt, không chỉ là công việc đánh giặc, mà còn là những công trạng giúp nước phát triển thương mại như Chủ Đồng Tử, An Tiêm... phát triển kinh tế bằng khẩn hoang như Tản Viên, Nguyễn Công Trứ...

Địa Linh đi đôi với Nhân Kiệt, là do địa thế Việt Nam ngày xưa hoang vu, nhiều nơi rất hiểm trở, giúp các bậc anh hùng hào kiệt dụng binh, dùng địa lợi chiến thắng bao phen. Do vậy thờ Địa Linh là chú đích bảo tồn các di tích lịch sử, giữ gìn các địa thế chiến thuật hiểm tuấn chống giặc ngoại xâm.

Đây chính là một hình thức 'vạn lý trường thành' tự nhiên của Việt Nam, giúp Người Việt có thể dụng binh theo chiến thuật lấy ít thắng nhiều, dùng đoàn binh thắng trường trận... mà Bạch Đằng Giang là một điển hình về địa thủy lợi trong các trận thủy chiến.

Nhận Định

Cộng sản Việt Nam nói riêng, Cộng sản Quốc tế nói chung, rất lo sợ sự chống đối bằng trí tuệ, nên chúng đã có kế hoạch cướp chính quyền, trong đó mục tiêu đầu tiên là đốt sách và tàn sát cô lập tù đày thành phần học thức, vì thành phần này có thể lý luận phản biện sắc bén, vạch rõ những tuyên truyền xảo trá, mua chuộc thấp hèn...

Do vậy mà ngay những ngày đầu khi cướp được chính quyền năm 1945, Hồ Chí Minh đã ra mật lệnh phải thủ tiêu Phạm Quỳnh ở Huế, Khái Hưng ở Hà Nội... khiến phe Quốc Gia về sau đã không thể có được những nhà lãnh đạo sáng suốt, **biết đấu tranh chính trị có văn hóa - đấu tranh văn hóa có chính trị?!**

Hiểu như vậy sẽ thấy chủ trương khôi phục văn hóa để làm nền tảng cho đấu tranh chính trị của Phạm Quỳnh là sáng suốt và quan trọng; rất dễ Người Việt ở hải ngoại hiện nay noi theo?

Vũ Ngọc Phan nhận định trong Nhà Văn Hiện Đại II về Phạm Quỳnh:

'Trong 16 năm chủ trương tạp chí Nam Phong, ông đã xây đắp cho nền móng quốc văn được vững vàng bằng những bài bình luận và khảo cứu rất công phu, mà từ Bắc chí Nam người thức giả đều phải lưu tâm đến. Nhiều người thanh niên trí thức đã có thể căn cứ vào những bài trong Nam Phong tạp chí để bồi bổ cho cái học còn khuyết điểm của mình. Thậm chí có người đã lấy Nam Phong làm sách học mà cũng thấu thái được tậm đủ tử tưởng học thuật Đông Tây.'

(trích sđd trang 108)

Đây chính là việc Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... ngày trước, và các tổ chức đấu tranh hải ngoại hiện nay lầm lẫn khi chỉ đấu tranh chính trị mà thiếu quan tâm vấn đề văn hóa, đưa đến thất bại vì thiếu hậu thuẫn lớn, do không chú ý đào tạo cán bộ có văn hóa, giúp quần chúng có ý thức cao về trách nhiệm, hầu am hiểu lý lẽ tự do - dân chủ sống còn của một Quốc Gia & Dân Tộc.

Phạm Quỳnh đã biết 'ôn cố & tri tân' dày công nhiều năm nghiên cứu, rồi dùng báo Nam Phong để phổ biến các kiến thức văn hóa, chính trị, giáo dục đào tạo hình thành được một tầng lớp học thức mới, giúp việc canh tân cải tạo dân trí đạt được cả 2 chiều sâu rộng.

Thất bại của nhiều đảng phái & tổ chức chính trị bấy nay, là do quá chú trọng đến phương diện chính trị đương đầu đối ngoại, mà sao lãng văn hóa đối nội qua việc phát triển nhân cách và tư duy của các đoàn viên, hội viên... Hậu quả là những đấu đá chia rẽ nội bộ tràn lan, bi thảm đến mức một đảng chia thành nhiều hệ phái... nực cười như chuyện Hội Ái hữu Nữ sinh Trưng Vương nhiều nơi cũng chia thành Trưng Trắc và Trưng Nhị?!

Cho đến nay, nhỡn tiền cho thấy từ Phạm Quỳnh đến các nhà Chính trị, Văn hóa Việt đều vẫn chưa thấy được cái '**Quốc Túy**' của truyền thống Việt Nam nằm ở triết lý Tam tài '**Thiên Địa Nhân bình hòa**', trong đó **Nhân phải Hùng**, biết tự trọng đứng thẳng giữa Trời Đất, có những hành động tương xứng với vị thế của mình trong Tam Giác Đều nằm ngang mà 3 đỉnh là Thiên - Địa và Nhân.

Một khi được Trời - Đất giúp sinh tồn, thì chính mỗi con Người cũng cần phải biết tự phát triển một cách hữu ích với Mọi Người.

Đây là một nhân sinh quan & triết lý sống rất tích cực, vô cùng cao đẹp của truyền thống Việt từ đời Hùng Vương, nêu quan điểm mỗi người phải '**sống hùng**' làm nên những việc ích quốc & lợi dân dù nhỏ hay lớn, thay vì chỉ nghĩ đến ích lợi của bản thân - gia đình - đảng phái - tôn giáo... của mình, đưa đẩy đến chỗ mâu thuẫn, chia rẽ, sát phạt lẫn nhau.

Triết gia Johan Huizinga (1872 - 1945) sau khi nghiên cứu nhiều nền văn minh của nhân loại, đã nhận xét:

"Sự phán đoán yếu kém, khước từ sự hợp lý, sự sùng bái quá đáng, sự thiếu lòng bác ái là những triệu chứng chính của cuộc khủng hoảng văn hóa thế giới hiện nay".

Từ nhận xét này, chúng ta thấy Văn Hiến Nhân - Trí - Hùng Việt Nam là một nền văn hóa nhân bản hoàn chỉnh?

VVTKLAL

Nhân - Trí - Hùng

Tự Lực Văn Đoàn

(1932 - 1940)

*Tự Lực Văn Đoàn là sự kết hợp khá hoàn hảo của một nhóm học thức trẻ thức thời, có đủ tài đức thực hiện tốt công việc canh tân tư tưởng & hành động của cả một dân tộc đang bị chìm đắm trong sự hủ lậu lỗi thời của buổi giao thời giữa cũ - mới, đông - tây... tìm ra lối thoát vướn lên, hưởng thụ thích hợp, được đởng thời tán thưởng, hình thành **dòng văn học đấu tranh văn hóa bằng chính trị**.*

Điều sáng suốt và thành công nhất của Tự Lực Văn Đoàn là biết cải cách ngôn ngữ, canh tân quốc ngữ từ chỗ còn dùng nhiều Hán tự đến chỗ giảm thiểu gần như ít còn lệ thuộc, mà vẫn có thể diễn tả tinh tế được những vấn đề mới mẻ. Nói một cách khác, là có công trẻ trung làm mới và bản địa hóa trở lại tiếng Việt, giúp tiếng Việt thuần túy có thể chuyển tải những nội dung cũ mới uyên bác một cách tốt đẹp hơn bao giờ hết.

Chính bằng thứ ngôn ngữ Việt tinh hoa tươi trẻ này, Tự Lực Văn Đoàn đã có thể chuyển tải thẳng nhiều vấn đề tâm lý, tình cảm, xã hội... khác nhau, đi thẳng vào lòng đại chúng người đọc, qua những số báo gia tăng ấn bản vùn vụt, chỉ trong vài tháng xuất hiện đã tăng từ 3.000 số lên 10.000 số...

Ngày 22-9-1932 Nhất Linh cùng các em và văn hữu chủ trương canh tân số báo đầu tiên - làm mới báo Phong Hóa cũ, đạt thành công gấp bội, nên tháng 3-1933 nhóm này cùng nhau thành lập Tự Lực Văn Đoàn với những cây viết chủ lực gồm 7 người theo 'Thất Tinh - một kiểu 'Pleiade':

1/ Nhất Linh tức Nguyễn Tường Tam đứng đầu, viết tiểu thuyết luận đề với quan niệm 'mới phải dứt khoát với cũ'.

2/ Khái Hưng tức Trần Khánh Dư, viết tiểu thuyết tâm lý, tình cảm, được nam nữ thanh niên đương thời rất ngưỡng mộ, quan niệm cũ mới cùng phát triển hài hòa hướng thượng.

3/ Hoàng Đạo tức Nguyễn Tường Long, là lý thuyết gia nêu '10 Điều Tâm Niệm' chỉ cách tu thân trở thành người hữu dụng trong thời đại mới, cũng như '10 tôn chỉ' để hướng dẫn hoạt động chung của văn đoàn.

4/ Tú Mỡ tức Hồ Trọng Hiếu, làm thơ văn trào phúng để đả kích những tư tưởng hành động bị coi là hủ lậu đương thời.

5/ Thế Lữ tức Nguyễn Thứ Lễ, thi sĩ công đầu của trào Thơ Mới, viết tiểu thuyết thiên về rừng rợn và trinh thám.

6/ Thạch Lam tức Nguyễn Tường Lân, sở trường viết truyện ngắn tâm lý tình cảm, thiên về người nghèo với những cảm thông cao đẹp.

7/ Họa sĩ Nguyễn Gia Trí tác giả của loạt tranh chấm biếm 2 nhân vật Lý Toét và Xã Xệ, tiêu biểu cho hình ảnh thoái hóa hủ lậu của dân quê Việt Nam.

Nếu nhóm Nam Phong của Phạm Quỳnh chỉ là sự kết hợp lỏng lẻo giữa những người viết, khi không đề ra tôn chỉ và đường lối sáng tác chung, thì Tự Lực Văn Đoàn trong số 87 ngày 2-3-1933 đã đề ra 'Tôn chỉ và đường lối sáng tác của văn đoàn' 10 điều, nội dung bao gồm:

-Về hình thức: Chú ý đến sáng tác hơn dịch thuật, chủ trương hành văn dung dị, ít dùng chữ Hán, diễn đạt mang sắc thái Việt.

-Về nội dung: Chống tư tưởng Khổng Giáo, đề cao cá nhân chống lại chủ trương gia đình trị, đề cao cuộc sống cá nhân với tâm lý & tình cảm cao đẹp...

Tóm lại đường lối hoạt động văn học của Tự Lực Văn Đoàn là làm mới văn chương & tư tưởng bằng cách đoạn tuyệt với lối hành văn biền ngẫu dùng nhiều hán tự để diễn đạt - dứt bỏ những đạo lý ước lệ do ảnh hưởng từ Khổng Giáo. Cùng lúc đã giúp trào Thơ Mới phát triển vững mạnh.

Nếu Nhất Linh chủ trương viết Tiểu thuyết Luận đề, tranh đấu cho tự do cá nhân một cách dứt khoát, như tác phẩm Đoạn Tuyệt... thì Khái Hưng và Thạch Lam tài hoa và thâm trầm hơn, khi viết Tiểu thuyết Tâm lý & Tình cảm, đề cao những ý nghĩa cao đẹp có thể thực hiện ngay trong cuộc sống bình thường. Cụ thể như trong tiểu thuyết Nửa Chừng Xuân, nhân vật chính là cô Mai đã tìm lối thoát cho tình yêu bế tắc, bằng quan niệm về một tình yêu cao thượng 'Yêu ai là mong muốn cho người đó hạnh phúc' - khác với tình yêu nặng tính ích kỷ, chủ trương chỉ lo hạnh phúc cho chính bản thân một cách tầm thường. Muốn hiểu tình cảm của cô Mai chúng ta cần hiểu 3 cấp bậc cao thấp khác nhau trong tình yêu:

-Tới 99% trong chúng ta chỉ yêu mình khi yêu người: Cụ thể trước khi yêu ai trong thâm tâm chúng ta đã hình dung ra mẫu người 'lý tưởng' của riêng mình, phải có một số điều kiện nào đó. Và chúng ta chỉ yêu những ai đạt được đa số các điều kiện chúng ta mơ ước. Do vậy mà tình yêu trong trường hợp này là chỉ yêu người nào đúng với sở thích ước vọng của mình - tức 'yêu mình'. Sự đổ vỡ xảy ra, khi kén chọn không kỹ, lấy nhau thấy rõ thực tế khác xa kỳ vọng, nên thất vọng, chia tay!

Cô Loan trong Đoạn Tuyệt đoạn tuyệt cậu Thân và gia đình của cậu Thân, vì thấy tất cả không đúng với kỳ vọng của bản thân mình.

-Chỉ có 00.99% trong chúng ta có được tình cảm yêu người khi yêu. Đó là trường hợp khi yêu ai thì hết lòng hy sinh vì người đó, quên mình. Cụ thể là hình ảnh đa số phụ nữ Việt xa xưa, rất hết lòng vì chồng con, cụ thể như Bà Tú Xương... khiến chồng phải làm thơ ca ngợi:

'Quanh năm buôn bán ở mom sông,

'Nuôi đủ năm con với một chồng...

Cô Mai trong tiểu thuyết Nửa Chừng Xuân của Khái Hưng chấp nhận để Lộc lấy vợ môn đăng hộ đối theo đòi hỏi của gia đình Lộc, yên phận ở vậy nuôi

con của mình và Lộc, khuyên Lộc hãy trở về với người vợ chính thức do gia đình Lộc chọn lựa, nói với Lộc là nếu Lộc hạnh phúc thì bản thân mình cũng cảm thấy hạnh phúc theo.

-Và 00,01% trong chúng ta có tình yêu hướng thượng, khi yêu nhau là cùng nhau nhìn về một phía. Đó là tình yêu của các nhà ái quốc, tuy yêu nhau, nhưng hy sinh vì Quốc gia & Dân tộc, hẹn chỉ khi nào đất nước độc lập tự do mới nghĩ đến hôn nhân. Đó là tình yêu giữa Nguyễn Thái Học và Cô Giang... Trong Hồn Bướm Mơ Tiên của Khái Hưng, hai nhân vật chính cũng quên mình, hướng tới lý tưởng tôn giáo:

"Gia đình? Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình của tôi là ... hai linh hồn của đôi ta ẩn núp dưới bóng tử bi là Phật tổ".

(trích sđd trang 123)

Trong Nhà Văn Hiện Đại, Vũ Ngọc Phan nhận xét: *'Hồn bướm mơ tiên là một tiểu thuyết lý tưởng, một tiểu thuyết mà tác giả dựng nên những cái cao quá, người ở thế gian này không thể nào có được.*

(trích sđd trang 757)

Tóm lại, bình thường hầu hết chúng ta chỉ 'yêu mình' - tức người yêu phải đạt được một số điều kiện mà ta mong muốn. Một số ít đạt tới tình 'yêu người' - tức yêu ai thì hết lòng vì người đó, không nghĩ đến bản thân. Một số rất ít đạt tới tình yêu hướng thượng, tức cùng nhau nhìn về một mục tiêu cao đẹp để quên mình, nghĩ tới đại sự.

Chỉ trong 8 năm hoạt động (1932 - 1940), bằng các báo Phong Hóa và Ngày Nay, Tự Lực Văn Đoàn đã gieo vào lòng người đọc những tâm lý & tình cảm cao đẹp, tân tiến; hình thành một lớp Người Mới làm nền tảng vững vàng cho các cuộc đấu tranh cho tự do & dân chủ - khi nhiều tác phẩm của các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn được đem giảng dạy trong các lớp từ tiểu học đến trung học, đại học.

Cái chết của Nhất Linh năm 1963 đã có những tác động đáng kể vào việc lật đổ chế độ độc tài gia đình trị của anh em Tổng thống Ngô Đình Diệm, do những ảnh hưởng của Tự Lực Văn Đoàn trong giáo dục đào tạo.

Nhận Định

Nếu Phạm Quỳnh có chủ trương làm văn hóa để dùng cho mục đích chính trị, thì Nhất Linh ngược lại khi chủ trương làm chính trị trong việc phát triển văn hóa.

Sau năm 1954, Nhất Linh vào Miền Nam làm báo và hoạt động chính trị, rồi dùng cái chết của mình chống lại sự độc tài & gia đình trị của Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Cái chết của ông tuy rất đáng kính, nhưng phải chi nếu ông nhận ra sự cần thiết của ông trong cuộc đấu tranh chống Cộng sản, ắt việc Chống Cộng ở Miền Nam sẽ không như rã rạt mất đầu, khi thiếu nhân vật trong chính giới uy tín cầm quyền, để chính sự rơi vào tay các tướng lãnh hữu dũng vô mưu, tranh quyền đoạt lợi, đảo chánh nhau liên miên, đưa đẩy Miền Nam tới chỗ thất trận, đất nước rơi vào tay Cộng Sản, chịu quá nhiều thiệt hại nặng nề về đủ mọi phương diện, rất khó có thể khôi phục?!

Tự Lực Văn Đoàn đã thể hiện:

****Lòng Nhân:** Nho Giáo trải mấy ngàn năm tồn tại, phát triển theo chiều hướng 'duy ngã độc tôn' đã trở nên lỗi thời, hủ bại, khiến Trung Quốc vì vậy mà suy thoái theo. Việt Nam bấy nay chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho Giáo nên cũng thành lụn bại. Nhóm Tự Lực Văn Đoàn là những người theo Tây học, sớm ý thức được hậu quả tai hại của Nho Học, nhận ra sức mạnh của tư tưởng Tây phương, nên chủ trương đả phá để xóa bỏ những tập tục chịu ảnh hưởng Nho Giáo, bị giới học thức thư lại vong bản coi như lễ giáo của quốc gia & dân tộc - nêu cao việc cải cách phong tục, tập quán theo quan niệm yêu chuộng tự do, dân chủ, hạnh phúc cá nhân; khai triển tình cảm yêu đời trong giới trẻ qua những truyện dài, truyện ngắn, tham luận, thơ trào phúng... xây dựng 'Lòng Nhân Yêu Minh & Yêu Người' phát huy truyền thống 'đồng bào' của văn học truyền thống dân tộc, từng được truyền khẩu qua cổ tích, ca dao, truyện kể...

****Trí Sáng:** Từ khởi điểm Văn Hóa, nhận thấy cần mau chóng tác động phát triển quốc gia theo chiều hướng mới của Tây phương, nên Tự Lực Văn Đoàn ngả sang mục tiêu chính trị khi đả đảo phong kiến, tẩy chay chế độ bù nhìn của triều đình Huế, tố cáo các bất công xã hội, đề cao tự do dân chủ, được người đương thời ủng hộ, hình thành một cao trào văn học mới, có nhiều tác phẩm được ngành Giáo dục Quốc Gia đưa vào chương trình giảng dạy từ tiểu học, trung học, đại học - ảnh hưởng quan trọng đến tư tưởng & hành động yêu nước của nhiều thế hệ. Đến năm 1940, Nhất Linh thành lập đảng Hưng Việt, công khai dẫn thân đấu tranh chính trị, khiến Pháp lo sợ ruồng bả. Nhất Linh phải chạy qua Trung Quốc, Hoàng Đạo, Khải Hưng... bị bắt đi an trí.

****Tính Hùng:** Trong khi các nhóm văn học khác đương thời sợ tù đày, chỉ hoạt động thuần túy Văn hóa Giáo dục, thì 7 văn thi sĩ chủ trương của nhóm đã dũng cảm đứng ra tranh đấu cho độc lập tự do của Quốc gia & Dân tộc. Khải Hưng bị Việt Cộng thủ tiêu ngay năm 1945, Hoàng Đạo chết trên đường lưu vong đấu tranh, Thạch Lam bệnh chết, Thế Lữ sau năm 1954 tuy ở lại dưới chế độ Cộng sản, nhưng không làm thơ, viết văn. Nhất Linh vào Nam tiếp tục

tranh đấu, rồi dùng cái chết của mình tác động việc lật đổ chế độ gia đình trị của họ Ngô. Họa sĩ Nguyễn Gia Trí di cư vào Nam, nổi tiếng với bức vẽ bìa báo Tết năm Tí với hình ảnh 5 con chuột nhà họ Ngô đục khoét một trái dưa hấu bị cắn nham nhở có hình ảnh của một bản đồ Việt Nam... Duy Tú Mỡ theo Việt Cộng làm thơ đề cao tinh thần chiến đấu của nhân dân buổi đầu, nhưng sau đó khi nhận ra bộ mặt thật của Hồ Chí Minh, đã ngưng hoạt động.

Nếu nhà văn Nhất Linh và nhà Chính trị Nguyễn Tường Tam đều không thành công lớn lao trong sự nghiệp của mình, chỉ lưu lại được những bài học để kẻ đi sau rút kinh nghiệm, thì trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn có 2 thành viên rất đáng để chúng ta tìm hiểu, nghiên cứu, rút ra những bài học hữu ích về lâu về dài:

Khái Hưng

Khái Hưng hơn Nhất Linh 10 tuổi, là người nhiều tuổi nhất trong Tự Lực Văn Đoàn, nên ông đã đủ thâm trầm để hướng ngòi bút của mình về một chiều hướng xây dựng sâu sắc và hữu ích nhất với người đương thời.

Khái Hưng đã nhận ra thành phần học thức trung lưu bấy giờ đang phát triển mạnh mẽ, sẽ trở thành thành phần chủ lực cho công cuộc kiến thiết và phát triển Quốc gia & Dân tộc trong buổi giao thời giữa Đông - Tây, Cũ - Mới.

Hiểu rõ học thức của giới trẻ có thể do nền giáo dục đào tạo, nhưng những tâm lý & tình cảm thì cần văn học tao luyện, nên ông đã viết loại tiểu thuyết lý tưởng, chủ trương các nhân vật phải có tâm hồn cao thượng, mới không bị rơi vào các bi kịch về tình cảm khi già - trẻ, cũ - mới đối đầu kịch liệt buổi giao thời.

Nhất Linh viết lời tựa cho tác phẩm Nửa Chừng Xuân của Khái Hưng ngày 3-2-1934:

'Mai biết lấy cái thú vị chưa chát của sự hy sinh để an ủi dỗ dành mình những ngày thất vọng... và để khuyến khích mình dù sao cũng vui vẻ mà sống'.

Vũ Ngọc Phan nhận định về Khái Hưng trong Nhà Văn Hiện Đại:

'Hiện nay, nhà văn mà được nam nữ thanh niên yêu chuộng, được họ coi là người hiểu biết tâm hồn họ hơn cả, có lẽ chỉ có Khái Hưng'.

Trong thời gian giảng dạy Văn học Việt Nam tại các lớp trung học thời VNCH trước năm 1975, chỉ khi giảng về Khái Hưng, bản thân chúng tôi mới có thể đem những nghiên cứu về tâm lý, tình cảm của Tây phương làm phong phú hóa bài giảng, giúp học sinh thích thú với những tình cảm hướng thượng; chứng tỏ giá trị tâm lý, tình cảm của các tác phẩm do Khái Hưng viết, có giá trị lâu dài, không bị thời gian và không gian hủy hoại?

Có thể do ảnh hưởng lớn lao này, mà Hồ Chí Minh ra ra lệnh thủ tiêu Khái Hưng ngay khi cướp được chính quyền năm 1945?!

Thạch Lam

Vũ Ngọc Phan nhận định về Thạch Lam trong Nhà Văn Hiện Đại:

'Ông có một ngòi bút lặng lẽ, điềm tĩnh vô cùng, ngòi bút chuyên tả tỷ mỉ những cái rất nhỏ và rất đẹp, những cảm tình, cảm giác con con nảy nở và biểu lộ ở đủ các hạng người, mà ông tả một cách thật tinh vi.

(sđd trang 1060)

Thạch Lam tận dụng ngòi bút tài hoa trên của mình, đi sâu vào lòng người đọc khi mô tả các nhân vật bình thường trong cuộc sống xã hội hàng ngày, khiến người đọc phải có những suy nghĩ vị tha với cuộc sống xung quanh.

Phạm Thế Ngũ trong Việt Nam Văn Học Sử Giản ước Tân biên nhận xét:
'Thạch Lam lấy làm nhân vật những người tầm thường trong xã hội: mẹ Lê xóm nghèo, cô hàng xén phố huyện, cậu học trò đi ở trọ, thợ thuyền, tiểu công tử chức. Ông thường để ý vạch vẽ cuộc đời của họ, những tình cảm cùng ý nghĩ của họ, chỗ không bận tâm lắm đến việc tuyên truyền trực tiếp hay gián tiếp tu tưởng cách mạng xã hội... Ta thấy tác giả hiện ra không chút tự tôn mặc cảm, hòa đồng trong cái xã hội nhỏ bé, mà ông thường xót với tất cả tâm hồn đa cảm của ông'.

(sđd trang 490)

'Có điều nên để ý là trong những truyện có khuynh hướng xã hội này, Thạch Lam không mô tả cái xã hội người nghèo bằng những màu sắc hắc ám quá đáng, những nét sinh hoạt cô cực cùng tột. Ông thường chú ý đi vào tâm lý, tư tưởng của những người bé nhỏ, và bên cạnh những nỗi khổ của họ, ông không quên cho ta thấy những niềm vui đôn sơ của họ.

(sđd trang 491)

Qua một số trích dẫn trên, chúng ta thấy Thạch Lam là một nhà văn xã hội, nhưng chỉ dùng lối diễn tả thâm đậm tình người, để khơi dậy những tâm lý, tình cảm thương xót giúp đỡ trong lòng người đọc.

Do vậy, văn của Thạch Lam rất xứng đáng được dùng giảng dạy trong các chương trình không chỉ ở bậc tiểu học, trung học, mà cả đại học.

Như thế Lòng Nhân và Trí Sáng của Khai Hưng và Thạch Lam rất đáng để chúng ta nghiên cứu, tìm hiểu, nêu lên những bài học vì dân, vì nước một cách tuy thâm lặng nhưng vô cùng sâu sắc, hữu ích dài lâu? Họ là những người hùng thầm lặng, khi tận dụng tài hoa viết văn để đề cao, kích thích những tình cảm "yêu người" theo truyền thống "Đồng Bào" cao đẹp.

Văn hào Pháp Jules Romains (1885 - 1972) nhận định:

'Văn học cần trình bày thế giới, mà không cần có những phán đoán.'

VVTKLAM

Người Phụ Nữ Việt Hồ Xuân Hương

Văn học Trung Quốc tuy phát triển thành 'bách gia chú tử', nhưng tựu trung vẫn chỉ có 2 luồng tư tưởng khác nhau là:

***Phái Cận Nguyên lấy lễ nhạc, trang nghiêm, cung kính và nghị luận tuyệt đối một chiều làm trọng.*

***Phái Siêu Thoát lấy tự do phóng túng, trào lộng u mặc, nghị luận dọc ngang làm yếu chỉ.*

Trong khi Phái Cận Nguyên cứ cung tận tụy với vua, lấy sự 'sát thân thành nhân' làm lẽ sống; thì Phái Siêu Thoát cười vang chế diễu những ai khom mình châu chực mong ỏn trên ban phát bổng lộc!

Hồ Xuân Hương là ái nữ ông Hồ Phi Diễn, người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Khi ra dạy học ở Hải Dương, ông lấy người thiếp sinh ra nữ sĩ ở phường Khán Xuân, Hồ Tây, Hà Nội. Nay chỉ qua thơ văn và những gặp gỡ trong cuộc đời của bà, được biết bà sống thờ Lê Mạt - Nguyễn Sơ qua cuộc xướng họa thơ văn với Phạm Đình Hồ sinh năm 1768 thời vua Lê Cảnh Hưng, mất năm 1839 thời vua Minh Mệnh. Do tài thơ văn rất mực, nhiều văn nhân đương thời bị bà châm biếm, khó lấy chồng, nên sau lấy lẽ một vị thủ khoa làm Tri phủ Vĩnh Tường. Không lâu ông Phủ mất, lại phải làm lẽ ông Tổng Cóc. Ông Tổng Cóc cũng qua đời khiến bà buồn số phận hẩm hiu, vân du đây đó, thăm các thắng cảnh và gặp các văn nhân làm thơ văn xướng họa nổi tiếng đương thời, lưu lại nhiều giai thoại văn chương lý thú.

Trong sách Văn Học Việt Nam, học giả Dương Quảng Hàm nhận định:

"Về thơ văn thì bà đứng riêng hẳn ra một phái. Bài nào cũng chứa chan tình tự; hoặc lẳng lơ, hoặc chua chát. Chữ dùng thuần nôm mà rất khéo, tả cảnh nào rõ ra cảnh ấy, văn hay gieo những vần oái oăm mà rất hiệp. Thật là một người có thiên tài về thơ nôm vậy'.

(trích sđd trang 130)

Trong sách Việt Nam Văn Học Sử - Giản ước Tân biên Tập II của Phạm Thế Ngũ, nhận định:

'Một tính chất phổ biến và hiển hiện nữa của thơ Hồ Xuân Hương là tính chất trào phúng. Mỗi khi bà cất bút là để riễu cợt phúng thích. Đi vào phân tích thi tập của bà ta thấy bà đã bắn những mũi tên trào phúng vào đủ hạng người trong xã hội. Từ công Cử Vô "Đầu đội nón da loe chóp đỏ" đến những văn nhân dốt nát mà sinh chữ "chỏi trèo". Từ ông quan đến ông thầy chùa. Nhất là phái tăng sãi hay bị Xuân Hương trêu chọc. Nào chế Sư bị ong đốt, nào chế Sư phải lòng gái bị làng đuổi, khi lại mô tả với những nét hoạt kê của cuộc đời tu hành của sãi vãi.

(trích sđd trang 277)

'Tóm lại, trên thì vua chúa quan lại, ông Phủ, ông Cử, dưới đến ông Tổng, ông Lang, những mặt nam nhi to lớn trong xã hội đều bị cái cười của Xuân Hương điểm diện, gọi tên. Bà đã chế nhạo họ về những tật xấu gì? Không ngoài mấy tật hợm đời, khoe khoang, ích kỷ, háo danh. Nhưng nhất là cái tật háo sắc của họ...

(trích sđd trang 278)

Việt Nam cũng không khác gì Trung Quốc, khi bấy nay, phái Cận Nguyên đã có những suy nghĩ một chiều thiên cận về Hồ Xuân Hương.

Muốn có được cái nhìn đúng đắn về Hồ Xuân Hương, chúng ta phải có cái nhìn Siêu Thoát, mở rộng tầm nhìn rộng lớn với Nữ Giới cả về thời gian và không gian, tức từ Cổ & Kim, Đông & Tây.

Tại Đông phương, từ khởi thủy xa xưa, tính Âm được gắn liền với Nữ tính mềm mỏng, là sự hấp thụ, sự thụ động, bóng tối, Mặt Trăng, nước... tính Dương gắn liền với Nam tính cứng rắn, là sự xuyên thấu, sự chủ động, ánh sáng, Mặt Trời, lửa...

Dịch học là một khoa học uyên bác hướng dẫn tư duy của Trung Hoa qua những ký hiệu mang 2 tính Âm - Dương biểu hiện các đặc tính chung của mọi sự vật, sự việc, đã dùng 2 quẻ Vị Tế và Ký Tế để mô tả sự liên hệ giữa Nước và Lửa tức Âm Và Dương... nhưng rất tiếc chỉ vì lối tư duy ích kỷ độc tôn một chiều của các tư tưởng gia Cận Nguyên nam giới, nên đã không được các triết gia Đông Phương tuân thủ, gây ra không biết bao nhiêu tai họa qua những cuộc chiến liên miên, từ tư tưởng đến hành động.

Quẻ Vị Tế đặt Hòa trên Thủy chỉ những sự việc bất thành, cần sự hồi sinh, mà Phật Giáo gọi đó là Luân Hồi, Thiên Chúa Giáo gọi đó là Phục Sinh, Dịch Học gọi là Vị Tế.

Quẻ Ký Tế đặt Thủy trên Hòa chỉ một khi Nước đặt trên Lửa thì sự giao nhau mới biến hóa tốt đẹp, như lấy lửa đun nước đem lại hữu ích vô vàn trong đời sống nhân sinh. Chứng tỏ Nước trên Lửa mới đúng vật nào vào chỗ ấy, chính danh định phận không hỗn loạn.

Khổng Tử chủ trương Tam Tòng & Tứ Đức, nô lệ hóa Nữ vào Nam, tức đặt Hòa Trên Thủy - trái với quan niệm 'chính danh định phận', cũng như không còn đúng với quan niệm 'Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên hạ' khi việc Tề Gia chính là do Phụ Nữ đảm đang quán xuyến hầu hết, qua câu 'Tề Gia & Nội Trợ'?

Tại Tây phương, thuyết Nữ Quyền (Feminism) do nhà xã hội học Charles Fourier khởi đầu, nhập vào Anh Quốc từ năm 1890 dùng hậu thuẫn cho sự bình đẳng của phụ nữ về luật pháp và chính trị. Trước đó vào năm 1792 Mary Wollstonecraft đã xuất bản một cuốn sách bảo vệ nữ quyền, cho rằng phụ nữ cũng là một hữu thể có lý trí, có khả năng hưởng quyền giáo dục và thực thi những trách nhiệm công dân.

Tuy nhiên, các phân tích gia nam giới nêu một trong những khác biệt lớn nhất giữa Nam - Nữ là trách nhiệm nặng nề dài lâu trong lãnh vực nuôi con trong gia đình chiếm hết thời gian ra ngoài xã hội tham gia chính trị.

Điều đáng trách là hầu hết các triết gia Nam đã viết về phái Nữ có tính miệt thị, châm biếm... như Plato, Aristote, Kant, Rousseau, Schopenhauer, Nietzsche... đều nghĩ rằng phụ nữ rất thấp kém trong khả năng tư duy của triết học - tức khả năng tri thức, bản ngã, lý trí, đạo đức học - mà không chịu hiểu biết về vai trò sinh nở nuôi dưỡng quan trọng chiếm hết thời gian và không gian sinh sống của phụ nữ?!

Do vậy mà đến mãi Thế kỷ XX, khi người phụ nữ bắt bình, từ bỏ giảm bớt trách nhiệm sinh nở nuôi dưỡng của mình, mới xuất hiện nhiều nữ triết gia danh tiếng, như Philippa Foot, Iris Murdoch, Elizabeth Anscombe, Luce Irigaray... tiếp nối bước chân các đàn chị Hannah Arendt, Simone Weil, Mary Wollstonecraft, Simone de Beauvoir... nhưng hậu quả của việc này là sự lão hóa dân số, khi sinh suất không bù đắp được tử suất.

Tại Việt Nam, ngay từ khởi thủy, Lạc Long Quân đã tin tưởng tin nhiệm Âu Cơ, giao phó cả hai trách nhiệm 'Tề Gia - Trị Quốc' cho Âu Cơ, hình thành một Quốc Gia lấy chữ Hùng mang đặc tính vị tha - hơn chữ Dũng mang đặc tính vị kỷ, phát triển hưng thịnh mấy ngàn năm liền, kỷ lục về dài lâu của một triều đại trên thế giới.

Câu chuyện Lạc Long Quân và Âu Cơ đúng với nhận định:

'Bên cạnh người đàn ông vĩ đại, luôn có người đàn bà vĩ đại hơn'.

Khả năng Tề Gia - Trị Quốc vĩ đại của Bà Âu Cơ đã thể hiện qua nhiều phương diện, hơn hẳn phái Nam:

****Tề Gia:** Đặt nặng vấn đề Dinh Dưỡng không chỉ với trẻ sơ sinh, mà còn với cả các thành phần già trẻ, nam nữ trong gia đình, khi dụng công chế biến nhiều món ăn thi vị khác nhau, nhiều loại quà bánh thú vị hấp dẫn cho những khoảng thời gian sáng - trưa - chiều khác hẳn nhau. Sáng tạo đường lối Giáo Dục không cần người dạy và nơi dạy, dùng thể thơ ca dao lục bát giúp dễ dàng truyền khẩu những kiến thức phổ thông, phổ biến đạo đức 'Không Xấu là

Tốt' dễ thực hiện hơn việc 'Phải Tốt mới Không Xấu' của các tôn giáo do nam giới chủ trương trên khắp thế giới?

****Tri Quốc:** Nêu cao tình Đồng Bào và ý chí Anh Hùng, phát triển thành nhân sinh quan chan chứa tình người: "Yêu Người - Vì Mọi Người"
Nhân sinh quan truyền thống Việt kể trên bị Khổng Giáo trấn áp nặng nề từ sau thời Bà Trưng, Bà Triệu, trỗi dậy thời Hậu Lê hình thành việc tôn thờ Bà Chúa Liễu Hạnh, đưa Bà Chúa lên địa vị Tú Bất Tử - ngang hàng với Phù Đổng Thiên Vương, Tản Viên Sơn Thần và Chủ Đồng Tử.

Nếu Bà Chúa Liễu Hạnh là sự trỗi dậy của Nữ Giới Việt trong phạm vi Tư tưởng & Hành động... thì thơ Hồ Xuân Hương là sự quật cường của Nữ Giới trong địa hạt Văn chương & Tư tưởng... bấy nay bị Nam Giới Việt tha hóa vong bản theo Khổng Giáo trấn áp?

Lối cười cợt của Hồ Xuân Hương đã có từ trước trong đời sống dân gian Việt, là một dòng cảm nghĩ quan trọng trong văn chương cổ truyền Việt Nam, được thể hiện nhiều trong các câu ca dao, các câu đố, các câu hát hò, các truyện tiểu lâm... nhằm phá tan những thói hư tật xấu, trở thành một thứ vũ khí của quần chúng chống lại những sai trái của bọn cầm quyền theo Nho Giáo.

Do những nguyên nhân trên và vấn đề nghiên cứu Tiểu Lâm & Ca Dao bị coi nhẹ là 'Văn chương Bình dân', nên các nhà khảo cứu đã có những nhận định sai lầm nghiêm trọng về Nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

Lý do dễ hiểu là hầu hết các nhà nghiên cứu Văn học Việt Nam trước đây do phải học hành Tứ Thư - Ngũ Kinh để thi cử lập thân, đã lạm quá sâu tư tưởng Khổng Mạnh, coi rẻ nữ giới - mà không hiểu rằng Nữ giới Việt Nam qua ca dao... đã có những biểu hiện tâm lý, tình cảm về tâm sinh lý rất bác học, mà Hồ Xuân Hương chỉ là một người thể hiện đầu tiên trong văn chương của giới học thức.

Cụ thể, chúng ta có thể thấy rõ nhận định trên qua một số minh chứng cụ thể:

****Về Thần quyền:**

Ca dao chỉ trích các tu sĩ xấu, làm mất sự thanh cao nơi thờ phượng, chứ không đụng chạm tới các vị Thần Phật mà họ rất ngưỡng mộ, lễ bái thành kính:

*'Sử đởng tụng niệm Nam Mô
'Thấy cô sách giỏ mò cua bên chùa
'Lòng sử luống những thần thờ
'Bỏ cả kinh kệ, tìm cô hỏi chào
'Ai ngờ cô đi đàng nào
'Tay cầm tràng hạt ra vào bản khoăn.*

Thơ Hồ Xuân Hương:

'Chẳng phải là Ngô, chẳng phải ta
'Đầu thì trọc lốc áo không tà
'Oản dăng trước mặt dăm ba phẩm
'Vãi nếp sau lưng sáu bảy bà
'Khi cảnh, khi tiu, khi chũm chọe
'Giọng hi, giọng hỉ, giọng hi ha
'Tu lâu có lẽ lên sủ cụ
'Ngất ngểu tòa sen nọ đó mà.

****Về quan quyền:**

Cũng vậy, ca dao chỉ châm biếm sự dâm dật của giới quan lại bất chính:

'Ban ngày quan lớn như thần
'Ban đêm quan lớn tằn mần như ma
'Ban ngày quan lớn như cha
'Ban đêm quan lớn rầy ra như con.

Thơ Hồ Xuân Hương:

'Mười bảy hay là mười tám đây
'Cho ta yêu dấu chẳng rời tay
'Mỏng dầy chững ấy, chành ba góc
'Rộng hẹp dưỡng nào, cấm một cây
'Càng nóng bao nhiêu thời càng mát
'Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày
'Hồng hồng má phấn duyên vì cây
'Chúa dẫu, vua yêu, một cái này.

Như vậy những câu thơ nội dung như trên không hề mang tính chống đối, mà chỉ là sự châm biếm những thói hư tật xấu, mang tính đề cao luân lý và đạo đức trong vấn đề tình dục, rất đáng coi trọng.

Từ sự suy nghĩ như trên, khi đọc thơ Hồ Xuân Hương sẽ thấy giữa thơ của nữ sĩ có những sự tương đồng với ca dao, qua những nội dung thể hiện các tình huống tâm lý, tình cảm tôn trọng nữ quyền trong vấn đề tình dục... bằng việc nói lên những bất công do chủ trương 'trọng nam - khinh nữ' của Nho Giáo gây ra?!

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương thường mượn việc vịnh vật, vịnh việc, vịnh cảnh để diễn tả cùng lúc hai ý tưởng tục và thanh khác nhau, nhằm giáo dục và cảnh tỉnh nhân luân:

-Vịnh vật:

'Thân em vừa trắng lại vừa tròn
'Bảy nổi ba chìm với nước non
'Lỗ nhỏ mặc dầu tay kẻ nặn
'Nhưng em vẫn giữ tấm lòng son.
(bánh trôi nước)

'Thân em như quả mít trên cây
'Da nó sù sì nhưng múi nó dày
'Quân tử có thưởng thì đóng cọc
'Xin đừng mân mó, nhựa ra tay.
(quả mít)

-Vịnh việc:

'Bốn cột khen ai khéo khéo trồng
'Người thì lên đánh kẻ ngồi trông
'Trai co gối hạc khom khom cất
'Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng
'Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
'Hai hàng chân ngọc duỗi song song
'Chối xuân đã biết xuân chẳng tá
'Cọc nhổ đi rồi, lỗ bỏ không!
(đánh đu)

-Vịnh cảnh:

'Một đèo, một đèo, lại một đèo
'Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo
'Đất rờ một giải xanh um cỏ
'Đá chỏm gan gà mồi thếch râu
'Lắt léo càn khôn cản gió giạt
'Đầm đĩa lá liễu hạt sổng gieo
'Hiền nhân, quân tử ai là chẳng
'Mỏi gối chồn chân cũng muốn trèo.
(đèo ba đội)

Những câu thơ trên mang những hình ảnh man mác một niềm thương cảm cho thân phận phái nữ chịu nhiều thiệt thòi bất công về phương diện tình dục, bị bạc đãi trong thiên chức cao cả sinh con, nuôi dưỡng phát triển giống giống?!

Phải đến Thế kỷ XIX, khi bác sĩ Sigmund Freud (1856 - 1939) khai triển bộ môn Phân Tâm Học, phân tích thực trạng tâm sinh lý của con người, vấn đề tình dục mới được nghiên cứu, tìm hiểu một cách khoa học, hầu nhận ra ảnh hưởng sâu rộng quan trọng của nó trong cuộc sống nhân loại, biến hóa khôn lường trong văn học, chính trị, lịch sử, xã hội, gia đình...

Nếu vấn đề tình dục trên thế giới đặt nặng khía cạnh xác thịt, biến phụ nữ thành những đối tượng lạc thú sinh lý ích kỷ của phái nam, như những sách Karma Sutra của Ấn Độ, Tố Nữ Kinh của Trung Quốc... thì chỉ duy nhất ở Việt Nam vấn đề tình dục được đặt nặng vấn đề tình cảm, khi phụ nữ Việt coi 'tình nghĩa' quan trọng hơn 'tình ái':

*'Lấy nhau vì nghĩa, vì tình
'Đói no không ngá, rách lành không nghiêng
'Lấy nhau vì bạc, vì tiền
'Đến khi tiền hết thì duyên bẽ bàng.*

Thường một phụ nữ Việt ở tuổi ngũ tuần, là đã trở thành 'bà', trải qua 5 đời đàn ông thân thuộc phải giúp đỡ:

- Khoảng 10 tuổi đã phải lo cho em.
- Khoảng 20 tuổi lo cho cha mẹ.
- Khoảng 30 tuổi lo cho chồng.
- Khoảng 40 tuổi lo cho con.
- Khoảng 50 tuổi lo cho cháu

...

Do vậy họ mới được cha mẹ nhờ cậy, chồng - con - cháu... nhờ vả suốt đời, để rồi sau đó tri ân đền đáp:

'Một lòng thờ mẹ, kính cha.

Nhờ biết sống vì 'tình nghĩa' hơn 'tình ái' mà duy nhất phụ nữ Việt trên thế giới được các văn thi sĩ Việt ghi công, ca ngợi:

-Trần Tế Xương khen vợ:
*'Quanh năm buôn bán ở mom sông
'Nuôi đủ năm con với một chồng.*

-Nguyễn Khuyến khóc vợ:
*'Nhà chín rất nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thất lũng bó que, sắn váy quai cồng, tất tuổi chân nam đá chân xiêu, vì tổ đờ dằn trong mọi việc.
'Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vớ vất vưởng, búi tóc củ hành, buồng quần lá tọa, gặt gù tay đũa tay chén, cùng ai kể lẽ chuyện trăm năm?!*

Những câu thơ văn trên cho thấy, dù thất bại như Trần Tế Xương hay thành công như Nguyễn Khuyến... người phụ nữ Việt trong vai trò Người Vợ vẫn luôn là một nhân vật quan trọng trong gia đình Việt Nam, được trao cho địa vị 'cầm cân nảy mực', rất đảm đang nên có thể làm tốt mọi chuyện, ứng phó mọi hoàn cảnh. Vợ của các quân cán chính VNCH sau 1975 ở trong nước và hải ngoại là những hình ảnh cụ thể về sự đối phó dũng cảm, tề gia tài giỏi... của phụ nữ Việt.

Do vậy từ khi lập quốc đến nay, trải mấy ngàn năm bị Nho Giáo ràng buộc trói chặt vào nguyên tắc 'Tam Tông - Tứ Đức' rất khắc nghiệt, người phụ nữ Việt vẫn giữ vững địa vị quan trọng trong gia đình Việt Nam. Nho Giáo không làm giảm, mà còn gia tăng giá trị của người phụ nữ Việt:

'Không Nàng đố Chàng làm nên.

Có thể nói vận mệnh Quốc gia & Dân tộc Việt Nam thăng hay trầm đều gắn liền với địa vị của người phụ nữ Việt.

Mỗi thời, chỉ cần nhìn vào sử sách đương thời hình dung người phụ nữ tiêu biểu ra sao, cũng có thể biết sự thịnh suy:

**Buổi đầu, trong các cổ tích, ca dao Việt Nam, vai trò người phụ nữ Việt luôn được kính trọng, đề cao... qua những đóng góp lớn lao: Mẹ Âu Cơ thay Lạc Long Quân cùng các con phát triển đất nước, trải mấy ngàn năm xưng 'Hùng', đặt nền tảng vững vàng cho một dân tộc anh hùng, có thể bảo tồn và phát huy truyền thống Con Rồng & Cháu Tiên qua triết lý sống 'Nhân - Trí - Hùng' - làm tốt vai trò của Con Người, trong quan hệ 'Thiên - Địa - Nhân'.

Qua lời dạy các con cháu đời đời phải tôn quý và phát huy tình 'Đồng Bào' trong Đạo Làm Người (Nhân), được duy trì tiềm tàng thành một văn hiến truyền thống. Ai nấy trong nước đều coi nhau như máu mủ ruột thịt, khi tùy theo tuổi tác mà mọi người gọi nhau là ông bà, chú bác, cô dì, anh em, con cháu...

Từ tình '**đồng bào**' mang ý nghĩa '**chung & cùng**' phát triển thành tình '**đồng hướng**':

'Nhiều điều phủ lấy giá gương

*'Người **chung** một nước phải thương nhau **cùng**.*

*'Bầu ới thưởng lấy bí **cùng***

*'Tuy rằng khác giống nhưng **chung** một giàn.*

Tại nông thôn Việt Nam, thứ bậc cao thấp nơi đình làng cũng xếp theo Thiên tước (tuổi thọ) hơn là Nhân tước (bằng cấp, địa vị).

Phật Giáo vào Việt Nam buổi đầu sở dĩ được Việt hóa nhanh chóng là do các nhà tu hành thời đó đã biết tui theo tuổi tác để xưng hô theo tập quán Việt Nam như Sư Cụ, Sư Ông, Sư Bác, Sư Cô, Chú Tiếu...

****2.000 năm sau đó, kể từ khi Hai Bà Trưng xưng vương, đánh đuổi quân Bắc phương, rồi bị Bắc phương đô hộ, các vua Việt noi theo Bắc phương tổ chức cai trị, người Phụ Nữ Việt dù bị đẩy lui vào hậu trường sân khấu chính trị, nhưng vẫn tích cực đóng góp công sức vào việc vệ quốc, như trong Chinh Phụ Ngâm nêu rõ:**

-Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.

*-Nay một thân nuôi già dạy trẻ
'Nỗi quan hoài mang mẹ xiết bao.*

Các nữ thi hào như Bà Huyện Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương đã chứng tỏ tài trí không thua kém nam giới.

****Bước qua Thế kỷ XX, Cộng sản Việt Nam đã lợi dụng tình nghĩa đồng bào để đánh lừa dân tộc, khi Hồ Chí Minh xưng 'bác', Phạm Văn Đồng, Trường Chinh... xưng 'chú', lập ra các đoàn thể 'mẹ nuôi', 'anh nuôi', 'chị nuôi', lôi kéo cả Miền Bắc vào cuộc chiến tương tàn, bịp bợm khống chế Miền Nam, rồi đẩy người Phụ Nữ Việt phải ra đường buôn chài, làm các nghề phải bị 'ôm', bán mình cho người nước ngoài... vô cùng bi thảm. Một khi địa vị người Phụ Nữ Việt bị chế độ cầm quyền bạc đãi, không bảo vệ... thì chính chế độ cũng rơi vào chỗ lụn bại, khi nền tảng gia đình bị hủy hoại, cá nhân tham ô thối nát trở thành quốc nạn?!**

Nhận Định

Chỉ qua một số bài thơ tuy không nhiều cũng đủ để chúng ta nhận ra 3 yếu tố Nhân - Trí - Hùng trong thơ Hồ Xuân Hương:

****Lòng Nhân:** được thể hiện qua những ý tình thương cảm khi đề cập đến thân phận của người phụ nữ trong xã hội Nho Giáo, bị Tam Tông & Tứ Đức ràng buộc suốt đời vào 3 thế hệ phái nam là cha - chồng - con, bằng những nguyên tắc đạo đức của kẻ nô lệ là Công, Dung, Ngôn, Hạnh rất tội đòi vì mang tính phục vụ tuyệt đối.

****Trí Sáng:** được thể hiện tài hoa qua lối dùng chữ với lời lẽ nôm na, được vinh danh là 'Bà Chúa Thơ Nôm' rất gần với ca dao, ngoài ra còn có lối dùng từ ngữ hiểm hóc 1 ý 2 nghĩa, khiến không chỉ là những phản biện mà còn có thể bao biếm thâm sâu qua các gợi ý, khiến phái nam bị chế diễu nặng nề mà không thể phản ứng. Như vậy tuy thơ Hồ Xuân Hương không chỉ mang tính

trào lộng, mà còn mở ra một đường lối độc đáo khác biệt với Tú Xương, rất khó bắt chước làm theo?

****Tích Hùng:** được thể hiện qua những lời và ý thơ đốp chát vào giữa mặt vua quan và sĩ giới trong thời Nho Giáo thịnh trị, vậy mà tất cả không thể đáp trả, ngậm miệng chẳng dám phản ứng, để mặc thơ của Hồ Xuân Hương phổ biến sâu rộng kèm theo những tiếng cười nhạo báng cả một giai cấp đương quyền thịnh trị. Nam giới đã mấy ai làm được một việc đối kháng chế độ đương quyền kiêu hùng như nữ sĩ Hồ Xuân Hương?

Trong sách Việt Nam Văn Học Sử - Giản ước Tân biên Quyển II, Phạm Thế Ngũ nhận xét:

'Người ta cho Xuân Hương là đại biểu cho hạng người bị áp bức (người đàn bà), bị thống trị (người bình dân) trong xã hội luân lý nho giáo xưa. Xã hội ấy đề cao cúng thờ cùng tôn giáo, thờ vua chúa, trọng kẻ sĩ, và chuộng nữ sắc mà coi rẻ đàn bà. Hồ Xuân Hương đã là nạn nhân đau đớn của những nguyên tắc thống trị ấy. Cho nên bà đã căm tức mà phản động lại bằng thái độ chống đối, chống quyền ngự trị của vua chúa, sĩ phu, nam giới; chống đối lại một nền luân lý khắc nghiệt và áp bức; chống luân lý nho giáo bắt đàn bà phải thủ tiết, chống chủ nghĩa đa thê, chống phái tôn giáo ăn bám xã hội, chống thành kiến miả mai gái chửa hoang. Chống bằng cách nào? Bằng cái khí giới của kẻ yếu là câu trào phúng, là tiếng cười. Tiếng cười khi dí dỏm, lúc tàn ác để phản đối một trật tự thống trị cùng với những giá trị của nó. Như vậy tức là đồng thời bà đã lớn tiếng đòi hỏi dân quyền, nhất là nữ quyền: quyền cho người đàn bà được vướn lên ngang hàng với đàn ông, quyền cho người đàn bà được chủ động trong việc tìm khoái lạc sinh lý như đàn ông.
(trích sđd trang 278)

Cho đến đầu Thế kỷ XXI, hầu hết các tôn giáo, các thể chế chính trị Đông Tây, Cổ Kim của nhân loại vẫn đều mang một vẻ 'Trong Nam - Khinh Nữ', ngay như Thiên Chúa Giáo cũng vẫn chưa chấp nhận nữ linh mục... nên thế giới liên miên xảy ra những cuộc tương tranh sứt máu vì nguyên nhân 'Duy Ngã Độc Tôn' do những chủ trương & chủ nghĩa Triết học, Thần học, Chính trị học của Phái Nam nghĩ ra - độc chiếm các đấu trường.

Nước Đức nhờ Nữ Tiến sĩ Merkel cầm quyền liền trong mấy nhiệm kỳ, giúp đứng vững nhiều năm trong đầu Thế kỷ XII, giữa khi các cường quốc bị chao đảo, suy kém?

Miến Điện nhờ sự kiên tâm bền chí đấu tranh trong nhiều chục năm của bà Suu Kyi mà đã thắng được phe cầm quyền quân nhân sứt máu, thực hiện dân chủ tự do.

Cho tới đầu Thế kỷ XXI, dân tộc Việt Nam rất cần một nữ sĩ như Hồ Xuân Hương hơn là một nữ chính trị gia như Merkel, Suu Kiyi? Lý do là tinh thần, tình cảm phái Nam người Việt hầu hết đã và đang rơi vào chỗ suy thoái tệ hại, cần đến những cảnh tỉnh trên mọi phương diện một cách thẳng thắn, không khoan nhượng, có tác dụng sâu đậm mà vẫn có thể lưu truyền rộng rãi?!

Do tài làm thơ của Hồ Xuân Hương quá siêu tuyệt, khó bắt chước làm theo để có thể phổ biến, nên đã không thể hình thành một dòng thơ riêng biệt?!

VVTKLAS

Nhân - Trí - Hùng Chinh Phụ Ngâm

Chinh Phụ Ngâm lẽ ra phải được giảng dạy như một tác phẩm đề cao sự hy sinh cao cả của người dân trong chiến tranh, qua hình ảnh của các Chinh Phu và Chinh Phụ. Nhưng bấy nay các chủ đề trích giảng trong sách giáo khoa về tác phẩm này chỉ là những 'nỗi buồn', 'nỗi khổ'... khiến ai nấy sợ hãi trốn nghĩa vụ quân sự, gây phản tác dụng rất ác hại - Nay cần phải thay đổi chủ đề diễn giảng?!

Lịch sử Việt Nam có 2 cuộc nội chiến giữa 2 miền Bắc - Nam:

**Nội Chiến Giữa 2 họ Trịnh - Nguyễn 1627 - 1775.

**Nội chiến giữa 2 phe Quốc Gia - Cộng Sản 1954 - 1975.

Tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Khúc nguyên văn chữ Hán của ông Thái học sinh Đặng Trần Côn, người làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, Hà Nội, đỗ Hương cống, làm tri huyện Thanh Oai năm 1740. Được bà Đoàn Thị Điểm diễn nôm, bản dịch hay hơn nguyên văn chữ Hán, khi được thể hiện bằng những lời lẽ buồn bã phản ánh trung thực tình ý của một chinh phụ, có nhiều đoạn làm theo thể liên hoàn, dùng chữ điệp văn - hồi ngũ lục luyến láy, tạo ra những âm hưởng thống thiết tuyệt hay.

Đoàn nữ sĩ người huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương, em gái tiến sĩ Nguyễn Trác Luân, sinh vào khoảng đầu Thế kỷ 18, đời vua Duy Phương và vua Thuần Tôn triều Hậu Lê. Bà là người thông minh, tài giỏi thơ văn, 15 tuổi đã khiến các danh sĩ đương thời cảm phục. Do kén chồng mà ngoài 20 tuổi mới làm lễ quan Thượng thư Nguyễn Kiều ở huyện Từ Liêm, thọ tới 70 tuổi. Tương truyền do bà có lần chê Đặng Trần Côn, nên khi họ Đặng viết nên tác phẩm Chinh Phụ Ngâm tuyệt tác nổi danh, bà đã gián tiếp tạ lỗi bằng việc diễn nôm, nhưng cũng diễn hay hơn nguyên tác để giữ bản sắc đàn chị.

Bà còn là tác giả sách Tục Truyền Kỳ.

Nếu cuộc nội chiến Trịnh Nguyễn lưu lại được tác phẩm văn chương Chinh Phụ Ngâm làm rung động lòng người, thì cuộc nội chiến Quốc Gia - Cộng Sản dù khốc liệt hơn, nhưng lưu lại và làm rung động lòng người có chăng chỉ là những bản nhạc thương tiếc một số sĩ quan thân hữu của các nhạc sĩ Trần Thiện Thanh, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn... Đề cao tử sĩ & thương binh hình như chỉ có bài Chiêu Hồn Tử Sĩ và 2 bài của Phạm Duy và Hoàng Giác từ thời trước năm 1954?! Còn trong văn học, ngoài các cuốn Chiến Sử viết về sau và một số tác phẩm của Phan Nhật Nam, chưa có văn & thi phẩm nào có giá trị tương xứng với những sự hy sinh hào hùng của các chinh phu cũng như chinh phụ Hậu bán Thế kỷ XX?!

Lý do dễ hiểu, là nền văn học Việt đã bị mất gốc khi chịu ảnh hưởng quá lâu dài mà trở thành nô lệ nặng nề Bắc phương, Tây Phương... khiến không ít những:

'Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt

theo truyền thống Nhân - Trí - Hùng của Rồng & Tiên, trở thành lũ trốn lính, sống chui nhủi nơi phố thị, hình thành những văn đoàn yếm thế, đưa ra những luận điệu phản chiến tự bào chữa cho hành vi hèn nhát, nên chỉ có thể có được những văn thi phẩm thể hiện sự yếu hèn xa rời chiến sự, giữa khi toàn dân dũng cảm đương đầu với Cộng sản miền bắc do Cộng sản quốc tế Nga Hoa dẫn dắt; bảo vệ duy trì được sự tự do cho miền nam suốt hơn 20 năm. Nhờ vậy nước Việt mới còn có được một đội ngũ sĩ - nông - công - thương - binh có thể vượt qua bao gian khổ sau cuộc chiến, phục hồi sinh khí, trở thành một đội ngũ rất tinh hoa sau năm 1975 nơi hải ngoại, hình thành những cộng đồng vững mạnh về vang tại các nước tạm dung trên nhiều phương diện, giúp dân tộc có thể tiếp tục duy trì phát huy được nguồn nhân lực tài đức, rất cần cho việc khôi phục sức mạnh quốc gia & dân tộc mai hậu?

Phải chăng việc giới học thức soạn sách giáo khoa chịu ảnh hưởng Tây phương như Dương Quảng Hàm, Hà Như Chi, Phạm Thế Ngũ... đã diễn giải Chinh Phụ Ngâm không đúng với tình ý của tác giả, thay vì nhấn mạnh vào chủ điểm 'Sự Hy Sinh Cao Cả' thì lại chỉ nói về 'nỗi khổ đau' - 'nỗi buồn'... khiến không ít kẻ đã 'sợ buồn đau' mà trốn tránh nghĩa vụ quân sự vệ quốc, nên mới bị mất nước vào bọng tay sai Cộng sản?!

Những đề tài giảng dạy bấy nay trong các sách giáo khoa không chú trọng tới quan điểm tích cực của tác giả & dịch giả, là tôn vinh những nghĩa cử hy sinh cao đẹp vì nước vì dân của chinh phu và chinh phụ.

Cụ thể như sau đây, các sách giáo khoa căn bản hàng đầu khi trích giảng thơ Chinh Phụ Ngâm đã đặt ra các chủ đề giảng dạy rất tiêu cực:

-Dương Quảng Hàm trong sách Quốc Văn Trích Diễm: Lúc ly biệt. Nhớ Mong. Buồn rầu.

-Dương Quảng Hàm trong sách Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển: Nỗi khó nhọc, nguy hiểm của người chồng. Nỗi trông đợi.

-Hà Như Chi trong sách Việt Nam Thi Văn Giảng Luận: Lệnh xuất chinh, Lúc ly biệt. Những nỗi vất vả của chinh phu. Buồn vì chồng sai hẹn. Cảnh cô đơn của chinh phụ. Buồn chờ đợi.

- Phạm Thế Ngũ trong sách Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên: Nó nói lên những gian khổ mệnh mông của người ra trận. Nó nói lên cái luật trả nợ cơm áo vua bằng xương máu, bằng sinh mệnh. Nó vạch ra cái chết ai oán của người chiến sĩ vô danh, vô thừa nhận...

Với những chủ đề hướng dẫn giảng dạy tiêu cực dằng dặc những buồn với khổ như trên của các sách giáo khoa, thử hỏi làm sao người thầy có thể triển khai tích cực những chủ đề khơi dậy tình cảm yêu nước, đề cao các hành động hy sinh cao cả vì Quốc gia & Dân tộc của Chinh Phu và Chinh Phụ?!

Hậu quả là những hành vi trốn nghĩa vụ quân sự, sự thiếu tôn trọng đối với Chinh Phu và Chinh Phụ ngoài đời và trong thơ văn Hậu bán Thế kỷ XX, mặc dù được phản ánh rất phong phú & nồng nàn & hào hùng trong âm nhạc - là do giới nhạc sĩ hầu hết đều từng dấn thân trong lửa đạn?!

Tác phẩm Chinh Phụ Ngâm có nội dung không hề là sự 'kể khổ', 'kêu buồn', 'tả oán' như các cuốn sách giáo khoa được dùng làm căn bản cho Miền Nam từ 1954 đến 1975, nên lẽ ra là cần phải giảng dạy theo chiều hướng tích cực qua việc phân tích những hành vi quả cảm, những hy sinh cao cả vì Quốc gia & Dân tộc của Chinh Phu và Chinh Phụ để phát huy tinh thần ái quốc & vệ quốc trong giới học sinh, đánh thức tâm thức Nhân + Trí + Hùng của truyền thống văn hóa giáo dục cổ truyền Việt Nam.

Cụ thể như các hành động yêu nước quên mình của Chinh Phu được mô tả rất nhiều và hào hùng trong tác phẩm, có thể dùng làm các đề tài nghị luận văn chương tích cực:

-Ý thức vệ quốc quan trọng hơn việc học hành, vì nước mất thì việc học tử tế chẳng thể còn, cụ thể như khi việc giáo dục rơi vào tay Việt Cộng ai nấy phải trả giá không chỉ tiền bạc đời sống vật chất, mà còn cả thân thể và đời sống tinh thần:

'Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt

'Xếp bút nghiên theo việc đao cung

-Ý thức trách nhiệm với quốc gia & dân tộc quan trọng hơn với gia đình và bản thân, vì nước còn thì nhà mới còn, bản thân không bị đàn áp bóc lột:

'Chí làm trai dặm nghìn da ngựa

'Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao

'Giã nhà đeo bức chiến bào

'Thét roi cầu Vỵ ào ào gió thu.

-Dũng cảm chống ngoại xâm, noi gương anh hùng của tiền nhân:

'Múa gươm rượu tiễn chưa tàn

'Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.

-Can đảm vững vàng trước các gian nan hiểm nguy:

'Hỏi gió lạnh, người rầu mặt dạn

'Giòng nước sâu, ngựa nấp chân bon

'Ôm yên, gối trống, đã chồn

'Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.

-Coi nhẹ việc sống chết, quyết một lòng hy sinh cho hạnh phúc dân tộc, độc lập quốc gia:

'Những người chinh chiến bấy lâu

'Nhẹ xem tính mạng như màu cỏ cây.

Chính vì những sự hy sinh cao đẹp kể trên, người chiến binh mới được dân tộc tôn kính tưởng niệm ghi công, vợ con ngưỡng mộ tôn thờ, không quên lãng dù sống hay chết:

'Hồn tử sĩ gió ù thổi

'Mặt chinh phu trăng dãi dãi soi

'Chinh phu - Tử sĩ mấy người

'Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn.

Một khi hình ảnh người lính chiến được diễn tả theo chiều hướng tích cực như trên, ắt làm nức lòng người học, ai nấy một lòng noi theo, không có cảnh trốn nghĩa vụ quân sự, một nghĩa vụ cao đẹp khi chiến đấu cho chính nghĩa quốc gia, tự do và hạnh phúc dân tộc?

Cũng chính vì những hy sinh anh dũng hào hùng như trên mà các chinh phu mới được các chinh phụ hết lòng thương nhớ, chung thủy???

Về phần Chinh Phụ, nên hiểu các nỗi buồn thương của họ thể hiện sự hy sinh quên mình cao cả của những người mẹ, người vợ, người con trong chiến tranh, hầu giúp nền tảng gia đình vẫn có thể tồn tại một cách vững mạnh, để có thể tiếp nối việc giữ nước của cha anh.

Với các phụ nữ đang tuổi thanh xuân mà phải xa lià chồng, thì nỗi khổ của họ về tâm sinh lý trải qua 3 giai đoạn khác nhau, đòi hỏi sự khắc phục các khó khăn một cách đảm đang can trường, và sự hy sinh cao đẹp không thua gì người chinh phu chịu khổ ải nơi chiến trường:

****Giai đoạn đầu:**

Trong vài năm đầu cách biệt với chồng, chinh phụ mang nỗi nhớ khắc khoải về tinh thần, nhưng nhờ công việc tề gia nội trợ đa đoan, phải giành nhiều thì giờ lo toan, nên mới có thể khuây khỏa:

*'Lòng lão thân buồn khi tựa cửa
'Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm
'Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam
'Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.*

...

*'Nay một thân nuôi già dạy trẻ
'Nỗi quan hoài mang mẹ xiết bao.*

Thời gian của trạng thái nhớ nhung về tinh thần đầu tiên, thường kéo dài tối đa 3 năm, nên đây cũng là khoảng thời gian cấm kỵ tình dục theo đông phương trong tang chế:

*'Thủ tính lại diễn khởi ngày ấy
'Tiền sen này đã nảy làm ba
'Xót người lần lửa ải xa
'Xót người nung chốn Hoàng Hoa dặm dài.*

****Giai đoạn thứ hai:**

Theo khoa Tâm Sinh Lý học, sự đòi hỏi của thể xác về tình dục thường trở nên gay gắt sau một thời gian cách xa nhớ nhung về tinh thần, gây ra những tác dụng khiến cơ thể bại hoại, nếu không được thỏa mãn sớm.

Sự chịu đựng chung thủy của người chinh phụ sau mấy năm xa chồng, được mô tả tuy bóng bẩy, nhưng cũng trung thực sinh động đáng kể qua hình ảnh trăng và hoa quẩn quít lấy nhau, rất tình tứ:

*'Lá màn lay ngọn gió xuyên
'Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm
'Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm
'Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông
'Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng
'Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu
'Đâu xiết kể trăm sầu nghìn nẻo
'Từ nữ công phụ xảo đều nguôi
'Biếng cầm kim, biếng đưa thoi
'Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa*

'Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói
'Sổm lại chiều dòi dôi nửong song
'Nửong song luống ngẩn ngỏ lòng
'Vắng chàng điếm phấn trang hồng với ai?!

**** Giai đoạn cuối:**

Một khi những đòi hỏi đáp ứng tâm sinh lý từ tinh thần đến thể xác dài lâu không được thỏa mãn, người chinh phụ sẽ rơi vào sự khủng hoảng tinh thần, khiến tiềm thức phải tìm cách thỏa mãn qua những giấc mơ, tạo những ảo tưởng - trạng thái ban đầu của bệnh tâm thần?!

'Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng
'Lệ thiếp nào chút vũng bên khăn
'Duy còn hồn mộng được gần
'Đêm đêm thường đến Giang Tân tìm người
'Tìm chàng thuở Dường Đài lối cũ
'Gặp chàng nói Tưởng Phố bến xưa
'Xum vầy mấy lúc tình cờ
'Chẳng qua trên gối một giỏ mộng xuân!

...

'Khi mở những tiếc khi tàn
'Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.

Tìm hiểu thâm sâu về Tâm Sinh Lý học theo Tây phương, chúng ta mới hiểu do đâu Tây phương chỉ quy định thời hạn để đại tang 1 năm, trong khi Đông phương lâu tới 3 năm (về thời hạn nghĩa vụ quân sự cũng vậy), tức giới hạn chịu đựng của Đông Tây khác nhau ra sao, tinh thần chịu đựng về tâm sinh lý của phụ nữ Đông phương cao hơn Tây phương - tức sự hy sinh cao đẹp bền vững hơn gấp nhiều lần.

Tại Đông phương các cuộc chiến tranh có thể kéo dài nhiều năm hơn Tây phương, chính là nhờ các chinh phụ Đông phương chịu đựng sự hy sinh bền bỉ hơn, giúp nền tảng gia đình vẫn có thể duy trì tồn tại, phát triển tiếp nối kế thừa giữa các thế hệ.

Nhận định

Thật đáng buồn biết mấy khi bấy nay chính từ các sách giáo khoa hàng đầu, làm nền tảng cho văn hóa quốc học tại Miền Nam Việt Nam, đã bị chính các học giả diễn giảng sai lệch, làm mất ý chí chiến đấu vệ quốc - thui chột niềm hãnh diện của các chinh phu & chinh phụ - tan loãng sự ngưỡng mộ chân chính của mọi người trước sự hy sinh cao đẹp của các chiến binh và gia đình của họ?!

Đây cũng là một trong những lý do quan trọng khiến Miền Nam trọng nhân luân thua bọn Việt Cộng - tay sai Cộng sản quốc tế vô luân?!

Do vậy mà nay việc lo toan quang phục quê hương nơi hải ngoại không chỉ thu hẹp vào các phương diện chính trị, quân sự... mà quan trọng về lâu về dài chính là sự quan tâm coi trọng việc thành lập các nhóm nghiên cứu chỉnh sửa các nội dung giáo dục, canh tân các phương pháp giảng dạy đào tạo???

Sau đây là một trong muôn vàn trường hợp cụ thể về hậu quả của lối giảng dạy Chín Phụ Ngâm bao năm theo các sách vở giáo khoa tiêu biểu kể trên:

Cho đến nay, người dân trong và ngoài nước, không ai là không bị xúc cảm bồi ngùi tưởng nhớ đến Đại úy Nguyễn Văn Dương - tiểu đoàn 3 Nhảy Dù QLVNCH, tử trận tại Hạ Lào năm 1971, khi nghe nữ ca sĩ Thanh Lan trình bày bản nhạc 'Anh không chết đâu Anh' của Trần Thiện Thanh, trong đĩa nhạc do Trung tâm Asia sản xuất, với những câu ca thấm thía làm tê buốt lòng người nghe như:

*'Anh không chết đâu Anh, người anh hùng mũ đỏ tên Dương
'Tôi vẫn thấy đêm đêm, một bóng dù sáng trên đồi máu
'Nghe trong đêm kêu gào, từng tiếng súng pháo đếm mau
'Và tiếng súng, tiếng súng, hay nhạc chiêu hồn đưa anh đi, anh đi.*

*'Anh, Anh không chết đâu Em, Anh chỉ về với Mẹ mong con
'Anh vẫn sống thênh thạng trong lòng muôn người biết thưởng đời lính
'Trong tim cô sinh viên hay buồn, thường nhắc nhở những chiến công
'Chuyện nước mắt ướt sân trường đại học, chuyện anh riêng Anh, riêng Anh.*

*'Ôi đất mát trên đồi xanh, tình yêu khóc ngất bên cỏ tranh
'Đâu cánh dù ôm gió, đây cánh dù ôm kín đời Anh
'Trong những tiếng reo hò kia, lẻ loi tiếng súng Anh nhiệm màu
'Ôi tiếng súng sau cùng đó, Anh còn nghe tầm đạn đi không Anh?*

*'Không, Anh không chết đâu Em, Anh chỉ vừa bỏ cuộc đêm qua
'Tôi thấy mắt Anh bên ngọn nến vàng hắt hiu niềm nhỏ
'Trên khăn tang cô phụ còn lóng lánh dấu ái ân
'Giọt nước mắt nóng bây giờ còn hằng đêm cho Anh, cho Anh!*

Bài hát ngợi ca tử sĩ bi hùng đến thế là cùng, được hàng triệu người nghe trên internet với những xúc cảm sâu xa tới tận đáy lòng, nhỏ lệ...

Lời và nhạc của ca khúc xứng đáng là một ca khúc 'Chín Phụ & Chín Phụ' mới của Văn học Việt Nam, khi đề cập đến cuộc Nội chiến Bắc - Nam 1954 - 1975?

Ấy vậy mà chính người tử sĩ tên Dương và gia đình của Ông đã và đang lâm vào hoàn cảnh bị lãng quên vô cùng bi đát, chỉ được nhắc nhở đến sau 46 năm, qua bài báo của ký giả Việt Hùng, trên báo Người Việt (Hoa Kỳ) ngày 11-3-2016.

Bài báo cho biết hiện nay vợ ông là bà Trần Thị Mai đang sống rất nghèo khổ tại quận 11 Sài Gòn, với những tình tiết do Bà tự sự:

'Các con tôi đều không được học hành đàng hoàng. Lớn lên một tí, hai đứa con trai lớn vì không chịu nổi hoàn cảnh, và đã đến tuổi đi bộ đội, nên bỏ trốn qua Campuchia làm nghề cạo mủ cao su. Rồi cả hai đều mất vì những căn bệnh hiểm nghèo. Có lẽ hít phải mủ cao su quá nhiều và ăn uống kham khổ nên đổ bệnh! Đứa con trai út đang sống với tôi là Nguyễn Viết Xa, năm nay đã 47 tuổi, lúc bố mất nó mới 2 tuổi. Hiện nay nó đang làm nghề xe ôm. Còn đứa con gái thì lấy chồng, ở bên phía nhà chồng...

Chính nhờ tự sự này của Bà Quả phụ, người ở hải ngoại mới biết, nhanh chóng đóng góp mấy chục ngàn USD giúp Bà có tiền qua viếng nơi chiến trường chồng Bà hy sinh, khiến ai nấy ngậm ngùi qua các bài tường thuật.

Tuy hàng năm Người Việt Hải Ngoại đều tổ chức Đại Nhạc Hội Tri Ôn Thương Bình và Gia đình Tử Sĩ, được ủng hộ đáng kể. Nhưng thiếu nghĩ các đồng đội trong các hội ái hữu cựu chiến binh của các thương binh - tử sĩ gần gũi, nếu thoát ra được hải ngoại, rất nên kết hợp thể hiện các nghĩa cử với gia đình các đồng đội cũ... sau khi đã lo cho gia đình mình được ổn định, hưng thịnh?!

Tóm lại, tác phẩm Chinh Phụ Ngâm có nội dung đạt cả 3 tiêu chuẩn Nhân - Trí - Hùng, khi diễn tả thành công những hy sinh thầm lặng cao cả vô cùng của các chiến sĩ vô danh là các Chinh Phu và Chinh Phụ, như sau:

****Lòng Nhân** thể hiện qua những lời và ý thơ mang mang sự xót xa cảm thông với những hy sinh cao cả thầm lặng của các Chinh Phu và Chinh Phụ, nhắc nhở mọi người tri ân.

****Trí Sáng** thể hiện qua nghệ thuật dùng thơ mô tả tâm lý, tình cảm cao đẹp của những người dẫn thân vệ quốc và thân nhân của họ, khiến họ hãnh diện, tạo sự mến mộ sâu xa trong lòng người, làm cho ai nấy mong muốn noi theo.

****Tinh Hùng** ở đây là ghi tạc được hình ảnh các 'anh hùng & liệt nữ vô danh' đóng góp những hy sinh thầm lặng nên cao cả hơn bao giờ hết, được Tổ Quốc truy điệu ghi công hàng đầu trong các buổi lễ cùng với bản Quốc Ca, dân tộc cúi đầu mặc niệm tưởng nhớ... nguyện noi theo.

VVTKLAT

Nhân - Trí - Hùng

Nguyễn Du và Thúy Kiều

Bấy nay đã có hàng trăm người tự nhận là "nghiên cứu gia về Kiều", "Kiều học"... phân tích tìm tòi được nhiều điều cực kỳ đặc sắc về tác giả & tác phẩm này. Nhưng rất tiếc chủ đích chính vô cùng quan trọng của tác giả & tác phẩm là nêu bài học về tình yêu giữa nam & nữ là hữu ích nhất, đạt 3 yếu tố Nhân - Trí - Hùng, lại không được quan tâm tìm hiểu, phổ biến, đề cao?!

Mấy trăm năm qua, từ khi tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh ra đời, người ta đã khen chê một cách chủ quan rất bất công & thiên cận đối với tác giả Nguyễn Du và nhân vật chính của truyện là cô Thúy Kiều; do không chịu hiểu rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm này bằng lòng nhân hậu đối với phụ nữ Việt Nam, khi muốn vạch ra những cạm bẫy trên đường đời của người con gái, trong những xã hội xấu xa, muôn thuở đầy tai ương rình rập?!

Viết Đoạn Trường Tân Thanh, Nguyễn Du thực ra chỉ mong muốn giúp các cô gái thấy được những hiểm họa mà biết cách phòng thân - như ca dao từng răn dạy:

*'Đàn ông tính khí hoang đàng
'Đàn bà, con gái giữ gìn nét na
'Phòng khi họ bỏ tay ra
'Nín đi thì dại, nói ra mang điều.*

Thực vậy, tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh tuy lấy cốt truyện từ Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân bên Trung Quốc, nhưng Nguyễn Du đã chú trọng khai thác chi tiết nêu cao vấn đề phân tích uyên bác tâm lý & tình cảm giữa Kiều và 4 nhân vật phái nam là Kim Trọng - Từ Hải - Thúc Sinh - Sở Khanh; tiêu biểu đáng kể cho nam giới trong mọi xã hội cổ kim, đông tây, mang tính 'nhân' - 'trí' - 'hùng' mong giúp nam nữ những **bài học** hầu có thể sáng suốt nhận định, đối phó?

A/ Lòng Nhân:

Lòng Nhân của Nguyễn Du không chỉ thể hiện qua sự xót thương với nữ giới qua nhân vật Thúy Kiều, mà còn được tác giả gửi vào những nhân vật có rất nhiều từ tâm như Từ Hải, Kim Trọng, Giác Duyên... khiến người đọc chẳng khỏi không bắt chước các nhân vật này, mà có thể biểu lộ sự nhân hậu qua

các hành động bác ái với rất nhiều phụ nữ có số phận hẩm hiu trong cuộc sống đời thường?

Thực tế, nếu trong xã hội không có những cô gái mãi dâm giúp cho những tên vô lại giải quyết sinh lý, chúng sẽ tìm đến những phụ nữ khác, lúc đó tác hại sẽ lớn lao gấp bội phần?! Do đó mà chúng ta cần biết ơn và coi trọng những người phải bán dâm, thay vì coi thường họ?!

Tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh chính là một trong rất ít tác phẩm văn học đã đạt được tình ý cảm thông sâu sắc với giới người mãi dâm, khi biến một số nhân vật xấu thành điển hình để mọi người nhận diện, tránh hậu họa, như Tú Bà, Sở Khanh, Mã Giám Sinh...?

B/ Tính Trí:

Đoạn tả cuộc gặp gỡ giữa Kiều và Kim Trọng mang tính trí tuệ rất cao, khi tuy là chỉ dẫn cách tán yêu điển hình muôn thuở của phái Nam với phái Nữ, nhưng thực ra chủ ý chính là giúp phái Nữ nhận ra những tiêu chuẩn quan yếu trong việc lựa chọn bạn trăm năm:

*****Thời gian tán yêu:***

Khoa Tâm lý học hiện đại nghiên cứu, cho thấy vào buổi chiều khi tinh thần mệt mỏi sau một ngày hoạt động, sẽ dễ chấp nhận các yêu cầu của người khác. Cụ thể như con cái xin tiền cha mẹ nên xin vào buổi chiều hơn là buổi sáng hay buổi trưa... Về tình yêu cũng vậy, khi Kim tìm cách gặp Kiều khởi đầu vào lúc:

'Dùng dằng nửa ở nửa về

'Nhạc vàng đầu đã tiếng nghe gần gần.

Kết thúc khi:

'Bóng tà như giục cơn buồn

'Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.

*****Ba bước chinh phục tình yêu:***

1/ Tạo cái nhìn Mỹ Cảm:

Một khi thấy cái đẹp hợp tình, hợp lý thì ai cũng phải quan tâm chú ý, vì không ít cái đẹp thường thể hiện sự quá đà, làm mất vẻ mỹ quan?

Kim Trọng đã chuẩn bị cho mình một bề ngoài hào hoa nhưng **phong nhã**, qua màu sắc bắt mắt gây chú ý của con ngựa trắng, màu áo xanh hòa hợp với thiên nhiên chung quanh, mấy đứa trẻ xinh xắn (nếu dùng người lớn sẽ phản tác dụng?), phong độ ung dung tự tại... tạo thành một bức tranh ưa nhìn:

'Trông chừng thấy một văn nhân

'Lông buông tay khấu, bước lần dặm bằng

'Đề huề lưng túi gió trăng

'Sau lưng theo một vài thằng con con

'Tuyệt in sắc ngựa câu dòn

'Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

2/ Tạo cái nhìn Thiện Cảm:

Do thấy đẹp, nên từ cái nhìn *'trông chừng'* lơ đãng ban đầu, Kiều chú ý theo dõi từ *'néo xa'*, và bị Kim chinh phục bằng *'tư cách'* lễ độ xuống ngựa của người có giáo dục khi tới gần đình chùa; không rơi vào cảnh thấy gái đẹp thì cặp rập hâu háu... nên mới có thể khiến Kiều có thiện cảm mà *'e lệ'*, không còn ngó lơ:

'Néo xa mỗi tỏ mặt người

'Khách đà xuống ngựa, tôi nói tự tình

'Hài vãn lần bước dặm xanh

'Một vùng như thể cây quỳnh, cành giao

'Chàng Vương quen mặt ra chào

'Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa.

3/ Điều kiện của cái nhìn Tình Cảm:

Giống cái từ loài vật đến con người, khi sinh nở nuôi con rất cần đến sự giúp đỡ che chở hữu hiệu cả về tinh thần và vật chất của phái nam; nên nếu loài vật cái phải chọn những con đực mạnh mẽ, thì với loài người, người nữ chọn người giàu sang, có khả năng bảo đảm đời sống của họ... Kiều cũng không ngoại lệ, nên đầu tiên xét điều kiện giàu có rồi mới tới tài năng. Sau đó mới đem công thức gồm 4 giá trị tiêu biểu là Phong độ sống - Tư cách ứng xử - Tài năng học vấn - Diện mạo đẹp ra xem xét đánh giá:

'Nguyên người quanh quất đâu xa

'Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh

'Nền phú hậu + bậc tài danh

'Văn chương nét đất, thông minh tính trời

'Phong + Tư + Tài + Mạo = tuyệt vời

Vào trong phong nhã - ra ngoài hào hoa.

Chỉ sau 3 cái nhìn Mỹ cảm + Thiện cảm + Tình cảm, Kiều mới nhanh chóng nhưng kín đáo chấp nhận, muốn hiểu phải biết đẳng thức toán học: $A=B$, $B=C$, vậy $A=C$, nên một khi Kiều coi Kim *'đồng thân'* với em mình là Vương Quan là đã ứng ý coi Kim như *'đồng đẳng'* với mình:

'Với Vương Quan trước vẫn là đồng thân.

Xét kỹ, qua 21 câu thơ trên, Nguyễn Du tuy nêu nghệ thuật tán yêu tài tình giúp phái nam am hiểu ý muốn của phái nữ, nhưng chủ yếu vẫn là giúp phái nữ biết những tiêu chuẩn chính yếu để căn cứ vào đó sáng suốt nhận định đánh giá, chọn lựa phái nam cho cuộc sống trăm năm.

Như thế chứng tỏ Nguyễn Du đã truyền cái trí sáng suốt phân tích trong tình yêu của mình cho giới trẻ nam nữ, giúp họ bài học hữu ích trong vấn đề tình

cảm vô cùng rắc rối, nguy hiểm... khi làm lẫn có thể gây ra những hậu quả xấu tốt khôn lường cho suốt cuộc đời của mỗi con người?!

C/ Đức Hùng:

Nếu Nguyễn Du dùng Kim Trọng để tả tài trí của giới văn nhân, thì Từ Hải là biểu tượng đức Hùng của nam giới đối với nữ giới, nêu một bài học khác không kém phần quan trọng.

Đức Hùng của Từ Hải không chỉ thể hiện qua sự bao dung che chở hết lòng cho người tình, hơn thế nữa còn biết giúp người tình vượt qua những khó khăn, an hưởng cuộc sống lâu dài một cách tươi đẹp nhất.

Do vậy mà đang chung sống hạnh phúc với Kiều, Từ Hải đã dứt áo ra đi để xây dựng sự nghiệp, hầu xứng đáng với tình yêu của Kiều đối với mình.

Nói khác đi, trong tình yêu có 3 bậc cao thấp khác hẳn nhau:

-Thấp nhất và hầu hết là loại tình yêu vị kỷ 'yêu người chỉ vì người hợp với sở thích của mình' để tận hưởng. Một khi thấy không thỏa đáng thì bực đái, lạnh nhạt, ruồng bỏ!!! Loại này chiếm tới 99%, do vậy mà trai gái rất cần tìm hiểu nhau kỹ càng trước khi kết hợp, mới tránh được phần nào sự thất vọng về nhau khi chung sống lâu dài?

Kiều yêu Kim Trọng vì Kim Trọng ngay từ đầu, dưới mắt Kiều, đã đạt 4 tiêu chuẩn cao đẹp mà Kiều cũng như hầu hết phái nữ mong muốn, là 'Phong + Tư + Tài + Mạo = tuyệt vời?

-Cao hơn là tình yêu vị tha 'yêu người vì người đáng để ta yêu' nên hết lòng hy sinh vì người mình yêu, như bà Tú Xương đảm đang tận tụy với chồng, dù chồng lêu lổng, vô trách nhiệm? Cô Mai trong Nửa Chừng Xuân của Khải Hưng cũng hy sinh để Lộc có thể sống yên ổn với người vợ do gia đình Lộc chọn lựa... Loại này chỉ chiếm 0.99%?

-Cao nhất là tình yêu do chung lý tưởng, tức không vì mình, cũng không vì người, mà vì chung một lý tưởng cao xa nào đó, như yêu nước, giúp đời, thương người... Loại này rất hiếm hoi, chỉ chiếm 0.01%?

Từ Hải thuộc loại tình yêu thứ hai, khi quan niệm tình yêu là dâng hiến, lo lắng cho người yêu, nên mới bỏ đi lập sự nghiệp:

'Bao giờ muối vụn tinh binh

'Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường

'Làm cho rõ mặt phi thường

'Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia

'Bằng nay bốn bể không nhà

'Theo càng thêm bận, biết là về đâu?

Nếu Nguyễn Du mô tả tính Trí qua Kim Trọng, đức Hùng qua Từ Hải, thì ngược lại đã tả hai nhân vật Thúc Sinh bất trí và Sở Khanh bất lương - là hai mẫu đàn ông con trai mà phụ nữ cần biết để tránh hậu họa:

****Thúc Sinh** là con nhà gia thế giàu có, tiêu chuẩn vật chất hàng đầu mà phụ nữ cần có để có thể sinh sống an toàn trong cuộc đời, nên rất dễ bị mê hoặc, trao thân gửi phận, ít quan ngại hơn bao giờ hết.

Ngày nay Thúc Sinh là những đại gia, cật tiền ăn chơi hoang đàng:

'Thúc Sinh quen thói bốc trời

'Trăm ngàn đổi một trận cười như không.

Hậu quả những cuộc tình của những người đã có gia đình, từng được ca dao cảnh báo:

'Trai tân gái góa thì chơi

'Đừng nói có vợ, chỗ nói có chồng.

Ở đây, Nguyễn Du đã tuân tự diễn tả nghịch cảnh lẽ mọn nã nề mà người phụ nữ luôn phải gánh chịu qua lối ghen tuông hiểm ác, hình thành nhân vật Hoạn Thư điển hình cho cách đánh ghen khiến ai nấy đều phải kinh hồn, khiếp vía; hầu sớm biết đường tránh né?

'Làm cho nhìn chẳng được nhau

'Làm cho đây đọa cát đầu chẳng lên

'Làm cho trông thấy nhõn tiền

'Cho người thăm ván, bán thuyền, biết tay!

****Sở Khanh** là kiểu người đàn ông con trai bất lương đều giả, chuyên lừa gạt các cô gái nhẹ dạ, cả tin... được Nguyễn Du khắc họa bằng những nét điển hình, giúp ai nấy dễ nhận diện chúng giữa cuộc đời:

'Hình dung chải chuốt, áo khăn dịu dàng...

'Hỏi ra mới biết là chàng Sở Khanh...

'Bạc tình nổi tiếng lâu xanh...

Nhận định:

Nghiên cứu về Nguyễn Du và tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh của ông, dĩ nhiên mỗi người có thể chú ý phân tích về những khía cạnh mình ưa thích. Tuy nhiên, ba nhân tố Nhân - Trí - Hùng của truyền thống văn hóa Lạc Việt trong tác phẩm này rất cần nghiên cứu, tìm hiểu, phổ biến, đề cao... hơn hết, hầu có thể giúp người đọc nhận ra những bài học quan trọng vô cùng hữu ích trong cuộc sống đời thường.

Một khi lên án Nguyễn Du và Thúy Kiều một cách tệ hại quá đáng như một số danh sĩ sau đây, theo kiểu tư duy một chiều thiển cận 'duy ngã độc tôn' của Nho Giáo... thì quả là đáng tiếc, đáng thương, đáng buồn, đáng giận, đáng trách:

****Nguyễn Công Trứ:**

*'Từ Mã Giám Sinh cho đến chàng Từ Hải
'Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu
'Bây giờ Kiều còn hiểu vào đâu?
'Mà bướm chán ong chường cho đến thế!
'Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa
'Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm
'Bán mình trong bấy nhiêu năm
'Đố đem chữ hiểu mà làm được ai
'Nghĩ đời mà ngán cho đời!*

****Huỳnh Thúc Kháng:**

*'Á cũ qua rồi mới chữa Âu
'Học Kiều xúm xít bọn mày râu
'Đã mang thân thế nường nhà thổ
'Còn trách cha ông vụng kiếp tu
'Một khúc đoạn trường khiêu lửa dục
'Mấy dây bạc mệnh chuốc hời sầu
'Biết chẳng hỡi cụ Tiên Điền vậy
'Muôn ác tà dâm ấy sự đâu?*

Đọc 2 bài thơ của 2 vị danh sĩ tiêu biểu thuộc 2 thời kỳ chịu ảnh hưởng nào nề Hán học và Tây học khác nhau, từng được đương thời tôn kính, đề cao... chúng ta không khỏi buồn lòng vì cái học làm 'bầy tôi' và 'bồi tây' đã tác hại vào tâm trí giới học thức đương thời ra sao? Nguyên nhân chỉ vì cái học vong bản, khiến kẻ học càng cao bị vong thân vô cảm mất nhân tính càng sâu?! Vì vậy mà đã đi từ chỗ 'mất gốc' vong thân, vong bản... đến 'mất nước' vong quốc?!

Chúng tôi chỉ nêu một số tư liệu và cảm nghĩ, phần kết luận xin để độc giả tu duy. phán xét.

VVTKLBD

Dòng Văn học Chiến sử khởi từ Bs Trần Xuân Dũng

Bác sĩ Trần Xuân Dũng tiêu biểu cho hình ảnh Kẻ Sĩ thời loạn cũng như thời bình, khi luôn đi đầu trong việc phục vụ Quốc gia & Dân tộc, do biết tận dụng hoàn cảnh Thiên thời, Địa lợi để tác động Nhân hòa: Thời chiến, Bác sĩ Dũng gia nhập binh chủng Thủy Quân Lục Chiến kiêu hùng, để có thể chiến đấu

ngay trên tuyến đầu bất kể hiểm nguy, thể hiện chí khí của bậc hào kiệt khi xếp bút nghiên trong thỏ văn cũng như hành động. Thời bình, mặc dù thất trận, Bác sĩ Dũng vẫn không khoanh tay trước thời thế bất lợi, tận dụng Thiên thời, Địa lợi nói hải ngoại, vận động các chiến hữu viết lại hồi ức chiến tranh của chính mình, làm sống lại khí thế oai hùng của Quân lực VNCH, hình thành **dòng Văn học Chiến Sĩ**, phục hồi cuộc chiến hào hùng của một thời Quân & Dân & Cán & Chính Miền Nam chiến đấu vì chính nghĩa Quốc gia & Dân tộc và lý tưởng Độc lập & Tự do & Dân chủ.

Trong nền Văn học Việt Nam, từng có một số văn thi đoàn được tạo lập, phát triển, hình thành **những dòng văn học đặc thù**, có những tác phẩm phản ánh thời đại đương thời rất giá trị, được lưu truyền, giáo dục phổ biến, ngưỡng mộ. Tưởng cũng nên biết dòng Văn học Đỏ của Việt Cộng tuy được họ giáo dục phổ biến, nhưng do không hề được ngưỡng mộ, nên lụi tàn ngay khi họ còn thống trị?!

Có lẽ đáng kể và xưa nhất là hội thơ **Tao Đàn** do vua Lê Thánh Tông làm chủ súi, phát triển thơ Nôm, lưu lại được **dòng thơ 'Khẩu Khí'**, khi có thể gửi gắm ý chí cao đẹp vào những hình ảnh tầm thường như Dệt Vải, Cái Chổi, Người Bù Nhìn... tuy mang đặc tính như ngụ ngôn, nhưng thể hiện khí phách của giới học thức thượng tầng xã hội đương thời, đã được dùng làm những bài học tạo ấn tượng tốt về trách nhiệm với Dân với Nước trong giáo dục đào tạo các cấp lớp lớn nhỏ, rất thành công.

Đáng ghi nhận về sau, có **dòng Thơ Trào Phúng** của Tú Xương với rất nhiều 'tú' tiếp nối ở Thế kỷ XX như Tú Mỡ, Tú Kếu...

Về Văn học, vào Tiền bán Thế kỷ XX có **Nhóm Nam Phong** của học giả Phạm Quỳnh, giúp phát triển Quốc ngữ theo chiều sâu với những bài viết nghiên cứu về văn hóa Đông Tây, Cổ Kim, thể hiện **dòng Văn học Đấu tranh Chính trị bằng Văn hóa - Nhóm Tự Lực Văn Đoàn** của nhà văn Nhất Linh giúp phát triển Quốc ngữ theo chiều rộng, diễn tả những tâm lý, tình cảm của giới trẻ thời đại mới theo Tân học, cổ vũ từ bỏ nền Cổ học bị ảnh hưởng Hán văn quá sâu đậm, rồi từ thanh thế văn hóa thành lập chính đảng, thể hiện **dòng Văn học Đấu tranh Văn hóa bằng Chính trị**... đạt tới những thành quả hữu ích dài lâu cho mai hậu, được Văn Học Sử ghi nhận, đề cao.

[Phạm Quỳnh dùng văn học xây dựng nền tảng hậu thuẫn văn hóa, rồi mỗi bước vào hoạt động chính trị - Nhất Linh ngay từ đầu đã xây dựng nền tảng chính trị qua một số nhân vật tiểu thuyết, nhất là qua các bài viết của lý thuyết gia Hoàng Đạo]

Riêng nhóm Sáng Tạo của nhà văn Mai Thảo và các văn nhóm Hậu bán Thế kỷ XX ở Miền Nam sau năm 1954, tuy một số được Mỹ tài trợ, được sinh hoạt

thoải mái tiện nghi cả về vật chất lẫn tinh thần vào một thời kỳ đất nước nhiều biến động, có nhiều diễn biến hào hùng, rất đáng để văn học ghi nhận; nhưng đã không lưu lại được vết tích đáng kể của những gì diễn ra chung quanh - như bên âm nhạc đã có **dòng nhạc chiến sử** được các nhạc sĩ Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Nguyễn Văn Đông, Trần Thiện Thanh, Lê Minh Bằng... ghi lại một cách rạng rỡ; sau chiến tranh còn được các Trung tâm băng nhạc hải ngoại như Asia, Thúy Nga Paris... và các danh ca Lệ Thu, Thái Thanh, Hà Thanh, Thanh Lan, Khánh Ly, Anh Ngọc, Nhật Trường... cùng nhiều thế hệ ca sĩ trẻ tài năng cả trong và ngoài nước tiếp nối phục hồi, tái tạo, làm rung động lòng người, khiến kẻ thù là Việt Cộng cũng phải cúi đầu chấp nhận cho tái sinh, quảng bá sâu rộng ngay cả trong nước.

Trước đó, từ Tiền bán đến Hậu bán Thế kỷ XX có **dòng Nhạc Vàng** với các nhạc sĩ Đặng Thế Phong, Phạm Đình Chương, Hoàng Trọng, Dương Thiệu Tước, Nguyễn Văn Khánh, Anh Việt, Đoàn Chuẩn, Hoàng Giác, Ngọc Bích, Nguyễn Văn Thương, Cung Tiến... **dòng Nhạc Lịch sử** với các nhạc sĩ Văn Giảng, Thẩm Oánh, Hùng Lô, Văn Cao, Lê Thương...

May mắn thay, sau khi cuộc chiến đã qua, Văn học Miền Nam tưởng như đã tàn lụi trong ảm đạm tiêu điều vì những văn đoàn, văn sĩ bất chính trốn lính hoặc sợ hãi kẻ thù không dám đụng chạm tới chúng, ươn hèn thoái hóa, vô cảm, mượn cớ phản chiến để trốn trách nhiệm quân sự hoặc theo địch như 'thành phần thứ 3'... không theo kịp sự thăng hoa của dân tộc trong máu lửa thời loạn, rồi mất hút trong cuộc sống văn hóa hưởng thụ an bình hậu chiến nơi hải ngoại... thì kịp thời xuất hiện một dòng văn học có sức sống mãnh liệt, phản ánh khá sắc bén một thời vẻ vang của Miền Nam chiến đấu vệ quốc anh dũng, giúp bồi đắp phục hồi tinh thần chiến đấu hào hùng của một thời vệ quốc rực rỡ hào hùng.

Đó là **dòng Văn học Chiến Sử**, do Bác sĩ Thiếu tá Quân y Thủy Quân Lục Chiến Trần Xuân Dũng khởi động, tác động được hàng trăm "hào kiệt" động lòng nhận ra trách nhiệm văn học với kẻ sĩ đương thời, hưởng ứng cầm bút, ghi lại nhiều trang thắm đậm tình người trong cuộc chiến vệ quốc cao cả của quân dân Miền Nam Việt Nam từ 1954 đến 1975, với nhiều hình ảnh và tư liệu quý giá viết bằng song ngữ Việt Anh, hình hành hai bộ Chiến Sử hào hùng của binh chủng Thủy Quân Lục Chiến và Quân Y - khởi động việc viết chiến sử của nhiều binh chủng Quân đội VNCH khác nhau, ghi nhận phản ánh được nhiều hình ảnh bi hùng mà âm nhạc đương thời đã minh họa một cách thành công, với hàng ngàn bản nhạc và lời muôn màu muôn vẻ vượt thời gian & không gian, qua những tiếng hát bất hủ Thái Thanh, Tâm Vấn, Lệ Thu, Khánh Ly, Thanh Lan, Hoài Bắc, Hoài Trung, Anh Ngọc, Nhật Trường...

Trong khi đó, 40 năm sau khi Cộng sản Việt Nam tuy nắm quyền nhất thống sơn hà độc tôn, cũng không sao có được một cuốn chiến sử được hâm mộ, một dòng nhạc được tán thưởng, lúc ngay cả trận Điện Biên Phủ nay cũng bị Trung Cộng tiết lộ chính họ đã trực tiếp điều binh bố trận, dùng chiến thuật

'Biển Người' vô nhân đạo, bị các tướng lãnh Âu Mỹ cho rằng nếu chiến thắng mà chết quá nhiều quân như vậy, không thể được đánh giá là tướng tài?! Hơn thế nữa, một cuộc chiến chỉ mang lại những hậu quả quá ác hại cho Quốc gia & Dân tộc, chỉ giúp những kẻ chiến thắng trấn áp tự do dân chủ, buôn dân, bán nước... thì đâu có thể khiến kẻ cầm súng phục vụ chế độ ngẩng cao đầu kiêu hãnh, viết nên những trang sách tôn vinh?!

Nhận thấy đây là một dòng văn học có giá trị lịch sử và văn hóa cao, rất đáng trân trọng, cần nghiên cứu & tìm hiểu & quảng bá sâu rộng, giúp mai hậu hiểu rõ về một thời vệ quốc oai hùng... nên chúng tôi đã xin gặp Bác sĩ Trần Xuân Dũng để phỏng vấn tìm hiểu sự khai phá, vào một buổi tối trung tuần tháng 7-2015 tại tư gia của bác sĩ ở Melbourne.

Được bác sĩ cho biết ngay sau 1975, bị Việt Cộng bắt đi cải tạo tại các nhà tù Long Giao, Suối Máu, Bùi Gia Mật... từ tháng 6-1975 đến tháng 12-1977, Bs Trần Xuân Dũng đã có ý định viết lại, kể về những hình ảnh hào hùng của Quân lực VNCH mà chính bác sĩ là một nhân chứng vì từng trực tiếp tham gia. Buổi đầu, ông hồi tưởng viết thành một tập **'thổ chiến sử'** mang tựa **'Nhu Sóng Thần Lên'**, có nội dung tường thuật lại những trận chiến oai hùng của hầu hết các binh chủng, các sư đoàn bộ binh, xuất bản ở Úc năm 1990. Tuy tập thơ này được nhiều người ưa thích tán thưởng, nhưng tác giả thấy đây chỉ là tâm tư của một người, nên ngay sau khi học lại y khoa, tốt nghiệp văn bằng bác sĩ tại Úc, mở phòng mạch ở Melbourne, để dành được ít tiền, tác giả không ngại tốn phí điện thoại và bưu điện rất cao, liền tìm cách liên lạc vận động các chiến hữu trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến đang sinh sống tại Âu Mỹ Úc viết tự sự, hồi ức kể lại những trải nghiệm trong cuộc chiến về tình cảm, tâm lý...

Phải đến năm 1997, sau nhiều năm tháng liên hệ, vận động, thuyết phục, Bác sĩ Dũng mới tập hợp được khoảng 70 bài viết của các chiến hữu trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, ấn hành tập Chiến sử Thủy Quân Lục Chiến. Tác phẩm Chiến sử Thủy Quân Lục Chiến ngay lập tức đánh động lòng người, gây tiếng vang lớn khi được trao tặng một Giải thưởng Văn học lớn ở Hải ngoại, nên nhanh chóng tác động vào tâm thức các cựu chiến binh VNCH, dấy lên một trào lưu các cựu chiến binh VNCH của nhiều binh chủng khác nhau viết hồi ức.

Trước tiên, ngay khi nhận ra giá trị trên nhiều phương diện của cuốn Chiến sử Thủy Quân Lục Chiến, các chiến hữu trong binh chủng này thấy rõ tầm vóc lịch sử và văn học của sách cả về hình ảnh lẫn nội dung, nên rất nhiều chiến hữu chưa viết đã cộng tác gửi thêm nhiều bài, khiến Bác sĩ Trần Xuân Dũng phải xuất bản cuốn Chiến sử Thủy Quân Lục Chiến II năm 2007, với 150 bài viết cũ mới, ấn hành thành một tập sách nặng 5kg.

Đặc biệt trong lần ấn hành thứ 2, Bác sĩ Trần Xuân Dũng được các ái nữ của ông giúp chuyển ngữ sang Anh ngữ, nên còn được giới thiệu với quốc tế qua tựa đề 'History of The South Vietnamese Marines Corps' khi đưa lên internet

vào tháng 7-2014, đến ngày 13-7-2015 đã được nhiều người của các nước khác nhau trên thế giới tìm đọc, ghi nhận cụ thể như sau:

-United States 1.176 người đọc - Australia 507 - Russia 127 - Vietnam 121 - United Kingdom 70 - France 69 - Canada 44 - Germany 31 - Romania 28 - Switzzeland 21...

Năm 1997, nhân đại hội Y & Nha & Dược sĩ Việt Nam Hải Ngoại Thế Giới ở Canada, Bác sĩ Trần Xuân Dũng vận động thêm các chiến hữu ngành Quân y VNCH tham gia viết chiến sử trong giới Quân Y sĩ, đồng thời một số các binh chủng khác cũng tham vấn Bác sĩ Trần Xuân Dũng để thực hiện các cuốn chiến sử binh chủng của mình, hình thành một trào lưu 'Văn học Chiến Sử' giúp hậu thế có thể tìm hiểu đánh giá đúng đắn về Quân lực VNCH, tuy bị chiến bại nhưng đã chiến đấu vì chính nghĩa quốc gia và lý tưởng tự do dân tộc một cách anh hùng, xứng đáng vinh danh - hơn là thắng 'hại' như Việt Cộng vì đã và đang khiến Quốc gia & Dân tộc lâm cảnh bị Bắc phương chế ngự, đẩy đất nước vào sự bại hoại về mọi phương diện, từ tinh thần đến vật chất... ngay như bộ đội Miền Bắc Việt Nam do Cộng sản khống chế, đào tạo rất sắt máu theo tôn chỉ 'Trung với Đảng', trở thành công cụ hung ác, tham tàn với dân nước?!

Điểm đặc sắc của các cuốn chiến sử do Bác sĩ Trần Xuân Dũng chủ trương, là ít mang tính nội san, khi không quá thiên về phần viết quá trình hình thành và phát triển của binh chủng; mà đặt trọng tâm vào các giá trị mang tính nhân văn như tâm lý, tình cảm, hành động của người chiến binh cũng như người quân y sĩ khi đối mặt quân thù, nhưng vẫn mang nặng "Lòng Nhân" của một Người Việt thấm nhuần tình 'Đồng Bào' lưu truyền từ Mẹ Âu Cơ, cộng với chí khí anh hùng truyền thống từ các Vua Hùng.

Rất có thể từ sự tác động của dòng Văn học Chiến sử, mà một số nhà văn như Phan Nhật Nam, Đỗ Tiến Đức, Tạ Quang Khôi... đã hình thành thêm những tác phẩm 'Văn học Hậu chiến', khi viết tiếp về những thân phận con người sau cuộc chiến tàn khốc 1954 - 1975, khi chánh thua tà, thiện thua ác... tạo ra không biết bao nhiêu thảm cảnh bi hài, trở trêu, khiến người đọc không thể không ngậm ngùi tiếc thương về một thời kỳ huy hoàng của đất nước tại Miền Nam Việt Nam - khác hẳn loại thơ văn 'làm dáng' hay 'duy ngã' ích kỷ dửng dưng xa rời cuộc sống chung quanh, ung dung tự tại giữa những gian nguy khổ đau của đồng bào sau chiến cuộc vệ quốc khốc liệt bị bủa vây khắp chốn, cũng như lúc hàng ngàn người đang dũng cảm chiến đấu cho tự do dân chủ, được nhiều quốc gia hỗ trợ?!

Chiến sử Thủy Quân Lục Chiến ấn bản II năm 2007, không chỉ thuần túy là một cuốn sách viết về những trận đánh khốc liệt của binh chủng này, mà còn có những nội dung mô tả những sự việc bao hàm tâm lý & tình cảm của người chiến binh trong các trận chiến, cũng như sau khi thua trận một cách oan uổng tức tưởi... khiến người đọc không khỏi nhớ đến những trang viết của nhà

văn Đức Erich Maria Remarque (1898 - 1970) viết về 2 cuộc Đệ I Thế chiến (1914 - 1918) và Đệ II Thế chiến (1939 - 1945), qua những tác phẩm danh tiếng từng làm rung động người đọc, được đưa lên màn ảnh, như "à l' Oest rien de nouveau" (1929), "Arc de triomphe" (1946)...

Chúng tôi xin được trích dẫn một số ý trong một số bài tựa giới thiệu của một số cuốn chiến sử, mà chúng tôi hữu duyên có được:

'Mục đích đơn giản của chúng tôi là:

'-Kể lại những trận đánh Thủy Quân Lục Chiến đã tham dự và ước mong các quân binh chủng khác thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cũng cầm bút viết lại những gì mà họ đã trải qua.

'-Cho con cháu chúng ta biết về sự chiến đấu của cha ông họ.

'-Tái tạo niềm hãnh diện cho những Thủy Quân Lục Chiến còn sống và cho gia đình của những Thủy Quân Lục Chiến đã hy sinh.

'-Cung cấp cho thế hệ sau và thế giới một cái nhìn cân bằng về cuộc chiến Việt Nam.

'Mọi người cần phải rời khỏi các nhãn quan hạn hẹp đã bị đầu độc từ bao lâu nay bởi giới truyền thông nặng phần thưởng mại và giới văn hóa tầm thường. Thế hệ trẻ không nên nhìn thập niên 60-70 là của Hippies hay của những phong trào chống chiến tranh đòi hòa bình... Thế hệ trẻ cũng không nên nhìn chiến tranh Việt Nam như cuộc xâm lăng của người Mỹ, và càng tệ hại hơn nữa khi nghĩ nó là cuộc chiến tranh của người Cộng sản yêu nước đánh lại miền Nam tham nhũng... Đó là những điều dối trá bịa đặt để bôi nhọ miền Nam và Quân lực Việt Nam Cộng Hòa trong mục đích tuyên truyền của Cộng sản.

(Đại tá Phạm Văn Chung - trang 41 Chiến Sử Thủy Quân Lục Chiến volume 1, Tái bản năm 2007)

'...chúng tôi tự hào đã mang lý tưởng nhân đạo phục vụ nạn nhân chiến tranh, những quân nhân can đảm hy sinh thân thể và cả mạng sống để bảo vệ 20 triệu người miền Nam.

'Ở tuyến đầu của công tác y tế nói chiến trận, chúng tôi làm chứng cho tinh thần dũng cảm của các chiến hữu thuộc mọi tầng lớp xã hội.

'...

'Ở lãnh vực chuyên môn, chúng tôi không từ chối chữa trị cho những tù binh phía bên địch, họ đã là nạn nhân vô ích của một chủ nghĩa phá sản. Ở mọi phía, bên này hay bên kia, phẩm giá của thương binh đã được tôn trọng đúng mức.

(Y sĩ Trung tá Phạm Hữu Trác 31-12-1999 - trích trang 15 Quân Y Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, ấn bản năm 2000)

'Mỏ ước nhỏ bé của người viết là cố gắng trình bày chuyện thực lịch sử về những chàng trai trẻ Hải Quân Việt Nam thời ấy (1952 - 1975) đã hợp sức nhau nối lại dòng Hải Sứ đứt đoạn của tiền nhân, xây dựng nên một Hải Quân có tổ chức chặt chẽ với 42.000 người và đủ loại chiến hạm chiến đĩnh.

'Và đặc biệt vào năm 1974, tuy biết rằng yếu thế, không đủ lực lượng tác chiến ngoài khơi, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa cũng cố gắng quyết đứng lên chống Trung Cộng xâm lấn hải biên.

'Hậu thế có thể nhìn vào hệ thống chỉ huy độc lập và tổ chức riêng biệt của HQVNCH mà minh định tinh thần chủ quyền của VNCH thời ngăn chặn Cộng Sản xâm lược.

(Vũ Hữu San 2009 - trích trang XVI Hải Sứ, Lược sử Hải Quân VNCH)

'Thép và Máu nhằm mục đích nói lên sự hy sinh cao cả của các Quân Binh chủng trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, nhắc đến những chiến tích oai hùng của các chiến sĩ dũng cảm Thiết Giáp Kỵ Binh và đồng đội, và nhất là đóng góp một số sử liệu xác thực vào pho quân sử để các thế hệ sau có thể hiểu rõ hơn về cội nguồn và diễn biến của cuộc chiến.

'...

'Trong thời gian biên soạn cuốn sách này, ngoại trừ những sự kiện đã được chứng kiến, chúng tôi còn sưu tầm tài liệu, tìm hiểu ngọn nguồn, phỏng vấn nhân chứng và đối chiếu sự kiện để đúc kết và tưởng thuật lại những khúc phim đẫm máu trên chiến trường Nam Việt Nam đúng theo sự thật. Chúng tôi tuyệt đối không che đậy dù cho thắng hay bại để sự thật được trả lại cho lịch sử.

(Soạn giả Hà Mai Việt, Texas ngày 1-1-2005 - trích trang VII, Thép và Máu, Thiết Giáp trong Chiến tranh Việt Nam)

Với binh chủng Nhảy Dù, chúng tôi mới chỉ hân hạnh được xem video 'Máu Lửa Charlie' của Cựu Thiếu tá Đoàn Phúc Hải - Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù phổ biến trên internet, nói về trận đánh tử thủ của Tiểu đoàn 11 trên Đồi Charlie, từng được nhạc sĩ Trần Thiện Thanh viết thành bản nhạc Người Ở Lại Charlie, tưởng nhớ Trung tá Nguyễn Đình Bảo đã cùng nhiều chiến binh Nhảy Dù hy sinh trong trận đánh khốc liệt, khi phải đối đầu với quân số gấp nhiều lần của Việt Cộng.

Video 'Máu Lửa Charlie' tuy chỉ là bản tự thuật của một người trực tiếp tham dự trận đánh, nhưng với những ngôn ngữ truyền cảm, hình ảnh minh họa sưu tầm sống động... đã khiến người xem như được tận mắt chứng kiến một cuốn phim quay lại trận đánh lịch sử, hầu có thể cảm nhận được phần nào những hoàn cảnh chiến đấu cam go nhưng rất anh hùng của Người Lính Chiến Quân lực VNCH, có tác động mãnh liệt, làm dấy lên tự đáy lòng người xem những

cảm xúc bồi hồi tưởng tiếc, luyến tiếc, mến tiếc, thương tiếc, nuối tiếc khôn nguôi... thắp lại ngọn lửa chính nghĩa, từng một thời được Quân lực VNCH đốt sáng.

Hiện nay trên internet có rất nhiều băng video về Ngày Quân lực VNCH, Nhạc Quân hành Quân lực VNCH, Nhạc Hùng Sử Việt... đã được hàng triệu người xem, ắt sẽ có những tác động lớn lao vào lòng người mai hậu.

Sau hơn 20 năm khởi đầu viết Thơ & Văn Chiến Sử, khơi dậy một dòng văn học viết về chiến tranh không thua những gì các nhà văn quốc tế đã viết về 2 cuộc Thế chiến I và II, năm 2014 Bác sĩ Trần Xuân Dũng đã nhận lời chúng tôi, liên hệ với một số tác giả, mời viết thêm một số hồi ức; nhất là ghi thêm một số tư liệu về tiểu sử các tác giả, hình thành tập 'Văn học Quân lực Việt Nam Cộng Hòa' giúp các nhà nghiên cứu hậu thế có thêm tư liệu.

Chúng tôi xin giới thiệu một số địa chỉ trên internet để Quý Vị tiện tham khảo:

-txdung39.blogspot.com: History of the South Vietnamese Marine Corps.

-txdung391.blogspot.com: Chiến Sử Thủy Quân Lục Chiến Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

-txdung392.blogspot.com: Như Sóng Thần Lên.

-txdung393.blogspot.com: Khói Mây Quên Bểng Duyên Phạm Trước.

-txdung394.blogspot.com: Thơ Nhị Thập Bát Tú.

Nhận Định

Nếu trên internet đã có hàng triệu người nghe nhạc hùng ca và nhạc vàng của VNCH thời Hậu bán Thế kỷ XX, ca ngợi cuộc sống vui tươi và tinh thần chiến đấu hào hùng của quân dân Miền Nam, phải đổ lệ, thì khi đọc những trang Thơ & Văn Chiến Sử, nhìn những hình ảnh minh họa cụ thể, ai nấy cũng sẽ không thể cầm nước mắt, hoài niệm về một quân lực oai hùng, một thời vì chính nghĩa Quốc gia cầm súng bảo vệ lý tưởng tự do & dân chủ cho dân tộc, bị các thế lực quốc tế làm lẫn bực tử, nhưng vẫn có thể lưu lại cho nhân loại nhiều tác phẩm văn - thơ - nhạc chiến sử bi hùng.

Âm nhạc VNCH 1954 - 1975 và Chiến Sử Quân Lực VNCH sau 1975 chắc chắn sẽ có những đóng góp lớn lao, tác động sâu thẳm vào lòng người, từ đó sẽ làm bùng cháy lên những ngọn lửa yêu nước nồng nàn, giúp phục hồi một Quốc gia & Dân tộc Việt Nam độc lập tự do huy hoàng hơn bao giờ hết.

Do vậy, việc nghiên cứu để đưa vào sách giáo khoa mai hậu những tuyệt tác này, là điều cần thiết để xây dựng tái tạo một nền tảng văn học yêu nước đích thực, có sức mạnh tiềm tàng trong việc hình thành tâm thức Nhân - Trí - Hùng, như các áng văn yêu nước cổ điển của Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Công Trứ...

Chúng tôi xin được trích dẫn một số trích đoạn của một số bài viết trong 2 bộ sách Chiến Sử Thủy Quân Lục Chiến - ấn bản 2007, vì đây là những tâm tư & tâm tình đích thực của những người trong cuộc - khác hẳn với những mô tả của các nhà văn sống bên lề tưởng tượng ra, nên rất đáng để chúng ta đọc hầu phần nào có thể cảm nhận về một cuộc chiến rất bi hùng của Quốc gia & Dân tộc Việt Nam, từng bị bọn văn nhân hèn nhát không thể đề cập trong dòng Văn học Phản chiến Bất chính suốt 20 năm (1954 - 1975) tại Miền Nam. Trong phần II của ấn bản lần thứ 2 này, người đọc sẽ thấy những hình ảnh và tự sự & tâm sự về những ngày cuối trận chiến vô cùng bi tráng của một binh chủng anh hùng bị bức tử:

Chiến Sử Thủy Quân Lục Chiến - quyển I (từ năm 1954 đến năm 1971)

Huế tôi và Mậu Thân Trung tá Nguyễn Văn Phán

...

'Con hẻm sát hồ Tịnh Tâm là đường vào nhà tôi. Mẹ tôi đó, dì, chị và em tôi đó. Xao xuyên quá!

Tôi đi nhanh đến ôm Mẹ tôi, dì và chị tôi khóc như mưa. Thằng em luống cuống chạy quanh, bị Mẹ tôi nạt: 'Mi chạy mau vô nhà lấy khúc cá kho khô và đòn bánh tét gói lại đem ra đây bới cho anh mi'.

Mẹ tôi dụi vào tay tôi chai dầu Nhị thiên đường: 'Con xúc cho khỏi gió'.

Lính đi ngang nói với nhau: 'Mạ đại úy sao đầu trọc lóc vậy bây?'. 'Bà ấy đi tu để phước cho con, tụi mình cũng được hưởng ké đây'.

Phán và âm thoại viên vẫn còn dừng lại: 'Nhà mình có răng không Mạ? Bà con thân thuộc có ai bị chi không?'. 'Nhà ông Quế chủ quán Chiêu bị trúng hai trái nhưng người thì không răng. Nhà mình bị ngói đổ một góc, cây đào bị gãy ngọn. Còn thằng Chỉ không biết đi mô'.

Chỉ là bạn tôi xuất thân 17 Võ bị Đà Lạt.

Tôi xót xa đắng miệng: 'Thôi con đi, Mạ và gia đình đừng lo cho con.

(trích sđd trang 497)

Những ngày đầu của Tiểu đoàn 7 TQLC Thiếu úy Nguyễn Khắc Thịnh

... Tôi được chuyển về bằng xe cứu thương quân đội, chạy hụ còi ưu tiên. Khi đến Vĩnh Long qua Bắc Mỹ Thuận, dân chúng đi chung phà tò mò nhìn người thương binh.

Trong số đó có cô em Vĩnh Long của tôi, cô em giật mình khi thấy người thương binh lại là người mà hôm chia tay tạ từ cô đã nói: 'Hy vọng đón anh về lại tỉnh này, khi đã hoàn thành nhiệm vụ'.

Cô em cuống quít lo sợ cho thương tích của tôi, tôi cười và nhắc lại: 'Anh đã hoàn thành nhiệm vụ và về gặp em đây'.
Phà cập bến, tôi cho cô biết mình sẽ nằm dưỡng thương ở bệnh viện Lê Hữu Sanh của Thủy Quân Lục Chiến ở Thị Nghè, Sài Gòn.
Trong thời gian điều trị, tôi phải dùng xe lăn, hàng ngày sau giờ học cô em đến bệnh viện thăm và an ủi tôi. Cô thường đẩy xe cho tôi ra vườn hoa bệnh viện, rồi cùng nhau nhắc lại những kỷ niệm xưa, khi còn ở Vĩnh Long...
Tôi cảm thấy mình được xoa dịu, an ủi nhiều trong khoảng thời gian này, hai chân tôi đã từ từ cử động lại. Tại đây hội đồng phân tôi loại 3 và được chuyển về Trung tâm Quản trị Trung ương Sài Gòn ngày 28-10-1970.
Sau nhiều ngày suy nghĩ về hình hài tàn phế của mình và tương lai cô em, tôi không muốn vì mình mà cô em dở dang việc học hành...
Vì thế nên tôi xin chuyển về Nha Trang mà không cho cô em hay.
Tôi già từ Bình chủng và Quân đội trở về dân sự với một thân thể không trọn vẹn, tật nguyền, nhưng tâm hồn tôi vẫn vui và tự hào mình đã làm tròn bổn phận và trách nhiệm của mình đối với Tổ Quốc.
(trích sđd trang 631)

Chiến Sử Thủy Quân Lục Chiến - quyển II (Từ năm 1972 đến năm 1975)

Nếu Quyển I mệnh mang những hình ảnh, những tự sự và tâm sự buồn vui về các chiến trận khốc liệt... thì Quyển II chan chứa những ý tình tức tưởi của các chiến binh sau khi kết thúc trận chiến trong thảm bại:

Tiến về Quảng Trị Một Cọp Biển

...Cấp cao ở xa, đâu có nhìn thấy tận mắt cái khó khăn của những Trung đội trưởng và Đại đội trưởng.
Những ngày trên tuyến đầu của họ là những ngày đêm mất ăn mất ngủ. Ăn làm sao ngon giữa những cơn mưa pháo và lính bị thương đem về liên tiếp. Ngủ làm sao yên khi đêm nào địch cũng hò hét xung phong đôi ba lần?
Dẫn Đại đội lên tuyến đầu với quân số 140, ba ngày sau bị thương một phần ba, phải lui lại về bổ sung.
Đại đội nào ngon lắm thì cũng chỉ chịu đựng được 10 ngày, sau 10 ngày là quân số tác chiến sẽ hao phân nửa.
Thượng cấp xài xể sao không đánh mà tổn thất nhiều, thật ra nhiều lúc "chỉ giữ được cũng là anh hùng".
Có ai hiểu cho nỗi khó khăn của những sĩ quan cấp nhỏ thế này!
(trích sđd trang 1139)

Tái Chiếm Cổ Thành Trung úy Văn Tấn Thạch

...Có hàng trăm, hàng ngàn điện tín, thư chúc mừng của các vị Tổng thống, Thủ tướng, Quốc trưởng của các quốc gia Đồng minh cũng như của các Tướng lĩnh tên tuổi trên thế giới gửi đến chúc mừng và ca ngợi sự chiến thắng to lớn này.

Đài Sài Gòn lúc nào cũng nói đến chiến thắng, bài hát "Cờ bay trên Cổ Thành Quảng Trị" không ngày nào là không phát đi phát lại nhiều lần. Chẳng những lúc ấy mà mãi đến bây giờ, mỗi lần nghe bản nhạc đó tôi vẫn thấy oai hùng biết bao.

Nhưng kèm vào đấy là nỗi uất hận dâng tràn...

Chiến sĩ ta hùng dũng như thế, mà tại sao lại phải buông súng đầu hàng? Tại sao lại phải khuất phục trước quân thù?

Để phải chết chóc, để phải đi vào vòng lao lý khổ ải!

Tại sao lại phải bỏ nước ra đi?

Tại sao? Tại sao? và Tại sao?...

(trích sđd trang 1169)

Lữ đoàn 147: Từ một cuộc di tản chiến thuật 1975

Thiếu tá Phạm Văn Tiên

...Giã từ vũ khí, ném súng xuống dòng sông định mệnh, ngồi chờ địch đến, đổi đời lịch sử sang trang.

Chúng tôi bị trói tay lừa lên bờ. Chúng tôi bị "giải phóng" tất cả quần áo, đồng hồ, dây chuyền, đồ đạc.

Một vài người bị dẫn đi xử bắn dã man.

Chúng tôi bị xỉ vả, đấu tố làm tay sai cho đế quốc.

Chúng tôi không còn là chúng tôi nữa, chỉ vì chúng tôi là chiến sĩ QLVNCH bảo vệ miền Nam tự do, bị bỏ rơi lại phía sau, thề sống chết thủy chung và chiến đấu hết mình.

Cuộc đời tù đày của vài ngàn quân cũng bắt đầu từ cái ngày đáng nhớ ấy...

27-3-1975 tại một địa danh nhỏ, hẻo lánh, quen thuộc: thôn Vĩnh Lộc, Thừa Thiên, Huế, ngay trên Tổ Quốc thân yêu của chúng tôi.

(trích sđd trang 1325)

Những ngày tháng sau cùng của Tiểu đoàn 2 TQLC

Đại úy Kiều Công Cự

...Tay trái cầm bình nhựa khoảng 5 lít, mắt nhìn hướng con tàu và khoảng cách rồi từ từ bước xuống nước.

Những đợt sóng ủa tới như muốn đẩy tôi trở lại bờ. Đầu óc chỉ có một ý nghĩ duy nhất là phải bơi ra con tàu.

Nhiều người đã và đang thực hiện cùng một ý nghĩ như tôi.

Cố gắng tránh những con sóng thẳng, chui qua bụng sóng, đi ngầm dưới nước, cho đến khi hẳng chân thì trời lên và bắt đầu bơi.

Ngoài khơi khoảng 200 thước thì sóng êm hơn dễ bơi.
Trên biển đầy người. Đã có những cái xác bập bênh.
Đạn pháo cũng bắt đầu rơi xuống mé nước. Con tàu càng lúc càng gần. Cho đến khi nắm được cái phao thì đã có người kéo lên. Tàu há mồm chờ đón.
Trên tàu lúc bấy giờ có khoảng 200 người, trong số đó có anh Hợp và nhiều anh em trong Tiểu Đoàn. Anh Hợp chỉ cho tôi cái phao gần đấy. Những người lên trước thì quăng phao kéo người lên sau và cứ thế...
Khoang tàu còn rộng, có thể chứa nhiều trăm người. Hạm trưởng cho lệnh tiến sát vào để vớt được nhiều người hơn.
(trích sđd các trang 1453 và 1455)

Đọc những dòng trích dẫn trên, nhớ lại nội dung bài 'Hịch Tướng Sĩ' của Hưng Đạo Vương' từng được giảng dạy nói nhà trường trung học, mỗi thấy thấm thía nỗi đau của kẻ thất trận, để hiểu rằng ngay từ khi bắt đầu lâm chiến, tất cả phải quyết chiến một lòng như dưới thời nhà Trần?

Hịch Tướng Sĩ
nguyên văn chữ Hán của Trần Quốc Tuấn
bản dịch của Trần Trọng Kim

...

'Khi bấy giờ chẳng những là thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc của các người cũng hết, chẳng những là gia quyến của ta bị đuổi mà vợ con của các người cũng nguy; chẳng những là ta chịu nhục bây giờ, mà trăm năm về sau tiếng xấu hầy còn mãi mãi, mà gia thanh của các người cũng chẳng khỏi mang tiếng nhục, đến lúc bấy giờ các người dẫu muốn vui vẻ phỏng có được hay không?

Qua một số trang viết ngắn gọn trên, chúng ta thấy Bác sĩ Trần Xuân Dũng đã có công khơi dậy **dòng Văn học Chiến Sử**, thể hiện được phần nào hình ảnh hào hùng tiêu biểu rất đáng ngưỡng mộ của Kẻ Sĩ Miền Nam Hậu bán Thế kỷ XX trong cuộc chiến vệ quốc:

****Lòng Nhân:** Bác sĩ Trần Xuân Dũng chỉ là muôn một trong số các thanh niên Nam Nữ dẫn thân đầu quân, ra tuyến đầu chống nạn Cộng sản gian ác buôn dân bán nước, mong bảo vệ đồng bào Miền Nam. Và đã bảo vệ thành công hơn 20 năm, giúp Miền Nam kịp thời xây dựng được một nền móng dân chủ, đào tạo được một thế hệ học thức và chuyên viên tài đức đủ khả năng hội nhập thế giới tự do khi di tản, giúp có thể tồn tại và phát triển thành một đội

ngũ tài ba, hình thành những cộng đồng tự nạn vững mạnh - cơ sở quan yếu cho việc phục quốc & kiến quốc mai hậu.

****Trí Sáng:** Trong bối cảnh thất trận khiến không ít người buồn nản buông tay... Bác sĩ Trần Xuân Dũng và một số cựu chiến binh VNCH đã tinh táo sáng suốt nhận ra trách nhiệm hậu chiến của những người cầm súng là phải 'tái sinh' những trận chiến vệ quốc hào hùng một thời trong sử sách, giúp sử sách ghi nhận các chiến tích oanh liệt của Quân lực VNCH trong cuộc chiến vì Chính Nghĩa Quốc Gia, lật mặt nạ xuyên tạc bôi bẩn Quân lực VNCH gian trá của sử sách Việt Cộng - một công việc trí tuệ quan trọng không gì sánh bằng?

****Tinh Hùng:** Các cuốn chiến sử đã ghi lại những hình ảnh, những hồi ức của các chiến sĩ anh hùng, trực tiếp cầm súng xông pha lửa đạn, làm nên những trang sử vệ quốc oai hùng, giúp Quốc Gia & Dân Tộc có khoảng thời gian quý giá 20 năm để kịp thời đào tạo một lớp người tài đức cho mai hậu. Nhìn vào hàng ngũ học thức Miền Bắc do Việt Cộng 'trồng người' đã hủy hoại nhân tính - tàn phá tinh thần truyền thống Nhân Trí Hùng của dân tộc ra sao; sẽ thấy công lao giáo dục đào tạo của Chính quyền Miền Nam sâu rộng như thế nào? Có được điều này chính là nhờ công sức lớn lao của Quân lực VNCH giữ vững tiền tuyến, giúp hậu phương ổn định an lành phát triển trên nhiều phương diện, uơm mầm hình thành về sau một đội ngũ nhân tài nơi hải ngoại vô cùng quý giá cho Quốc gia & Dân tộc?

VVTKLBF

Nhân - Trí - Hùng Tôi Phải Sống

Bút ký của Linh mục Nguyễn Hữu Lễ

*Linh mục Nguyễn Hữu Lễ là hình ảnh của một Kẻ Sĩ hết lòng với Quốc gia & Dân tộc, có ý thức rất cao hiếm thấy qua câu nói **'Trước khi là linh mục, tôi là một Người Việt Nam'**. Bấy nay do chủ trương 'duy ngã độc tôn' mà các tôn giáo thường có giáo lý giáo dục các tu sĩ coi nhẹ mẫu số chung là Quốc gia & Dân tộc, hiểu lầm sự 'giải thoát' là tử bỏ mọi liên hệ với gia đình, xã hội, quốc gia, dân tộc; gây ra nhiều tác hại cho tinh thần đoàn kết dân tộc, thống nhất quốc gia. Việt Nam Cộng Hòa bị tan rã phần lớn cũng do các tu sĩ của không ít tôn giáo đủng thờ thiếu cận, gây chia rẽ đối đầu không khoan nhượng, khiến khi mất nước thì các tôn giáo cũng không còn đất dung thân, bị trấn áp vô cùng khốc liệt?!*

Văn học Chân Chính (khác hẳn dòng Văn học Bất chính Phản chiến) Miền Nam Hậu bán Thế kỷ XX, bên cạnh **dòng Văn học Chiến Sử** do Bác sĩ Trần Xuân Dũng khởi động, sau năm 1975 tại hải ngoại còn bùng nổ **dòng Văn học Hồi ký & Bút ký & Truyện ký**... mang nội dung bi hùng, khi đề cập đến những bi thảm của Người Việt Quốc Gia bị Chế độ bạo tàn Cộng sản Việt Nam trấn áp, bóc lột rất hung ác sau cuộc chiến.

Dòng văn học này có nhiều tác phẩm giá trị, nơi đây chúng tôi chỉ xin giới thiệu một trong những tác phẩm đó là cuốn Bút ký Tôi Phải Sống của Linh mục Nguyễn Hữu Lễ, ấn bản năm 2003.

Sở dĩ chúng tôi chọn giới thiệu cuốn bút ký này, một phần là do nội dung phong phú, đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau thể hiện một cách sắc bén sự Thiện - Ác đáo đầu mang ý nghĩa giáo dục đạo lý nhân luân, nêu những hậu quả nhỡn tiền vô cùng nhục nhã ê chề ngay trong cuộc sống còn của một số nhân vật, thể hiện một cách sống động những bài học về sự thắng bại, rất đáng được dùng làm sách giáo khoa răn dạy người đời mai hậu.

Nhà báo Trần Bình Nam có nhận xét:

'Hồi ký tù đày ở hải ngoại không thiếu. Nhưng thiếu một cuốn hồi ký mà ngoài đời khát và khổ nhục trong nhà tù, người ta tìm thấy những suy tư nặng trĩu về đất nước và dân tộc. Cuốn Tôi Phải Sống của Linh mục Nguyễn Hữu Lễ là cuốn sách đó.'

Trước tiên, muốn tìm hiểu về tác phẩm Tôi Phải Sống dưới nhãn quan Đạo Đức học, Xã Hội học, Tâm Lý học..., chúng ta cũng nên biết một số quan niệm triết học cao đẹp về các phương diện này:

****Triết gia Khổng Tử (556 - 479 trước Công nguyên) chọn chữ 'Nhân' làm nguyên lý đạo đức căn bản trong triết lý đạo đức luân lý của mình. Chữ Nhân theo Khổng Tử bao hàm nhiều phương diện trong đời sống, tùy theo trình độ mỗi người mà giảng dạy. Tuy nhiên 'có thể người có Trí mà không có Nhân', nhưng 'Không thể là người Nhân mà thiếu Trí, Dũng'.**

Người Nhân là người có thể làm cho 5 đức hạnh phổ biến trong thiên hạ: Cung - Khoan - Tín - Mẫn - Huệ'.

1/ Cung kính nghiêm trang khiến chẳng ai dám khinh mình.

2/ Khoan dung, độ lượng giúp thu phục lòng người.

3/ Tín nghĩa tạo lòng tin cậy nơi mọi người.

4/ Mẫn cán, siêng năng giúp hoàn thành nhiều công việc hữu ích.

5/ Gia huệ, thi ân, bố đức giúp sai khiến được người.

Đây là một số điểm dùng để phân biệt Tiểu nhân - Đại nhân (Quân tử).

****Triết gia Mặc Tử (470 - 396 trước Công nguyên) chủ trương thuyết 'Kiêm Ái' thể hiện đức tính Nhân Nghĩa gồm 'yêu tất cả mọi người, làm lợi cho tất cả mọi người không phân biệt sang hèn, thân sơ, quý tiện'.**

Mặc Tử viết: *'Người Nhân làm việc để chấn hưng cái lợi của thiên hạ, trừ khử cái hại cho thiên hạ - Phải bỏ hỉ, lạc, bi, ái, ố mỗi có thể theo Nghĩa Nhân'.*

****Triết gia Mạnh Tử (372 - 289 trước Công nguyên) coi đức Nhân là cái đức cao của người quân tử, bậc thánh nhân, vì Nhân giúp mình có thể cảm ứng với Trời Đất, cảm hóa mọi người. Người có đức Nhân thì 'Yêu Người' - yêu người sẽ được người yêu lại, như vậy cũng là 'Yêu mình'.**

****Triết gia Socrates (470 - 399 trước Công nguyên) chủ trương Chủ nghĩa Duy Lý Đạo Đức, cho rằng:**

'Cái ác nảy sinh do dốt nát, thiếu hiểu biết. Một hành vi ác là hậu quả của sự không hiểu biết về Chân - Thiện, chứ không phải là sự lựa chọn có chủ ý'.

Socrates quan niệm cái ác là sự xuẩn ngốc do dốt nát.

Socrates đề cao 4 đức hạnh chính:

1/ Khôn ngoan: là tự biết mình, cư xử đúng và chủ động trong mọi tình huống, không để các lý do khách quan tác động.

2/ Tiết độ: là tự kiềm chế dục vọng, biết chịu đựng trong nghịch cảnh, luôn giữ tâm trạng cân bằng trước các biến cố.

3/ Can đảm: Chống các ham muốn thái quá, không chỉ biết sống mà còn biết chết, hiểu chết vinh còn hơn sống nhục.

4/ Khiêm tốn: Luôn biết về sự chưa biết của mình, mà dẫn thân một cách thận trọng trên con đường hướng tới chính nghĩa.

****Sách Cabalah của Do Thái: 'Con người có thể đạt đến Thiên Chúa trong những hành động bác ái, vì yêu Con Người chỉ là yêu Thiên Chúa dưới một dạng khác'.**

****Triết gia Baruch Spinoza (1632 - 1677) quan niệm: 'Tình yêu của con người đối với Thiên Chúa - Tình yêu của con người đối với con người là một, và như nhau'.**

Trước khi đọc bút ký Tôi Phải Sống, nếu chúng ta am hiểu một số triết lý sống cao đẹp của các nhà hiền triết kể trên, chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra những giá trị nhân bản cao cả của tác phẩm:

****Giá trị Thời đại:**

Hiếm thấy một tác phẩm nào như bút ký Tôi Phải Sống, khi khắc họa được những trang mô tả về cuộc sống đương thời từ nam ra bắc trước và sau cuộc

chiến một cách trung thực, không che dấu, thiên vị... khiến không chỉ người đọc đương thời có thể ôn lại những quá khứ buồn vui của chính mình, mà còn có thể giúp hậu thế hiểu rõ hơn về một thời kỳ lịch sử tuy đen tối, nhưng vẫn có những tia lửa sáng chói của thanh cao và hy vọng, khi trong ác vẫn còn thiện, trong quả vẫn có nhân...

Những Người và Việc của một thời điêu linh được mô tả bằng một cái nhìn mang nặng tính Nhân của người tu hành đức độ - rất khác với những cái nhìn của thế nhân bị thất tình chế ngự:

'Tinh thần đâu để chiến đấu khi các chiến sĩ oai hùng ngoài chiến trận nghe tiếng bom đạn của kẻ thù, hòa với tiếng la hét của đồng bào biểu tình tố cáo đích danh tổng tư lệnh của họ là một tên tham nhũng.
(trích sđd trang 144)

'Ông Dương Văn Minh này, tôi không biết có phải là một thú khắc tinh của dân tộc Việt Nam hay không, mà mỗi lần tên ông được nhắc đi nhắc lại trên đài phát thanh thì y như rằng có chuyện xui xẻo xảy ra cho đất nước. Lần đầu vào ngày 1-11-1963, tên ông được gắn liền với bao nhiêu sự xáo trộn trong nước tiếp theo sau cuộc đảo chánh. Lần thứ hai vào ngày 30-4-1975, tên ông lại được vang lên trên làn sóng điện một lần nữa, và trở thành tiếng kèn đưa ma chế độ Việt Nam Cộng Hòa.
(trích sđd trang 138)

'Người dân quê phải chịu cảnh một cổ hai tròng, ban ngày lúc còn mặt trời thì thuộc sự kiểm soát của Quốc gia, bóng đêm về nằm trong tay Việt cộng.
(trích sđd trang 147)

Cảnh đời là vậy, cảnh đạo cũng không khá hơn:

'Sự nhập nhằng giữa tôn giáo và chính quyền lúc bấy giờ đã tạo ra những "lãnh chúa áo đen". Họ lợi dụng chức vị tôn giáo để mưu cầu danh lợi riêng tư.
(trích sđd trang 149)

...

****Giá trị Đạo đức:**

Có thể nói ít thấy tác giả nào có thể tả được sự Thiện - Ác đả đầu kinh hoàng như trong tác phẩm Tôi Phải Sống.

Các hồi ký cùng loại đương thời thường chỉ mô tả nhiều về các Ác, nên phiến diện, chủ quan, thiếu sắc bén trong việc thức tỉnh nhân luân?

'Thời gian dài, nhất là 3 năm lặn lội trong đáy địa ngục khi kỷ luật trại Thanh Cẩm, đã cho tôi cơ sở để nói rằng trong mỗi con người đều có phần Thiện và

phần Ác ngang ngửa nhau, và tùy thuộc vào môi trường sống mà phát triển. Nếu con người được sống trong một môi trường đạo đức và luật pháp được tôn trọng thì phần Thiện sẽ phát triển và đè bẹp phần Ác.

'...Từ nhận xét đó, tôi kết luận: "Không bao giờ oán trách con người, không bao giờ thù hận con người, không bao giờ tiêu diệt con người; nhưng bằng mọi giá phải loại bỏ bất cứ chế độ xấu xa nào đã khuyến khích và dung dưỡng sự hận thù giữa người với người, và thay vào đó một xã hội lành mạnh để con người được phát triển phần Lương Thiện của mình.
(trích sđd các trang 597, 598)

Khiến người đọc thấm thía nhất, có bài học lớn lao nhất trong Tôi Phải Sống là chuyện Thiện Ác Đáo Đâu & Quả Báo Nhỡ Tiền - có thể làm cho ai nấy hiểu biết về 'Phải Sống' như thế nào trong các nghịch cảnh:

'Dĩ nhiên, chế độ cộng sản là kẻ chủ trương, nhưng Thi đã thay cho chế độ giết Tiếp một cách thật dã man! Người cộng sản ném đá dẫu tay, họ đã dùng tù giết tù.
(trích sđd trang 418)

'Ủ, Tiếp chết rồi! Tiếp bị đánh chết trước cửa buồng mình. Nó vắt xác Tiếp nằm đè lên người tôi.
(trích sđd trang 422)

'anh Lâm Thành Văn bị Thi bỏ đói vừa mới chết hồi sáng sớm'.
(trích sđd trang 425)

'Nhà kỷ luật ở đây tự nó đã là địa ngục, có thêm Bùi Đình Thi vào, nó xuống sâu hơn mọi tầng của địa ngục và trở thành đáy địa ngục.
(trích sđd trang 429)

Người tù cải tạo Bùi Đình Thi độc ác với bạn đồng tù để mong được chế độ gian ác dung thứ cứu mạng; nhưng rồi cuối cùng vẫn phải từ bỏ cộng sản, theo chương trình HO qua Mỹ sống, nhận lãnh đủ những trách cứ về những tội ác Thi đã gây ra cho bạn tù... hình thành một bài học để các nhà đấu tranh am hiểu, hầu có thể ứng phó một cách chính đáng khi bị kẻ thù bắt giữ, tù đầy, tra khảo, dụ dỗ làm tay sai cho chúng?

Sự vô luân của Việt Cộng:

'Thậm chí người ta dùng xác chết để làm quà tặng trong dịp đặc biệt mỗi năm như ngày 19 tháng 5, là ngày sinh nhật của ông Hồ Chí Minh. Ngày đó ở miền Nam, không biết là bao nhiêu những vụ giết mìn xe đò, xe lam, giết hại thường dân vô tội để làm quà sinh nhật cho ông.
(trích sđd trang 48)

...

****Giá trị Tôn giáo:**

Tuy là một linh mục của Thiên Chúa Giáo, nhưng tác giả đã tỏ ra khách quan khi diễn tả một cách trung thực về những tốt xấu của hàng ngũ tu sĩ thời bình cũng như thời loạn, đạt giá trị cảnh tỉnh và trong sạch hàng ngũ tu hành, từng bị ca dao Việt Nam phê phán:

'Điều làm tôi ngạc nhiên tôi sống ngay trong ngày Chúa nhật đầu tiên sau khi về nhận họ đạo, tôi đã nghe cha Tô lên tòa giảng đá kích cha Trình một cách thậm tệ và công khai không cần úp mở! Cha Tô nói cha Trình ra đi đã vô vét hết của cải trong họ và cả bàn ghế trong nhà xứ!

(trích sđd các trang 123, 124)

'Nói về uy quyền thì lúc đó Đại úy Phạm Ngọc Thảo là nhân vật số 3 trong tỉnh, sau Giám mục Ngô Đình Thục và Tỉnh trưởng Khuỷu Văn Ba.

(trích sđd trang 131)

'Lúc bấy giờ trong tỉnh Bến Tre có một số Linh mục và tu sĩ Công giáo được mời vào Ủy ban Liên Lạc Tôn Giáo. Linh mục NVL cũng được mời tham gia, nhưng anh không giữ chức vụ gì quan trọng, chỉ là một thành viên tầm thường. Dù vậy Linh mục NVL cũng lấy làm hãnh diện và thích khoe khoang về những lần đi họp ở tỉnh được ở khách sạn loại sang, được ăn ngon, thức ăn đặt từ nhà hàng mang tới. Anh ta lộ vẻ hân hoan ra mặt vì có được một chỗ đứng trong chánh quyền mới, trong khi tại một vài nơi khác, cộng sản đang lùng bắt, áp chế, làm khó dễ đủ điều các Linh mục "phản động" và những giáo dân ủng hộ họ...

(trích sđd trang 198)

'Lúc bấy giờ có một số giáo dân xứ Bắc Hải ở khu vực Ngã Ba Ông Tạ trong Nam vì thường hoàn cảnh các Linh mục bị tù quá lâu, nên đã tự động quyên góp và tổ chức gửi quà cho chúng tôi theo đường bưu điện.

(trích sđd trang 535)

Linh mục Nguyễn Hữu Lễ tác giả Tôi Phải Sống là tác giả của câu nói rất đáng dùng làm danh ngôn để học sinh trung tiểu học bình giải:

'Trước khi làm Linh mục, tôi là một người Việt Nam'.

Vì câu này thể hiện ý thức ít người học thức biết tới, là Quốc Gia & Dân Tộc mới là mẫu số chung, Tôn Giáo và Đảng Phái chỉ là những tử số của mẫu số chung, nên các tử số phải có trách nhiệm phục vụ & bảo vệ mẫu số chung. Vì một khi mẫu số chung không còn, thì các tử số không đất dung thân - trường hợp Việt Nam Cộng Hòa là một điển hình nhỡn tiền cụ thể?!

Vì quan niệm được Quốc Gia & Dân Tộc mới là mẫu số chung, nên Linh mục Nguyễn Hữu Lễ mới nhận định:

'Đối với tôi, điều quan trọng không phải là chúng ta tiêu diệt con người, ngay cả những con người đang phục vụ trong chế độ cộng sản. Điều chúng ta phải làm là bằng mọi cách loại bỏ cơ cấu chính quyền vô thần, được xây dựng trên một ý thức hệ ngoại lai lỗi thời. Chính ý thức hệ đó đã làm tan nát tình dân tộc của chúng ta.

(trích sđd trang 572)

'Tôi muốn gửi lại cho thế hệ mai sau một lời tâm huyết là đừng bao giờ mê muội vì một chủ thuyết ngoại lai nào mà quên đi Dân Tộc, để rồi cảnh nời da xáo thịt lại tái diễn. Thể chế chính trị nào rồi cũng sẽ qua đi, triều đại nào rồi cũng sẽ sụp đổ, chỉ có Dân Tộc là trường tồn.

(trích sđd trang 598)

****Giá trị Tâm lý:**

Khi viết về người Cộng sản, bên cạnh những kẻ gian ác, tác giả cũng nhắc đến một số người tuy ít nhưng cũng phần nào thể hiện được lương tri con người vẫn có thể tồn tại dưới một chế độ tam tàn, ngu dốt, bạo ngược:

'Trong lúc đang kiểm tra và có mấy anh định gửi lưu ký quần áo, cán bộ Lạc bước tới gần nói nhỏ: "Ồ đây rét lắm, các anh giữ lại quần áo mà dùng, đừng gửi lưu ký làm gì"... Nói xong anh quay đi thật nhanh. Tôi rất cảm động khi nghe cán bộ Lạc nói những lời đó. Anh cảm thấy ái ngại cho số phận chúng tôi, những con người mà anh biết là đang đi vào cõi chết.

'-Anh Lễ, anh hãy giữ suy nghĩ ấy trong lòng và đừng nói ra, không có lợi. Tôi cũng có suy nghĩ như anh. Nhưng anh biết hoàn cảnh tôi, tôi sinh ra và lớn lên trong chế độ. Anh Lễ, tôi quý anh, nên tôi thành thật khuyên anh là khi nào được về anh hãy tìm cách ra khỏi nước mà sống. Phần tôi, tôi không làm gì khác hơn được. Và lại, còn miếng cơm manh áo của gia đình vợ con tôi nữa!

(trích sđd trang 569)

'Khác với thái độ cách ngăn và hách dịch của nhiều cán bộ lo phần hành chuyên môn mà tôi từng gặp ở các trại, cô cán bộ tài vụ này rất duyên dáng, bước vào sân với nụ cười thật tươi trên môi.

(trích sđd trang 543)

Chính người nữ công an này sau một lần vào miền nam công tác, đã thay đổi cái nhìn với miền nam, trở nên có cảm tình với giới tù cải tạo, nhất là đối với vị linh mục trẻ tuổi Nguyễn Hữu Lễ.

Linh mục Nguyễn Hữu Lễ cũng không khỏi có những cảm tình đáp lại, nhưng tình yêu với Chúa trong niềm tin cứu rỗi đồng loại đã cao hơn, mạnh hơn, giúp ông trở về với trách nhiệm:

'Đã từ lâu, tôi nhận thấy tình cảm đặc biệt của ngài đối với tôi qua cử chỉ, thái độ và cách nói năng. Càng ngày, tôi càng hiểu điều đó qua ánh mắt, nụ cười trong các câu chuyện ngài kể, nhất là sự ân cần giúp đỡ tôi trong các việc liên quan tới phần vụ của ngài, mặc dù trong tư thế quá khác biệt.

(trích sổ đ trang 577)

Sự việc khiến người ta không khỏi liên tưởng tới truyện Tây Du Ký, khi nhà sư Đường Tam Tạng trên đường qua Tây Trúc thỉnh kinh, bị nhiều yêu nữ mê hoặc, nhưng đã giữ được sự trong sáng nhờ tâm trí hướng thượng, một lòng theo đạo.

So với Đường Tam Tạng có 3 đệ tử thân tín và Đức Phật nhiều quyền năng bảo vệ thường xuyên mỗi khi lâm nạn, Linh mục Nguyễn Hữu Lễ ở đây đơn thương độc mã một mình trong chốn lao tù đối đầu bao hung hiểm, chỉ nhờ tâm trí kiên cường và lý tưởng hướng thượng đã giữ được sự trong sáng cao đẹp:

'Nói về phần nhân loại thì thực sự lúc đó tôi đang sống trong ngục tù, nhưng về phần tinh thần thì tôi phải nói thẳng là chưa bao giờ tôi thấy hiệu quả trong chức vụ Linh mục như lúc bấy giờ. Khi tôi ý thức và chọn con đường làm Linh mục lúc 20 tuổi là chính vì lý tưởng phục vụ tha nhân, và lúc này tôi đang được sống trọn vẹn cho lý tưởng mà tôi đã chọn.

(trích sổ đ trang 571)

Nhận định

****Lòng Nhân:** Linh mục Nguyễn Hữu Lễ đã thể hiện tấm lòng Bác Ái của Thiên Chúa Giáo một cách cao đẹp nhất, khi coi cuộc sống tù đầy giữa các tù nhân như một công việc cứu rỗi, tuy khổ đau nhưng cao cả nhất của người tu hành. Xuyên suốt tác phẩm là cái nhìn của lòng Bác Ái vào Người và Việc, khiến người đọc cảm nhận được cụ thể sự phát huy tình yêu người của Chúa qua một tôn đồ chân chính của Ngài.

****Trí Sáng:** Những nhận định sáng suốt về bạn và thù trong cuộc sống tù đầy trầm luân, để từ đó tác giả vạch ra kẻ thù của dân tộc chính là những **'chủ thuyết ngoại lai'** giúp những kẻ vô lại bám víu lợi dụng. Điều này chứng tỏ tác giả đã nhìn ra gốc gác ngọn nguồn tai họa Cộng sản, nên quan niệm rất trong sáng khi cho rằng muốn chiến thắng không thể dùng súng đạn, bạo lực, mà phải cần đến trí sáng của mọi người, giúp nhận ra đâu mới chính là mục tiêu cần hóa giải, không mù quáng xuẩn động, đấu đá chia rẽ nhau?

****Tính Hùng:** Tác giả thể hiện không chỉ Dũng Khí:

'Phú quý bất năng dâm

'Bàn tiện bất năng di

'Uy vũ bất năng khuất

mà còn thể hiện **Hùng Khí** trong trách vụ một tu sĩ nơi lao tù, dù hoạn nạn vẫn nghĩ đến việc giúp đỡ cứu rỗi tha nhân, quên mình vì lý tưởng cao cả của tôn giáo mình tuân thủ. Những người như tác giả tuy không cầm võ khí, nhưng võ khí của họ siêu đẳng hơn - chính là hùng tâm + dũng khí, khi bộc phát khiến chính những kẻ hung ác cực kỳ như Bùi Đình Thi... cũng phải giật mình hoảng sợ; đồng thời cũng khiến một số cán bộ đảng viên Việt Cộng trong lao tù phải kính nể tôn trọng. Đây chính là thứ Hùng Khí siêu đẳng hiếm có, "lúc cứng khiến đá nát - khi mềm làm vàng tan"?

Qua một số phân tích trên, tác phẩm Tôi Phải Sống của Linh mục Nguyễn Hữu Lễ có rất nhiều giá trị trên nhiều phương diện khác nhau, rất đáng để chúng ta đọc và tư duy - mai sau tìm hiểu rút ra những bài học cụ thể về nhân luân trong nghịch cảnh, rất cần thiết nơi các học đường, giảng đường đào luyện học sinh cũng như quân cán chính.

Nhất là đối với những ai đã - đang - sẽ dẫn thân vào các chính trường tôn giáo, chính trị, cần tìm hiểu hầu có thể đương đầu hữu hiệu với những mua chuộc và những tù đày chông gai trên bước đường nhiều gian nan khi muốn giúp đời, cứu người, tranh đấu cho Chính Nghĩa Quốc Gia & Dân Tộc?

Ngoài ra, đây cũng là một tác phẩm văn học viết khá trung thực và đầy đủ về một thời kỳ lịch sử đen tối, giúp hậu thế có thể nghiên cứu tìm hiểu, để biết rõ về những tốt xấu, đúng sai... rút ra nhiều bài học về nhiều phương diện khác nhau.

Và lời nhắn nhủ rất tâm huyết và chính đáng sau đây của Linh mục Nguyễn Hữu Lễ, cần được nhắc nhở truyền bá sâu rộng lâu dài:

'Trong cuộc chiến không có tiếng súng này, dân tộc Việt Nam không còn chiến đấu vì một chế độ này hay chế độ khác. Không chiến đấu để khôi phục lại một chế độ vừa sụp đổ, cũng không chiến đấu để cố bảo vệ chế độ độc tài thối nát đang ngự trị trên quê hương. Đây phải là cuộc chiến của lương tri con người để chọn cái Đúng và loại bỏ cái Sai, để chọn cái Thiện và loại bỏ cái Ác cho con đường Dân Tộc phải đi. Kẻ thù của dân tộc Việt Nam lúc này không còn phải là những con người đã đứng bên này hay bên kia chiến tuyến trong quá khứ, nhưng là bất cứ thể chế chính trị nào cướp đi quyền lợi tự nhiên của những thành phần Dân Tộc khác.

VVTKLBG

Nhân - Trí - Hùng

Nguyễn Chí Thiện

(1939 - 2012)

*Nguyễn Chí Thiện thể hiện hùng khí của Kê Sĩ (cao cả hỏn dũng khí) khi biết dùng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu một cách can trường vì quốc gia & dân tộc, chống lại một bạo quyền tàn độc nhất trong lịch sử nhân loại; bản thân hỏn một lần chấp nhận hứng chịu mọi khổ đau nỏi tù đày man rợ. Chỉ bằng ngòi bút của mình đã tạo được một cuộc chiến bằng thi ca bất khuất kiên cường dài lâu suốt cả cuộc đời, Nguyễn Chí Thiện trở thành thi soái của **dòng thơ tố cộng**, đã vạch trần tội ác của Hồ Chí Minh và Việt Cộng với văn học và dư luận quốc tế, được truyền bá giáo dục đến muôn đời - giá trị vang danh không thua gì những cuộc đấu tranh chính trị, những trận chiến quân sự?*

Tháng 4-2016 chúng tôi có dịp được xem cuộc triển lãm của nhà đấu tranh Trung Quốc là ông Ngải Vị Vị (Ai Weiwei) tại Melbourne.

Tuy giá vé vào xem khá mắc, hơn 20 AUD, nhưng số người xem rất đông, phải xếp hàng rồng rắn nhiều phút mới mua được vé vào xem.

Theo Tự điển Wikipedia trên internet, Ngải Vị Vị sinh năm 1957, cha là nhà thơ Ngải Thanh bị kết tội trong phong trào Chống Hữu Phái tại Trung Cộng năm 1958, bị bắt đi tù cải tạo ở Tân Cương cùng vợ. Ngải Vị Vị lúc đó mới 1 tuổi, sống ở Tân Cương 16 năm. Đến năm 1975 cả gia đình mới được trở về Bắc Kinh sinh sống, Ngải Vị Vị kết hôn với nữ nghệ sĩ Lộ Thanh - người đứng trước Thiên An Môn, dưới ảnh Mao Trạch Đông, vén váy lộ quần lót cho chồng chụp hình để thể hiện sự miệt thị họ Mao, bức hình được phóng lớn trong cuộc triển lãm.

Wikipedia nhận định Ngải Vị Vị là một nghệ sĩ, nhà hoạt động đấu tranh, tư tưởng gia... có nhiều hoạt động tích cực trong nhiều ngành như kiến trúc, nhiếp ảnh, phim ảnh, phê bình văn hóa và xã hội.

Năm 2008 ông được Kiến trúc sư Thụy Sĩ Herzog & de Meuron mời làm cố vấn nghệ thuật trong công trình xây Sân Vận Động Thế Vận tại Bắc Kinh. Tuy thành công lớn về nghệ thuật, trở nên giàu có, nhưng ông tỏ ra bất bình trước những bất công thối nát của chế độ, luôn tìm cách đối kháng mạnh mẽ qua nhiều hành động khác nhau:

-2008 vụ động đất ở Tứ Xuyên làm đổ nhiều ngôi trường do bọn quan tham bòn rút xây cất cầu thả, làm chết hơn 6.000 học sinh, khiến ông tức giận sưu tầm tư liệu tố giác trước công luận.

-Ông chú trọng lợi khí internet để liên lạc vận động giới trẻ trong đấu tranh, gây nhiều bất lợi cho chế độ, nên năm 2014 ông bị bắt giữ về tội 'bất đồng chính kiến'.

-Do áp lực quốc tế, ông được trả tự do, nhưng bị đuổi ra nước ngoài. Ông tiếp tục hoạt động đấu tranh bằng việc thực hiện các cuộc triển lãm về điêu khắc, hội họa, phim ảnh, sách báo... tố cáo tội ác của chế độ Cộng sản tại Trung Quốc.

Khi xem triển lãm của nhà đấu tranh Trung Quốc Ngải Vị Vị, người ta sẽ thấy những hình ảnh và hiện vật cụ thể được sưu tầm & tái tạo rất công phu phong phú, thể hiện các hành vi khủng bố trấn áp rất vô nhân đạo của chế độ Cộng sản tại Trung Quốc từ thời Mao Trạch Đông cho đến nay... khiến người xem không khỏi kinh sợ ghê tởm.

Tuy nhiên lúc xem xong cuộc triển lãm, cảm xúc của bản thân chúng tôi là ngậm ngùi nhớ đến những bài thơ của Nguyễn Chí Thiện, vì thấy tất cả những hình ảnh trong cuộc triển lãm của Ngải Vị Vị tuy rất phong phú, cụ thể, là một công trình sưu tầm và thể hiện tạo ra những tác động sâu sắc vào lòng người... nhưng vẫn chưa thể bằng được những gì do tập thơ Hoa Địa Ngục của Nguyễn Chí Thiện diễn tả, tác động sâu xa vào lòng chúng tôi mỗi khi đọc?

Cũng theo Wikipedia, thi sĩ Nguyễn Chí Thiện sinh tại Hà Nội năm 1939, năm 1960 do dạy một bài sử học không theo quan điểm của chế độ, nên bị bắt vì tội 'phản tuyên truyền'.

-Năm 1964 được thả, nhưng năm 1966 bị bắt lại và giam tới năm 1977 vì làm thơ đả phá chế độ.

-Năm 1979 ông can đảm chạy vào sứ quán Anh tại Hà Nội, nhờ chuyển tập thơ Hoa Địa Ngục ra hải ngoại phổ biến, lại bị bắt giữ tù đầy trong các trại khổ sai nơi rừng sâu nước độc rất khắc nghiệt cho đến năm 1991.

-Năm 1994 ông được tổ chức HRW tặng giải thưởng Hellman/Hammett.

-Năm 1995 ông được qua Mỹ, nhờ sự vận động của Đại tá Không quân Mỹ Noboru Masuoka.

-Năm 2012, ông qua đời tại Santa Ana, quận Cam, Caili, Hoa Kỳ, để lại nhiều tiếc thương không chỉ cho Người Việt hải ngoại, mà còn cho cả văn đàn chống cộng quốc tế.

Tác phẩm Hoa Địa Ngục của Nguyễn Chí Thiện được coi như một tập thơ với những hồi ức về cuộc sống tù ngục của tác giả dưới chế độ Cộng sản tại Miền Bắc Việt Nam; nội dung bao hàm được cả 3 yếu tố Nhân + Trí = Hùng.

Khi gửi tập thơ vào Sứ quán Anh ở Hà Nội, Nguyễn Chí Thiện có kèm theo lá thư với lời lẽ:

'Nhân danh hàng triệu nạn nhân vô tội của chế độ độc tài dã ngã gục hay còn đang phải chịu đựng một cái chết dần mòn và đau đớn trong gông cùm cộng sản, tôi xin ông vui lòng cho phổ biến những bài thơ này trên mảnh đất tự do của quý quốc. Đó là kết quả 20 năm làm việc của tôi, phần lớn được sáng tác trong những năm tôi bị giam cầm'.

Tập thơ được in phổ biến lần đầu tiên năm 1980 do Ủy ban Tranh đấu cho Tù nhân Chính trị Việt Nam, phát hành tại Washington DC mang tựa 'Tiếng vọng

từ đáy ngục' và tác giả là 'Ngục Sĩ'. Bản dịch tiếng Anh mang tựa 'Cry from the Abyss'.

Tựa đề 'Hoa Địa Ngục' xuất hiện năm 1984, khi Yale Center for International & Area Studies in bản tiếng Anh mang tựa 'Flower from Hell' do Huỳnh Sanh Thông dịch.

Năm 1985 tập thơ này được trao giải Thơ Quốc tế 'Rotterdam International Poetry Prize'.

Năm 1988 Nguyễn Chí Thiện nhận giải 'Freedom to Write'.

Tập thơ Hoa Địa Ngục của Nguyễn Chí Thiện được dịch ra nhiều thứ tiếng, như Đức, Hòa Lan, Đại Hàn, Trung Hoa, Pháp, Tây Ban Nha, Serbia...

Tên Nguyễn Chí Thiện được ghi nhận trong sách 'Who's in Twentieth century World Poetry' do Mark Willhard chủ biên, nhà xuất bản London & New York, Routledge 2000.

Nội dung thơ Nguyễn Chí Thiện thể hiện những cảm nghĩ bi tráng của một kẻ sĩ thức thời trước những cảnh bi đát của Quốc gia & dân tộc, do bạo quyền Việt Cộng gây ra.

Những lời thơ bi phẫn trong hoàn cảnh sống bi thảm của thi sĩ, đã thể hiện được những hình ảnh vô cùng khủng khiếp của người dân Việt dưới ách thống trị cực kỳ hung tàn của Việt Cộng.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khốn cùng, thơ Nguyễn Chí Thiện mang mang những ý tình sắt thép bất khuất kiên cường theo truyền thống Nhân + Trí = Hùng của dân tộc Việt:

****Lòng Nhân:**

Thơ Nguyễn Chí Hiện cho thấy ông có cái nhìn xót thương trước bao cảnh tù tội đọa đày của đồng bào, thể hiện sự bất bình, nên can đảm dùng thơ tố cáo tội ác của nhà cầm quyền Việt cộng:

-Bài 'Đừng sợ'

'...

'Chỉ xót cho lớp nhỏ hiện hình

'Của đói khổ, tù đầy, nhem nhuốc

'Phải cứu chúng, phải tìm ra phương thuốc

'Dù là thuốc nổ!

(1975)

****Trí Sáng:**

Tuy là một người học thức bình thường, chỉ học hết bậc trung học, nhưng ông có trí sáng suốt của bậc thức giả khi thực hiện ý chí dùng sức mạnh của thơ văn, của ý thức, tuy không giết chết ngay địch thủ, nhưng vẫn có thể khiến bọn lãnh đạo hàng đầu hoảng sợ; khi vạch trần bộ mặt thật gian ác của chúng

trước công luận, sẽ gây tiếng vang lớn thức tỉnh lòng người, muôn đời nguyên rủa chúng, lưu truyền mãi mãi cho mai hậu:

-Bài 'Thế lực Đỏ'

'Thế lực Đỏ phải đồng tâm đập tắt
'Để nó hoành hành, họa lớn sẽ lan nhanh
'Nhưng không thể dùng bom A, bom H
'Phá nát địa cầu vì một lũ gian manh
'Nên phải viết, phải muôn ngàn kẻ viết
'Những tội tày đình được búng bút tinh vi
'Nếu nhân loại mọi người đều biết
'Cộng sản là gì, tự nó sẽ tan đi
'Thử sinh thành tử đấu trĩ ngu si
'Sự hiểu biết sẽ là mồi hủy diệt.
(1973)

****Tính Hùng:**

Mặc dù bị tù đày gian khổ nơi tầng đáy địa ngục liên tiếp nhiều năm, nhưng bằng hùng tâm & dũng khí, ông vẫn tiếp tục làm trách nhiệm của kẻ sĩ thời đại, khi tận dụng khả năng làm thơ của mình để viết nên những trang thơ vạch trần tội ác của bọn lãnh tụ hàng đầu Cộng sản, lên án những hành vi gian hiểm của chế độ:

'...Nghề văn sĩ giống y nghề võ sĩ
'Muốn nên tài cần phải chịu đòn đau
'Những cú vào tim, những cú nhiệm màu
'Giúp cho nó đập ra tình ý.
(1971)

Đặc điểm của thơ Nguyễn Chí Thiện là hình thức câu thơ không câu nệ, lời thơ dung dị, nhưng vẫn có những âm điệu kỳ diệu của thơ, đã diễn tả thành công một cách trung thực Người và Việc, thuyết phục không cần sự giảng giải, mà vẫn khiến người đọc thấy rõ những sự tàn ác khủng bố ghê khiếp với chính đồng bào của bọn Việt Cộng mặt người dạ thú.

****Sự giả dối gian ác của bọn lãnh tụ Việt Cộng:**

-Bài Đồng Lầy:

'...

'Hang Pắc Bó hóa thành hang ác thú
'Bác Hồ già hóa dạng bác Hồ Ly
'Đôi dép lốp nặng bằng trăm đôi dép sắt
'Bộ kaki vàng, vàng như mặt dân đen

'Quý quái, dê hèn, lừa đảo
'Gia tài tra khảo, cướp trôn tay
'Từ buổi quý vung hỗn hỏ mặt mày
'Đứng trước Đảng Kỳ trịnh trọng
'Đọc lời khai mạc thuở hoang sơ
'Tụ tập đảng viên đại hội dưới cờ
'Nguyện đem cuộc đời hỏi thử
'Đạp bằng, phá vỡ
'Ngàn năm văn hiến ông cha
'Aỏ vọng dựng lên một thứ sơn hà
'Mê muội, nặng nề không hề nghiêng ngả...

-Bài 'Không có gì quý hơn độc lập tự do'
'Không có gì quý hơn độc lập tự do
'Tôi biết nó, thằng nói câu nói đó
'Tôi biết nó, đồng bào miền Bắc này biết nó

'Việc nó làm, tội nó phạm ra sao
'Nó đầu tiên đem râu nó bện vào
'Hình xác lão Mao lông lá
'Bàn tay Nga đầy băng tuyết giá
'Cũng nhòai qua lục địa Trung Hoa
'Không phải xoa đầu, mà nắm nó tử xa
'Nó đứng không yên, tất bật, diên đầu
'Lúc rụi vào Tàu, lúc rúc vào Nga
'Nó gọi Tàu Nga là cha anh nó
'Và tình nguyện làm con chó nhỏ
'Xông xáo giữ nhà gác ngõ cho cha anh
'Nó tận thu tử quả trứng quả chanh
'Học lối hung tàn của cha anh nó
'Cuộc chiến tranh chết vội hết thanh niên
'Đuởng diễn ra ghê gớm đó
'Cũng là do Nga dật, Tàu co
'Tiếp nhiên liệu gầy mồi cho nó
'Súng, Tảng, Tên lửa, Tàu bay
'Nếu không, nó đánh bằng tay?
'Ồi đó, tử độc lập không có gì quý hơn của nó!
'Tôi biết rõ, đồng bào miền Bắc này biết rõ
'Việc nó làm, tội nó phạm ra sao
'Nó là tên trùm đao phủ năm nào
'Mọi cải cách đã đem tù, đem bắn
'Độ nửa triệu dân, rồi bảo là nhầm lẫn!

*'Đường nó đi trùng điệp bất nhân...
(1968)*

*-Bài 'Bác Hồ rồi lại':
'Bác Hồ rồi lại bác Tôn
'Cả hai đều thích ôm hôn nhi đồng
'Nước da hai bác màu hồng
'Nước da các cháu nhi đồng màu xanh
'Giữa hai cái mặt bành bành
'Những khăn quàng đỏ bay quanh cổ cò.*

*-Bài 'Bác Hồ tới thăm'
'Bác Hồ tới thăm thiếu nhi
'Bác cười bác hỏi chi li ngọn ngành
'Việc ăn ở, việc học hành
'Lao động bác dặn chấp hành tốt, nhanh
'Kẹo bánh bác hứa để giành
'Chủ nghĩa xã hội hoàn thành sẽ cho!
'Thiếu nhi khăn đỏ cổ cò
'Vỗ tay xuong chúc bác Hồ sống lâu...
(1967)*

*-Bài 'Lãnh tụ'
'Lãnh tụ béo nục
'Dân đen gầy rục
'Lao động hùng hục
'Đói ăn khắc phục
'Kêu ca tống ngục!
'Cộng sản đánh gục
'Đời mới hết nục.
(1962)*

**** Sự tham tàn độc ác của Việt Cộng:**

*-Bài Đồng Lầy
'...
'Nhưng rồi một sớm đầu thu mùa thu trở lại
'Tuổi hai mươi mắt nhìn đời trẻ dại
'Ngõ cò sao rục rĩ
'Tô thắm màu xú sỏ yêu thương
'Có ngờ đâu giáo giở đã lên đường
'Hung bạo phá bỏ kim cổ
'Tiếng mõ giường rung đỏ chuyển non sông*

'Mặt trời sự sống
'Thổ ra từng vũng máu hồng
'Ồi tiếc thưởng bao mùa lúa vun trồng
'Một mùa thu nước lũ
'Trở thành bùn nước mênh mông
'Lộp lộp sóng hồng man dại
'Chìm trôi quá khứ tưởng lai...

-Bài 'Chuyên chính vội may'
'Chuyên chính vội may nhiều áo sọc
'Đem khoác bừa lên tổ quốc mình
'Rừng rú trại tù san sát mọc
'Tiếng mừng năm mới, tiếng yêu tinh!
'Ồi cái mùa xuân gieo khiếp kinh
'Vào trong tim óc, phá gia đình
'Ngục tù dựng gập không vỏ xuế
'Vạn ức mừng, mè, thái, thổ, kinh!
(1962)

-Bài 'Là quỷ'
'Là quỷ? Là ma? Là thú dữ?
'Gian manh, tàn ác, đê hèn
'Lũ cuối đầu, bóp cổ dân đen
'Để gọi chúng, tiếng người không đủ chữ!
'Và cũng khó tìm trong ngôn ngữ
'Chữ gì diễn đạt nguyên si
'Kiếp sống lầm than, đầy ải, đen sì
'Ngoài cái chết, không còn đâu lối thoát!
(1969)

-Bài 'Đảng'
'Đảng diu dặt thiếu nhi thành trộm cướp
'Giải phóng dân bà thành đĩ, thành trâu
'Giúp người già bằng bắt bỏ rế dâu
'Và cải tiến dân sinh thành xác mướp
'Đảng thực chất chỉ là Đảng cướp
'Dựng triều đình mông muội giữa văn minh
'Sống tạm thời nhờ thủ đoạn yêu tinh
'Nhờ súng đạn Tàu Nga, bắt bỏ
'Đảng tắt thở cuộc đời mỗi thở
'Đảng còn kia bát phở hóa thành mỡ!
(1973)

-Bài 'Tù buổi đảng về'
'Tù buổi Đảng về họ mạc tối thăm
'Do thông cảm chỉ ngồi chơi chốc lát
'Miếng thịt miếng thà bỏ rơi đĩa bát
'Trẻ già khao khát tháng năm!
'Con chó, con mèo mất tích mất tăm
'Vi đâu nông nổi?
'Chiếc kéo Đảng dùng cắt tem phân phối
'Gạo ngô từng lạng từng cân
'Đã cắt nhỏ tình thân cốt nhục
'Manh áo niêu cơm, cuộc đời rữa mục
'Vợ chẳng cậy chồng, con chẳng cậy cha
'Mẹ hiền đành ôm bụng tống thai ra
'Giỗ tết nói chi chuyện người trong má!
'Chao ôi, buồn tất cả
'Mất cả rồi những bản tình ca
'Những điệu ru triu mến thiết tha
'Gắn bó với ta từ hồi ẵm bú
'Trẻ con đói chột còi lam lũ
'Còn đâu bi, đáo, khăng, cù?
'Tiếng sáo diều vởi vợ chiều thu
'Chỉ còn là âm hưởng vi vu của thời xa cũ
'Luyến tiếc, than van đi tù lượt lữ
'Thiếu chi rừng rú hoang vu
'Để đất vàng sao cùng ánh sáng mùa thu
'Dựng những trại tù làm trụ!

'Ôi tử buổi Đảng về làm chủ
'Khổ nhục chất chồng không thể đo cân!
'Cụ Mác ỏi, miả mai và quá đủ!
'Con chuột mà có dịp tháo thân
'Cũng ba cẳng bốn chân
'Chạy khỏi cái thiên đường của cụ!
(1967)

-Bài 'Trên mảnh đất'
'Trên mảnh đất Đảng gieo mầm tội lỗi
'Trong lành cũng phải tanh hôi
'Trẻ con chưa nứt mắt đã tù rồi
'Bạo lực đi về rất vội!
'Chết trận, chết tù, hồi ôi xã hội!
'Biết bao là vợ góa, con cô!

'Bán tròn rồi lại bán cả mồ hôi
'Mà đói rét vẫn quần cho sớm tối
'Mảnh đất chờ trông và sám hối
'Thức giả tiêu sầu chai nước lã đun sôi.
(1964)

-Bài 'Miếng thị lợn'
'Miếng thịt lợn, chao ôi là vĩ đại!
'Miếng thịt bò lại vĩ đại bằng hai!
'Chanh, chuối, cam, đuông, lạc. đỗ, gạo, khoai
'Tất cả những gì người có thể nhai
'Đảng mó đến tự nhiên thành vĩ đại
'Chuyện có thực mà tưởng như thần thoại
'Mà tưởng như ác mộng bi ai!
(1974)

****Bản thân đấu tranh:**

-Bài 'Tù tư tưởng'
'Tù tư tưởng bước sang hành động
'Phải có cầu ngôn ngữ giao thông
'Trên giòng sông chuyên chính mênh mông
'Đừng nghĩ chuyện xây cầu bắc cống!
'Song ngôn ngữ ngày đêm vẫn sống
'Âm thầm đưa tư tưởng sang sông
'Qua muôn trùng hệ thống xiềng gông
'Đang ra sức dựng thay cầu cống
'Thoát khỏi đầu là tư tưởng sống
'Sẽ có ngày tạo những kỳ công!
(1971)

-Bài 'Thơ của tôi'
'Thơ của tôi không phải là thơ
'Mà là tiếng cuộc đời nức nở
'Tiếng của nhà giam ngòm đen khép mở
'Tiếng khò khè hai lá phổi hang số
'Tiếng đất vùi đổ xuống lấp niềm mơ
'Tiếng khai quật cuộc đào lên nổi nhỏ
'Tiếng răng lạnh đập vào nhau khổ số
'Tiếng dạ dày đói lả bóp bâng quở
'Tiếng tim buồn thoi thóp đập bỏ vớ
'Tiếng bất lực trước muôn ngàn xụp lỏ
'Toàn tiếng của cuộc đời sống dở

*'Và chết thời cũng dỏ, phải đâu thỏ!
(1970)*

*-Bài 'Đảng đầy tôi'
'Đảng đầy tôi trong rừng
'Mong tôi xác bôn từng gốc sắn
'Tôi hóa thành người săn bắn
'Và trở ra đầy ngọc rắn, sừng tê
'Đảng chìm tôi xuống bể
'Mong tôi đáy nước chìm sâu
'Tôi hóa thành người thợ lặn
'Và nổi lên ngời sáng ngọc châu
'Đảng vùi tôi trong đất nâu
'Mong tôi hóa bùn đen dưới đó
'Tôi hóa thành người thợ mỏ
'Và đào lên quặng quý từng kho
'Không phải quặng kim cương hay quặng vàng
'Chế ra nữ trang xinh nhỏ
'Mà quặng uranium chế bom nguyên tử.
(1972)*

*-Bài 'Tôi im lặng'
'Tôi im lặng khi kẻ thù hành hạ
'Sắt thép đưa vào, đau đớn hôn mê
'Câu chuyện anh hùng để trẻ con nghe
'Tôi im lặng chỉ vì tôi tự nhủ
'Có ai đi rừng gặp loài dã thú
'Lại mở mồm kêu chúng thưởng tha?
(1974)*

****Vũng niềm tin của bậc anh hùng:**

*-Bài 'Cuộc chiến đấu này'
'Cuộc chiến đấu này chưa phân thắng phụ
'Ta vẫn còn đây và sắt thép còn kia
'Chết chóc thềm căm, cốt nhục chia lìa
'Ta vẫn sống và không hề lẫn lú
'Ta muốn nói với loài dã thú
'Khúc hát khải hoàn ta sẽ hát thiên thu.
(1975)*

*-Bài 'Trong bóng đêm'
'Trong bóng đêm dè nghệt*

'Phục sẵn một mặt trời
'Trong đau khổ không lời
'Phục sẵn toàn sấm sét
'Trong lớp người đói rét
'Phục sẵn những đoàn quân
'Khi vận nước xoay vần
'Tất cả thành nguyên tử.
(1976)

Nhận định

Triết gia Mỹ Henry D. Thoreau (1817 - 1862) chủ trương bảo vệ và đề cao quyền làm cách mạng chống lại những nhà cầm quyền xấu, nhận định:
'Dưới một chế độ giam cầm bất kỳ ai, vị trí đích thực cho một hiền nhân là nhà tù!'

Từ Henry D. Thoreau, chúng ta hiểu do đâu Nguyễn Chí Thiện chấp nhận tù đầy gian khổ để giữ vững lập trường đấu tranh của mình trong gian nguy, thể hiện một cách mãnh liệt ý chí đấu tranh bao hàm 3 yếu tố Nhân - Trí - Hùng của bậc hiền nhân.

Nhờ những người như Nguyễn Chí Thiện, Ngải Vị Vị... mà nhân loại biết rõ hơn về sự bạo tàn vô luân của chế độ Cộng sản, hầu kịp thời có các tư tưởng & hành động ngăn chặn, đối phó hữu hiệu.

Tập thơ Hoa Địa Ngục của Nguyễn Chí Thiện là một bản án hài tội bọn Việt Cộng trung thực và đầy đủ nhất, giúp hậu thế nhận diện một chế độ bạo tàn, không còn bị chúng lừa gạt?

VVTKLBH

Nhân - Trí - Hùng

Văn học Đối Kháng Miền Bắc (1945 - 2015)

*Thiền nghĩ trong các vấn đề Quân sự, Chính trị mỗi cần đặt vấn đề dịch và ta, xét hậu quả 'thắng lợi' hay 'thắng hại' đối với mẫu số chung **Quốc Gia** đương thời.*

*Trong các vấn đề Văn học, cần đặt vấn đề 'đúng' - 'sai' từ đó nhận định sự 'tốt' - 'xấu' dựa trên mẫu số chung **Dân Tộc** lâu dài.*

Do vậy mà 3 yếu tố Nhân - Trí - Hùng luôn là nền tảng để xem xét & đánh giá các giá trị về mọi phương diện khác nhau, từ Chính trị, Quân sự đến Văn học Nghệ thuật?

Nói đây không đề cập tới văn học Miền Bắc dưới chế độ Cộng sản, do đó chỉ là những ngôn từ tung hô hèn hạ của những kẻ hèn yếu trước bạo quyền, không đáng gọi là văn học. Loại văn học này sau đó đã bị chính không ít các tác giả hàng đầu của chúng hổ thẹn phủ nhận:

'Sau này anh đọc thơ tôi thì nên nhớ

'Có phải tôi viết đâu!

'Một nửa

'Cái cần đưa vào thơ, tôi đã giết rồi...

(Bài 'Trữ đi' của Chế Lan Viên)

Triết gia Morris R. Cohen (1880 - 1947) sinh ra ở Nga, năm 12 tuổi theo cha mẹ di cư sang Mỹ, trở thành một nhà luận lý học và toán học xuất chúng. Khi còn là một thanh niên, ông bị lôi cuốn theo Chủ nghĩa Xã hội của Karl Marx, nhưng do được sống trong một quốc gia tự do, ông đặt niềm tin vào chế độ dân chủ, để từ đó nhận ra những đường lối khác với Karl Marx vẫn có thể phục vụ xã hội, qua những hành động phù hợp với lương tâm xã hội hơn của ông.

Rất đáng tiếc là một số văn nhân & nghệ sĩ tại Việt Nam đã kém may mắn hơn triết gia Morris R. Cohen, khi phải sống dưới chế độ Cộng sản chuyên quyền, phải đấu tranh giành tự do dân chủ trong hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt. Nhưng cũng chính vì vậy, người ta mới thấy các tư tưởng và hành động thể hiện chí khí Nhân - Trí - Hùng của truyền thống Tiên Rồng Việt Nam nơi họ.

Sống dưới chế độ Cộng sản khát máu bạo tàn, Văn học Miền Bắc Hậu bán Thế kỷ XX sang đến đầu Thế kỷ XXI, mặc dù chịu nhiều sự trấn áp khủng bố vô cùng gian ác, từ cô lập tù đày đến dùng bạo đầu gấu đánh đập vây hãm ngay trong cuộc sống đời thường... một số không ít văn nhân & nghệ sĩ Miền Bắc vẫn thể hiện được dũng khí Nhân - Trí - Hùng của mình bằng nhiều cách khác nhau, khiến bọn bạo quyền Việt Cộng luôn cảm thấy bất an lo sợ, phải thành lập những cơ cấu riêng chuyên theo dõi, đàn áp.

Phải từng sống một số năm dưới chế độ Cộng sản, hiểu thế nào là nhà tù nhỏ, nhà tù lớn, chứng kiến tận mắt những biện pháp đấu tố, trấn áp, kim kẹp, cô lập, khủng bố từ cá nhân, gia đình, đến tập thể vô cùng gian ác... mới có thể cảm nhận được sự dũng cảm khi thể hiện hùng khí Nhân - Trí - Hùng của giới

văn nhân & nghệ sĩ tại Việt Nam dưới chế độ Cộng sản, qua 3 đợt quật khởi hào hùng:

I/ Đợt 1: Phong trào Nhân Văn & Giai Phẩm 1956:

Văn nhân & nghệ sĩ miền Bắc Việt Nam đã nổi dậy chống lại chế độ Cộng sản từ đầu năm 1956.

Nguyên do từ năm 1945, hầu hết văn nhân & nghệ sĩ này đã chân thành hợp tác với Việt Minh như một thể lực có thể tập trung sức mạnh dân tộc để chống Pháp, giành độc lập.

Nhưng ngay năm 1954 sau khi chiếm được Miền Bắc theo Hiệp định Genève phân đôi đất nước, Việt Minh đã bộc lộ bộ mặt thật Việt Cộng nô lệ Cộng sản Quốc tế Liên Xô & Trung Cộng, tổ chức những buổi học tập tẩy não, trấn áp thô bạo những ai không theo chúng... thì giới văn nhân & nghệ sĩ cả trong và ngoài Đảng đã can đảm đứng lên chống lại.

Điều thuận lợi là ngay buổi đầu, bọn văn nhân & nghệ sĩ cuồng tín theo Việt Cộng đã sớm bộc lộ những yếu điểm như ca tụng chế độ và lãnh tụ một cách quá thô thiển, hèn hạ, khiến ai có chút lương tri đều phải giật mình ghê tởm:

Tên trùm Tố Hữu làm thơ đề cao Đảng bằng những lời lẽ của bọn côn đồ khát máu:

*'Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ
'Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong
'Cho Đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng
'Thờ Mao Chủ tịch, thờ Sít Ta Lin bất diệt.*

Xuân Diệu ca ngợi lãnh tụ bằng luận điệu tô tở hèn hạ:

*'Mỗi lần tranh đấu gay go
'Chúng con lại được Bác Hồ tới thăm
'Nghe lời Bác dạy khuyên răn
'Chúng con ước muốn theo chân của người...
'Chúng con thề nguyện một lời:
"Quyết tâm thành khẩn... lột người tử đây.*

Xuân Diệu từng một thời là tác giả của những bài thơ lãnh mạn đầy tình người, nay theo Cộng sản trở nên khát máu hung tàn như loài thú dữ:

*'Anh em ơi! quyết chung lưng
'Đấu tranh tiêu diệt tàn hung tử thù
'Đja hào, đối lập ra tro
'Lũng chùng phản động đến giò tan xương
'Thấp đuốc cho sáng khắp đường
'Thấp đuốc cho sáng đình làng đêm nay
'Lôi cổ bọn nó ra đây*

'Bắt quỳ gục xuống, đọa đày chết thối...'

Những sự kiện hung tàn trên, được giới văn nhân & nghệ sĩ cả trong và ngoài Đảng có chút lương tri đều ngán ngấm chán chường:

-Phan Khôi trong bài 'Phê bình lãnh đạo Văn nghệ' so sánh Cộng sản với Phong kiến, đi tới kết luận "*Cộng sản còn tàn bạo và quan liêu hơn Phong kiến gấp nhiều lần!*"

-Trần Dần trong bài 'Những người khổng lồ' ví bọn Cộng sản như một lũ người "không tim"!

-Thế Lữ không thể làm thơ, cho rằng bao giờ bản thân "chính" được tâm hồn, cảm thông được với quần chúng cần lao, bấy giờ sẽ làm thơ!

Từ tháng 8-1956 quần chúng văn nhân & nghệ sĩ đối kháng miền Bắc phát triển mạnh mẽ vì được ủng hộ của đại đa số các thành phần trong xã hội qua việc tiêu thụ các tác phẩm.

-Nhận thấy tờ Giai Phẩm chỉ là một tạp chí văn học, nên nhóm chủ trương gồm Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy ra tờ Nhân Văn vào ngày 15-9-1956 để đấu tranh chính trị với các sai trái của Đảng.

-Giới sinh viên đại học ra tờ Đất Mới chống những luận điệu tuyên truyền không đúng của Đảng.

-Nguyễn Bính ra tờ Trăm Hoa đăng tải nhiều thơ văn chống Đảng mạnh mẽ, khiến sau này Nguyễn Bính bị Đảng cô lập, bỏ đói, phải đâm đầu xuống giếng chết ngày Tết!

-Tờ Thời Mới bấy nay vẫn ngoan ngoãn đối với Đảng, cũng tham gia chống Đảng.

-Báo Cứu Quốc của Mặt trận Tổ Quốc cũng nêu ra nhiều điều tệ hại của Đảng trong mục Cuốn Sổ Tay.

-Báo Nhân Dân là cơ quan chính thức của Đảng cũng tiết lộ nhiều sai lầm của Đảng.

-Báo Học Tập là cơ quan nghiên cứu lý thuyết của Đảng nêu nhiều vụ hà lạm của cán bộ đảng viên.

...

Nói chung suốt trong 3 tháng nhân việc 'Sửa Sai' của Đảng, các cơ quan ngôn luận đều đồng loạt phê phán các sai lầm tràn lan phổ biến của Đảng trong suốt thời gian qua.

Thấy tình hình trở nên nghiêm trọng, Đảng bắt Hồ Viết Thắng làm con tốt thí đứng ra đọc bản tự kiểm thảo về những sai lầm trong Cải cách Ruộng Đất, Võ Nguyên Giáp phải thay mặt Đảng công nhận các khuyết điểm, Tố Hữu phải lánh qua Bắc Kinh, bọn bồi bút Hoài Thanh, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư không dám hé răng... Hồ Chí Minh giả tảng như không biết?!

Để đối phó, Đảng phải áp dụng chiến thuật 'khủng bố ngầm' bằng cách không bán giấy in báo cho các báo chống đối, đe dọa những người phát hành báo, vận động thợ in không in báo, cho cán bộ đi từng nhà yêu cầu không mua & đọc các báo bị Đảng coi là phản động...

Sau khi đánh phá ngầm không được, Đảng công khai tố cáo các văn nhân & nghệ sĩ chống đối là tay sai cho Đế quốc, bắt tất cả phải đi học tập tẩy não trong 3 tuần lễ.

Ngay sau đó, Đảng bắt những kẻ yếu bóng vía, hoảng sợ, phải viết những bài công kích các thân hữu của mình: Nhạc sĩ Đỗ Nhuận lên án Văn Cao, Đặng Đình Hưng - Kịch tác gia Bửu Tiến đả kích Lê Đạt, Sỹ Ngọc - Nhà phê bình Như Phong (em Hoài Thanh) kết tội Hoàng Cầm, Trần Dần, Tô Hoài - Nguyễn Công Hoan phê phán Phan Khôi - Các sinh viên phải đấu tố thầy dạy của mình là Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu...

Ngày 15-12-1956, đích thân Hồ Chí Minh phải ký sắc lệnh tước quyền tự do ngôn luận của báo chí, bắt phải phục vụ chế độ Cộng sản dưới chiêu bài gian trá 'Chính thể Dân chủ Cộng hòa'. Hơn 60 văn nhân & nghệ sĩ bị xử trí oan sai trong vụ án Nhân Văn & Giai phẩm.

Thời kỳ này đã để lại một số thơ văn đối kháng chế độ Cộng sản tại Bắc Việt, hình thành một trào lưu văn học hiện thực phê phán có giá trị cả về văn chương lẫn lịch sử, xã hội... phản ánh một thời kỳ đấu tranh Chống Cộng đầu tiên rất hào hùng, kết thúc rất bi hùng qua những cuộc trấn áp ác liệt, thô bạo, tàn nhẫn, vô luân...

Học giả Hoàng Văn Chí trong phần 'Lời tựa của tác giả' mở đầu sách "Từ Thực dân đến Cộng sản" cay đắng nhận định:

'Lãnh tụ Cộng sản Bắc Việt đã áp dụng để biến cuộc chiến đấu ái quốc dành độc lập thành một công cuộc thiết lập chế độ vô sản chuyên chính. Đây là một chiến thuật rất tinh vi, lợi dụng tâm lý quần chúng đến triệt để!'

II/ Đợt 2: Phong trào Đối Mới 1989:

Sự sụp đổ của chế độ Cộng sản tại Nga, sự gầy vụn của các nước Cộng sản Đông Âu, khiến bọn lãnh đạo Việt Cộng họp Đại hội VI vào tháng 12-1986, từ bỏ luận điệu huyền hoang vô lối, nhận định trong 'Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam' - ấn bản Hà Nội 2008:

'Hơn 10 năm qua, chúng ta đã mắc nhiều sai lầm, khuyết điểm trong bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư...

(trích sđd trang 370)

"Trên lãnh vực tư tưởng đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận, chậm tổng kết kinh nghiệm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

(trích sđd trang 377)

Và Việt Cộng đành phải 'cởi trói' cho giới văn nhân & nghệ sĩ, để họ được phát biểu & diễn đạt 'cởi mở' đôi chút mà không bị trừng phạt.

Nguyễn Văn Linh từng bị loại ra khỏi Bộ Chính trị hồi tháng 12-1981 do tư tưởng cấp tiến, tháng 12-1986 được bầu làm Tổng Bí thư để thực hiện kế hoạch 'đổi mới' lần này.

Lập tức xuất hiện một số tác phẩm có nội dung phơi bày những sự tệ hại của chế độ Xã hội Chủ nghĩa như 'Thiên đường mù' của Dương Thu Hương, 'Tướng về hưu' của Nguyễn Huy Thiệp, 'Ly thân' của Trần Mạnh Hào, tập thơ 'Chân dung' của Xuân Sách... tuy ít nhưng cũng đủ phơi bày bộ mặt thật xấu xa của chế độ.

Nhà phê bình văn học Phạm Thị Hoài dù mới chỉ 35 tuổi, đã có nhận xét:
'Truyền thống lớn nhất của văn học Việt Nam (dưới thời Cộng sản) là truyền thống bị công cụ hóa, tới mức nó không thể hình dung nổi một chức năng nào khác ngoài chức năng công cụ, và tinh thần thẩm mỹ thống trị nó là tinh thần phục vụ chứ không phải là tinh thần dẫn đường, lấy ý thức tận tụy nhiệt tình chứ không phải ý thức sáng tạo, phiêu lưu, là cảm khái và nhiệt huyết chứ không phải trí tuệ khách quan, là sự trịnh trọng cứng đờ, chứ không phải tiếng cười...'

Nhà văn Chế Lan Viên mất năm 1991 khi vừa tròn 70 tuổi, từng một thời làm thơ văn ca tụng Đảng, nay sau khi chết mới được vợ là nhà văn Vũ Thị Thường công bố bài thơ có những câu tự sự thực lòng:

*'Chúa cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
'Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
'Cầm lên nhấm nháp
'Chả là nếu anh tử chối
'Chúng sẽ bảo anh phá rối
'Đêm vui...
(Bài 'Bánh vẽ')*

Nhà văn lão thành Nguyễn Tuân từng nổi tiếng về sự ngang bướng, đến cuối đời cũng tự thú nhận: *'Tôi còn tồn tại như thế này, là vì tôi còn biết sợ!'*

II/ Đợt 3: Phong trào Đối Kháng Mới - Thế kỷ XXI

Bước sang Thế kỷ XXI, khi phương tiện thông tin internet trở nên phổ biến, phá tung bức tường lửa che chắn thay cho bức tường đỏ trước đây, đã giúp giới văn nhân & nghệ sĩ sống dưới các chế độ Cộng sản khắc nghiệt như

Trung Cộng, Việt Cộng có cơ hội biết các thông tin và những sự thật về nhiều phương diện, ý thức được quyền tự do của mình bị chà đạp thô bạo, nên đã tự phát đứng lên chống đối, hình thành một phong trào đấu tranh mới gồm những người già trẻ thuộc một tầng lớp mới, có những tư tưởng và hành động mới, khiến các bạo quyền Cộng sản dù trấn áp thô bạo cũng không thể dập tắt ngọn lửa đấu tranh của họ.

Họ là những Luật gia như Cù Huy Hà Vũ, Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân... Khoa học gia Hà Sĩ Phu... Bác sĩ Nguyễn Đan Quế... Hòa thượng Quảng Độ, Linh mục Nguyễn Văn Lý... các văn nhân học giả như Giáo sư Nguyễn Đông Chi, nữ sĩ Trần Khải Thanh Thủy, nhà văn Nguyễn Ngọc, nhà thơ Nguyễn Duy... Các cựu quân nhân cán bộ như Cựu thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, Nữ thiếu tá công an Tạ Phong Tần, cựu chiến binh Điều Cày Nguyễn Văn Hải... Nhạc sĩ Việt Khang... cùng rất nhiều Dân Oan.

Do những người này là những nhà đấu tranh độc lập tự phát, xuất hiện khắp nơi rất nhanh với lý luận chính đáng và hành động quyết liệt... nên chế độ không trở tay kịp, chỉ có thể đàn áp bắt giữ tù đầy khi họ đã xuất hiện khá đầy đủ với những hành trang đấu tranh đáng kể.

Các nhà đấu tranh trong nước qua 3 thời kỳ trên, đều là những người hội đủ 3 yếu tố Nhân - Trí - Hùng khi đấu tranh:

****Lòng Nhân:** Hầu hết các nhà đấu tranh trong nước thể hiện mối xót xa thương cảm cho đồng bào của họ, khi dân tộc bị trấn lột thô bạo, hình thành lớp Dân Oan vô cùng thống khổ bị trấn áp tước đoạt cả gia sản, nhà cửa, điền thổ.

****Trí Sáng:** Hầu hết các nhà đấu tranh đều nêu lên những mục tiêu chính đáng cụ thể, sáng suốt khi dẫn thân - như chỉ biểu tình ôn hòa chống Trung Cộng lấn chiếm hải đảo, chiếm dụng lãnh thổ dưới danh nghĩa thuê đất khai thác công nghiệp... khiến bạo quyền không thể tranh cãi, phải dùng bạo đầu gối vô lại vây bủa đánh đập, phải dùng bạo công an vu cáo bắt bớ giam giữ theo luật rừng do chúng đề ra - trái với luật pháp quốc tế mà chính bọn Việt Cộng đã ký kết tuân thủ.

****Tinh Hùng:** Tranh đấu cho chính nghĩa dưới một chế độ hung tàn bạo ngược nhất lịch sử nhân loại như Cộng sản, đòi hỏi không chỉ lòng dũng cảm, mà còn phải có chí khí anh hùng quên mình vì nước vì dân, sự hy sinh cao độ... khi không chỉ bản thân lãnh nhận đòn thù cô lập bao vây kinh tế của chế độ, mà toàn gia cũng phải trả giá qua những đòn ngăm như đuổi việc không cho kiếm kế sinh nhai...

Nhận định

Cuộc tranh đấu dũng cảm, kiên cường của các nhà đấu tranh trong nước lẽ ra sẽ tạo được nhiều hiệu ứng lớn, nhưng đáng tiếc ở hải ngoại đã bị những kẻ nếu không phải là nằm vùng thì còn tệ hơn cả nằm vùng, tìm mọi cách cản phá bằng những luận điệu bôi bẩn xuyên tạc thiển cận.

Đáng tiếc hơn là một số cơ quan truyền thông vô tình hay cố ý đăng tải những tài liệu đánh phá rẻ tiền?

Đáng tiếc nhất là quần chúng độc giả đã không có những phản ứng sáng suốt quyết liệt, vô hình chung đã dung túng cho những cơ quan truyền thông và bọn tệ hơn cả nằm vùng có cơ hội xuất đầu lộ diện, tồn tại.

Chỉ khi nào chúng ta có ý thức cao, hóa giải được các sai trái tai hại kể trên, kết hợp đấu tranh sâu rộng giữa trong và ngoài nước thành một khối sắt thép, mới mong chiến thắng bọn bạo quyền Việt Cộng rất xảo quyệt, cứu Quốc gia & Dân tộc & Xã hội & Gia đình thoát ách bạo tàn?

Kết Từ

Bước sang Thế kỷ XXI, suy ngẫm về tình hình đất nước Việt Nam lâm cảnh suy vong, khi dân tộc Việt Nam ly tán muôn ngả trong cuộc sống, chia rẽ nhiều bề trong đời sống tinh thần... rất khó hàn gắn nối kết để có thể đồng tâm chung sức quang phục quê hương?!

Muốn có một giải đáp, phương pháp hóa giải, chúng ta cần tìm hiểu cội nguồn nguyên do chính đã gây ra & tác hại?

Thoạt sinh ra ai cũng như tờ giấy trắng, sự giáo dục đầu tiên đã viết lên tờ giấy trắng đó những ý niệm ban đầu, ghi những dấu ấn về tâm lý, tình cảm, tư tưởng đầu đời:

-Giáo dục bậc Tiểu học chỉ giúp biết đọc, biết viết, biết tính toán, để có thể bước đầu am hiểu về cuộc sống.

-Giáo dục bậc Trung học giúp hiểu biết tổng quát về đời sống qua những môn học thiết yếu khác nhau. Đến lớp 12 cuối cấp, môn Triết học mới hướng dẫn các phương pháp luận để bước đầu có thể tư duy theo nhiều chiều hướng khác nhau, nhận định các vấn đề một cách khoa học.

-Giáo dục bậc Đại học đi vào chuyên môn, nên chỉ giúp đào tạo & phát triển kiến thức chuyên môn, giúp trở thành các chuyên gia cao cấp như bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, luật sư...

Nếu các thang bậc Giáo dục đào tạo kể trên mang tính khách quan, chỉ chú trọng giúp phát triển kiến thức sống và làm việc; thì song song với nó, các nền giáo dục của Tôn giáo, Chính trị lại rất chủ quan, khi nhồi sọ những quan niệm 'duy ngã độc tôn', biến con người thành những kẻ nô lệ theo các giáo điều khô cứng, trở thành nguy hiểm khi tự mãn coi mọi khác biệt là chống đối, phản bội, kẻ thù không đội trời chung?!

Triết gia Blaise Pascal (1623 - 1662) sớm nhận ra sự tai ác này, khi cho rằng: 'Tính tự mãn là chướng ngại vật nguy hiểm nhất trên con đường đi tới tri thức đích thực'!

Triết gia John Dewey (1859 - 1952) chủ trương việc giáo dục rất quan trọng, giúp con người ứng phó hữu hiệu với những tác động của tôn giáo, chính trị, xã hội, văn hóa; khi việc đào tạo chân chính khách quan đem lại những kiến thức sâu rộng có thể sáng suốt tự chủ trong tư tưởng và hành động.

Triết gia Johann G. Herder (1744 - 183) nêu rõ những ảnh hưởng của khí hậu, địa lý, tập quán nơi mỗi quốc gia đối với mỗi dân tộc, tác động mạnh mẽ quan trọng đến sự thay đổi, trưởng thành.

Đối với Herder, những dân ca làm tươi sáng trở lại và gia tăng tình cảm ái quốc; giúp phát huy tình yêu quá khứ lịch sử, là một sức mạnh văn hóa có thể đổi mới tâm lý.

Như vậy một nền giáo dục lý tưởng cần có những căn bản nào?

-Theo John Dewey (1859 - 1952) về nội dung thì việc đào tạo của giáo dục cần chú trọng đến sự cổ vũ cho óc sáng kiến và tinh thần trách nhiệm của học sinh, hết sức tránh việc đưa ra những thiên kiến. Do vậy mà giáo dục Âu Mỹ rất hạn chế dùng động từ 'to must', mà bình thường chỉ dùng 'to have to'...

-Theo William T. Harris (1835 - 1909) về hình thức thì việc đào tạo của giáo dục cần có những phương pháp trình bày các vấn đề một cách cụ thể, tác động mạnh vào thị giác, thính giác... như hình dung vấn đề bằng đồ thị, phim ảnh, âm nhạc... từ bỏ lối trong lớp thầy đọc - trò ghi...

-Theo Asher Ginzberg (1856 - 1927), quan điểm Đạo đức học là yếu tố quyết định cá tính quốc gia. Vì vậy, sự phát triển Đạo đức đặc thù của Quốc gia phải ưu tiên & đặt trước mọi hoạt động Tôn giáo, Chính trị... là hàng đầu trong Giáo dục Đào tạo.

Dân tộc Việt Nam rất may mắn nhờ từ khi lập quốc đã có được triết lý sống bao hàm cả Vũ trụ quan và Nhân sinh quan 'Nhân + Trí = Hùng'. Sở dĩ bấy nay Quốc gia & Dân tộc rơi vào thảm cảnh chia rẽ, vong bản... là do giới học thức thư lại chỉ được theo học quan niệm giáo dục nô lệ hóa con người, biến kẻ đi học theo Nho Giáo thành lũ 'bầy tôi' - theo Tây học thành lũ 'bồi tây', gọi nền văn học cổ truyền rất uyên bác của dân tộc là 'Văn học Bình dân'?!

Do vậy mà sách 'Văn học Việt Nam - Tân Khảo Luận' trình bày tư tưởng 'Nhân + Trí = Hùng' của truyền thống tư duy Tiên Rồng qua một số tác phẩm tiêu biểu, bấy nay vẫn bị giảng luận sai lầm khi không nêu đúng trọng tâm hữu ích trong việc giáo dục & đào tạo nơi các nhà trường, từ Tiểu học đến Trung học, Đại học văn khoa...

Rất mong những thiện kiến của chúng tôi sẽ được các nhà nghiên cứu giáo dục quan tâm phát triển tư duy đến chỗ hoàn hảo, đạt hữu ích, giúp Quốc gia hưng thịnh, Dân tộc phục hồi sức mạnh tinh thần truyền thống Tiên Rồng.

Melbourne 5-2016

Nguyễn Xuân Khoan & Nguyễn Xuân Hưởng